

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA 2024 - NGÀNH KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)*

1. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Kế toán
- + Tiếng Anh: Accounting
- Mã ngành đào tạo: 7340301
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chất lượng cao
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Kế toán
- + Tiếng Anh: Bachelor of Arts in Accounting
- Nơi đào tạo: Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc gia TP.HCM

2. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

a. Đối tượng tuyển sinh

Căn cứ theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Đại học Quốc gia TP.HCM và Đề án tuyển sinh của trường Đại học Quốc tế. Đối tượng tuyển sinh là thí sinh đã tham gia và hoàn thành kỳ thi Tốt nghiệp THPT.

b. Hình thức tuyển sinh

Trường Đại học Quốc tế thực hiện tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh Đại học ban hành hàng năm bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Đại học Quốc gia TP.HCM và Đề án tuyển sinh của trường Đại học Quốc tế.

c. Tổ hợp môn xét tuyển

d. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

3. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung:

Ngành Kế toán tại Trường Đại học Quốc Tế đào tạo ra các kế toán viên, kiểm toán viên đạt được 5 mục tiêu sau:

(i) Có nền tảng các kiến thức cơ bản vững chắc về kế toán và kiểm toán trong lĩnh vực kế toán nói chung (và các ngành kinh doanh liên quan như tài chính, quản trị kinh doanh) .

(ii) Có khả năng vận dụng sáng tạo đổi mới các kiến thức cơ bản trong ngành để giải quyết các vấn đề trong đa dạng lĩnh vực nghề nghiệp.

(iii) Hiểu rõ hơn các vấn đề về môi trường, xã hội, an ninh và kinh tế ảnh hưởng đến quyết định và đạo đức nghề nghiệp. Có phẩm chất chính trị tốt, sống và làm việc tuân theo pháp luật của nhà nước Việt Nam.

(iv) Có các kỹ năng mềm cần thiết. Có khả năng làm việc nhóm, khả năng lãnh đạo và kỹ năng quản lý. Có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh (ở mức thành thạo).

(v) Nhận thức và hiểu rõ tầm quan trọng của việc không ngừng học tập, trau dồi bản thân và khả năng học tập lâu dài.

Bảng 1. Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo với Tầm nhìn, sứ mạng và Mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục đại học.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT	Tầm nhìn	Sứ mạng (tô đậm những nội hàm mà mục tiêu thể hiện hoặc gắn kết)	Luật giáo dục (tô đậm những nội hàm mà mục tiêu thể hiện hoặc gắn kết)
Mô tả mục tiêu ở đây	Mô tả tầm nhìn của Trường hoặc của Khoa(nếu có) và tô đậm những nội hàm mà mục tiêu thể hiện hoặc gắn kết.	Mô tả sứ mạng của Trường hoặc của Khoa (nếu có) và tô đậm những nội hàm mà mục tiêu thể hiện hoặc gắn kết.	Mô tả nội dung của mục tiêu giáo dục có liên quan và tô đậm những nội hàm mà mục tiêu thể hiện hoặc gắn kết.

b. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives - POs)

Được xác định từ mục tiêu chung, và cụ thể thành các mục tiêu được phân theo các khối kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Vì từ các mục tiêu cụ thể trình bày ở đây sẽ xác định các chuẩn đầu ra (CĐR) tương ứng. (Tham khảo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam để xác định mục tiêu đầy đủ để từ đó có thể xác định CĐR tương ứng theo các yêu cầu).

Lưu ý: Mục tiêu là điều mà CTĐT mong muốn người học đạt được, CĐR sẽ là năng lực mà người học đạt được ngay khi tốt nghiệp.

Mục tiêu cụ thể của CTĐT được xác định từ mục tiêu chung, bao gồm 3 mục tiêu, trong đó có 2 mục tiêu về kiến thức, 2 mục tiêu về kỹ năng và 1 mục tiêu về tự chủ và trách nhiệm, được trình bày như sau:

Kiến thức:

PO1: Cử nhân Kế toán được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản kế toán và kiểm toán;

PO2: Có khả năng theo đuổi các bậc học sau đại học cũng như học lấy các chứng chỉ nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán (VACPA, ACCA, và CPA).

Kỹ năng:

PO3: Có kỹ năng nghiên cứu; kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo bao gồm phân tích, lập kế hoạch, tư vấn.

PO4: Có kỹ năng quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.

Tự chủ và trách nhiệm

PO5: Có khả năng tự học hoặc tham gia các khoá bồi dưỡng để nắm bắt các quy định mới liên quan đến pháp luật về kế toán và kiểm toán.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes – PLOs)

Cách tuyên bố mục tiêu theo hướng dẫn tại Điều 5, Chương II, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT). Thầy/Cô trình bày CĐR rõ ràng, đo được theo cấp độ tư duy và được sắp xếp theo các khối: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Stt	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	<i>Kiến thức và lập luận ngành</i>	
1.1	Năng lực kiến thức:	5.0

	- Khả năng hiểu và áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) để lập và phân tích các báo cáo tài chính, đặc biệt cho các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia. - Kiến thức lý thuyết và khả năng vận dụng trong lĩnh vực kế toán quản trị, giúp sinh viên lập, phân tích các báo cáo quản trị hỗ trợ doanh nghiệp ra các quyết định và kế hoạch ngắn và dài hạn. - Kiến thức vững vàng về thuế, và các chính sách thuế của Việt Nam và quốc tế, có khả năng đánh giá, ra quyết định liên quan về chính sách thuế và tuân thủ thuế của doanh nghiệp, cá nhân. - Kiến thức và khả năng vận dụng các quy trình kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) và chuẩn mực Kiểm toán quốc tế (ISA), - Hiểu và có khả năng đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống thông tin kế toán, quản trị cơ sở dữ liệu, tổ chức và quản lý dữ liệu kế toán của các doanh nghiệp, tập đoàn. - Kiến thức và kỹ năng liên quan đến các vấn đề kế toán quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa. (PLO1)	
2.	<i>Kỹ năng, thái độ cá nhân và nghề nghiệp</i>	
2.1	Kỹ năng phân tích: - Khả năng phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thuế, và báo cáo kiểm toán nhằm giúp doanh nghiệp ra các quyết định ngắn và dài hạn. - Khả năng suy luận phản biện, kiểm tra, đánh giá các vấn đề về rủi ro và sự đảm bảo, tin cậy của thông tin kế toán, từ đó đưa ra giải pháp phù hợp trong lĩnh vực kế toán kiểm toán (PLO3)	5.0
2.2	Kỹ năng nghiên cứu: - Khả năng nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Kế toán Kiểm toán. - Khả năng nghiên cứu luật, chuẩn mực, nghị định, thông tư khi được tiếp xúc với một vấn đề kế toán và đề ra phương án tối ưu cho doanh nghiệp (PLO4)	4.0
2.3	Kỹ năng tổ chức quản lý: - Kỹ năng tổ chức và quản lý trong hoạt động nghề nghiệp Kế toán Kiểm toán. (PLO5)	3.5
2.4	Kỹ năng xử lý thông tin: - Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong lĩnh vực Kế toán Kiểm toán (MS-Office hoặc phần mềm chuyên dụng). (PLO6)	4.0
2.5	Thái độ : Sinh viên tôn trọng nguyên tắc đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và quy định nghề nghiệp; nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc. (PLO9)	4.0

3.	<i>Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp</i>	
3.1	Kỹ năng làm việc nhóm: Sinh viên chứng tỏ được kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, tranh luận, trình bày ý tưởng. (PLO7).	4.0
3.2	Quan điểm chính trị: Sinh viên theo học ngành Kế toán tại trường Đại học Quốc tế - Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh có kiến thức căn bản về cấu trúc và nguyên tắc của đường lối chính trị của Đảng cộng sản Việt Nam và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. (PLO2).	3.5
4.	<i>Năng lực thực hành nghề nghiệp</i>	
4.1	Đạo đức nghề nghiệp: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Cụ thể là, phải thực hiện công việc kế toán, kiểm toán theo những kỹ thuật và chuẩn mực chuyên môn đã quy định trong chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, quy định của hiệp hội nghề nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành. Tuân thủ nội quy, kỷ luật của doanh nghiệp và pháp luật nhà nước. (PLO8).	5.0
4.2	Sinh viên có khả năng thu thập, xử lý thông tin, ứng dụng các phương pháp mới và quy định hiện hành trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, thuế tài chính của Việt Nam và quốc tế. Yêu thích và nỗ lực phát triển nghề nghiệp, tham gia hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp, phấn đấu thi đạt chứng chỉ nghề nghiệp có giá trị trong và ngoài nước như: VACPA (Việt Nam), CPA Australia, ACCA (UK), CIMA (UK), CMA (US), CFM (US). Tôn trọng sự khác biệt đa dạng trong môi trường đa văn hoá, chủ động và nỗ lực trong việc cải thiện môi trường làm việc theo hướng tích cực. (PLO10).	4.0

5. Ma trận giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

CĐR sẽ gắn kết với mục tiêu cụ thể đã được xác định ở Mục 3, theo Bảng 2.

Bảng 2. Mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT và mục tiêu đào tạo

	PLOs ⁽¹⁾	POs ⁽²⁾				
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
Kiến thức	PLO1	x	x			
Kỹ năng	PLO3			x		
	PLO4			x	x	x
	PLO5				x	
	PLO6	x		x	x	
	PLO7			x	x	
Tự chủ và trách nhiệm	PLO2				x	x
	PLO8	x			x	x
	PLO9		x			
	PLO10		x			

STT	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	CHUẨN ĐẦU RA									
		KIẾN THỨC LẬP LUẬN NGÀNH	KỸ NĂNG THÁI ĐỘ CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP					KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP		
		1.1 Năng lực kiến thức	2.1 Kỹ năng phân tích	2.2 Kỹ năng nghiên cứu	2.3 Kỹ năng tổ chức quản lý	2.4 Kỹ năng xử lý thông tin	2.5 Thái độ	3.1 Kỹ năng làm việc nhóm	3.2 Quan điểm chính trị	4.1 Đạo đức nghề nghiệp	4.2 Sinh viên có khả năng thu thập, xử lý thông tin, ứng dụng các phương pháp mới và quy định hiện hành trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, thuế tài chính của Việt Nam và quốc tế
1	Có nền tảng các kiến thức cơ bản vững chắc về kế toán và kiểm toán trong lĩnh vực kế toán nói chung	X									
2	Có khả năng vận dụng sáng tạo đổi mới các kiến thức cơ bản trong ngành để giải quyết các vấn đề trong đa dạng lĩnh vực nghề nghiệp		X	X		X					
3	Hiểu rõ hơn các vấn đề về môi trường, xã hội, an ninh và kinh tế ảnh hưởng đến quyết định và đạo đức nghề nghiệp. Có phẩm chất chính trị tốt, sống và làm việc tuân theo pháp luật của nhà nước Việt Nam				X		X		X	X	

[illegible]

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-ĐHQT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Quốc tế.

7. Thang điểm (theo thang điểm chính thức của trường)

Trường quy định thang điểm đánh giá kết quả học tập của người học (Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Quốc tế)

Bảng 3: Thang điểm

Xếp loại	Thang điểm 100	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt				
Xuất sắc	$90 \leq \text{ĐTBTL} \leq 100$	$9,0 \leq \text{ĐTBTL} \leq 10$	4,0	A ⁺
Giỏi	$80 \leq \text{ĐTBTL} < 90$	$8,0 \leq \text{ĐTBTL} < 9,0$	3,5	A
Khá	$70 \leq \text{ĐTBTL} < 80$	$7,0 \leq \text{ĐTBTL} < 8,0$	3,0	B ⁺
Trung bình khá	$60 \leq \text{ĐTBTL} < 70$	$6,0 \leq \text{ĐTBTL} < 7,0$	2,5	B
Trung bình	$50 \leq \text{ĐTBTL} < 60$	$5,0 \leq \text{ĐTBTL} < 6,0$	2,0	C
Không đạt				
Yếu	$40 \leq \text{ĐTBTL} < 50$	$4,0 \leq \text{ĐTBTL} < 5,0$	1,5	D ⁺
Kém	$30 \leq \text{ĐTBTL} < 40$	$3,0 \leq \text{ĐTBTL} < 4,0$	1,0	D
	$\text{ĐTBTL} < 30$	$\text{ĐTBTL} < 3,0$	0,0	F

8. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ: **139 tín chỉ**, trong đó phân bổ kiến thức như Bảng 4 (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng):

Bảng 4. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Các khối kiến thức ⁽³⁾	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	50	35.97
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	30	21.58
III	Kiến thức chuyên ngành	35	25.18
IV	Kiến thức bổ trợ	9	6.47
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp	15	10.79
	Tổng cộng	139	100

9. Nội dung chương trình đào tạo

Bảng 5. Các môn học thuộc CTĐT

STT	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
1	Kiến thức giáo dục đại cương							
1.1	Các môn lý luận chính trị							
1	PE015IU	Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
2	PE018IU	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	2	2	0	
3	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
4	PE016IU	Kinh tế Chính trị của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
5	PE017IU	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	Scientific Socialism	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng cộng				11	11	0	
1.2	Khoa học xã hội - nhân văn – Nghệ thuật							
4	PE008IU	Tư Duy Phản Biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
5	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
6	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
7	BA118IU	Giới thiệu về Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn	3	3	0	
8	BA197IU	Giới thiệu về Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn	3	3	0	

9	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn	3	3	0	
10	PE010IU	Lịch sử văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn	3	3	0	
11	PE021IU	Pháp Luật Việt nam đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
Tổng cộng					18	18	0	
1.3	Toán – Tin học - Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường							
12	PE014IU	Khoa học môi trường	Environmental Science	Bắt buộc	3	3	0	
13	BA282IU	Toán trong kinh doanh	Maths for business	Bắt buộc	4	4	0	
14	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for business	Bắt buộc	3	3	0	
15	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
Tổng cộng					13	13	0	
1.4	Ngoại ngữ							
16	EN008IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 1 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	
17	EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 1 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
18	EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	Academic English 2 (speaking skill)	Bắt buộc	2	2	0	
19	EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	Academic English 2 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
Tổng cộng					8	8	0	
1.5	Giáo dục thể chất							
20	PT001IU	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	0	3	
21	PT002IU	Giáo dục thể chất 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	0	3	

	Tổng cộng				6	0	6	
1.6	Giáo dục quốc phòng				0			
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	Kiến thức cơ sở của ngành							
22	BA256IU	Workshop 1		Bắt buộc	3	3	0	
23	BA283IU	Kế toán tài chính I	Financial Accounting I	Bắt buộc	3	3	0	
24	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Bắt buộc	3	3	0	
25	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
26	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	
27	BA006IU	Giao tiếp trong kinh doanh	Business Communication	Bắt buộc	3	3	0	
28	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Bắt buộc	3	3	0	
29	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
30	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	
31	BA269IU	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính	Research Methods for Finance	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng cộng				30	30	0	
2.2	Kiến thức chuyên ngành							
2.2.1.	Kiến thức bắt buộc							
32	BA284IU	Kế toán tài chính II	Financial Accounting II	Bắt buộc	3	3	0	
33	BA010IU	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	
34	BA087IU	Thuế	Taxation	Bắt buộc	3	3	0	
35	BA276IU	Kế toán chi phí	Cost Accounting	Bắt buộc	3	3	0	
36	BA277IU	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	Bắt buộc	3	3	0	

37	BA057IU	Kiểm toán căn bản	Auditing	Bắt buộc	3	3	0	
38	BA278IU	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Control System	Bắt buộc	3	3	0	
39	BA222IU	Báo cáo tài chính và các quyết định quản trị	Management Decisions and Financial Reporting	Bắt buộc	3	3	0	
40	BA054IU	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	Bắt buộc	3	3	0	
41	BA279IU	Phân tích và báo cáo tài chính nâng cao	Advanced Financial Reporting and Analysis	Bắt buộc	3	3	0	
42	BA280IU	Kiểm toán nâng cao	Advanced Auditing	Bắt buộc	3	3	0	
43	BA281IU	Workshop 2 cho ngành kế toán	Workshop 2 on Accounting issues	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng cộng				35	35	0	
2.2.2	Kiến thức ngành tự chọn (sinh viên chọn tối thiểu 9 tín chỉ trong nhóm môn học sau)			Tự Chọn				
44	BA138IU	Lý thuyết danh mục đầu tư và quản trị	Portfolio theory and Management		3	3	0	
45	BA022IU	Quản lý chuỗi cung ứng	Supply Chain Management		3	3	0	
46	BA134IU	Thị trường và các định chế tài chính	Financial Institutions and Markets		3	3	0	
47	BA098IU	Khoa học lãnh đạo	Leadership		3	3	0	
48	BA065IU	Phân tích và định giá doanh nghiệp	Business Analysis and Valuation		3	3	0	
49	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management		3	3	0	
50	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance		3	3	0	

51	BA220IU	Quản trị vốn lưu động	Working Capital Management		3	3	0	
	Tổng cộng				9	9	0	
3		Luận văn tốt nghiệp, thực tập		Bắt buộc				
52	BA153IU	Thực tập	Internship		3	0	3	
53	BA170IU	Luận văn tốt nghiệp	Thesis		12	12	0	
	Tổng cộng				15	12	3	
	Tổng số (Tín chỉ)				139			

10. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các môn học theo từng học kỳ)

Tùy vào trình độ tiếng Anh của người học đạt trình độ AE1, IE2, IE1 và IE0, kế hoạch giảng dạy các môn học được cụ thể tương ứng được trình bày trong các Bảng 6, Bảng 7, Bảng 8 và Bảng 9.

10.1 . Trình độ AE1

Bảng 6. Kế hoạch giảng dạy đối với người học đạt trình độ AE1

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH	Tín chỉ			Môn học tiên quyết (TQ)/Môn học học trước (HT)/ Môn học song hành (SH)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	
NĂM 1								
I	EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 1 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	EN008IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 1 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	PT001IU	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	0	3	
	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to	Bắt buộc	3	3	0	

			Microeconomics					
	PE015IU	Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Bắt buộc	3	3	0	
II	EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 2 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 2 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	PT002IU	Giáo dục thể chất 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	0	3	
	BA282IU	Toán trong kinh doanh	Maths for Business	Bắt buộc	4	4	0	
	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA283IU	Kế toán tài chính I	Financial Accounting I	Bắt buộc	3	3	0	
	PE008IU	Tư Duy Phản Biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
	PE016IU	Kinh tế Chính trị của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
NĂM 2								
I	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for Business	Bắt buộc	3	3	0	

	PE021IU	Pháp luật Việt nam Đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	BA284IU	Kế toán tài chính II	Financial Accounting II	Bắt buộc	3	3	0	BA283IU Financial Accounting 1 (TQ)
	PE017IU	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	Scientific Socialism	Bắt buộc	2	2	0	
	Chọn 1 trong 2							
	BA118IU	Giới thiệu về Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn	3	3	0	
	BA197IU	Giới thiệu về Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn	3	3	0	
II	BA256IU	Workshop 1	Workshop 1	Bắt buộc	3	3	0	
	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Bắt buộc	3	3	0	
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	BA010IU	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	BA283IU Financial Accounting 1 (HT)
	PE018IU	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	2	2	0	
	Chọn 1 trong 2							
	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn	3	3	0	
	PE010IU	Lịch sử văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn	3	3	0	
NĂM 3								
I	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	

	BA054IU	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	Bắt buộc	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)
	BA276IU	Kế toán chi phí	Cost Accounting	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	PE014IU	Khoa học môi trường	Environmental Science	Bắt buộc	3	3	0	
		Tự chọn 1			3			
II	BA006IU	Giao tiếp trong kinh doanh	Business Communication	Bắt buộc	3	3	0	
	BA277IU	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA057IU	Kiểm toán căn bản	Auditing	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA278IU	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Control System	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA222IU	Báo cáo tài chính và các quyết định quản trị	Management Decisions and Financial Reporting	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	Chọn 1 trong 2							
	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management		3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)
	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance		3	3	0	BA020IUBusi ness Ethics (HT) BA081IUBusi ness Law (HT)
HÈ	BA153IU	Thực tập	Internship		3	0	3	
NĂM 4								

I	BA269IU	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính	Research Methods for Finance	Bắt buộc	3	3	0	BA080IU Statistics for Business (HT)
	BA087IU	Thuế	Taxation	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA279IU	Phân tích và báo cáo tài chính nâng cao	Advanced Financial Reporting and Analysis	Bắt buộc	3	3	0	BA222IU Management Decisions and Financial Reporting (HT)
	BA280IU	Kiểm toán nâng cao	Advanced Auditing	Bắt buộc	3	3	0	BA057IU Auditing (HT)
	BA281IU	Workshop 2 cho ngành kế toán	Workshop 2 on accounting issues	Bắt buộc	2	2	0	
		Tự chọn 2			3			
II	BA170IU	Luận văn tốt nghiệp	Thesis		12	12	0	BA153IU Internship (HT) BA269IU Research Methods for Finance (HT)
DANH SÁCH CÁC MÔN TỰ CHỌN								
	Chọn 2 trong 6							
	BA065IU	Phân tích và định giá doanh nghiệp	Business Analysis and Valuation	Tự chọn	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (TQ) BA283IU Financial Accounting 1 (HT)
	BA138IU	Lý thuyết danh mục đầu tư và quản trị	Portfolio theory and Management	Tự chọn	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (TQ)

	BA022IU	Quản lý chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	Tự chọn	3	3	0	
	BA134IU	Thị trường và các định chế tài chính	Financial Institutions and Markets	Tự chọn	3	3	0	
	BA098IU	Khoa học lãnh đạo	Leadership	Tự chọn	3	3	0	
	BA220IU	Quản trị vốn lưu động	Working Capital Management	Tự chọn	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)

10.2 Trình độ IE2

Bảng 7. Kế hoạch giảng dạy đối với người học đạt trình độ IE2

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		(bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Môn học tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)/ song hành (SH)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	
NĂM 1								
I	ENTP02	Tiếng Anh tăng cường 2 - Chương trình liên kết	Intensive English 2 - Twining Program	Bắt buộc	13	13	0	
	PE015IU	Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
	PT001IU	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	0	3	
II	EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 1 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	EN008IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 1 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	

	BA282IU	Toán trong kinh doanh	Maths for Business	Bắt buộc	4	4	0	
	PE008IU	Tư duy phản biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA283IU	Kế toán tài chính I	Financial Accounting I	Bắt buộc	3	3	0	
	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
HÈ	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Bắt buộc	3	3	0	
	PT002IU	Giáo dục thể chất 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	0	3	
NĂM 2								
I	EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết AE1)	Academic English (writing skill) 2	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English (listening skill) 2	Bắt buộc	2	2	0	
	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	PE021IU	Pháp luật Việt nam Đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for business	Bắt buộc	3	3	0	
	Chọn 1 trong 2							
	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn	3	3	0	
	PE010IU	Lịch sử văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn	3	3	0	
II	BA256IU	Workshop 1		Bắt buộc	3	3	0	
	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Bắt buộc	3	3	0	

	PE016IU	Kinh tế Chính trị của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	BA284IU	Kế toán tài chính II	Financial Accounting II	Bắt buộc	3	3	0	BA283IU Financial Accounting 1 (TQ)
	BA010IU	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	BA283IU Financial Accounting 1 (HT)
	Chọn 1 trong 2							
	BA118IU	Giới thiệu về Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn	3	3	0	
	BA197IU	Giới thiệu về Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn	3	3	0	
HÈ	PE017IU	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	Scientific Socialism	Bắt buộc	2	2	0	
NĂM 3								
I	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	
	BA054IU	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	Bắt buộc	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)
	BA276IU	Kế toán chi phí	Cost Accounting	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	PE014IU	Khoa học môi trường	Environmental Science	Bắt buộc	3	3	0	
	PE018IU	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	2	2	0	
		Tự chọn 1	Elective 1	Tự chọn	3	3	0	
II	BA006IU	Giao tiếp trong kinh doanh	Business Communication	Bắt buộc	3	3	0	

	BA277IU	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA057IU	Kiểm toán căn bản	Auditing	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA278IU	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Control System	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA222IU	Báo cáo tài chính và các quyết định quản trị	Management Decisions and Financial Reporting	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	Chọn 1 trong 2							
	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management	Tự chọn	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)
	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance	Tự chọn	3	3	0	BA020IU Business Ethics (HT) BA081IU Business Law (HT)
HÈ	BA153IU	Thực tập	Internship	Bắt buộc	3	0	3	
NĂM 4								
I	BA269IU	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính	Research Methods for Finance	Bắt buộc	3	3	0	BA080IU Statistics for Business (HT)
	BA087IU	Thuế	Taxation	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA279IU	Phân tích và báo cáo tài chính nâng cao	Advanced Financial Reporting and Analysis	Bắt buộc	3	3	0	BA222IU Management Decisions and Financial Reporting (HT)

	BA280IU	Kiểm toán nâng cao	Advanced Auditing	Bắt buộc	3	3	0	BA057IU Auditing (HT)
	BA281IU	Workshop 2 cho ngành kế toán	Workshop 2 on Accounting issues	Bắt buộc	2	2	0	
		Tự chọn 2	Elective 2		3	3	0	
II	BA170IU	Luận văn tốt nghiệp	Thesis	Bắt buộc	12	12	0	BA153IU Internship (HT) BA269IU Research Methods for Finance (HT)
Danh sách các môn tự chọn								
Chọn 2 trong 6								
1	BA065IU	Phân tích và định giá doanh nghiệp	Business Analysis and Valuation	Tự chọn	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (TQ) BA283IU Financial Accounting 1 (HT)
2	BA138IU	Lý thuyết danh mục đầu tư và quản trị	Portfolio theory and Management	Tự chọn	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (TQ)
3	BA022IU	Quản lý chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	Tự chọn	3	3	0	
4	BA134IU	Thị trường và các định chế tài chính	Financial Institutions and Markets	Tự chọn	3	3	0	
5	BA098IU	Khoa học lãnh đạo	Leadership	Tự chọn	3	3	0	
6	BA220IU	Quản trị vốn lưu động	Working Capital Management	Tự chọn	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)

10.3 Trình độ IE1

Bảng 8. Kế hoạch giảng dạy đối với người học đạt trình độ IE1

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH	Tín chỉ			Môn học tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)/ song hành (SH)
		Tiếng việt	Tiếng Anh	(bắt buộc/ tự chọn)	Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	
NĂM 1								
I	ENTP01	Tiếng Anh tăng cường 1 - Chương trình liên kết	Intensive English 1 - Twining Program	Bắt buộc	17	17	0	
	ENTP02	Tiếng Anh tăng cường 2 - Chương trình liên kết	Intensive English 2 - Twining Program	Bắt buộc	13	13	0	
II	EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 1 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	EN008IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 1 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	PT001IU	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	0	3	
	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	PE015IU	Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Bắt buộc	3	3	0	
NĂM 2								

I	EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 2 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 2 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	PT002IU	Giáo dục thể chất 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	0	3	
	BA282IU	Toán trong kinh doanh	Maths for business	Bắt buộc	4	4	0	
	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA283IU	Kế toán tài chính I	Financial Accounting I	Bắt buộc	3	3	0	
	PE008IU	Tư Duy Phản Biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
	PE016IU	Kinh tế Chính trị của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
II	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for Business	Bắt buộc	3	3	0	
	PE021IU	Pháp luật Việt nam Đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	PE017IU	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	Scientific Socialism	Bắt buộc	2	2	0	
	BA284IU	Kế toán tài chính II	Financial Accounting II	Bắt buộc	3	3	0	BA283IU Financial Accounting 1 (TQ)
Chọn 1 trong 2								

	BA118IU	Giới thiệu về Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn	3	3	0	
	BA197IU	Giới thiệu về Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn	3	3	0	
NĂM 3								
I	BA256IU	Workshop 1	Workshop 1	Bắt buộc	3	3	0	
	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Bắt buộc	3	3	0	
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	BA010IU	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	BA283IU Financial Accounting 1 (HT)
	PE018IU	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	2	2	0	
	Chọn 1 trong 2							
	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn	3	3	0	
	PE010IU	Lịch sử văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn	3	3	0	
II	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	
	BA054IU	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	Bắt buộc	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)
	BA276IU	Kế toán chi phí	Cost Accounting	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU

								Financial Accounting 2 (HT)
	PE014IU	Khoa học môi trường	Environmental Science	Bắt buộc	3	3	0	
		Tự chọn 1	Elective 1	Tự chọn	3	3	0	
NĂM 4								
I	BA006IU	Giao tiếp trong kinh doanh	Business Communication	Bắt buộc	3	3	0	
	BA277IU	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA057IU	Kiểm toán căn bản	Auditing	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA278IU	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Control System	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	BA222IU	Báo cáo tài chính và các quyết định quản trị	Management Decisions and Financial Reporting	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU Financial Accounting 2 (HT)
	Chọn 1 trong 2							
	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management	Tự chọn	3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)
II	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance	Tự chọn	3	3	0	BA020IU Business Ethics (HT) BA081IU Business Law (HT)
	BA269IU	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính	Research Methods for Finance	Bắt buộc	3	3	0	BA080IU Statistics for Business (HT)
	BA087IU	Thuế	Taxation	Bắt buộc	3	3	0	BA284IU

								Financial Accounting 2 (HT)
	BA279IU	Phân tích và báo cáo tài chính nâng cao	Advanced Financial Reporting and Analysis	Bắt buộc	3	3	0	BA222IU Management Decisions and Financial Reporting (HT)
	BA280IU	Kiểm toán nâng cao	Advanced Auditing	Bắt buộc	3	3	0	BA057IU Auditing (HT)
	BA281IU	Workshop 2 cho ngành kế toán	Workshop 2 on Accounting issues	Bắt buộc	2	2	0	
		Tự chọn 2	Elective 2	Tự chọn	3	3	0	
HÈ	BA153IU	Thực tập	Internship		3	0	3	
NĂM 5								
I	BA170IU	Luận văn tốt nghiệp	Thesis		12	12	0	BA153IU Internship (HT) BA269IU Research Methods for Finance (HT)
Danh sách các môn tự chọn								
Chọn 2 trong 6								
1	BA065IU	Phân tích và định giá doanh nghiệp	Business Analysis and Valuation		3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (TQ) BA283IU Financial Accounting 1 (HT)
2	BA138IU	Lý thuyết danh mục đầu tư và quản trị	Portfolio theory and Management		3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (TQ)
3	BA022IU	Quản lý chuỗi cung ứng	Supply Chain Management		3	3	0	

4	BA134IU	Thị trường và các định chế tài chính	Financial Institutions and Markets		3	3	0	
5	BA098IU	Khoa học lãnh đạo	Leadership		3	3	0	
6	BA220IU	Quản trị vốn lưu động	Working Capital Management		3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)

10.4 . Trình độ IE0

Bảng 9. Kế hoạch giảng dạy đối với người học đạt trình độ IE0

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Môn học tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)/ song hành (SH)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Tự thí nghiệm	
NĂM 1								
I	ENTP00	Tiếng Anh tăng cường 0 - Chương trình liên kết	Intensive English 0 - Twining Program	Bắt buộc	17	17	0	
	ENTP01	Tiếng Anh tăng cường 1 - Chương trình liên kết	Intensive English 1 - Twining Program	Bắt buộc	17	17	0	
II	ENTP02	Tiếng Anh tăng cường 2 - Chương trình liên kết	Intensive English 2 - Twining Program	Bắt buộc	13	13	0	
	PT001IU	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	0	3	
	PE015IU	Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
NĂM 2								
I	EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ	Academic English 1	Bắt buộc	2	2	0	

		năng viết AE1)	(writing skill)					
	EN008IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 1 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	PT002IU	Giáo dục thể chất 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	0	3	
	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microecono mics	Bắt buộc	3	3	0	
	PE016IU	Kinh tế Chính trị của Chủ Nghĩa Mác- Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administrati on	Bắt buộc	3	3	0	
II	EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 2 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 2 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	BA282IU	Toán trong kinh doanh	Maths for business	Bắt buộc	4	4	0	
	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroecono mics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA283IU	Kế toán tài chính I	Financial Accounting I	Bắt buộc	3	3	0	
	PE008IU	Tư Duy Phản Biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
NĂM 3								

I	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for business	Bắt buộc	3	3	0	
	PE021IU	Pháp luật Việt nam Đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	PE017IU	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	Scientific Socialism	Bắt buộc	2	2	0	
	BA284IU	Kế toán tài chính II	Financial Accounting II	Bắt buộc	3	3	0	BA283IU Financial Accounting 1 (TQ)
	Chọn 1 trong 2							
	BA118IU	Giới thiệu về Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn	3	3	0	
BA197IU	Giới thiệu về Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn	3	3	0		
II	BA256IU	Workshop 1	Workshop 1	Bắt buộc	3	3	0	
	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Bắt buộc	3	3	0	
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	BA010IU	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	BA283IU Financial Accounting 1 (HT)
	PE018IU	Lịch sử Đảng CSVN	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	2	2	0	
	Chọn 1 trong 2							

[illegible]

[illegible]

1	BA065IU	Phân tích và định giá doanh nghiệp	Business Analysis and Valuation		3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (TQ) BA283IU Financial Accounting 1 (HT)
2	BA138IU	Lý thuyết danh mục đầu tư và quản trị	Portfolio theory and Management		3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (TQ)
3	BA022IU	Quản lý chuỗi cung ứng	Supply Chain Management		3	3	0	
4	BA134IU	Thị trường và các định chế tài chính	Financial Institutions and Markets		3	3	0	
5	BA098IU	Khoa học lãnh đạo	Leadership		3	3	0	
6	BA220IU	Quản trị vốn lưu động	Working Capital Management		3	3	0	BA016IU Fundamentals of Financial Management (HT)

11 Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực. Thang đo năng lực Thầy/Cô cần xác định rõ, phù hợp với CTĐT của Thầy/Cô, khuyến khích sử dụng thang Bloom)

Mức độ đóng góp của các môn học vào chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kế toán được trình bày như Bảng 10.

Bảng 10. Đóng góp của các môn học vào CDR của CTĐT

Họ c kỳ	Mã MH	Tên MH		Chuẩn đầu ra của CTĐT ⁽⁵⁾									
		Tiếng việt	Tiếng Anh	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O 10
NĂM 1													
I	EN00 7IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết AE1)	Acade mic Englis h 1 (writin g skill)	x									
	EN00 8IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe AE1)	Acade mic Englis h 1 (listeni ng skill)	x									
	PT001 IU	Giáo dục thể chất 1	Physic al Traini ng 1		x								
	BA12 0IU	Tin học quản lý	Busine ss Comp uting Skills				x						
	BA11 7IU	Kinh tế vi mô	Introd uction to Micro econo mics					x					
	PE015 IU	Triết học của Chủ Nghĩa Mác- Lênin	Philos ophy of Marxi sm and					x					

[illegible]

		Phản Biện	Thinki ng										
	PE016 IU	Kinh tế Chính trị của Chủ Nghĩa Mác- Lênin	Politic al Econo mics of Marxi sm and Lenini sm				x						
NĂM 2													
I	BA00 3IU	Nguyê n lý tiếp thị	Princi ples of Marke ting						x				
	BA08 0IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statisti cs for busine ss						x				
	PE021 IU	Pháp luật Việt nam Đại cương	Gener al Law						x				
	BA28 4IU	Kế toán tài chính II	Financ ial Accou nting II				x		x				
	PE017 IU	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	Scienti fic Sociali sm									x	
	Chọn 1 trong 2												
	BA11 8IU	Giới thiệu về Tâm lý học	Introd uction to Psych ology				x						
	BA19 7IU	Giới thiệu	Introd uction				x						

		về Xã hội học	to Sociol ogy										
II	BA25 6IU	Works hop 1	Works hop 1								X		
	BA13 0IU	Hành vi tổ chức	Organi zation al Behav ior				X						
	BA01 6IU	Nguyê n lý Quản trị Tài chính	Funda mental of Financ ial Manag ement				X						
	PE019 IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh' s Thoug hts								X		
	BA01 0IU	Kế toán quản trị	Manag erial Accou nting				X						
	PE018 IU	Lịch sử Đảng CSVN	Histor y of Vietna mese Comm unist Party								X		
	Chọn 1 trong 2												
	PE007 IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Econo mic Geogr aphy								X		
	PE010 IU	Lịch sử văn hoá Việt Nam	Vietna mese Histor y and Cultur e								X		
NĂM 3													

I	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics				x						
	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law				x						
	BA054IU	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance				x						
	BA276IU	Kế toán chi phí	Cost Accounting				x				x		
	PE014IU	Khoa học môi trường	Environmental Science								x		
		Tự chọn 1										x	
II	BA006IU	Giao tiếp trong kinh doanh	Business Communication				x			x			
	BA277IU	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis							x			
	BA057IU	Kiểm toán căn bản	Auditing				x						
	BA278IU	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Control System				x						
	BA222IU	Báo cáo tài chính và các quyết	Management Decisions and				x						

		định quản trị	Financ ial Report ing										
Chọn 1 trong 2													
	BA05 1IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	Intern ational Financ ial Manag ement					x					
	BA21 3IU	Quản trị công ty	Corpo rate Gover nance					x					
HÈ	BA15 3IU	Thực tập	Interns hip										x
NĂM 4													
I	BA26 9IU	Phươn g pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính	Resear ch Metho ds for Financ e							x			
	BA08 7IU	Thuế	Taxati on				x						
	BA27 9IU	Phân tích và báo cáo tài chính nâng cao	Advan ced Financ ial eporti ng and Analy sis				x						
	BA28 0IU	Kiểm toán nâng cao	Advan ced Auditi ng				x						
	BA28 1IU	Works hop 2 cho ngành kê toán	Works hop 2 on Accou nting issues				x						x

		Tự chọn 2										X	
II	BA17 0IU	Luận văn tốt nghiệp	Thesis										
	Chọn 2 trong 6												
	BA06 5IU	Phân tích và định giá doanh nghiệp	Busine ss Analy sis and Valuat ion									X	
	BA13 8IU	Lý thuyết danh mục đầu tư và quản trị	Portfol io theory and Manag ement									X	
	BA02 2IU	Quản lý chuỗi cung ứng	Suppl y Chain Manag ement									X	
	BA13 4IU	Thị trường và các định chế tài chính	Financ ial Institu tions and Marke ts									X	
	BA09 8IU	Khoa học lãnh đạo	Leader ship									X	
	BA22 0IU	Quản trị vốn lưu động	Worki ng Capita l Manag ement									X	

⁽⁴⁾Cột “Tên môn học”: liệt kê tất cả các môn học của CTĐT được phân bổ theo học kỳ.

Mỗi môn học, cần xác định rõ mức độ đóng góp vào các CDR tương ứng, và thống nhất với thông tin được xác định trong đề cương môn học. Đối với nhóm môn học tự chọn, trình độ năng lực với các CDR phải tương ứng nhau.

⁽⁵⁾Cột “Chuẩn đầu ra của CTĐT”: liệt kê tất cả CĐR của CTĐT. Chỉ lần liệt kê dưới dạng PLOi, không ghi nội dung cụ thể CĐR.

12 Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học (số thứ tự của môn học tương ứng với số thứ tự của môn học trong nội dung chương trình đào tạo)

1. PE015IU - Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; từ đó giúp xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng và từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

2. PE018IU - Lịch sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả vắn tắt nội dung:

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới

3. PE019IU - Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Thought)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

4. PE016IU - Kinh tế Chính trị của Chủ Nghĩa Mác-Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin.

Mô tả vắn tắt nội dung:

Nội dung chương trình gồm 6 chương. Trong đó chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

5. PE017IU - Chủ nghĩa Xã hội Khoa học (Scientific Socialism)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học của Chủ Nghĩa Mác-Lênin, Kinh tế Chính trị của Chủ Nghĩa Mác-Lênin.

Mô tả vắn tắt nội dung:

Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa.

6. PE008IU - Tư duy phản biện (Critical Thinking)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp sinh viên những kiến thức nền về tư duy phản biện. Khóa học cung cấp kỹ năng hữu ích đối với mọi đối tượng ngành nghề.

7. BA117IU - Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Các kiến thức trong chủ đề này sẽ cho phép sinh viên hiểu biết không chỉ các khái niệm về kinh tế và nguồn lực khan hiếm, về thị trường và các thành tố của nó mà còn có thể đánh giá những dạng cấu trúc thị trường khác nhau cũng như các can thiệp của chính phủ vào thị trường. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những khả năng cần thiết để đánh giá các yếu tố về hiệu quả của nền kinh tế. Tất cả các khái niệm và kiến thức này giúp cho sinh viên lập kế hoạch cho một doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn phát triển một cách hiệu quả hơn nhờ vào việc xem xét các ảnh hưởng của chính sách chính phủ.

8. BA119IU - Kinh tế vĩ mô (Introduction to Macro Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức để hiểu biết về các chủ đề rộng về kinh tế của một quốc gia hay một khu vực và đánh giá những chính sách kinh tế vĩ mô cũng như những thay đổi của nền kinh tế cả trên phạm vi quốc gia và thế giới. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên khả năng cần thiết để đánh giá các hợp phần kinh tế như một tổng thể. Tất cả các khái niệm và kiến thức này giúp cho sinh viên lập kế hoạch cho một doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn phát triển một cách hiệu quả hơn nhờ vào việc xem xét các ảnh hưởng của chính sách vĩ mô của chính phủ.

9. BA118IU - Tâm lý học (Introduction to Psychology)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học giới thiệu các nguyên tắc và lý thuyết bao gồm cả phương pháp luận và những phân tích vắn tắt về những nội dung của các lĩnh vực từ phát triển, nhận thức và học tập về động cơ, cảm xúc, cá nhân và quá trình xã hội.

10. BA197IU - Xã hội học (Introduction to Sociology)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp những hiểu biết nền tảng về bản chất của Khoa học xã hội. Nội dung môn học giới thiệu về lĩnh vực xã hội học và những chủ đề liên quan đến lĩnh vực quản lý và kinh doanh cũng như xã hội hiện đại. Môn học này khuyến khích sự phát triển nhận thức về ngôn ngữ và phương pháp luận của nghiên cứu khoa học xã hội.

11. PE007IU - Địa lý kinh tế thế giới (World Economic Geography)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp những khía cạnh khác nhau của địa lý kinh tế thế giới trong thời đại toàn cầu hoá. Trên thế giới, khuynh hướng thương mại toàn cầu đang gia tăng, địa lý kinh tế thế giới là rất cần thiết cho tất cả những ai muốn biết điều gì đang xảy ra với nền kinh tế toàn cầu của họ

Môn học cung cấp những khái niệm và thuật ngữ rất căn bản trong nghiên cứu về địa lý kinh tế. Giảng viên sẽ nhấn mạnh vào những thay đổi địa lý trong kinh tế thế giới. Chúng ta sẽ xem xét tổ chức địa lý của hoạt động kinh tế trên thế giới trên những qui mô địa lý khác nhau (toàn cầu, khu vực, vùng, địa phương) cũng như mối liên hệ giữa điều kiện địa lý và sự phát triển kinh tế trong những trạng thái khác nhau.

12. PE010IU - Lịch sử và văn hoá Việt Nam (Vietnamese History and Culture)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những phương pháp cần thiết để nhận thức sâu sắc những biến đổi cơ bản trong lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay và các yếu tố khác nhau của nền văn minh và văn hoá của Việt Nam. Nâng cao nhận thức của sinh viên về văn hoá, xã hội, lịch sử của Việt Nam.

13. PE021IU - Pháp Luật Việt Nam Đại Cương (General Law)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về hệ thống Luật Việt Nam và các luật mà chúng qui định những vấn đề lớn và chủ yếu về dân sự, hành chính, và những mối quan hệ giữa con người với con người cũng như giữa con người với chính quyền. Những nhánh chính của luật như hiến pháp, hành chính, dân sự, hình sự, lao động, kinh doanh sẽ được giới thiệu chi tiết hơn trong môn học này.

CÁC MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

14. PE014IU - Khoa học môi trường (Environmental Science)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về khoa học môi trường bao gồm các vấn đề chung, sinh thái học, và ảnh hưởng của hoạt động con người đối với nguồn lực tự nhiên và sự phát triển bền vững. Các chủ đề của môn học này bao gồm tất cả những vấn đề chung; sinh thái học; các định nghĩa cơ bản về khoa học môi trường; phát triển dân số và sự tận dụng các nguồn lực tự nhiên và môi trường; các nguồn lực tự nhiên và sự khai thác hiện hành; dân số và các ảnh hưởng của nó và sự phát triển bền vững. Môn học này cũng nhằm gia tăng sự nhận thức của sinh viên về các ảnh hưởng có thể xảy ra của hoạt động con người lên môi trường và các nguồn lực tự nhiên để thanh minh cho các thông lệ có liên quan về mặt kinh tế.

15. BA282IU – Toán trong kinh doanh (Mathematics for Business)

Số tín chỉ: 4 (4,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học sẽ cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về các kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Cụ thể hơn, khóa học sẽ giới thiệu lý thuyết cơ bản và khái niệm về Calculus, Đại số tuyến tính và Tối ưu hóa, với các ứng dụng quản lý, kinh tế, tài chính. Các chủ đề bao gồm Các hàm Toán học, Vectơ và Ma trận, Sự khác biệt và Tích hợp, Lập trình tuyến tính.

16. BA080IU - Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for business)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: BA282IU – Toán học trong kinh doanh

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học “Thống kê trong Kinh doanh” giới thiệu cho sinh viên các khái niệm và quy trình cơ bản về thống kê có thể được áp dụng trong kinh doanh. Môn học này bao gồm những phần cơ bản sau: thống kê mô tả, khái niệm cơ bản về xác suất, các phân bố xác suất rời rạc và liên tục, phân bố mẫu, khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê, kỹ thuật phân tích phương sai, và hồi quy bội.

17. BA120IU - Tin học quản lý (Business Computing Skills)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Trang bị kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu xử lý thông tin của doanh nghiệp. Môn học này còn phát triển kỹ năng xử dụng một số phần mềm cơ bản giúp nhà quản trị gia tăng năng suất, bao gồm Microsoft PowerPoint, Microsoft Excel, Microsoft Word và sử dụng thư điện tử.

CÁC MÔN NGOẠI NGỮ**18. EN008IU - Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe) (Academic english 1-Listening Skills)**

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Môn học này được thiết kế để chuẩn bị cho sinh viên kỹ năng ghi chép tiếng anh một cách hữu hiệu, để cho sinh viên có thể theo đuổi các môn học khác trong suốt chương trình học mà không có bất kỳ khó khăn nào. Môn học này được thiết kế theo hướng thuyết giảng trong đó thuyết giảng và quy trình học tập được xây dựng trên bài

giảng dựa trên các chủ đề đa dạng khác nhau bao gồm kinh doanh, khoa học và nhân loại.

19. EN007IU - Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết) (Academic english 1-Writing Skills)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp cho sinh viên với sự hướng dẫn toàn diện và thông lệ trong kỹ năng viết tiểu luận, bao gồm chuyển đổi ý tưởng thành những chức năng khác nhau của viết học thuật như là mô tả quá trình, nhân quả, so sánh-đối chiếu, tranh luận, và tiểu luận tổng hợp ý tưởng. Trong xuyên suốt môn học, sinh viên được yêu cầu đọc các văn bản bằng tiếng anh ở mức độ đại học để phát triển khả năng đọc phản biện và phản hồi một cách chính xác, mạch lạc và học thuật khi viết văn. Mặc dù khoá học cung cấp cho sinh viên với kỹ năng viết quan trọng như là brainstorming, kiểm tra, ghi chép và biên tập, môn học này cũng chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng để sinh viên có thể tham gia môn học Academic English 2 (kỹ năng viết).

20. EN012IU - Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói) (Academic english 2-Speaking Skills)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Trình bày bằng tiếng anh đã trở thành một kỹ năng thiết yếu cho sinh viên để thành công không chỉ ở đại học nhưng cũng thành công trong công việc ở tương lai. Tuy nhiên, trình bày bằng tiếng anh có thể được xem như là một công việc đau đầu, nhất là khi phải trình bày bằng tiếng nước ngoài. Tiếng anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói) cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thuyết trình một cách hữu hiệu. Để làm được chuyện này, môn học này bao phủ những khía cạnh khác nhau của việc trình bày bằng tiếng anh: lập và lên kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng những hỗ trợ về hình ảnh hữu hiệu, xây dựng sự tự tin, thể hiệu ngôn ngữ cơ thể, giải quyết với các câu hỏi và phản hồi.

21. EN011IU - Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói) (Academic english 2-Writing Skills)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về việc viết một bài báo nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của tổng quát hoá, định nghĩa, phân loại, và cấu trúc của một bài báo nghiên cứu khoa học cho sinh viên học ở bậc đại học. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên với những phương pháp phát triển và trình bày sự tranh luận, so sánh và đối chiếu. Sinh viên được yêu cầu làm việc trên những công việc được giao để tối đa hoá việc giao tiếp với giảng viên bằng phương pháp viết và hi vọng sinh viên sẽ trở thành người viết có đủ năng lực trong một loại cụ thể: bài báo nghiên cứu khoa học.

Bởi vì kỹ năng viết là một phần của kỹ năng chính yếu của đọc và viết ở nơi mà đọc phục vụ như là đầu vào để chiêm ngẫm sự viết, môn học này được thiết kế để làm quen sinh viên mà ngôn ngữ chính không phải là tiếng anh với cơ sở lý thuyết học thuật trong việc học chuyên ngành của họ bằng cách cho sinh viên đọc một cách phản biện đối với tài liệu đến từ những chủ đề khác nhau từ khoa học tự nhiên ví dụ như sinh học tới khoa học xã hội và nhân văn như là giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học.

CÁC MÔN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**22. BA256IU - Workshop 1**

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng mềm và thái độ đúng đắn để thành công trong trường đại học và môi trường làm việc chuyên nghiệp trong tương lai. Khóa học này bao gồm chín bài thuyết trình được thực hiện bởi các diễn giả là giám đốc / người quản lý hoặc các chuyên gia có ít nhất năm năm kinh nghiệm. Các bài thuyết trình được lên kế hoạch một cách có hệ thống và khoa học để cho phép sinh viên thực hành những gì họ học trong lớp và thực hiện các bài tập làm việc theo nhóm được đưa ra bởi các diễn giả khách mời.

23. BA283IU – Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục đích và mục tiêu của môn học này chuẩn bị cho sinh viên (1) hoàn thành các yêu cầu về bằng cấp; (2) đạt được hoặc cải thiện các kỹ năng kiểm việc; (3) đạt được

những tiêu chuẩn cho những công việc kinh doanh hoặc những công việc có liên quan đến kế toán; (4) trở thành những nhà khởi nghiệp; (5) đạt được những mục đích cá nhân; và/hoặc (6) hiểu báo cáo tài chính và những quy trình kế toán căn bản.

24. BA115IU - Quản trị kinh doanh đại cương (Introduction to Business Administration)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này kiểm tra vai trò của kinh doanh đối với xã hội; các hoạt động có liên quan chéo thông qua đó việc làm kinh doanh cung cấp hàng hóa và dịch vụ cần thiết đối với xã hội đương đại; và các mối tương quan giữa việc làm kinh doanh và chính quyền, người lao động, và xã hội rộng lớn. Các lĩnh vực chung của nghiên cứu tập trung vào: nền tảng của kinh doanh, sự quản trị các tập đoàn, các hoạt động tiếp thị, các vấn đề phát triển và kinh doanh đương đại.

25. BA003IU - Nguyên lý tiếp thị (Principles of Marketing)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức và thông tin cơ bản về Tiếp thị. Cụ thể là hiểu được nhu cầu thị trường, hành vi khách hàng, chiến lược Tiếp thị của doanh nghiệp về sản phẩm, giá cả, phân phối, khuyến mãi... Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp để nghiên cứu thị trường, phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến các hoạt động Tiếp thị.

26. BA020IU - Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục tiêu của môn học này nhằm truyền đạt sự hiểu biết về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đạo đức kinh doanh và kinh doanh bền vững. Sinh viên được học về các đặc điểm của các phạm trù đạo đức trong kinh doanh. Sinh viên sẽ làm quen với những lý thuyết chung của đạo đức kinh doanh như: lý thuyết về đạo đức, thuyết về các bên

liên quan, lý thuyết về trách nhiệm, khởi nghiệp bền vững, những vấn đề về quyền con người, cũng như các lý thuyết và thực tiễn trong việc thực hành đạo đức kinh doanh. Sinh viên cũng tiếp thu được những khả năng để xử lý những tình huống đạo đức tiến thoái lưỡng nan một cách có hệ thống. Kết quả kỳ vọng của môn học là sinh viên có ý niệm đúng đắn về những vấn đề đang xảy ra trong kinh doanh ngày nay liên quan đến đạo đức kinh doanh và kinh doanh bền vững, những hiểu biết cơ bản về thuyết đạo đức và ứng dụng trong kinh doanh, những kỹ năng để phân tích sự tiến thoái lưỡng nan về phạm trù đạo đức, kiến thức về những phương thức và công cụ để quản lý đạo đức.

27. BA006IU - Giao tiếp trong kinh doanh (Business Communication)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học trang bị kiến thức cơ bản về truyền thông trong doanh nghiệp bao gồm: quá trình truyền thông và các thành phần liên quan đến truyền thông trong doanh nghiệp. Sinh viên được trang bị và rèn luyện các kỹ năng cần thiết để có thể vận dụng hiệu quả một số loại phương tiện truyền phổ biến trong doanh nghiệp như sử dụng văn bản, hội nghị, sự kiện, phỏng vấn tuyển dụng v/v...

28. BA130IU - Hành vi tổ chức (Organizational Behavior)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những hành vi của con người trong tổ chức ảnh hưởng đến việc quản lý nhân viên cũng như thành tích, ra quyết định, lập kế hoạch và thành tích công tác cũng như sự phát triển của tổ chức. nó bao gồm hầu hết tất cả khía cạnh của đời sống một tổ chức: sự lãnh đạo, quyền lực, mệnh lệnh và điều khiển, văn hóa tổ chức và sự thay đổi.

29. BA016IU – Nguyên lý Quản trị Tài chính (Fundamental of Financial Management)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế Toán Tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU, hoặc Financial Accounting 2 - BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Kiến thức về tài chính rất có ích cho các nhà quản lý trong bất kỳ hình thức kinh doanh nào. Môn học này được thiết kế như là một môn học tài chính nhập môn và là môn tiên tiên quyết để học môn Tài chính doanh nghiệp mà môn này hướng dẫn sâu hơn về các chủ đề liên quan đến tính toán. Nội dung của môn học này kết hợp cả vừa lý thuyết vừa tính toán.

Môn học còn cung cấp các khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ, giá trị và lợi nhuận, chi phí vốn và sử dụng vốn. Sinh viên sẽ biết thị trường vốn hoạt động như thế nào, các loại chứng khoán và các công cụ tài chính hiện hành, và làm thế nào để quản lý dòng tiền. Quản lý rủi ro và vốn lưu động, đòn bẩy, dự báo và phân tích báo cáo tài chính và các chỉ số. Môn này có thể cung cấp cho sinh viên các kỹ năng toán tài chính cơ bản và là môn học nhập môn vững chắc cho môn quản lý tài chính.

30. BA081IU - Luật kinh doanh (Business Law)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật Việt Nam đại cương (General Law – PE021IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giới thiệu chung về môi trường pháp lý ảnh hưởng đến các cá nhân, thương nhân và các giao dịch thương mại. Sinh viên sẽ được làm quen và từ đó hiểu được các hình thức và quy định pháp lý về doanh nghiệp, các nguyên tắc cơ bản về luật hợp đồng, trong đó bao gồm giao kết, thực hiện, vi phạm và các chế tài áp dụng cho vi phạm hợp đồng. Ngoài ra, môn học sẽ xem xét các nguyên tắc cơ bản của pháp quy về trách nhiệm sản phẩm, bất động sản, giao dịch có bảo đảm và luật phá sản.

31. BA269IU - Phương pháp nghiên cứu trong tài chính (Research Methods for Finance)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh (Statistics for business – BA080IU), Toán trong kinh doanh (Maths for business – BA282IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên làm quen với một số chủ đề quan trọng trong lĩnh vực chung của phương pháp nghiên cứu. Các chủ đề bao gồm vai trò và tầm quan trọng của nghiên cứu, lựa chọn vấn đề, lấy mẫu, đo lường, thu thập dữ liệu, mô tả và diễn dịch thống kê, nghiên cứu thực nghiệm và phi thực nghiệm, viết và trình bày một nghiên cứu. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững chắc để triển khai một bài báo nghiên cứu khoa học và gửi đến một tạp chí khoa học chuyên khảo.

CÁC MÔN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

CÁC MÔN BẮT BUỘC

32. BA284IU - Kế toán tài chính II (Financial Accounting II)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính I (Financial Accounting I – BA283IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn kế toán tài chính là môn học ở mức độ trung cấp nhằm mục đích khám phá kiến thức trung cấp của kế toán mà có lợi cho sinh viên muốn học cử nhân kinh doanh. Sinh viên sẽ được giới thiệu về tầm quan trọng của kế toán trong môi trường kinh doanh và thông tin kế toán sẽ được tận dụng như thế nào để làm dễ dàng việc ra những quyết định kinh doanh.

33. BA010IU - Kế toán quản trị (Managerial Accounting)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính II (Financial Accounting , hoặc Financial Accounting II – BA184IU, BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học phân tích các yếu tố hình thành trong quá trình toàn cầu hóa và quốc tế hóa của công ty và trình bày khung khái niệm để phân tích các doanh nghiệp đa quốc gia. Các chủ đề chính của nghiên cứu bao gồm : các tác động của i trường quốc tế (văn hóa , chính trị , kinh tế) về hành vi công ty và hoạt động; sự tiến hóa và phát triển của các doanh nghiệp đa quốc gia và quét địa lý của các hoạt động kinh doanh quốc tế ; chiến lược gia nhập cụ thể , bao gồm cả đầu tư trực tiếp nước ngoài , xuất khẩu , cấp phép, nhượng quyền thương mại , sản xuất , mua lại , liên doanh và liên minh chiến lược

; sự di chuyển của hàng hóa , dịch vụ, vốn , kiến thức và công nghệ qua biên giới quốc gia; và mô tả các chức năng cơ bản của một doanh nghiệp đa quốc điển hình.

34. BA087IU - Thuế (Taxation)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting, hoặc Financial Accounting II – BA184IU, BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Với tình hình hoạt động kinh doanh qui mô toàn cầu hóa ngày một tăng iệc xem xét đến thuế có ảnh hưởng đến hoạt động kinh của các doanh nghiệp quốc tế. Môn học này sẽ giúp sinh viên xem xét các nguyên tắc thuế chung mà có thể được áp dụng khi một doanh nghiệp xem xét làm thế nào để kinh doanh trong môi trường quốc tế. Môn học này tập trung đến các quyết định mang tính chất vi mô. Môn học này liên quan đến các qui định về thuế, về việc áp thuế hai lần. Bên cạnh đó nó cũng quan tâm đến một số vấn đề như lịch sử thuế, các vấn đề liên quan đến pháp lý, chi phí quản lý, thuế trực tiếp và thuế gián tiếp, thuế vốn và ảnh hưởng của công nghệ lên thuế quốc tế.

35. BA276IU - Kế toán chi phí (Cost Accounting)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting, hoặc Financial Accounting 2 – BA184IU, BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được xây dựng dựa trên nền tảng kiến thức lấy được từ môn học kế toán quản trị (BA010IU). Môn học sẽ yêu cầu sinh viên áp dụng những khái niệm liên quan tới các chủ đề hiện hữu cũng như khám phá và thảo luận những chủ đề nâng cao liên quan tới thực tiễn. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ có khả năng ra những quyết định quản trị bằng cách sử dụng những khuôn mẫu công cụ đa dạng, các khái niệm và các thông lệ bao gồm những chủ đề bao gồm phân tích điểm hoà vốn, lập dự toán, phân tích biến động và các kỹ thuật phân bổ chi phí.

36. BA277IU - Phân tích báo cáo tài chính (Financial Statement Analysis)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting, hoặc Financial Accounting 2 – BA184IU, BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về thông tin của báo cáo tài chính từ khía cạnh của người sử dụng báo cáo tài chính như nhà đầu tư, chủ nợ, nhà phân tích tài chính và giám đốc. Môn học này tập trung vào hiểu, phân tích và dự báo kết quả hoạt động tài chính của công ty cũng như sử dụng thông tin kế toán để ra quyết định.

37. BA057IU - Kiểm toán căn bản (Auditing)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting, hoặc Financial Accounting 2 – BA184IU, BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kiểm toán, trong đó chú trọng đến vai trò của kiểm toán trong việc kiểm tra và công chứng các báo cáo tài chính, về đạo đức nghề nghiệp trong kiểm toán, vai trò của kiểm toán công và những vấn đề còn tranh cãi trong kiểm toán quốc tế. Môn học cũng nhấn mạnh đến kỹ năng viết báo cáo kiểm toán cho sinh viên.

38. BA278IU - Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Control System)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting, hoặc Financial Accounting 2 – BA184IU, BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Áp dụng các nguyên lý, lý thuyết và định nghĩa về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hiểu về quy trình và quản lý kế toán được tích hợp vào hệ thống phần mềm trong tổ chức doanh nghiệp, trong hệ thống máy tính cá nhân.

39. BA222IU - Các quyết định quản trị và báo cáo tài chính (Management Decisions and Financial Reporting)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting, hoặc Financial Accounting 2 – BA184IU, BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục tiêu của môn học này là để sinh viên tiếp cận và làm quen với các khuôn khổ lý thuyết và những vấn đề thực tiễn của báo cáo tài chính. Môn học này cung cấp một cách toàn diện về ảnh hưởng của báo cáo tài chính lên quyết định của doanh nghiệp.

Những quyết định này sẽ bao gồm (nhưng không giới hạn) các quyết định về đầu tư, tài chính và điều hành. Là thế nào để các quyết định quản trị dựa trên dòng tiền được đưa ra thực hiện là sự đo lường và công bố về lý chuyển tiền tệ thông qua hệ thống thông tin tài chính của doanh nghiệp cũng sẽ được tiếp cận đến.

40. BA054IU – Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Quản trị Tài chính (Fundamentals of Financial Management – BA016IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục tiêu của khóa học này là nghiên cứu các lĩnh vực quyết định chính về tài chính quản lý và một số chủ đề được lựa chọn của lý thuyết tài chính. Khóa học đánh giá lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm liên quan đến chính sách đầu tư và tài chính của công ty và nỗ lực phát triển khả năng ra quyết định trong các lĩnh vực này bằng cả bài giảng và trường hợp.

Một số chủ đề sẽ quen thuộc với khóa học trước đó BA016IU, như quyết định đầu tư, quyết định tài chính, chi phí vốn, lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại, v.v., tất cả sẽ được xây dựng sâu hơn và chặt chẽ hơn. Ngoài giá vé tiêu chuẩn trên, khóa học này cũng bao gồm các chủ đề khác như cơ cấu vốn, chính sách cổ tức, quản lý vốn lưu động và sáp nhập & mua lại.

41. BA279IU - Phân tích báo cáo tài chính nâng cao (Advanced Financial Reporting and Analysis)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Các quyết định quản trị và báo cáo tài chính (Management Decisions and Financial Reporting – BA222IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nâng cao trong báo cáo tài chính và phân tích đối với khuôn mẫu về Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS) và Chuẩn mực về Báo Cáo Tài Chính Quốc Tế (IFRS). Cụ thể hơn, môn học này tập trung vào kiến thức kế toán nâng cao liên quan tới hợp nhất và sáp nhập kinh doanh; các khoản đầu tư liên công ty; kế toán các giao dịch ngoại hối, các công cụ tài chính và báo cáo thuế.

42. BA280IU - Kiểm toán nâng cao (Advanced Auditing)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản (Auditing – BA057IU).

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế với những chủ đề nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về trách nhiệm và thử thách mà kiểm toán viên phải đối mặt. Nội dung của khoá học này sẽ bao gồm những cuộc thảo luận về những vấn đề mới nổi mà những cá nhân trong những vị trí liên quan đến giám sát các kiểm soát phải đối mặt. Sinh viên khi tham dự môn học này sẽ tự hiểu là sẽ có những kiến thức căn bản về kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.

43. BA281IU - Workshop 2 on Accounting Issues.

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội để tiếp xúc thực tế với những công việc và dự án mà sinh viên ngành kế toán sẽ phải đối mặt khi đi làm thực tế. Xuyên suốt khoá học, những diễn giả sẽ trình bày “Những công việc dở dang” và “chia sẻ kinh nghiệm”. Bằng cách này sinh viên sẽ mở rộng kiến thức kế toán & kiểm toán và hiểu sâu hơn về con đường phát triển nghề nghiệp của mình. Để đánh giá môn học, sinh viên được yêu cầu phải nộp 3 báo cáo ngoại khoá đối với 3 chủ đề được diễn giả trình bày.

44. BA138IU – Lý thuyết danh mục đầu tư và quản trị (Portfolio theory and Management).

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Quản trị Tài chính (Fundamentals of Financial Management – BA016IU); Kế toán tài chính (Financial Accounting – BA184IU) hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 2 – BA284IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Phân tích lý thuyết và phân tích đầu tư nhằm mục đích làm quen với các cơ sở khái niệm về lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại và các chiến lược quản lý danh mục đầu tư. Nó tập trung vào việc áp dụng mô hình định giá và các kỹ thuật khác trong định giá chứng khoán, đo lường rủi ro danh mục đầu tư và xác định hiệu suất danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư tối ưu và áp dụng quan điểm về quản lý đầu tư cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Kinh nghiệm học tập sẽ bao gồm: giới thiệu về lý thuyết danh

mục đầu tư hiện đại, chiến lược quản lý danh mục thụ động và tích cực, mô hình định giá các công cụ tài chính như trái phiếu và cổ phiếu; đánh giá rủi ro và lợi nhuận của danh mục đầu tư so với các tiêu chí chuẩn, Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) và các vấn đề khác về tài chính.

45. BA022IU – Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management).

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học này thảo luận về các yếu tố đặc trưng của logistics kinh doanh tích hợp và vai trò và ứng dụng các nguyên tắc hậu cần trong quản lý chuỗi cung ứng / nhu cầu / giá trị; và trình bày các hoạt động cơ bản liên quan đến hậu cần và quản lý chuỗi cung ứng.

46. BA134IU – Thị trường và các định chế tài chính (Financial Institution and Markets).

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học này cung cấp cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về vai trò của các tổ chức tài chính trung gian trên thị trường tài chính. Nó giúp sinh viên phân biệt giữa các tổ chức tài chính với tiền gửi và những người không có tiền gửi, hiểu và phân tích cấu trúc hoạt động của thị trường tài chính. Phân biệt các loại chứng khoán như cổ phiếu, tiền tệ, trái phiếu và các công cụ tài chính khác.

47. BA098IU – Khoa học lãnh đạo (Leadership).

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học chuẩn bị cho sinh viên về vai trò lãnh đạo trong cộng đồng cũng như trong ngành nghề trong tương lai, cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và nền tảng để trở thành một nhà lãnh đạo hiệu quả. Môn học giúp sinh viên hiểu được các yếu tố dẫn đến việc lãnh đạo thành công. Sinh viên sẽ đạt được các kỹ năng cả về lý thuyết và thực tế cần thiết để thành công trong cả cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp tương lai.

Môn học dành cho sinh viên quan tâm đến việc đạt được một nền tảng trong nghiên cứu về lãnh đạo và các khóa học mở rộng trong các khía cạnh ứng dụng của lãnh đạo.

48. BA065IU - Định giá và phân tích kinh doanh (Business Analysis and Evaluation)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting, or Financial Accounting 2 – BA184IU, BA284IU); Nguyên lý Quản trị tài chính (Fundamental of Financial Management – BA016IU); Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance – BA054IU).

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Định giá và phân tích kinh doanh được thiết kế để giúp sinh viên hiểu báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp. Môn học này nhấn mạnh các ứng dụng thực tế. Chính vì vậy, đa số thời gian của môn học này sẽ được sử dụng phân tích và thảo luận các báo cáo tài chính trong bối cảnh thực tế. Bài giảng và các tài liệu thảo luận từ sách giáo trình và bài báo từ các tạp chí tài chính sẽ được cung cấp cho khoá học.

Phần lớn khoá học sẽ phân tích tổng quát, nhưng sẽ tập trung chủ yếu vào các công ty đại chúng tuân theo luật chứng khoán. Nửa đầu tiên của khoá học sẽ tập trung vào phát triển bốn bước chủ yếu trong khuôn mẫu phân tích cơ bản: Các công cụ này được sử dụng để tiến hành phân tích kinh doanh toàn diện các công ty đại chúng từ các khía cạnh khác nhau, ví dụ như định giá chứng khoán vốn chủ sở hữu, và hợp nhất và sát nhập.

49. BA192IU - Quản trị tài chính quốc tế (International Financial Management)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Quản trị tài chính (Fundamental of Financial Management – BA016IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Chủ đề này giới thiệu và mở rộng việc ra quyết định tài chính trong bối cảnh quốc tế. Nó sẽ giới thiệu tỷ giá hối đoái vào phương trình, quan sát các tác động và điều tra các yếu tố có thể giải thích các biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nó sẽ xem xét các chiến lược để giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái. Nó cũng sẽ bao gồm một

loạt các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa của thị trường vốn, bao gồm đầu tư quốc tế, chi phí đa quốc gia về vốn, cấu trúc vốn và tái cơ cấu.

50. BA213IU - Quản trị công ty (Corporate Governance)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Quản trị công ty quan tâm tới sự sở hữu, kiểm soát và trách nhiệm giải trình của công ty. Vấn đề này đã trở nên quan trọng hơn bởi vì đang có sự gia tăng về những câu hỏi ví dụ như là: Công ty đang được chạy trên lợi ích của ai; Cơ chế nào giúp đảm bảo lợi ích của cổ đông; Cơ sở gì để thiết lập tiền lương cho ban quản lý; và tại sao, mặc cho sự hình thức hóa của rất nhiều thủ tục và thông lệ để quản trị công ty tốt, mọi thứ đều diễn ra trật đường ray dẫn đến sự sụp đổ của các công ty và sự mất tin vào việc quản trị doanh nghiệp một cách tổng quát ?

51. BA220IU - Quản trị vốn lưu động (Working Capital Management)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Quản trị tài chính (Fundamental of Financial Management – BA016IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục đích của khóa học này là để kiểm tra lý thuyết và thực hành quản lý vốn lưu động. Khóa học phân tích các yếu tố, bản chất của quản lý vốn lưu động và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách vốn lưu động. Các chủ đề chính của nghiên cứu bao gồm: giới thiệu các thuật ngữ, chính sách, thực hành tốt nhất trong quản lý vốn lưu động; đánh giá tỷ lệ vốn lưu động; quản lý tiền mặt, chứng khoán có thể bán, hàng tồn kho, khoản phải thu và tài chính ngắn hạn; và lập kế hoạch tài chính và dự báo.

52. BA153IU - Thực tập định hướng (Internship)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Đây là kỳ thực tập bắt buộc trong đó sinh viên phải trải qua một thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thực tập tối thiểu là 32 ngày làm việc (tương đương khoảng 2 tháng toàn thời gian hoặc 4 tháng bán thời gian) (2 tháng hoặc 4 tháng chỉ là

ước lượng tùy vào sinh viên thực tập bao nhiêu ngày trong tuần rồi cộng lại trên 32 ngày làm việc là đạt yêu cầu chứ không nhất thiết phải là 2 tháng hay tháng).

53. BA170IU - Luận văn tốt nghiệp (Thesis)

Số tín chỉ: 12 (12,0)

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (Business Research Method – BA161IU), Thực tập định hướng 1 (BA153IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Đây là nghiên cứu tốt nghiệp, trong đó sinh viên thực hiện một nghiên cứu với sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 1 học kỳ. Sinh viên sẽ tự chọn chủ đề, xây dựng đề cương và tiến hành nghiên cứu, lập báo cáo và sau đó trình bày trước hội đồng.

TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trịnh Quốc Đạt

Đinh Đức Anh Vũ

Phụ lục I
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN KHÓA
2024 SO VỚI KHÓA 2023

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQ ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)*

1. Các môn học loại bỏ khỏi chương trình đào tạo

- BA274IU Workshop 2 on Business Management
- BA273IU Workshop 2 on International Business
- BA275IU Workshop 2 on Marketing
- BA272IU Workshop 2 on Hospitality Management
- BA257IU Workshop 2 on Financial

2. Các môn học bổ sung vào chương trình đào tạo

Không có.

3. Các điều chỉnh khác

Không có.

**4. Hướng xử lý cho các sinh viên khóa cũ khi chưa học các môn học bị loại bỏ khỏi
chương trình đào tạo**

Không có.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC
(Sắp xếp đúng thứ tự môn học theo Bảng 9 - Nội dung CTĐT)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA Kinh tế, Tài chính và Kế toán
ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE015IU

TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN

Lưu ý: Đề cương với thời gian học và địa điểm cụ thể cùng những tài liệu giảng dạy mới nhất cho học kì này sẽ được giảng viên cung cấp cho sinh viên sau khi đăng kí.

TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

1. Thông tin môn học

- **Tên môn học:** Triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin
- **Số tín chỉ:** 3
- **Trình độ:** Sinh viên năm thứ nhất
- **Phân bổ thời gian:**
 - **Nghe giảng:** 70%
 - **Thảo luận:** 30%

2. Điều kiện tiên quyết: Không.

3. Mô tả vắn tắt nội dung: Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành *3 phần, 9 chương*: *Phần thứ nhất* có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; *phần thứ hai* có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; *phần thứ ba* có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình Triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.
- Tài liệu tham khảo: Giáo trình các môn học Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2007; các tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, tổ chức biên soạn.

5. Mục tiêu của môn học: Môn học Triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;
- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

6. Nội dung chi tiết: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng
- Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

8. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hiện hành.

- **Thang điểm:** 100

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE018IU

LỊCH SỬ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lưu ý: Đề cương với thời gian học và địa điểm cụ thể cùng những tài liệu giảng dạy mới nhất cho học kì này sẽ được giảng viên cung cấp cho sinh viên sau khi đăng kí.

LỊCH SỬ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Thông tin môn học

- **Tên môn học:** Lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam
- **Số tín chỉ:** 2
- **Trình độ:** Sinh viên năm thứ nhất
- **Phân bổ thời gian:**
 - **Nghe giảng:** 70%
 - **Thảo luận:** 30%

2. Điều kiện tiên quyết: Triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin (PE015IU), Tư tưởng Hồ Chí Minh (PE012IU)

3. Mô tả vắn tắt nội dung: Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình Lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Các Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam

5. Mục tiêu của môn học:

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.
- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

6. Nội dung chi tiết: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 phần:

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
- Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)
- Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)
- Đường lối công nghiệp hoá
- Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- Đường lối xây dựng hệ thống chính trị
- Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội
- Đường lối đối ngoại.

7. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hiện hành.

- Thang điểm: 100

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải nghiên cứu trước giáo trình, đọc các tài liệu có liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.
- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA Kinh tế, Tài chính và Kế toán

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE019IU

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Lưu ý: Đề cương với thời gian học và địa điểm cụ thể cùng những tài liệu giảng dạy mới nhất cho học kì này sẽ được giảng viên cung cấp cho sinh viên sau khi đăng kí.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin môn học:

- **Tên môn học:** Tư tưởng Hồ Chí Minh
- **Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- **Trình độ:** **Sinh viên năm thứ nhất.**
- **Phân bổ thời gian:**
 - Nghe giảng: 70%
 - Thảo luận: 30%

2. Điều kiện tiên quyết: Triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin (PE015IU)

3. Mô tả vắn tắt nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.
- Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn.
- Sách tham khảo: các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh của Ban Tuyên giáo TW.
- Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập.
- Các Nghị quyết, văn kiện của Đảng.

5. Mục tiêu môn học:

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.

- Cùng với môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

6. Nội dung chi tiết: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hiện hành.

- Thang điểm 100

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị thảo luận và đọc, sưu tầm các tư liệu có liên quan đến nội dung của chương.

- Dành thời gian cho việc nghiên cứu trước bài giảng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN**

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE016IU - KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Kinh tế chính trị Mác-Lênin
(Marxist – Leninist Political Economy)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Tên môn học (tiếng Anh):	Marxist – Leninist Political Economy
Mã số môn học:	PE016 14
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	20 (trên lớp)
Số tiết thực hành:	10 (trên lớp)
Số tiết tự học:	60 (về nhà)
Môn học song hành:	1. Triết học Mác - Lênin
Giảng viên phụ trách:	Khoa Chính trị - Hành chính, DHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

- 2.1. Một là, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận.
- 2.2. Hai là, trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.
- 2.3. Ba là, góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lê nin đối với sinh viên.



3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Tài liệu bắt buộc: Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin dành cho bậc đại học không chuyên kinh tế chính trị.
- Tài liệu đọc thêm::
 - + Robert, JR và Robert F. Hebert (2003), Lịch sử các học thuyết kinh tế, Bản tiếng Việt, Nxb Thống kê.
 - + Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin, NXB Lý luận Chính trị.
 - + Các. Mác – Ph. Ăng gen: Toàn tập, tập 20, tập 23, tập 25, Nxb Chính trị quốc gia, 1994.
 - + V.I.Lê nin toàn tập, tập 3, tập 27, NXB Tiến bộ Maxcova, 1976.
 - + Davig Begg, Stanley Fisher, Rudiger Dornbusch, Kinh tế học, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1992.
 - + Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - + Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua ba mươi năm đổi mới (1986 – 2016), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - + Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về: “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”
 - + Chỉ thị số 16/CT-TTg (2017) “về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.
 - + Jeremy Rifkin (2014), Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bản dịch tiếng Việt, NXB Lao động xã hội.
 - + Manfred B. Steger (2011), Toàn cầu hóa, Nxb Tri thức.



+ Klaus Schwab (2015): Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, 2018.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	LO.1.1 – Nắm được sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin LO.1.2 – Xác định được đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin. LO.1.3 – Hiểu rõ được phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin LO.1.4 – Hiểu rõ các chức năng của môn học kinh tế chính trị Mác – Lênin.	2.1		I3
LO.2	HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG.	LO.2.1- Hiểu rõ sản xuất hàng hóa và điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa LO.2.2 – Hiểu rõ hàng hóa, hai thuộc tính của hàng hóa và mối quan hệ giữa hai thuộc tính LO.2.3 – Hiểu rõ mối quan hệ giữa tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa với hai thuộc tính của hàng hóa LO.2.4 – Hiểu rõ mặt chất và lượng của giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa LO.2.5 – Hiểu rõ được nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ. LO.2.6 – Hiểu rõ về thị trường, vai trò của thị trường, cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường.	2.1		T4



		LO.2.7 - Hiểu rõ được một số quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường.			
		LO.2.8 - Hiểu rõ vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.			
LO.3	GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.3.1 – Hiểu rõ được tư bản là gì, công thức chung của tư bản và mâu thuẫn công thức chung của tư bản.	2.1	T4	
		LO.3.2 - Hiểu rõ được hàng hóa sức lao động là gì, tại sao nghiên cứu hàng hóa sức lao động giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản	2.1		
		LO.3.3 - Hiểu rõ được giá trị thặng dư là gì. Xác định được có mấy phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.	2.1 2.3		
		LO.3.4 - Hiểu rõ được bản chất của tích lũy tư bản, nhưng nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản và hệ quả của tích lũy tư bản.	2.3		
		LO.3.5 - Hiểu rõ được các khái niệm: chi phí sản xuất, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, lợi nhuận thương nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận.	2.1		
		LO.3.6 - Hiểu rõ được lợi tức là gì.	2.1		
		LO.3.7 - Hiểu rõ được địa tô tư bản chủ nghĩa. Có mấy loại địa tô tư bản chủ nghĩa và giá cả ruộng đất.	2.1 2.3		
		LO.4.1 – Hiểu rõ được quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	2.1		

LO.4	CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.4.2 - Hiểu rõ được nguyên nhân hình thành độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	2.1.	T3
		LO.4.3 - Hiểu rõ được những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản theo quan điểm của V.I. Lênin	2.1	
		LO.4.4 - Hiểu rõ được nguyên nhân hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	2.1	
		LO.4.5 - Hiểu rõ được bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và những biểu hiện chủ yếu của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.	2.3	
		LO.4.6 – Nắm được vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.	2.1	
LO.5	KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	LO.5.1 – Hiểu rõ được khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1	T4
		LO.5.2 - Hiểu rõ được tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1	
		LO.5.3 – Nắm được những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2.1	
		LO.5.4 – Hiểu rõ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì và sự cần thiết phải hoàn thiện nó.	2.1	
		LO.5.5 – Nắm được những nội dung cơ bản của hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1	
		LO.5.6 – Hiểu rõ được khái niệm lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế	2.2	
		LO.5.7 – Hiểu rõ được vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích	2.1	
		LO.6.1 – Hiểu rõ được cách mạng công nghiệp là gì, khái quát được các cuộc cách mạng đã diễn ra trong lịch sử.	2.1	T4
		LO.6.2 - Hiểu rõ vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát	2.1	



LO.6	CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM	triển.			
		LO.6.3 – Hiểu được công nghiệp hóa là gì và các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới.	2.1		
		LO.6.4 – Hiểu rõ tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.	2.1		
		LO.6.5 – Nắm được những nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.	2.1		
		LO.6.6 – Nắm được công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	2.3		
		LO.6.7 – Hiểu rõ được hội nhập kinh tế quốc tế là gì. Vì sao hội nhập kinh tế quốc tế là sự cần thiết khách quan.	2.1		
		LO.6.8 – Nắm được những nội dung và tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế.	2.3		
		LO.6.9 – Nắm được phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	2.3		
5.2. Kỹ năng					
LO.7	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.7.1. Có kỹ năng khái quát hóa để rút ra Từ khóa tri thức đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống	2.1		U4
		LO.7.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn	2.2		
		LO.7.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc	2.4		
5.3. Thái độ					
LO.8	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VÀ SAU KHI HỌC TẬP	LO.8.1. Có ý thức trách nhiệm bảo vệ tính khoa học, cách mạng, nhân văn của CN Mác – Lênin	2.1		U3
		LO.8.2. Có ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, cộng đồng	2.2		
		LO.8.3. Có nhận thức về sự cần thiết học tập, nghiên cứu suốt đời và vận	2.3		

ANH
 KHOA
 NH TRI - NH
 DAI

		dụng nó trong cuộc sống.			
--	--	--------------------------	--	--	--

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

TT (tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1 (1 tiết)	Giới thiệu về môn học	LO.1, LO.7;	Dạy: - Tự giới thiệu về giảng viên - Giới thiệu đề cương và tài liệu môn học - Hướng dẫn cách thức dạy và học và cách đánh giá. - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) Học ở lớp: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập Học ngoài lớp: - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW) - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2 (2 tiết)	Chương 1 ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	LO.1; LO.7 LO.8	Dạy: I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KTCT MÁC – LÊNIN 1. Giai đoạn từ cổ đại đến thế kỷ 18 2. Giai đoạn từ sau thế kỷ 18 đến nay II. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN. 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Mục đích nghiên cứu III. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN. 1. Chức năng nhận thức 2. Chức năng thực tiễn 3. Chức năng tư tưởng 4. Chức năng phương pháp luận Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp. Học ngoài lớp: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm	Thi giữa kỳ (Quiz)



		GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	
3 (6 tiết)	Chương 2 HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG.	Dạy: I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA. 1. Sản xuất hàng hóa - Khái niệm sản xuất hàng hóa - Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa. 2. Hàng hóa - Khái niệm hàng hóa - Hai thuộc tính của hàng hóa - Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa - Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. 3. Tiền - Nguồn gốc và bản chất của tiền - Chức năng của tiền 4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt. LO.2 LO.7 LO.8 II. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG. 1. Thị trường - Khái niệm về thị trường - Vai trò của thị trường. - Cơ chế thị trường - Nền kinh tế thị trường. 2. Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. - Người sản xuất. - Người tiêu dùng. - Các chủ thể trung gian trong thị trường. - Nhà nước. Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 3	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)
4 (6 tiết)	Chương 3 GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	Dạy: I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ. 1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 2. Bản chất của giá trị thặng dư 3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. II. TÍCH LŨY TƯ BẢN. - Bản chất của tích lũy tư bản - Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy. LO.3 LO.7 LO.8	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)

			- Một số hệ quả của tích lũy tư bản. III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. 1. Lợi nhuận 2. Lợi tức 3. Địa tô tư bản chủ nghĩa Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình Đọc trước tài liệu chương 4	
5 (5 tiết)	Chương 4 CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.4 LO.7 LO.8	Dạy: I. QUAN HỆ GIỮA CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. II. ĐỘC QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. 1. Lý luận của V.I. Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường. - Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền. - Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản 2. Lý luận của V.I. Lê nin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Nguyên nhân ra đời và phát triển của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Bản chất của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.. - Những biểu hiện chủ yếu của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 5	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
6 (5 tiết)	Chương 5 KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	LO.5 LO.7 LO.8	Dạy: I. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM 1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. II. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)



		THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM. 1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam một số khía cạnh chủ yếu. III. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM. 1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế. 2. Vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình Đọc trước tài liệu chương 6	
7 (5 tiết)	Chương 6 CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM	LO.6 LO.7 LO.8 Dạy: I. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM. 1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa. - Khái quát về cách mạng công nghiệp - Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới 2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. - Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. - Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4. II. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM. 1. Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. - Khái niệm và sự cần thiết khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế. - Những nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế 2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. - Tác động tích cực. - Tác động tiêu cực 3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)



		Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình.	
--	--	---	--

7. Đánh giá môn học

ST T	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GH W	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	15%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.4 LO.5 LO.6 LO.7 LO.8
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi chung	20%	Tự luận đề mở	LO.2 LO.3
3	DIC	Thảo luận, chuyên cần tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.7 LO.8
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận đề đóng	LO.2 LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7 LO.8
			Tổng cộng	100%		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
----	--------------	----------	-------------	-------------------

LO.1	Nhận biết được vị trí của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hệ thống lịch sử tư tưởng kinh tế và nắm được đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.2 LO.7	Nắm rõ nội dung: sản xuất hàng hóa, điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa, khái niệm hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa, chất và lượng của giá trị hàng hóa, mối quan hệ giữa tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa với hai thuộc tính của hàng hóa, các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa, nguồn gốc ra đời, bản chất và chức năng của tiền. Thị trường, cơ chế thị trường, nền kinh tế thị trường và vai trò các chủ thể tham gia thị trường	Chương 2	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: tư bản là gì?. Công thức chung và mâu thuẫn công thức chung của tư bản. Hàng hóa sức lao động và tính chất đặc biệt của giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động. Giá trị thặng dư và hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. Tích lũy tư bản và những nhân tố làm tăng quy mô tích lũy. Các khái niệm về chi phí sản xuất, lợi nhuận, lợi tức và địa tô tư bản chủ nghĩa	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.4 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Tổ chức độc quyền là gì?, nguyên nhân hình thành các tổ chức độc quyền. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền theo quan điểm của V.I. Lênin. Lý luận về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. Vai trò lịch sử	Chương 4	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV



	của chủ nghĩa tư bản.			
LO.5 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế. Vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích.	Chương 5	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.6 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: cách mạng công nghiệp là gì? Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển. Công nghiệp hóa là gì?. Các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là gì. Tính tất yếu khách quan phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Hội nhập kinh tế quốc tế là gì, sự cần thiết khách quan phải hội nhập kinh tế quốc tế. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.	Chương 6	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV



9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với giảng viên qua email: lethong0804@gmail.com
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.

Tuần 4 (buổi thứ 4) thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV

- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Đình Quốc Cường



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Lê Văn Chơn', with a horizontal line drawn underneath it.

Lê Văn Chơn



**VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY**
School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE017IU - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học
(Scientific socialism)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tên môn học (tiếng Anh):	Scientific socialism
Mã số môn học:	PECHIU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
<i>Số tiết lý thuyết:</i>	<i>30 (trên lớp)</i>
<i>Số tiết thực hành:</i>	
<i>Số tiết tự học:</i>	<i>60 (về nhà)</i>
Môn học trước:	1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, 2. Triết học Mác - Lênin
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

- 2.1. Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin).
- 2.2. Giúp cho sinh viên vận dụng những tri thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ*



- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	LO.1.1 - Khái lược sự ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học, hoàn cảnh lịch sử và vai trò của Các Mác và Ph. Ăngghen, LO.1.2 – Nhận biết được các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học thể hiện qua các tác phẩm tiêu biểu từ giai đoạn C. Mác đến giai đoạn Lênin và sau Lênin LO.1.3 – Nắm rõ được đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.1	1.1.3	I3
LO.2	SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	LO.2.1- Hiểu rõ khái niệm giai cấp công nhân và đặc điểm của giai cấp công nhân LO.2.2 – Nắm rõ nội dung, đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân LO.2.3 – Giải thích được những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân LO.2.4 – Phân tích được những điểm tương đồng và khác biệt của giai cấp công nhân hiện nay và việc thực hiện sứ mệnh của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay LO.2.5 – Nắm rõ những đặc điểm cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1 2.2	1.1.3	T4



		lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay LO.2.6 – Trình bày được phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.	2.1 2.2		
LO.3	CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3.1 - Hiểu rõ Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội công sản chủ nghĩa LO.3.2 – Trình bày được những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội LO.3.3 – Giải thích được tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.3.4 – Hiểu rõ đặc trưng của thời kỳ quá độ và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trình bày được những phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	2.1	1.1.3	I3
LO.4	DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	LO.4.1 – Giải thích được quan niệm về dân chủ và sự ra đời và phát triển của dân chủ trong lịch sử xã hội loài người LO.4.2 – Nắm rõ quá trình ra đời và bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa LO.4.3 – Hiểu được sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng như mối quan hệ giữa dân chủ và nhà nước LO.4.4 – Hiểu được sự ra đời, phát triển và bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam LO.4.5 – Trình bày được đặc điểm và các giải pháp cơ bản	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1 2.2	1.1.3	T4

HỒ CHÍ MINH

		nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay			
LO.5	CƠ CẤU XÃ HỘI GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.5.1 - Trình bày được khái niệm cơ cấu xã hội - giai cấp và sự biến đổi của cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.5.2 - Giải thích được tính tất yếu và nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.5.3 - Hiểu rõ cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ và trình bày được những giải pháp cơ bản nhằm xây dựng, phát triển khối liên minh giai cấp, tầng lớp xã hội ở Việt Nam hiện nay	2.1	1.1.3	I3
LO.6	VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.6.1- Hiểu rõ khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lenin về vấn đề dân tộc LO.6.2 - Trình bày được những đặc điểm cơ bản của dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam LO.6.3 - Hiểu được bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo và nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.6.4 - Giải thích được những đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam và chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng tôn	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1 2.2	1.1.3	T4



		giáo hiện nay	2.1 2.2		
		LO.6.5 – Hiểu rõ được đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam và trình bày được các định hướng cơ bản nhằm giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay			
LO.7	VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.7.1 - Khái lược được vị trí, chức năng và vai trò của gia đình trong xã hội LO.7.2 – Nhận biết được các cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.1.3 – Giải thích được sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ và trình bày được những phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2.1	1.1.3	I3
5.2. Kỹ năng					
LO.8	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.8.1. Có kỹ năng khái quát hóa để rút ra <i>Từ khóa tri thức</i> đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống LO.8.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn LO.8.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc	2.1 2.2	2.1.1 2.3.1 2.4.4 2.5 3.1.5	U4



5.3. Thái độ

LO.9	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VA SAU KHI HỌC TẬP	LO.9.1. Có ý thức trách nhiệm bảo vệ tính khoa học, cách mạng trong lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. LO.9.2. Có ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, cộng đồng. LO.9.3. Có nhận thức về sự cần thiết học tập, nghiên cứu suốt đời và vận dụng nó trong cuộc sống.	2.1 2.2	3.1	U3
------	---	---	------------	-----	----

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

TT (tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1 (1 tiết)	Giới thiệu về môn học	LO.1, LO.4;	Dạy: - Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm (GHW) Học ở lớp: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập Học ngoài lớp: - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW) - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2	Chương 1 NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	LO.1; LO.4 LO.5	Dạy: 1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 1.1. Hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2. Vai trò của C. Mác và Ăngghen 2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi Lênin qua đời đến nay 3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ	Thi giữa kỳ (Quiz)

			nghĩa xã hội khoa học 3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học 3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	
3	Chương 2 SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	LO.2 LO.4 LO.5	Dạy: 1. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LEENIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN 1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY 2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay 3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM 3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 3	Thi giữa kỳ (Quiz)
4	Chương 3 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3 LO.4 LO.5	Dạy: 1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội công sản chủ nghĩa 1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 1.3. Những đặt trưng cơ bản của chủ	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi giữa



			nghĩa xã hội 2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.2. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 4	kỳ (Quiz)
5	Chương 4 DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	LO.2 LO.4 LO.5	Dạy: 1. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM 3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 5	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
6	Chương 5 CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3 LO.4 LO.5	Dạy: 1. CƠ CẤU XÃ HỘI GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã	Thuyết trình nhóm (GHW)



	ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 3. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 6	Thi cuối kỳ (FEX)
7	Chương 6 VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.2 LO.4 LO.5	Dạy: 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc 1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam 2. TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay 3. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 7	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
8	Chương 7	LO.2	Dạy:	Thuyết

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.4 LO.5	1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH 1.1. Khái niệm gia đình 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 2. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 2.3. Cơ sở văn hóa 3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 3.1. Sự biến đổi gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình	trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
---	--------------	---	---

7. Đánh giá môn học

ST T	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GH W	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	15%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi của GV	20%	Tự luận đề mở	LO.1 LO.2 LO.3
3	DIC	Thảo luận, chuyên cần tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận đề đóng	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7

			Tổng cộng	100%		
--	--	--	------------------	-------------	--	--

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	Nhận biết quá trình ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học và các giai đoạn phát triển cơ bản	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.2 LO.4	Nắm rõ nội dung: quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay	Chương 2	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể của Việt Nam	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi giữa kỳ (Quiz)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung và ở Việt Nam nói riêng	Chương 4	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá	Chương 5	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp

HÀN
KHO
H TRỊ - H
ĐẠI

	độ lên chủ nghĩa xã hội			Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo, tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, tôn giáo và nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam	Chương 6	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay.	Chương 7	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa

9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW
 - Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.
 - Giảng dạy kết thúc chương 3, các nhóm thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.
 - Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV
- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối



thiếu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2019

KT. TRƯỜNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Đình Quốc Cường

)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Tư duy phản biện
 - + Tiếng Anh: **Critical thinking**
- Mã số môn học: **PE008IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Tư duy phê phán là một quá trình không thể thiếu đối với tất cả những người có học thức - quá trình mà chúng tôi phát triển và hỗ trợ niềm tin của chúng tôi và đánh giá sức mạnh của các lập luận của những người khác trong các tình huống thực tế. Nó bao gồm thực hành trong lý luận quy nạp và suy diễn, trình bày các đối số ở dạng nói và viết, và phân tích việc sử dụng ngôn ngữ để tác động đến suy nghĩ. Khóa học cũng áp dụng quy trình lý luận cho các lĩnh vực khác như kinh doanh, khoa học, luật, khoa học xã hội, đạo đức và nghệ thuật.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Critical Thinking: A Student's Introduction, 2nd ed. (Bassham, Irwin, Nardone, and Wallace).

Tài liệu khác:

- Critical Thinking, 9th ed. (B. N. More, R. Parker)
http://highered.mcgrawhill.com/sites/0072879599/student_view0/chapter1/multiple_choice_quiz.html
http://highered.mcgraw-hill.com/sites/0072879599/student_view0/

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi bạn đã hoàn thành khóa học này, bạn sẽ được nhiều hơn: • Tự ý thức, công nhận những thành kiến và ảnh hưởng của riêng bạn; • tò mò và tò mò, muốn tìm hiểu thêm về các vấn đề trước khi thông qua phán quyết; • Mục tiêu, căn cứ vào bản án của bạn về bằng chứng và tránh bằng chứng xoắn để phù hợp với ý kiến của bạn; • Tư duy cởi mở, có khả năng nói, "Tôi không biết" hoặc "tôi đã sai"; • Nhạy cảm với ngôn ngữ, tránh ngôn ngữ nghiêng, nhận ra ngôn ngữ mơ hồ, mơ hồ, đầy cảm xúc, xác định các thuật ngữ chính; • Tưởng tượng, tiếp cận các chủ đề và các vấn đề từ các góc độ khác nhau; • Công bằng và trung thực về mặt trí tuệ, tránh xuyên tạc ý tưởng của người khác hoặc hiểu sai dữ liệu và nghiên cứu để phù hợp với mục đích của riêng bạn.	PLO1, PLO3	5%

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về môn học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Những rào cản của tư duy phân biện	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Đọc và ghi nhận	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz

4	Những lý thuyết về logic căn bản	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Suy nghĩ diễn dịch và quy nạp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Logic phân loại	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Logic mệnh đề	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ngôn ngữ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Lỗi nguy biện logic	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Lỗi nguy biện logic (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

11	Phân tích biện luận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Đánh giá biện luận và tuyên bố sự thật	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Lập luận quy nạp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Tìm kiếm, đánh giá và sử dụng nguồn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá (5)
----------------------	-----------------	--------------------	----------------------	---------------------

			(4)	
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này.

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế vi mô
 - + Tiếng Anh: **Introduction to Microeconomics**
- Mã số môn học: **BA117IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Kinh tế vi mô là khóa học giới thiệu về kinh tế học. Khóa học được thiết kế để dạy cho bạn những công cụ cơ bản về phân tích kinh tế vi mô. Kinh tế vi mô là chi nhánh của kinh tế học có liên quan đến sự tương tác của các hộ gia đình và các công ty trong các thị trường riêng lẻ. Một số vấn đề chúng ta sẽ nghiên cứu bao gồm giá cả và mức đầu ra được xác định, điều gì sẽ xảy ra khi chính phủ can thiệp vào thị trường, khi thị trường “thất bại”, làm thế nào để thị trường sản xuất “sử dụng hiệu quả” tài nguyên khan hiếm của xã hội và là thị trường kết quả công bằng. Học “suy nghĩ như một nhà kinh tế học” sẽ giúp bạn trở thành một sinh viên, người tiêu dùng, nhân viên và cử tri có hiểu biết nhiều hơn. Khóa học này không có bất kỳ kiến thức nào về kinh tế học. Tuy nhiên, nếu bạn đã đăng ký kinh tế học vĩ mô, nó cho phép bạn hiểu rõ hơn về kinh tế vi mô.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Lecture Ready 3 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press, 2007

Tài liệu khác:

Lecture Ready 1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm:** N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khi hoàn tất khóa học này, sinh viên sẽ có thể: Nhận thức tầm quan trọng của các mô hình kinh tế trong phân tích kinh tế. Hiểu chi phí cơ hội và cách khái niệm này có thể được áp dụng trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống. Sử dụng phân tích cung và cầu để dự đoán những thay đổi về giá / số lượng trên thị trường, bao gồm cả khi chính sách của chính phủ đóng vai trò thiết yếu trong các thị trường này. Xác định độ co giãn ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và quyết định sản xuất của doanh nghiệp như thế nào. Nhận biết vai trò của tiện ích trong các lựa chọn tiêu dùng. Áp dụng mối quan hệ giữa sản xuất và chi phí để xác định sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp ở các loại thị trường khác nhau. Hiểu một cơ thể kiến thức khoa học xã hội và quan điểm kỷ luật của nó. Hiểu các thị trường được đặc trưng bởi sự cạnh tranh độc quyền và không hoàn hảo.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
-------------------	---	------------------------------------	----

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu những kiến thức căn bản về kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Những kiến thức căn bản về kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Cung cầu và giá thị trường	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Cung cầu và giá thị trường (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

5	Sự co giãn và sự áp dụng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Sự sản xuất và chi phí sản xuất	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thị trường cạnh tranh hoàn hảo	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Sự độc quyền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Độc quyền cạnh tranh và độc quyền nhóm	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Độc quyền cạnh tranh và độc quyền nhóm (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Thị trường của các yếu tố đầu vào	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên

nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán/ bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế vĩ mô
 - + Tiếng Anh: **Introduction to Macroeconomics**
- Mã số môn học: **BA119IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

1. Mục tiêu chính của kinh tế vĩ mô là để hiểu rõ hơn về các vấn đề kinh tế rộng lớn của một quốc gia, một khu vực và nền kinh tế toàn cầu cũng như đánh giá tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đối với nền kinh tế trong nước và toàn cầu. Các chủ đề bao gồm tăng trưởng kinh tế, chi phí sinh hoạt, tiết kiệm và đầu tư, thất nghiệp, lạm phát, tổng cầu và cung, chính sách tài chính và tiền tệ. Học sinh được tiếp xúc với cả lý thuyết kinh tế vĩ mô và các vấn đề kinh tế vĩ mô đương đại. Học sinh tập trung vào cách phát triển các công cụ kinh tế và áp dụng những công cụ đó để hiểu các vấn đề đương đại.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Mankiw, N.G., Principles of Macroeconomics or Principles of Economics, South-Western, Cengage Learning, 6e.

Tài liệu khác:

Begg, D., Fischer, S., and Dornbusch, R., Economics, McGraw-Hill, 9e.

Blanchard, O., and Johnson, D.R., Macroeconomics, Pearson, 6e.

DeLong, B., and Olney, M., Macroeconomics, McGraw-Hill/Irwin, 2e.

Olney, M., Macroeconomics as a Second Language, Wiley, 1e.

McConnell, C., Brue, S., and Flynn, S., Macroeconomics, McGraw-Hill, 19e.

Williamson, S.D., Macroeconomics, Pearson, 5e.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng - Hiểu bốn vấn đề kinh tế vĩ mô và cách chúng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia. - Biết cách đo lường tốc độ tăng trưởng kinh tế hoặc suy thoái kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, thâm hụt ngân sách và thâm hụt thương mại trong nền kinh tế - Hiểu các chính sách kinh tế vĩ mô như: chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách đối ngoại và chính sách thu nhập. Sau khóa học, sinh viên sẽ có thể: - Phân tích tình hình kinh tế trong nước và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả. - Đo lường hiệu quả kinh tế của một quốc gia và các chỉ số kinh tế vĩ mô như thất nghiệp, lạm phát, cán cân thanh toán, v.v. - Hiểu được hiệu quả của các loại chính sách của chính phủ đối với nền kinh tế và phát triển các hoạt động để đối phó với những tác động tiêu cực.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Đo lường thu nhập của Quốc Gia	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Đo lường chi phí sống Ảnh hưởng của lạm phát	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Sản xuất và phát triển	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Tiết kiệm, Đầu tư và hệ thống tài chính của quốc gia	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

6	Hệ thống tiền tệ	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Sức mạnh của đồng tiền và tỷ lệ lạm phát	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Kiến thức căn bản: yếu tố vi mô của nền kinh tế mở.	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Lý thuyết kinh tế vĩ mô về nền kinh tế mở	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Tổng cung và tổng cầu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ và tài khoá lên tổng cầu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
13	Sự đánh đổi ngắn hạn giữa thất nghiệp và lạm phát	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	REVIEW	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1...	Gx.x ...	Dạy: ... Học ở lớp: ... Học ở nhà: ...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian

để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán/ bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Giới thiệu về Tâm lý học

+ Tiếng Anh: **Introduction to Psychology**

- Mã số môn học: **BA118IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Các nguyên tắc và lý thuyết tâm lý bao gồm phương pháp luận và phân tích ngắn gọn về các lĩnh vực nội dung chính từ phát triển, nhận thức và học tập đến động lực / cảm xúc, nhân cách và quy trình xã hội. BA197IU - Giới thiệu về Xã hội học (E) 3 tín chỉ Khóa học này cung cấp một sự hiểu biết cơ bản về bản chất của khoa học xã hội, giới thiệu các lĩnh vực xã hội học và các chủ đề chính của nó, và tạo điều kiện cho việc phát triển nhận thức về ngôn ngữ và phương pháp liên quan đến nghiên cứu khoa học Xã hội.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Dennis Coon & John O. Mitterer (2009) Introduction to Psychology –Active Learning Through Modules 12th Ed. WADSWORTH Cengage Learning

Tài liệu khác:

Stephen F. Davis & Joseph J. Palladino (2013) Psychology, 7th Ed. Pearson Custom Publishing.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Hướng tới mục tiêu này, các mục tiêu là mỗi học sinh sẽ: Về chủ đề: Tìm hiểu cách mọi người cư xử — những gì họ thấy, cảm nhận của họ, cách họ làm việc, cách họ yêu thích, điều gì khiến họ hạnh phúc, v.v. Điều này áp dụng cho bạn, cho sự nghiệp của bạn, và mối quan hệ cá nhân của bạn như với bạn bè, cha mẹ, con cái tương lai, ông chủ, đồng nghiệp và đối thủ. Khóa học kết hợp một tập hợp các tài liệu bao gồm một loạt các chủ đề phụ, từ phát triển và học tập đến động lực / cảm xúc, cá tính, gián điệp sức khỏe, rối loạn tâm lý và các quá trình xã hội. Ngoài ra, khóa học còn cung cấp nhiều tài liệu cho sinh viên để lựa chọn việc học thêm. Học sinh học nhiều hơn thế giới kinh doanh, nghiên cứu hầu hết các khía cạnh thân mật và quan trọng trong cuộc sống của chúng ta, như chúng ta hạnh phúc, cách chúng ta lớn lên, cách chúng ta già đi, xã hội ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào và cơ thể chúng ta ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào. Vì nó là một lĩnh vực rộng lớn, chúng tôi sẽ chỉ lấy mẫu một số phần tâm lý - những thứ liên quan đến các phần quan trọng của cuộc sống và của thế giới kinh doanh. Về tài nguyên: Tìm hiểu cách sử dụng một loạt thông tin, từ trang web đến các bài báo học thuật đến sách, để sinh viên có thể tiếp tục học hỏi, phát triển trong sự hiểu biết về hành vi của con người trong suốt cuộc đời. Về phương pháp: Tìm hiểu cách phát hiện thông tin sai - một số thông tin là gì, cách họ đến, cách họ được ủng hộ,	PLO1, PLO3	5%

	lý do họ sai, bằng chứng trái ngược là gì và cách thực hiện bước tiếp theo. Về ứng dụng: Tìm hiểu cách áp dụng chúng vào cuộc sống của bạn. Thông qua các ứng dụng, bạn học sâu hơn, giữ lại nhiều hơn và hưởng lợi nhiều hơn. Kiến thức có thể trở thành sức mạnh cho bạn.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U

G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
----------------------	-----------------	--------------------	-----------------------------	---------------------

1	Tâm lý học là gì?	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Cảm giác và nhận thức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Học tập	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Bộ nhớ con người	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Trí thông minh và nhận thức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Động cơ và cảm xúc	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Động cơ và cảm xúc	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng	N/A

	Kỳ thi giữa kỳ		Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
9	Tình dục con người	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Nhân cách con người	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Human Personality	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Tâm lý học sức khỏe	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Tâm lý xã hội	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: giới thiệu về xã hội học
 - + Tiếng Anh: **Introduction to Sociology**
- Mã số môn học: **BA118IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp một sự hiểu biết cơ bản về bản chất của khoa học xã hội, giới thiệu các lĩnh vực xã hội học và các chủ đề chính của nó, và tạo điều kiện cho sự phát triển của nhận thức về ngôn ngữ và phương pháp liên quan đến nghiên cứu khoa học xã hội.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Schaefer, R. T. (2008), *Sociology: A Brief Introduction*, 12th ed., McGraw Hill.

Tài liệu khác:

- Brinkerhoff, D. et al (2011), *Essentials of Sociology*, 8th edition, Wadsworth.
- Marsh, I. and Keating, M. (2006), *Sociology – Making Sense of Society*, 3rd Edition, Pearson & Prentice Hall.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TDNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: • biết và hiểu các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của xã hội học khi chúng liên quan đến nghiên cứu quản lý kinh doanh. • tổ chức các ý tưởng thu được từ sự hiểu biết lý thuyết về xã hội học và áp dụng chúng vào các tình huống kinh doanh và quản lý Học sinh có thể thực hiện các việc sau khi hoàn thành lớp học này: • Giải thích một số lý do để nghiên cứu xã hội học. • Xác định và thảo luận các vấn đề chính liên quan đến các cuộc tranh luận về thay đổi xã hội trong các lĩnh vực như nhóm và tổ chức, giới tính, tương tác xã hội và mạng lưới, cấu trúc xã hội, văn hóa, v.v. • Thảo luận và phân tích các quan điểm lý thuyết xã hội học cơ bản chung • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán khi các chủ đề khóa học được thảo luận và tranh luận. • Nâng cao kỹ năng viết thông qua các bài tiểu luận và bài tập viết trong lớp.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
-------------------	---	--	----

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Hiểu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Hiểu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Hiểu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz

4	Văn hóa - Phần 1	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Văn hóa - Phần 2	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Văn hóa - Phần 3	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Tương tác xã hội và cấu trúc xã hội	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Các nhóm và tổ chức - Phần 1	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Các nhóm và tổ chức - Phần 2	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
11	Gia đình và mối quan hệ thân mật	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Phân tầng theo giới tính	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Độ lệch và kiểm soát xã hội	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh

sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Địa lý kinh tế thế giới

+ Tiếng Anh: **WORLD ECONOMIC GEOGRAPHY**

- Mã số môn học: **PE007IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

- Khóa học cung cấp các khía cạnh khác nhau của địa lý kinh tế thế giới (WEG) trong thời đại toàn cầu hóa.
- Trong một thế giới, xu hướng thương mại toàn cầu ngày càng quan trọng, WEG là một mệnh lệnh cho tất cả những ai muốn biết điều gì đang xảy ra với nền kinh tế toàn cầu của họ.
- Khóa học cung cấp các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong nghiên cứu địa lý kinh tế.
- Về mặt kinh tế, nó liên quan:
 - o những cách kiếm tiền khác nhau,
 - o các mô hình hoạt động của con người để sản xuất,
 - o các hàng hóa và dịch vụ được phân phối và tiêu thụ, và
 - o khuôn khổ địa lý của thương mại và kinh doanh thế giới.
- Các bài giảng sẽ tập trung vào những thay đổi về địa lý trong nền kinh tế thế giới.
- Chúng tôi sẽ kiểm tra tổ chức địa lý hoạt động kinh tế trên toàn thế giới ở các quy mô địa lý khác nhau (toàn cầu, khu vực và địa phương) cũng như mối quan hệ giữa điều kiện địa lý và phát triển kinh tế ở các bang khác nhau
- Khóa học đòi hỏi tư duy phê phán về các vấn đề kinh tế và xã hội hiện tại từ góc độ địa lý

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Paul Knox, John Agnew and Linda McCarthy (2003). The Economic of the World Economy. Arnold. London.

Tài liệu khác:

- Anthony R.S., Frederick P.S. (1994). World Economy – Resources, Location, Trade, and Development. Macmilan College Publishing Company. New York
- Jerome Fellmann, Arthur and Judith Getis (1997). Human Geography: Landscapes of Human Activities. Brown & Benchmark.
- William Norton. (1998). Human Geography. Oxford University Press. New York.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khóa học, sinh viên có thể: • hiểu các khái niệm cơ bản. • nhận thức được mối quan hệ giữa điều kiện địa lý và phát triển kinh tế. • hiểu sự phân bố và di cư của con người trong quá trình tăng trưởng kinh tế. • phân loại và phân tích các nguyên tắc của vị trí. • phân biệt các mối quan hệ của sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế của các bang, • hiểu rõ đặc điểm của các tập đoàn xuyên quốc gia (TNCs) và các khối kinh tế khu vực	PLO1, PLO3	5%

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz

4	Dân số - Dân số và Kinh tế Thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Dân số - Dân số và Kinh tế Thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Các mẫu thể giới và xu hướng khu vực	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Các mẫu thể giới và xu hướng khu vực	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Điều kiện địa lý và phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Toàn cầu hoá trong phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
11	Toàn cầu hoá trong phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Điều chỉnh sang nền kinh tế toàn cầu mới	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Điều chỉnh sang nền kinh tế toàn cầu mới	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: **LỊCH SỬ VĂN HOÁ VIỆT NAM**
 - + Tiếng Anh: **VIETNAM HISTORY AND CULTURE**
- Mã số môn học: **PE010IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ những quan điểm lịch sử, khuyến khích một thái độ tích cực đối với Việt Nam như một nghiên cứu khu vực, xây dựng niềm tin của sinh viên trong nghiên cứu độc lập về lịch sử và văn hóa và văn hóa Việt Nam cũng như nâng cao nhận thức văn hóa, xã hội - văn hóa của họ.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Le Mau Han, Tran Ba De, Nguyen Van Thu, Overview of Vietnamese history (Đại cương lịch sử Việt Nam), volume 1, 2, 3 publisher of Education, Hanoi, 1998.
- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, History of Vietnam, Vol I, II, Social Science Publisher, Hanoi, 1976
- Tran Ngoc Them, Fundamentals of Vietnamese Culture, Social sciences Publisher, Hanoi, 1996
- Nguyen Khac Vien, Vietnam - Along history, The gioi publishers, Ha noi, 1993

Tài liệu khác:

- Oscar Chapuis, A History of Vietnam from Hong Bang to Tu Duc, Green wood

Press, Connecticut, 1995.

- Stanley Karnow, Vietnam: A history. The Viking press, New York, 1983

- Jaynes S. Werner and Luu Doan Huynh (ed.), the Vietnam War – Vietnamese and American Perspectives. New York: M. E. Sharpe, 1993

- B Woodside, Vietnam and the Chinese Model: A comparative study of Vietnamese and Chinese government in the first half of the nineteenth century. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1988

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển các kỹ năng trong: • Cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ những quan điểm lịch sử • Trang bị cho sinh viên các chiến lược và phương pháp cần thiết để nhận biết sâu sắc những biến đổi cơ bản trong lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay và các yếu tố khác nhau của nền văn minh và văn hóa Việt Nam • Khuyến khích một mức độ tích cực đối với Việt Nam như một nghiên cứu khu vực, xây dựng niềm tin của sinh viên vào nghiên cứu độc lập về lịch sử và văn hóa và văn hóa Việt Nam cũng như nâng cao nhận thức văn hóa, xã hội - văn hóa của họ.	PLO1, PLO3	5%

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn.	I, T, U

	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu một số đặc điểm chính của lịch sử và văn hóa Việt Nam. Văn Lang - Âu Lạc và nền văn minh đầu tiên của Việt Nam	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	Từ lâu tháng 3 đến độc lập (thế kỷ thứ 1 trước thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ A. D.). Sinicization và Desinicization trong sự thống trị của phong kiến Trung Quốc.	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Các quốc gia độc lập tập trung (thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ 14). Nền văn minh Đại Việt (thời đại văn hoá Lý - Trần)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Một giai đoạn mới trong chế độ quân chủ phong kiến: triều đại nhà Lê (thế kỷ 15 đến thế kỷ 17). Cuộc chiến nông dân và thời đại Tây Sơn (thế kỷ 17 đến 18).	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Việt Nam dưới triều Nguyễn: mất độc lập, chuyển đổi kinh tế xã hội ở Đông Dương thuộc Pháp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Người dân đang đấu tranh chống lại sự thống trị của Pháp vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Phong trào Dân chủ Quốc gia 1930 - 1945, Cách mạng tháng 8 năm 1945 và sự hình thành nước Cộng hoà Dân chủ Việt Nam	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	"Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp" (1945 -1954)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Cuộc kháng chiến năm 1954 - 1975 chống Mỹ cứu quốc gia (Chiến tranh Việt Nam) (1)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Cuộc kháng chiến năm 1954 - 1975 chống Mỹ cứu quốc gia (Chiến tranh Việt Nam) (2)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Đổi mới ở Việt Nam ("doimoi")	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Phương Tây hóa và phương Tây hóa trong văn hóa Việt Nam	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập nhóm	
14	Hội thảo (“một số đặc điểm chính của lịch sử và văn hóa Việt Nam”)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ

có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
(Ký, ghi rõ họ tên)



1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Pháp luật Việt Nam đại cương
 - + Tiếng Anh: General Law
- Mã số môn học: PE021IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát, khái niệm cơ bản, nguyên tắc, các ngành pháp lý chính phục vụ nền tảng của hệ thống pháp luật Việt Nam và. Trong khóa học, sinh viên cũng sẽ được làm quen với ngôn ngữ pháp lý; tham gia vào tư duy phê phán; và tiếp xúc với các lý luận pháp lý và kỹ năng giải quyết vấn đề để phát triển khả năng áp dụng chúng vào các tình huống thực tế của học sinh. Đây là khóa học nền tảng cho tất cả sinh viên kinh doanh và là điều kiện tiên quyết cho các sinh viên khác như Luật doanh nghiệp, Luật kinh doanh quốc tế, Nhượng quyền thương mại và v.v.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Legal Texts:

1. Constitution of Vietnam - 2013
2. Civil Code of Vietnam - 2015
3. Criminal Code of Vietnam - 1999
4. Law on Law on Handling of Administrative Violations 2012
5. Law on Enterprises – 2014
6. Commercial Law 2005

Labour Code 2012

Tài liệu khác:**Phần mềm:** N/A**4. Mục tiêu môn học**

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và các khái niệm, nguyên tắc chính của nó. • Kiến thức về chi nhánh cụ thể của pháp luật theo hệ thống này và cách nó định hình trong toàn bộ hệ thống • Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu các quy tắc của Luật và Ứng dụng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Luật Hiến pháp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Luật Hiến pháp (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Luật hành chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Luật hành chính (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Pháp luật hình sự	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

7	Luật Dân sự (Phần I)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Luật Dân sự (Phần II)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Luật Dân sự (Phần II) (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Luật lao động	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Luật lao động (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Luật Kinh doanh	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Giới thiệu về Luật quốc tế, các tổ chức quốc tế và khu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	A1.2 Quiz

	vực mà Việt Nam là một bên		Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh

viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Khoa học môi trường
 - + Tiếng Anh: Environmental Science
- Mã số môn học: PE014IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Trang bị cho sinh viên đại học những kiến thức cần thiết về môi trường, tài nguyên và sinh thái con người và nâng cao nhận thức chung của sinh viên đại học về những tác động có thể có của hoạt động của con người đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- [1] Miller T.G. (2005), Environmental Science: working with the earth, 11th edition, Cengage Learning Publisher, USA. ISBN: 0495014753.

Tài liệu khác:

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). Tên phần mềm

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khi kết thúc khóa học, học sinh phải đạt được những điều sau đây: 1. Hiểu biết về: a. Thuật ngữ và khái niệm khoa học môi trường và môi trường; b. Tích hợp môi trường và phát triển; c. Tăng dân số, sử dụng và khai thác tài nguyên thiên nhiên; các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu d. Biến đổi khí hậu: nguyên nhân, tác động và các biện pháp thích ứng; e. Phát triển bền vững. 2. Khả năng giải thích hiện tượng tự nhiên và các vấn đề môi trường do hoạt động của con người gây ra	PLO1, PLO3	5%

	3. Khả năng dự đoán tăng trưởng dân số, nhu cầu tài nguyên thiên nhiên, các thể hệ lãng phí trong tương lai 4. Khả năng thuyết phục mọi người bảo vệ môi trường bằng các hoạt động đơn giản. 5. Có khả năng đề xuất các chiến lược bền vững đơn giản để giảm thiểu tác động của các hoạt động của con người đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên.		
G2: Kỹ năng	- Effective communication: The ability to collect, analyze and organize information and to convey those information clearly and fluently, in both written and spoken forms. - Critical argument and judgment: The ability to identify and debate critical issues/problems, as well as to evaluate financial information, make decisions, and reflect critically on the justification for decisions.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Learn within teams (such skills as task assignment and management, conflict resolution and cooperation, consensus building, and leadership) - Provide professional business presentations (both oral and written)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Khi kết thúc khóa học, học sinh phải đạt được những điều sau đây: 1. Hiểu biết về: a. Thuật ngữ và khái niệm khoa học môi trường và môi trường; b. Tích hợp môi trường và phát triển; c. Tăng dân số, sử dụng và khai thác tài nguyên thiên nhiên; các tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu d. Biến đổi khí hậu: nguyên nhân, tác động và các biện pháp thích ứng; e. Phát triển bền vững. 2. Khả năng giải thích hiện tượng tự nhiên và các vấn đề môi trường do hoạt động của con người gây ra 3. Khả năng dự đoán tăng trưởng dân số, nhu cầu tài nguyên thiên nhiên, các thể hệ lãng phí trong tương lai 4. Khả năng thuyết phục mọi người bảo vệ môi trường bằng các hoạt động đơn giản. 5. Có khả năng đề xuất các chiến lược bền vững đơn giản để giảm thiểu tác động của các hoạt động của con người đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	I, T, U
G1.2	- Effective communication: The ability to collect, analyze and organize information and to convey that information clearly and fluently, in both written and spoken forms.	I, T, U

	- Critical argument and judgment: The ability to identify and debate critical issues / problems, as well as to evaluate financial information, make decisions and reflect critically on the justification for decisions.	
G1.3	- Learn within teams (such skills as task assignment and management, conflict resolution and co-operation, consensus building, and leadership) - Provide professional business presentations (both oral and written)	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương I: Giới thiệu về khóa học; Các vấn đề chung: Về dân số, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; Ô nhiễm môi trường; Hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu; Mối quan hệ giữa tăng trưởng ô nhiễm, tài nguyên thiên nhiên và môi trường	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chương II: Sinh thái học: Cơ bản của Khoa học môi trường: Các yếu tố môi trường, sinh thái, dân số, thích ứng; Cộng đồng (cấu trúc, tương tác giữa các sinh vật sống)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chương III: Tăng dân số và sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường: tăng	PLO1, PLO3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

	dân số; yếu tố cần thiết cho cuộc sống và tăng áp lực đối với tài nguyên thiên nhiên và môi trường	PLO4, PLO6	Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
4	Chương IV: Tài nguyên thiên nhiên và khai thác hiện tại: Tài nguyên: định nghĩa, phân loại và tài sản; Hiện trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên; Quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Chương V: Ô nhiễm và tác động của nó: ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí và xử lý môi trường.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Chương VI: Phát triển bền vững: Các khái niệm; Yêu cầu và tính khả thi; Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Chương VII: Dự án khóa học (một chiến dịch nâng cao nhận thức của công chúng hoặc nghiên cứu về ô nhiễm môi trường hoặc khắc phục hậu quả.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được

thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Môi Trường
- Địa chỉ và email liên hệ:
- ...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: **Toán trong Kinh doanh**
 - + Tiếng Anh: **MATHEMATICS FOR BUSINESS**
- Mã số môn học: **BA282IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 4
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học sẽ cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về các kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Cụ thể hơn, khóa học sẽ giới thiệu lý thuyết cơ bản và khái niệm về Calculus, Đại số tuyến tính và Tối ưu hóa, với các ứng dụng quản lý, kinh tế, tài chính. Các chủ đề bao gồm Các hàm Toán học, Vector và Ma trận, Sự khác biệt và Tích hợp, Lập trình tuyến tính.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Ian Jacques, Mathematics for Economics and Business, 8th edition, Prentice Hall, 2015.

Tài liệu khác:

Haeussler, Paul, Wood, Introductory Mathematical Analysis for Business, Economics, and the Life and Social Sciences, 13th Edition, Pearson, 2011.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khóa học nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Khóa học cũng sẽ cung cấp cho sinh viên khuôn khổ toán học và phương pháp tiếp cận khoa học của mô hình kinh doanh và hành vi kinh tế.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy
----------------------	----------------------	-------------------------

		(I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

- (1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá
 (3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá
 (6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Phương trình tuyến tính và phi tuyến tính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Toán tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Toán tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Sự khác biệt	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Ứng dụng của sự khác biệt	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Phân biệt từng phần Tối ưu hóa không bị giới hạn Hạn chế tối ưu Các nhân đầu Lagrange	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

7	Phân biệt từng phần Tối ưu hóa không bị giới hạn Hạn chế tối ưu Các nhân đầu Lagrange	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Hội nhập Ứng dụng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Hội nhập Ứng dụng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Ma trận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Ma trận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ma trận	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

14	Lập trình tuyến tính	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh

viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Thống kê Ứng Dụng Trong Kinh Doanh
 - + Tiếng Anh: Statistics for Business
- Mã số môn học: **BA080IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Toán trong kinh doanh (Maths for business)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

BA080IU - Thống kê cho doanh nghiệp là một trong những khóa học cơ bản dành cho sinh viên Quản trị kinh doanh. Nó cung cấp cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật xác suất và thống kê để thu thập, phân tích và diễn giải dữ liệu. Nó thể hiện việc sử dụng các kỹ thuật thống kê trong nhiều ứng dụng thực tế. t cung cấp những điều cơ bản cho các khóa học BA161IU - Phương pháp nghiên cứu kinh doanh và BA168IU - Phương pháp định lượng cho doanh nghiệp.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

I Brigham, E.F. & Ehrhardt M.C. *Financial Management: Theory and Practice*, 14th ed, Thompson South-Western.

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance*, 7th ed, McGraw Hill 2013

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Mục đích của khóa học này là để kiểm tra các khái niệm khác nhau trong xác suất và thống kê. Khóa học này cũng thảo luận về các kỹ thuật thống kê khác nhau và việc sử dụng chúng trong các tình huống thực tế. Các chủ đề chính của khóa học này bao gồm: số liệu thống kê mô tả, biến ngẫu nhiên rời rạc và liên tục, phân tích lấy mẫu và lấy mẫu, khoảng tin cậy, kiểm tra giả thuyết, phân tích phương sai, tuyến tính đơn giản và nhiều hồi quy.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và	I, T, U

	thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu và Thống kê mô tả	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Xác suất	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Xác suất	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Biến ngẫu nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Biến ngẫu nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Lấy mẫu và phân phối mẫu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Khoảng tin cậy	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
9	Thử nghiệm giả thuyết	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	So sánh hai quần thể	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Phân tích phương sai	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Mô hình hồi quy	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Kỹ thuật Nonparametric	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	A3.1 Bài thi cuối kỳ

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
--	--	--	---	--

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm

các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn KTHTCN
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Tin Học Quản Lý
 - + Tiếng Anh: **Business Computing Skills**
- Mã số môn học: **BA120IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Bởi vì sử dụng máy tính là một phần không thể thiếu trong kinh doanh, khả năng sử dụng công nghệ thông tin để cải thiện năng suất của tổ chức và giảm thiểu sự thiếu hiệu quả là rất quan trọng. Khóa học này thu hẹp khoảng cách giữa công nghệ thông tin và sử dụng phần cứng, phần mềm và các tài nguyên khác trong học tập và kinh doanh. Khóa học này sẽ tập trung vào các tính năng nâng cao và ứng dụng bảng tính Excel tích hợp, phát triển cơ sở dữ liệu giới thiệu sử dụng MS Access, giới thiệu về tạo tài liệu trang web bằng HTML và giới thiệu kiến trúc hệ thống máy tính, bảo mật, truyền thông và kết nối mạng.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- James A. O'Brien, George Marakas (2008), Introduction to Information Systems, Mc-Graw Hill
- Succeeding in Business with MS Office Excel 2007, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-0605-6
- New Perspective MS Office Access 2007 Brief, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-0587-5
- Case Grader - MS Office Excel 2007, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-9823-5.

Tài liệu khác:

- Fundamentals of Information Systems, 4th Edition, Thomson Course Technology, 2007, ISBN 978-1-4239-0113-5.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán trong việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). • Phát triển các kỹ năng dựa trên máy tính kỹ thuật cần thiết để chuẩn bị tài liệu, bản trình bày và bảng tính bằng phần mềm Office Suite của Microsoft (tập trung vào Excel và Access). • Sử dụng các chiến lược tự định hướng để tìm hiểu các tính năng mới của các gói phần mềm và công nghệ khác. • Biên soạn các hướng dẫn bằng văn bản, dự án phòng thí nghiệm và các tài liệu kinh doanh cụ thể cho các đồng nghiệp khác. • Sử dụng kỹ năng quản lý và lập lịch để hỗ trợ quản lý và giám sát. • Chứng minh các kỹ năng Internet bao gồm quản lý e-mail, nghiên cứu web và trao đổi tài liệu.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

	tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

--	--	--

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về máy tính và hệ thống thông tin	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Ổ cứng và ổ mềm	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Dữ liệu của tổ chức và thông tin	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	MS Access 2007	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	E-commerce và hệ thống quy trình giao dịch	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Giới thiệu về Excel 2007	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
9	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Phát triển hệ thống Kết hợp các ứng dụng của MS Office	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa CNTT
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kỹ năng nghe AE1
 - + Tiếng Anh: Listening AE1
- Mã số môn học: **EN008IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 2
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Có TOEFL iBT ≥ 61 , IELTS ≥ 6.0
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học được thiết kế để chuẩn bị cho sinh viên các kỹ năng nghe và ghi chú hiệu quả để họ có thể theo đuổi các khóa học chuyên ngành của họ mà không gặp khó khăn đáng kể. Do đó, khóa học dựa trên bài giảng trong đó quy trình dạy và học được xây dựng trên các bài giảng về nhiều chủ đề khác nhau như kinh doanh, khoa học và nhân văn.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Lecture Ready 3 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press, 2007

Tài liệu khác:

Lecture Ready1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm:** N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
----------	-----------------------	-------------------------------	-------------

(Gx) (1)			
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể: - đối phó với các bài giảng học thuật với các chiến lược và sự tự tin phù hợp; - nâng cao kiến thức chuyên môn của họ về các bài giảng học thuật; và - giao tiếp hiệu quả với bạn cùng lớp và giáo sư	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)

		(3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	ORIENTATION	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chapter 1 New Trends in Marketing Research	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chapter 2 Business Ethics	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	REVIEW	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Chapter 3 Trends in Children's Media Use	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
6	Chapter 4 The Changing Music Industry	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	WRAP-UP AND REVIEW	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Chapter 5 The Placebo Effect	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Chapter 6 Intelligent Machines	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Chapter 7 Sibling Relationships	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Chapter 8 Multiple Intelligences	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Chapter 9 The Art of Graffiti	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	WRAP-UP AND REVIEW	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)
Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá (5)
----------------------	-----------------	--------------------	----------------------	---------------------

			(4)	
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Bộ môn Anh Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kỹ năng viết AE1
 - + Tiếng Anh: Writing AE1
- Mã số môn học: **EN007IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức khác ☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
---	---
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 2
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Có TOEFL iBT > 61, IELTS > 6
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Ability to communicate effectively in English using appropriate communication methods to address the domestic and international audience. Students are also expected to have ethical behavior at work; cognitive ability and perspective on globalization; work in team; Self-study and career development skills.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Lecture Ready 3 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press, 2007

Tài liệu khác:

Lecture Ready1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm:** N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)

G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: - hiểu và làm theo các bước khác nhau trong quá trình viết để tạo ra một bài luận hoàn chỉnh, - cải thiện khả năng viết của họ thông qua tự đánh giá, phản hồi của bạn bè và nhận xét của giáo viên, - sử dụng các chức năng viết khác nhau để truyền đạt thành công mục đích của họ tới khán giả (các mô tả quy trình, các hiệu ứng nguyên nhân, so sánh, đối chiếu, và các bài luận tóm tắt), - đọc và trả lời một cách nghiêm túc bằng văn bản, phân tích và chú giải một văn bản học thuật.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U

G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	The process of Academic Writing Step1: Creating (Prewriting) Step2: Planning (Outlining) Step 3: Writing Step 4: Polishing	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	From Paragraph to Essay The introductory paragraph Body paragraphs The concluding paragraph	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	From Paragraph to Essay (Cont'd) Essay outlining Review Writing Practice Reading (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Process Essays Thesis statements for process essay Transitional signals Writing Practice	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Process Essays (Cont'd) Review/ Correction	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

	Reading 2 (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)		Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
6	Cause – Effect Essays Organization Signal words and phrases. Writing Practice	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Cause – Effect Essays (Cont'd) Review/ Correction Reading (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Comparison – Contrast Essays Organization Signal words. Writing Practice	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Comparison – Contrast Essays (Cont'd) Review Peer correction/ Self-assessment	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
11	<i>Paraphrase and Summary</i> Paraphrasing Plagiarism and how to avoid Plagiarism	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	<i>Paraphrase and Summary (Cont'd)</i> Review/ Correction Summarizing	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Argumentative Essays Organization The introductory paragraph Writing Practice	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Argumentative Essays (Cont'd) Review/Correction Topic 1 – Reading 1 & 2 (Questions)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	A3.1 Bài thi cuối kỳ

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
--	--	--	---	--

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ

có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Bộ môn Anh Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kỹ năng nói AE2
 - + Tiếng Anh: Speaking AE2
- Mã số môn học: **EN012IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 2
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: TOEFL iBT $\geq$ 61, IELTS $\geq$ 6.0
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đưa ra các bài thuyết trình ngày hôm nay sẽ trở thành một kỹ năng quan trọng cho sinh viên để thành công không chỉ trong trường đại học mà còn trong công việc trong tương lai. Tuy nhiên, điều này có thể được coi là một nhiệm vụ thần kinh-kê, đặc biệt là khi trình bày bằng một ngôn ngữ nước ngoài. Phát biểu AE2 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để cung cấp các bài thuyết trình hiệu quả. Để thực hiện điều này, khóa học bao gồm nhiều khía cạnh của việc trình bày: chuẩn bị và lập kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng các trợ giúp trực quan hiệu quả, xây dựng sự tự tin, thực hiện ngôn ngữ cơ thể, giải quyết các câu hỏi và trả lời, v.v.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- *J Effective Presentations* - Jeremy Comfort, Oxford University Press, 1997.

Tài liệu khác:

- *Study Speaking: a course in spoken English for academic purposes* - By Kenneth Anderson, Joan Maclean, Tony Lynch - Cambridge University Press (2004)

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể - để chuẩn bị và cung cấp các bài thuyết trình có hiệu quả, chính thức, có cấu trúc phù hợp với môi trường và đối tượng cụ thể. - Chuẩn bị và lập kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng viện trợ trực quan hiệu quả, xây dựng sự tự tin, thực hiện ngôn ngữ cơ thể, giải quyết các câu hỏi và trả lời, v.v.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy
------------------------------	--------------------------	-------------------------

		(I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	ORIENTATION	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	BUILDING CONFIDENCE UP	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 1: What is the Point? Pages 6-11 Video clip Handouts: - Page 11 (Student book)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 2: Making a Start Pages 12-17 Video clip Handouts: - Page 17 (Student book)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 3: Linking the Parts Pages 18-23 Video clip Handouts: - Page 22 (Student book)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 7: Finishing Off Pages 40-43 Video clip Handouts:	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	PRACTICE PRESENTATIONS 1	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng	N/A

	Kỳ thi giữa kỳ		Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
9	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 4: The Right Kind of Language Pages 24-29 Video clip Handouts: - Pages 74-74 (Student book)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 5: Visual Aids Pages 30-35 Video clip Handouts: - Page 35 (Student book)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	REPORTING CHANGE	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 6: Body Language Pages 36-39 Video clip	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 8: Questions Time Pages 44-49 Video clip Handouts: - Page 49 (Student book)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 9: Finishing Up Pages 44-49 Video clip Unit 1 & Unit 9	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Bộ môn Anh Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kỹ năng viết AE2
 - + Tiếng Anh: Writing AE2
- Mã số môn học: **EN011IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 2
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Academic English 1)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này giới thiệu các khái niệm cơ bản trong văn bản nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của khái quát, định nghĩa, phân loại và cấu trúc của một bài nghiên cứu cho sinh viên theo học cao đẳng hoặc đại học tiếng Anh. Nó cũng cung cấp cho họ các phương pháp phát triển và trình bày một đối số, so sánh hoặc tương phản. Học sinh được yêu cầu phải làm việc trên các nhiệm vụ được lựa chọn để tối đa hóa sự tiếp xúc của họ với giao tiếp bằng văn bản và được mong đợi trở thành nhà văn có thẩm quyền trong thể loại cụ thể: bài nghiên cứu. Vì văn bản là một phần của kỹ năng đọc và viết được tích hợp để đọc làm đầu vào để kích hoạt bài viết, khóa học này được thiết kế để làm quen với các sinh viên không phải là người bản địa với các tài liệu học thuật trong nghiên cứu chính của họ. các chủ đề từ khoa học tự nhiên như sinh học đến khoa học xã hội và nhân văn như giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Study Writing - Hamp-Lyons, L. and B. Heasley. Cambridge, UK: Cambridge University Press. (2006)

Tài liệu khác:

- Folse, K. S. & Pugh, T. (2010). Great writing 5: Greater essays. Boston: Heinle, Cengage Learning.
- McCormack, J. & Slaughter, J. (2009). English for academic study: Extended writing and research skills. Cambridge: Cambridge University Press. Garnet Education
- Keezer, S. (ed) (2003). Write your research report. A real-time guide. New Jersey: Pearson Learning Group.
- Articles and Essays taken from The Allyn and Bacon Guide to Writing by Ramage et al (2009), Pearson Longman.

Phần mềm: N/A**4. Mục tiêu môn học**

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TDNL (4)
G1: Kiến thức	- Hiểu các khái niệm cơ bản trong văn bản nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của khái quát, định nghĩa, phân loại và cấu trúc của bài nghiên cứu cho sinh viên theo học cao đẳng hoặc đại học - Cung cấp cho họ các phương pháp phát triển và trình bày một đối số, so sánh hoặc tương phản - Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể sử dụng các kỹ năng viết nghiên cứu thu được để làm việc trên giấy của mình trong nghiên cứu chính của họ. - làm quen với các tài liệu học thuật trong nghiên cứu chính của họ bằng cách đọc và trả lời các văn bản của nhiều chủ đề khác nhau, từ khoa học tự nhiên như sinh học đến khoa học xã hội và nhân văn như giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

	- Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả	I, T, U

	năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp.	
--	--	--

(1): Kỹ hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Orientation of the Course Unit 1: The Academic Writing Process Introduction	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Unit 1: The Academic Writing Process (Cont.) Thinking about writing processes Distinguishing between academic and personal styles of writing Grammar of academic discourse	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Unit 2: Researching and Writing Recognizing categories and classification	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.2. Quiz

	The language of classification The structure of a research paper		Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	
4	Unit 3: Fundamentals & Feedback Exploring comparison and contrast structures The language of comparison and contrast Using comparisons and contrasts to evaluate and recommend	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Unit 3: Fundamentals & Feedback (Cont.) The research paper Identifying a research gap The writing process	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Unit 4: Definitions, Vocabulary & Clarity The clarity principle The language of definition The place of definition The writing process.	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Unit 5: Generalizations, Facts and Honesty Honesty principle The language of generalization	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Unit 5: Generalizations, Facts and Honesty (Cont.) Writing a literature review The writing process. Brainstorming and clustering	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Unit 6: Seeing Ideas and Sharing Texts Writing about events in time Connecting events Learning about peer reviews	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Unit 7: Description, Methods & Reality Describing processes and products	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

	The language for writing about processes. Writing the Methods section Giving and getting formal peer feedback		Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Unit 8: Results, Discussion & Relevance What is an argument? The language of argument The Results and Discussion sections Finding an academic voice	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Unit 9: The Whole Academic Text S-P-S-E: Focus on structure S-P-S-E in the introduction The language of coherence and connection Teacher evaluation	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Unit 10: Creating the Whole Text Structure of the research paper Creating your own research Plagiarism Creating citations Paraphrase and summary. Authorial identity	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ

có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Bộ môn anh Ngữ

- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Hội thảo 1
 - + Tiếng Anh: Workshop 1
- Mã số môn học: **BA256IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng mềm và thái độ đúng đắn để thành công trong trường đại học và môi trường làm việc chuyên nghiệp trong tương lai. Khóa học này bao gồm chín bài thuyết trình được thực hiện bởi các diễn giả là giám đốc / người quản lý hoặc các chuyên gia có ít nhất năm năm kinh nghiệm. Các bài thuyết trình được lên kế hoạch một cách có hệ thống và khoa học để cho phép sinh viên thực hành những gì họ học trong lớp và thực hiện các bài tập làm việc theo nhóm được đưa ra bởi các diễn giả khách mời.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

I Brigham, E.F. & Ehrhardt M.C. *Financial Management: Theory and Practice*, 14th ed, Thompson South-Western.

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance*, 7th ed, McGraw Hill 2013

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: Nhận biết và áp dụng các kỹ năng mềm có liên quan như quản lý công việc, làm việc theo nhóm, cân bằng công việc, cuộc sống, vv trong các hoạt động học tập của họ; Phát triển nhận thức và trách nhiệm xã hội của họ; Nâng cao khả năng thuyết trình trước công chúng và thuyết trình chuyên nghiệp; Làm quen với tư duy đa quan điểm về các vấn đề khác nhau.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy
------------------------------	--------------------------	---------------------------------

		(I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Kỹ năng học tập hiệu quả	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Kỹ năng làm việc nhóm	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Kỹ năng giao tiếp (bao gồm giao dịch với những người có địa vị khác nhau, viết email, v.v.)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Kỹ năng tự tin và quyết đoán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Kỹ năng phỏng vấn & viết CV	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Giải quyết vấn đề và ra quyết định	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
7	Quản lý cảm xúc và căng thẳng	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Tự khám phá / Tự kỷ luật / Tự kiểm soát / Kiên nhẫn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Cân bằng cuộc sống công việc	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Định hướng nghề nghiệp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Kỹ năng quản lý thời gian	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
13	Ôn tập	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kế toán tài chính 1
 - + Tiếng Anh: **Financial Accounting 1**
- Mã số môn học: **BA283IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về các nguyên tắc cơ bản, khái niệm, và các ứng dụng của kế toán tài chính. Khóa học nhằm mục đích giải quyết các khái niệm kế toán cơ bản và các nguyên tắc chung được chấp nhận dựa trên lý thuyết và thực tiễn kế toán; chu kỳ kế toán; lập báo cáo tài chính bao gồm báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán; kế toán tiền mặt, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định và vô hình, nợ hiện tại, trả chậm và nợ tiềm ẩn.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Financial & Managerial Accounting, 2nd edition, by Weygandt, Kimmel, and Kieso

Tài liệu khác:

The lecturer will attempt to make lecture notes and additional reading available on [Blackboard](#). However this is not an automatic entitlement for students taking this course. Note that this is not a distance learning course, and you are expected to attend lectures and take notes so that you will get the additional benefit of class interaction and demonstration.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	• Xác định tầm quan trọng của thông tin kế toán trong việc ra quyết định và vai trò của nó trong môi trường kinh doanh • Coi trọng, hiểu và chứng minh các thủ tục có liên quan của chu kỳ thông tin kế toán cuộc sống và chuyển đổi của thông tin kế toán trong quá trình này, và • Hiểu sự phát triển của các nguyên tắc và chính sách kế toán thông qua các lý thuyết kế toán và thực hiện các ngành nghề kế toán	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%

A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
----------------------	----------------------	------------------	-----

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về kế toán và doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích giao dịch	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Quy trình điều chỉnh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Hoàn thành quy trình kế toán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
5	Kế toán cho doanh nghiệp buôn bán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm

6	Hàng tồn kho	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
7	Quản lý nội bộ, tiền mặt và các khoản phải thu	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Các khoản phải thu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Tài sản cố định	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Tổng công ty: Tổ chức, giao dịch cổ phiếu và cổ tức	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Bảng lưu chuyển tiền tệ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	
13	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có
yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quản trị Kinh Doanh Đại Cương
 - + Tiếng Anh: **Introduction to Business Administration**
- Mã số môn học: **BA115IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này xem xét vai trò của doanh nghiệp trong xã hội; các hoạt động liên quan thông qua đó doanh nghiệp cung cấp hàng hóa và dịch vụ cần thiết cho xã hội đương đại; và mối tương quan giữa doanh nghiệp và chính phủ, lao động và xã hội nói chung. Các lĩnh vực chung của trung tâm nghiên cứu về: nền tảng kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, hoạt động tiếp thị và các vấn đề kinh doanh đương đại và phát triển.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

William G. Nickels, James M. McHugh, Susan M. McHugh – Understanding Business, 8th edition - 2008, McGraw-Hill

Tài liệu khác:

Boone, Louis E. and David L. Kurtz, Contemporary Business, Eleventh Edition, South-Western, Mason, OH, 2008

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Giải thích nhanh chóng thể giới kinh doanh đang thay đổi như thế nào và tầm quan trọng của việc học tập suốt đời. • Phát triển một mức độ quen thuộc cao với một hoặc nhiều lĩnh vực kinh doanh chức năng. • Giải thích cách các vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến các thực thể kinh doanh • Giải thích cách các vấn đề toàn cầu tác động đến khách hàng • Chứng minh giao tiếp bằng văn bản hiệu quả. • Phát triển kỹ năng xây dựng nhóm và hiệu động lực nhóm • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán áp dụng của học sinh và • Truyền thông thông qua việc phát triển danh mục đầu tư của một công ty trong ngành mà họ quan tâm. • Tổ chức và phân tích thông tin một cách hợp lý: Lý thuyết và khái niệm. • Tổ chức và phân tích thông tin một cách hợp lý: Phát triển kỹ năng và thực hành.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
-------------------	---	------------------------------------	----

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Quản lý trong môi trường kinh doanh năng động: Lấy rủi ro và tạo ra lợi nhuận	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Làm thế nào kinh tế ảnh hưởng đến kinh doanh: sự sáng tạo và phân phối của cải	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chọn hình thức sở hữu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Quản lý, lãnh đạo và trao quyền cho nhân viên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập nhóm	
5	Điều chỉnh tổ chức cho thị trường hiện nay	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Sản xuất hàng hóa và dịch vụ đẳng cấp thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Thúc đẩy nhân viên và xây dựng đội ngũ tự quản lý	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	HRM: Tìm kiếm và giữ nhân viên tốt nhất	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Tiếp thị: Xây dựng mối quan hệ khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Phát triển và định giá sản phẩm và dịch vụ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Phân phối sản phẩm nhanh chóng và hiệu quả	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
13	Sử dụng kỹ thuật quảng cáo hiệu quả	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục

đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Nguyên lý tiếp thị
 - + Tiếng Anh: **Principles of Marketing**
- Mã số môn học: **BA003IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học là một giới thiệu về ngôn ngữ và các vấn đề tiếp thị với trọng tâm là học cách phát triển các chiến lược tiếp thị đáp ứng đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Khóa học tập trung vào các khái niệm tiếp thị cơ bản, vai trò của tiếp thị trong tổ chức và vai trò của tiếp thị trong xã hội. Các chủ đề bao gồm phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm, quảng bá, phân phối và định giá. Các chủ đề khác, sẽ được đưa vào khóa học, là môi trường bên ngoài (sẽ tập trung vào các chủ đề tích hợp với tiếp thị, như kinh tế, chính trị, chính phủ và tự nhiên), nghiên cứu tiếp thị, thông tin tiếp thị, tiếp thị quốc tế / toàn cầu với sự liên quan đến đa dạng văn hóa, đạo đức, tác động của công nghệ lên tiếp thị và nghề nghiệp trong tiếp thị.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Philip Kotler and Gary Armstrong (2014). Principles of Marketing. Pearson Education 2014, 15th Edition. ISBN 978-0-13-325541-6.

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Hiểu các khái niệm tiếp thị cơ bản và các nguyên tắc được sử dụng trong việc phát triển các chương trình tiếp thị trong một công ty. • Tổng quan và phân tích các quy trình, vấn đề và hoạt động liên quan đến việc lập kế hoạch và thực hiện quan niệm, định giá, quảng bá và phân phối các ý tưởng, hàng hóa và dịch vụ để tạo ra trao đổi. • Xác định thuật ngữ tiếp thị một cách thích hợp; giải thích các hạn chế nội bộ và bên ngoài ảnh hưởng đến việc ra quyết định tiếp thị; xác định các thành phần của chiến lược tiếp thị hiệu quả. • Hiểu nội dung của các chiến lược tiếp thị về mặt giá cả, khuyến mãi, phân phối và sản phẩm.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%

A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Tiếp thị: Tạo và nắm bắt giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích môi trường tiếp thị	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Quản lý thông tin tiếp thị để hiểu rõ hơn về khách hàng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Thị trường tiêu dùng và hành vi người mua của người tiêu dùng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

5	Thị trường kinh doanh và hành vi của người mua doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Chiến lược tiếp thị theo hướng khách hàng: Tạo ra giá trị cho khách hàng mục tiêu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Sản phẩm, dịch vụ và thương hiệu: Xây dựng giá trị khách hàng Nhóm trình bày phân tích trường hợp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Sản phẩm giá cả: Hiểu và nắm bắt giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Kênh tiếp thị: phân phối giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Truyền đạt giá trị khách hàng: Chiến lược truyền thông tiếp thị tích hợp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Quảng cáo và quan hệ công chúng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Quảng cáo và quan hệ công chúng	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)		(5)

			(4)	
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/Bộ môn Marketing
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Đạo đức kinh doanh
 - + Tiếng Anh: **Business Ethics**
- Mã số môn học: **BA020IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Trong khóa học này, sinh viên sẽ học cách giá trị cá nhân, giá trị doanh nghiệp, kích thước và đạo đức xã hội và pháp lý ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định của các nhà quản lý trong một tổ chức. Học sinh sẽ làm quen với cơ sở lý thuyết về đạo đức kinh doanh và vai trò của họ trong hành vi xã hội và doanh nghiệp của một tổ chức. Học sinh sẽ học các đặc điểm của các vấn đề đạo đức trong kinh doanh, có cơ hội được tiếp xúc với sự phức tạp của việc ra quyết định đạo đức trong các tổ chức kinh doanh, và phát triển các kỹ năng phân tích của họ để giải quyết các vấn đề đạo đức.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Andrew Ghillyer (2012). Business ethics: Now. International Edition. New York, NY: McGraw Hill.

Tài liệu khác:

- Joseph W. Weiss (2003). Business ethics: a stakeholder and issues management approach (3rd ed.). Quebec, Canada: Thomson Learning.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên cần có: - Hiểu biết sâu sắc về các khái niệm lý thuyết cơ bản về đạo đức kinh doanh và tính bền vững - Một khả năng nâng cao để kiểm tra nghiêm túc các thực tiễn kinh doanh từ nhiều quan điểm đạo đức khác nhau - Tăng khả năng suy nghĩ, nói và hành động theo những cách đạo đức - Thể hiện các kỹ năng Internet bao gồm quản lý e-mail, nghiên cứu web và trao đổi tài liệu.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%

	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Hiểu về đạo đức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Hiểu về đạo đức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Định nghĩa đạo đức kinh doanh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Định nghĩa đạo đức kinh doanh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Đạo đức tổ chức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

6	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Quản trị doanh nghiệp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Đạo đức và Công nghệ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Đạo đức và toàn cầu hóa	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/Bộ môn Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Giao tiếp trong kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Business Communication
- Mã số môn học: BA006IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp cho sinh viên một cái nhìn toàn diện về giao tiếp, phạm vi và tầm quan trọng của nó trong kinh doanh, và vai trò của truyền thông trong việc thiết lập một môi trường thuận lợi bên ngoài môi trường vững chắc, cũng như một chương trình truyền thông nội bộ hiệu quả. Các loại phương tiện truyền thông kinh doanh khác nhau được đề cập đến. Khóa học này cũng phát triển một nhận thức về tầm quan trọng của biểu hiện bằng văn bản ngắn gọn để giao tiếp kinh doanh hiện đại. Hầu hết các nhiệm vụ được bàn phím.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- [1] Mary Ellen Guffey & Dana Loewy, Business Communication: Process & Product, 8th edition, Thompson Southwestern.

Tài liệu khác:

- [1] Lecture Slides: Soft copy of all lecture notes will be sent to students AFTER each class via Blackboard. Please go to blackboard.hcmiu.edu.vn to download lecture slides.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: - Xác định vai trò và quy trình giao tiếp như một phương tiện để đạt được mục tiêu tổ chức. - Xác định thông tin liên lạc và giải thích các rào cản giao tiếp. - Xác định các loại khác nhau của văn bản được thực hiện bởi các chuyên gia kinh doanh trong từng lĩnh vực chức năng kinh doanh khác nhau.	PLO1, PLO3	5%

	- Tăng cường các kỹ năng nhận thức bằng cách nhận ra các phản ứng phi ngôn ngữ; bằng cách cải thiện kỹ năng nghe; và bằng cách phân tích các hệ thống giá trị cá nhân; vai trò và địa vị, và sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp của tổ chức.		
G2: Kỹ năng	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh. • Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: - Xác định vai trò và quy trình giao tiếp như một phương tiện để đạt được mục tiêu tổ chức. - Xác định thông tin liên lạc và giải thích các rào cản giao tiếp. - Xác định các loại khác nhau của văn bản được thực hiện bởi các chuyên gia kinh doanh trong từng lĩnh vực chức năng kinh doanh khác nhau. - Tăng cường các kỹ năng nhận thức bằng cách nhận ra các phản ứng phi ngôn ngữ; bằng cách cải thiện kỹ năng nghe; và bằng cách phân tích các hệ thống giá trị cá nhân; vai trò và địa vị, và sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp của tổ chức.	I, T, U
G1.2	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh. • Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.	I, T, U
G1.3	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương I: Truyền thông hiệu quả tại nơi làm việc	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chương II: Tính chuyên nghiệp: Kỹ năng họp, nghe, phi ngôn ngữ và kỹ năng nghi thức	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chương III: Truyền thông đa văn hóa	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Chương IV: Trình bày kinh doanh	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Chương V: Quy trình viết 3x3	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.2 Quizzes

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
6	Chương VI: Tin nhắn điện tử và phương tiện kỹ thuật số	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Chương VII: Thông điệp thuyết phục	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Ôn thi giữa kỳ			
9	Thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Chương VIII: Tìm kiếm việc làm, hồ sơ xin việc, và thư xin việc	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Chương IX: Tin nhắn tích cực	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Chương X: Tin nhắn tiêu cực	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Chương X, XI, XII, XIII: Đề xuất và Báo cáo kinh doanh chính thức	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Thuyết trình nhóm	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.2 Quizzes

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
15	Buổi ôn tập			

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông

hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này.

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Hành vi tổ chức
 - + Tiếng Anh: **Organizational Behavior**
- Mã số môn học: **BA130IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này kiểm tra lý thuyết và thực hành về cách thức và lý do tổ chức hoạt động theo cách họ làm. Khóa học phân tích các yếu tố gây ra hành vi nhất định trong một tổ chức và trình bày các khuôn khổ khái niệm để phân tích cách hành vi đó ảnh hưởng đến việc ra quyết định và hiệu quả tổ chức như thế nào. Các chủ đề chính của nghiên cứu bao gồm: sự năng động của con người và tổ chức, quản lý truyền thông, hệ thống xã hội và văn hóa tổ chức, động lực và hệ thống khen thưởng, lãnh đạo và trao quyền, thái độ và tác động của nó, hành vi giữa các cá nhân và nhóm, nhóm và xây dựng nhóm, quản lý thay đổi, căng thẳng và tư vấn

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Donald R. Brown, *An Experiential Approach to Organization Development*, 8th edition, Prentice Hall
- Naomi Stanford, *Organizational Design: The Collaborative Approach*, 1st edition, Elsevier
- Richard Daff, *Organizational Theory and Design*, 10th edition, South Western.

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển các kỹ năng trong: – Phân tích cách tổ chức có thể sử dụng các lý thuyết và thực hành Hành vi tổ chức để tăng cường việc học tập và hợp tác trong tổ chức. – Pha trộn cẩn thận lý thuyết và thực hành để các khái niệm và mô hình Hành vi tổ chức được áp dụng trong thế giới thực để xây dựng các tổ chức tốt hơn và hiệu quả trong môi trường kinh doanh cạnh tranh. – Suy nghĩ nghiêm túc về cách quản lý khía cạnh con người của tổ chức khi không phải mọi hành vi đều hoàn toàn hợp lý.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về hành vi tổ chức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
5	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

11	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	PHẦN III: HỆ THỐNG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	PHẦN III: HỆ THỐNG TỔ CHỨC (tt)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ

được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Nguyên lý Quản trị Tài chính
 - + Tiếng Anh: Fundamentals of Financial Management
- Mã số môn học: **BA016IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính (BA184IU) hoặc Kế toán tài chính 2 (BA284IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Mục tiêu của khóa học này là để tiếp xúc với sinh viên và làm quen chúng với các khung lý thuyết và các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. Kinh nghiệm học tập sẽ bao gồm: giới thiệu về quản lý tài chính; giá trị thời gian của tiền; kỹ thuật định giá các công cụ tài chính như trái phiếu và cổ phiếu; đánh giá các dự án lớn; mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận; giới thiệu về mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) và lý thuyết danh mục đầu tư; và chi phí vốn và cơ cấu vốn.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

I Brigham, E.F. & Ehrhardt M.C. *Financial Management: Theory and Practice*, 14th ed, Thompson South-Western.

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance*, 7th ed, McGraw Hill 2013

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TDNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Giải thích mục đích, mục đích và tầm quan trọng của quản lý tài chính; • Tính toán các chỉ tiêu tài chính và tiến hành phân tích tài chính cơ bản của công ty; • Hiểu báo cáo tài chính; Có thể diễn giải thông tin kế toán cho các quyết định quản lý • Hiểu mối quan hệ giữa rủi ro và lợi tức; • Hiểu được giá trị thời gian của tiền và có các kỹ năng để chuyển đổi các giá trị thời gian tài chính; • Định giá cơ bản các trái phiếu, cổ phiếu và các dự án đầu tư; • Đánh giá các lựa chọn thay thế ngân sách vốn, sử dụng chi phí vốn của công ty kết hợp với tỷ suất hoàn vốn nội bộ và các kỹ thuật giá trị hiện tại ròng; • Tính chi phí vốn và cơ cấu vốn.	PLO1, PLO3	5%

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy L, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%

A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về quản lý tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Giá trị thời gian của tiền	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Giá trị thời gian của tiền	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
6	Trái phiếu và giá trị	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	
7	Cổ phiếu và giá trị	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Tiêu chí đầu tư dự án và Quyết định ngân sách vốn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Ngân sách vốn và dự báo dòng tiền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
11	Ngân sách vốn và dự báo dòng tiền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
12	Rủi ro, lợi nhuận và ngân sách vốn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
13	Cơ cấu vốn và chi phí vốn	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Tài chính Ngân hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Luật kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Business law
- Mã số môn học: BA081IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Pháp luật Việt Nam đại cương (PE021IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Tiếp theo là Giới thiệu về hệ thống pháp luật Việt Nam, khóa học này cung cấp thêm kiến thức pháp lý cụ thể và thực tiễn hơn về quy định áp dụng cho toàn bộ vòng đời của doanh nghiệp, tức là từ khi thành lập, hoạt động cho đến khi giải thể / phá sản doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên sẽ được giới thiệu với các tổ chức thương mại quốc tế và các quy tắc thương mại quốc tế chính được áp dụng rộng rãi và cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam trong khi giao dịch với các thực thể nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa. Chủ đề này sẽ tăng cường hơn nữa khả năng giải quyết vấn đề của học sinh và kỹ năng phân tích pháp lý với khả năng áp dụng được cải thiện trong các tình huống thực tế hàng ngày.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- - Bộ luật Dân sự Việt Nam - 2015
- - Luật Thương mại - 2005
- - Luật Đầu tư - 2014
- - Luật Doanh nghiệp - 2014
- - Luật phá sản - 2014
- - Mã thủ tục dân sự - 2015
- - Luật Trọng tài thương mại - 2010.

Tài liệu khác:

- Đại học luật Hà Nội, Giáo trình Luật Thương mại 1, (10th edn, Công An Nhân Dân 2014).
- Đại học luật Hà Nội, Giáo trình Luật Thương mại 2, (9th edn, Công An Nhân Dân 2015)

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp. Các khái niệm và nguyên tắc chính. • Kiến thức về các vấn đề cụ thể cho hoạt động, tổ chức lại và khả năng thanh toán của doanh nghiệp • Có khả năng phân tích và lựa chọn cách tốt nhất để giải quyết các tranh chấp kinh doanh và áp dụng các quy định phù hợp nhất cho doanh nghiệp. • Kiến thức sâu sắc về ngôn ngữ pháp lý và ứng dụng của nó.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp. Các khái niệm và nguyên tắc chính. • Kiến thức về các vấn đề cụ thể cho hoạt động, tổ chức lại và khả năng thanh toán của doanh nghiệp • Có khả năng phân tích và lựa chọn cách tốt nhất để giải quyết các tranh chấp kinh doanh và áp dụng các quy định phù hợp nhất cho doanh nghiệp. • Kiến thức sâu sắc về ngôn ngữ pháp lý và ứng dụng của nó.	I, T, U
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói.	I, T, U

	- Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng.

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương I: Luật kinh doanh và thực thể kinh doanh • Giới thiệu khóa học và giải thích về giáo trình và các vấn đề học thuật khác • Giới thiệu về Luật doanh nghiệp - Luật kinh doanh là gì? - Vấn đề của nó - Chủ đề chính của nó - Nguồn của nó - Vai trò của nó - Nghiên cứu so sánh các hệ thống luật kinh doanh nghiêm trọng • Giới thiệu về các thực thể kinh doanh • Tổng quan và bản chất của các đơn vị kinh doanh tại Việt Nam	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	Chương II: Đơn vị kinh doanh: Hộ kinh doanh, Doanh nghiệp tư nhân và Đối tác. • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chương III: Đơn vị kinh doanh: Công ty trách nhiệm hữu hạn (Thành viên ký và hai thành viên trở lên) • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Chương IV: Đơn vị kinh doanh: Công ty cổ phần và doanh nghiệp nhà nước • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Chương V: Đăng ký kinh doanh và tổ chức lại: Đăng ký kinh doanh: • Thủ tục • Thủ tục Tổ chức lại doanh nghiệp: • Hợp nhất • Sáp nhập • Tách biệt • Phòng ban • Giải tán.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Chương VI: Luật phá sản • Khả năng thanh toán • Thủ tục phá sản • Hậu quả pháp lý của phá sản	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
7	Chương VII: Luật đầu tư Giới thiệu chung: • Hoạt động đầu tư kinh doanh • Lĩnh vực đầu tư kinh doanh • Chính sách đầu tư (bảo lãnh đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi) • Thủ tục đầu tư kinh doanh	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Chương VIII: Giải quyết tranh chấp kinh doanh: • Giới thiệu về các phương pháp giải quyết tranh chấp. • Định nghĩa và bản chất của từng phương pháp giải quyết tranh chấp • Ưu và nhược điểm của từng phương pháp giải quyết tranh chấp • Giải quyết tranh chấp theo hệ thống tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự của Việt Nam - Thẩm quyền của Tòa án - Nguyên tắc giải quyết tranh chấp - Thủ tục giải quyết tranh chấp - Phiên tòa sơ thẩm - Xét xử phúc thẩm - Đường mòn Cassation - Mở lại bản dùng thử	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Giải quyết tranh chấp kinh doanh: • Giải quyết tranh chấp theo Trọng tài theo luật pháp Việt Nam - Giới thiệu chung về quy định của Trọng tài Việt Nam và Pháp lệnh Trọng tài 2010 • Thẩm quyền của Trọng tài • Thủ tục giải quyết tranh chấp	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Luật hợp đồng: quy định chung • Giới thiệu chung: - Định nghĩa - Đối tượng - Nguyên tắc • Hiệu lực của hợp đồng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

	• Hình thành hợp đồng - Đề nghị và chấp nhận - Hình thức hợp đồng - Thời gian và địa điểm - Nội dung hợp đồng • Hiệu lực của hợp đồng		Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
11	Luật hợp đồng: Quy định chung • Hiệu suất hợp đồng - Nguyên tắc - Hiệu suất hợp đồng trong các trường hợp cụ thể • Vi phạm và Biện pháp khắc phục • Chấm dứt hợp đồng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Luật kinh doanh và thực thể kinh doanh • Giới thiệu khóa học và giải thích về giáo trình và các vấn đề học thuật khác • Giới thiệu về Luật doanh nghiệp - Luật kinh doanh là gì? - Vấn đề của nó - Chủ đề chính của nó - Nguồn của nó - Vai trò của nó - Nghiên cứu so sánh các hệ thống luật kinh doanh nghiêm trọng • Giới thiệu về các thực thể kinh doanh • Tổng quan và bản chất của các đơn vị kinh doanh tại Việt Nam	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Luật thương mại quốc tế Giới thiệu • Giới thiệu về Luật Thương mại Kinh doanh • Nguồn luật thương mại quốc tế • Giới thiệu về các Tổ chức Thương mại Quốc tế chính: WTO • Giới thiệu về các tổ chức thương mại khu vực: EU, ASEAN, MERCOSUR...	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Luật kinh doanh quốc tế Giới thiệu • Bán hàng hóa quốc tế - Incoterm 2010 - Công ước Vienna về bán hàng hóa quốc tế 1980 • Vận chuyển hàng hóa quốc tế • Thanh toán quốc tế: 600 UCP	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
15	Thi cuối kì	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh

giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản Trị Kinh Doanh/ Bộ Môn quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)





International University
School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

Research Methods in Finance

1. General Information

- Course Title:	
+ Vietnamese:	Phương Pháp Nghiên Cứu Trong Tài Chính và Kế Toán
+ English:	Research Methods in Finance and Accounting
- Course ID:	BA269IU
- Course level:	☒ Undergraduate ☐ Master ☐ Both
- Course type:	☐ General ☐ Fundamental ☒ Specialization (required) ☐ Specialization (elective) ☐ Project/Internship/Thesis ☐ Others:
- Number of credits:	3
+ Lecture:	3
+ Laboratory:	0
- Prerequisites:	BA080IU - Statistics for Business
- Parallel Courses:	None
- Course it replaces:	None

2. Course Description and Objectives

Research Methods in Finance and Accounting introduces students to the nature, scope, and significance of research and research methodologies. Additionally, the course analyzes issues involved in the design and conduct of empirical research in finance and accounting by examining recently published papers in the top 10 finance and accounting journals (Journal of Finance, Journal of Financial Economics, Review of Financial Studies, Journal of Financial and Quantitative Analysis, Journal of Corporate Finance, Accounting Review, Journal of Accounting and Economics, Journal of Accounting Research, Contemporary Accounting Research, and Review of Accounting Studies).

The course aims to:

- Increase the quality of student research
- Enable students to evaluate research designs and methods in prior papers.
- Improve students' academic writing
- Improve students' computer programming
- Familiarizing students with the scientific foundation of the practical application of research designs and methods that are commonly applied in finance and accounting.
- Advance knowledge in techniques of data collection and analysis
- Prepare students for conducting an independent study including finding a topic, formulating research questions, and selecting suitable research methods to answer the questions.

3. Textbooks and Other Required Materials

Textbooks:

Lipson, Charles, 2018, *How to Write a BA Thesis*, University of Chicago Press

Chaubey, Varanya, 2017, *The Little Book of Research Writing*, CreateSpace Independent Publishing Platform

Brooks, Chris, 2021, *First Class Research: A guide to your research project or dissertation in accounting and finance*, Finance Books.

Smith, Malcolm, 2019, *Research Methods in Accounting*, Fifth edition, SAGE Publication

Verbeek, Marno, 2021, *Panel Methods for Finance: A Guide to Panel Data Econometrics for Financial Applications*, de Gruyter Studies in the Practice of Econometrics

Cameron, A. Colin, and Pravin K. Trivedi, 2022, *Microeconometrics Using Stata - Volume I: Cross-Sectional and Panel Regression Models*, Second Edition, Stata Press

Reference Textbooks:

Paterson, Audrey, David Leung, William Jackson, Robert MacIntosh, and Kevin D

O'Gorman, 2016, *Research Methods for Accounting and Finance*, Goodfellow Publishers

Eco, Umberto, 2015, *How to Write a Thesis*, MIT Press

Mitchell, Michael N., 2021, *Interpreting and Visualizing Regression Models Using Stata*, Second Edition, Stata Press

Miller, Jane E., 2013, *The Chicago Guide to Writing about Multivariate Analysis*, University of Chicago Press

Ryan, Bob, Robert W. Scapens, Michael Theobald, and Viv Beattie, 2002, *Research Methods and Methodology in Finance and Accounting*, Cengage Learning

Recommended Journals:

Journal of Finance
 Journal of Financial Economics
 Review of Financial Studies
 Journal of Financial and Quantitative Analysis
 Journal of Corporate Finance
 Review of Finance
 Accounting Review
 Journal of Accounting and Economics
 Journal of Accounting Research
 Contemporary Accounting Research
 Review of Accounting Studies
 Stata Journal

Useful Websites:

<http://papers.ssrn.com>
<http://www.nber.org/papers/>
<http://ideas.repec.org>
<https://www.afajof.org/page/AnnualMeeting2023>
<https://westernfinance.org/conference/>
<http://european-finance.org/r/annual-meetings-overview>
<https://stats.idre.ucla.edu/stata/>
www.stata.com

Additional Materials:

The instructor makes lecture notes and assigns additional readings that are available on the Blackboard course site.

4. Course Learning Outcomes

After successful completion of this course, students will be able to:

- LO1. Know how to critically analyze the research of finance and accounting papers
- LO2. Know how to search for a reasonable research topic
- LO3. Know how to develop a literature review as well as formulate the research hypotheses based on the selected topic

LO4. Know how to identify and evaluate the most common research methods to answer the hypotheses

LO5. Know how to conduct data collection according to the underlying theoretical framework

LO6. Know how to use STATA to undertake and interpret empirical analyses

LO7. Know how to discuss limitations and potential contributions to the literature

LO8. Know how to develop a research proposal in finance and accounting

LO9. Learn within teams (such skills as task assignment and management, conflict resolution and cooperation, consensus building, and leadership)

LO10. Provide professional business presentations (both oral and written)

The alignment between course learning outcomes and program learning outcomes:

Group of	Program learning outcomes (*)	Course learning outcomes	% of contribution on PLO
Political & professional	PLO (a)	LO5	1%
Knowledge	PLO (b)	LO1-LO8	3%
Analytical skills	PLO (c)	LO1, LO3, LO4, LO7, LO8	2%
Communication skills	PLO (d)	LO9, LO10	1%
Critical thinking skills	PLO (e)	LO1, LO3, LO4, LO7, LO8	2%
Technology skills	PLO (f)	LO5, LO6	2%
Ethical attitude at work	PLO (g)	LO5	1%
Cognitive ability and perspectives on globalization	PLO (h)	LO5	1%
Teamwork, self-studying, and career development skills	PLO (i)	LO9, LO10	1%
Total % contribution of this course to the program learning outcome:			14%

5. Course Assessment

6.1 Grading

Assessment component	Assessment form	Percentage (%)
A1. Attendance	A1.1 Attendance	5%
A2. Assignment	A2.1 Papers' discussion	35%
A3. Group project (replace mid-term exam)	A3.1 Research Proposal	30%
A3. Final Exam	A4.1 Final exam	30%
Total		100%

A.1.1 Attendance: Regular and punctual attendance at lectures and seminars is expected in this course. The students will get a full score for this section if they attend all lectures and seminars. Each absence may lower 20% of the student's grade. According to the University regulation, students are not allowed to have more than three absences.

A2.1 Papers' Discussion: Each group of 1-3 students is assigned to discuss 3-4 articles/working papers. Detailed guidelines will be provided in class. The assessment of this section is based on how relevant information of sections in the articles/working papers is appropriately discussed in 15-20 minutes. Remember that each student in the group is supposed to discuss the articles/working papers orally with the instructor. For the assignment description, I would talk more about what students are supposed to do more than assessment because such detailed information will be explained in great detail in the guidelines.

A3.1 Research Proposal: Each group of 1-3 students is required to complete a research proposal and present it in the final 2 weeks of the course. The detailed guidelines of the proposal will be provided in an assignment packet. The grade of the proposal will be determined by the total points the students earned from the various assessment components as described as followed:

- (1) *Writing up a report:* will be awarded for your completed working product. Your written reports must be highly informative, have a deep understanding of the process, complete the calculation, and show a rational recommendation.

A report is expected to:

- have the Cover Sheet Group Assignment.

- not exceed 15 pages, but may include an appendix of infinite length;
- be the original work of the team members.

(2) *Presentation*: is based on the presentation. Your presentation should be professional to get a high grade for this part. Remember that each student in the group must present at least a part of the case orally to the instructor.

The presentation is limited to 15 minutes. When the time has expired, the team must immediately stop the presentation. An additional 15 minutes will be provided to answer questions posed by the instructor.

A.4.1. Final Exam: The exams will be 90-minute closed book ones. All materials covered in the course are examinable, and more points are rewarded for critical thinking. Further details on the exams will be announced one week prior to the exam dates.

The examination schedule will be announced by the Office of Undergraduate Academic Affairs. Any issues regarding the administration of, timetabling of, and nonattendance at the examinations need to be directed to the Office of Undergraduate Academic Affairs. These issues are not the responsibility of the instructor.

6.2 Assessment Plan

No .	Assessment tasks	Learning Outcomes	Level of Bloom taxonomy												Weight (%)
			Applying			Analyzing			Evaluating			Creating			
			MC Q (**)	W Q	P	MC Q	W Q	P	MC Q	W Q	P	MC Q	W Q	P	
1	A1, A2, A3, A4	LO1		x	x		x	x		x	x		x	x	10
2	A1, A2, A3, A4	LO2		x	x		x	x		x	x		x	x	10
3	A1, A2, A3, A4	LO3		x	x		x	x		x	x		x	x	10
4	A1, A2, A3, A4	LO4		x	x		x	x		x	x		x	x	10
5	A1, A2, A3, A4	LO5		x	x		x	x		x	x		x	x	10
6	A1, A2, A3, A4	LO6			x			x			x			x	10
7	A1, A2, A3, A4	LO7													10
8	A1, A2, A3, A4	LO8													10
9	A3	LO9													10
10	A3	LO10		x	x		x	x		x	x		x	x	10

No .	Assessment tasks	Learning Outcomes	Level of Bloom taxonomy												Weight (%)
			Applying			Analyzing			Evaluating			Creating			
			MC Q (**)	W Q	P	MC Q	W Q	P	MC Q	W Q	P	MC Q	W Q	P	
Total													100		

(**) MCQ: Multiple-choice questions; WQ: Writing questions; P: Presentation

6. Course Outline

Week	Topics	Contents/Chapters
1-2	Intro to Research and STATA Group project overview Group formed	Lipson (2018) Chapters 1, 2, 20 Paterson <i>et al.</i> (2016) Chapter 1 Cameron and Trivedi (2022), Chapters 1-2 Lecture notes and papers
2-3	Finding and developing the research ideas	Smith (2019) Chapter 2 Lipson (2018) Chapters 3-4 Paterson <i>et al.</i> (2016) Chapter 2 Brooks (2021) Chapter 3 Eco (2015) Chapter 2 Lecture notes and papers
4-5	Literature Review and Hypothesis	Smith (2019) Chapter 3 Lipson (2018) Chapters 5, 7 Paterson <i>et al.</i> (2016) Chapters 3, 4 Brooks (2021) Chapters 6, 7 Lecture notes and papers
6-8	Research Methods	Verbeek (2021) Chapters 2-4 Cameron and Trivedi (2022) Chapters 3-4, 8-9 Brook (2021) Chapter 8 Lecture notes and papers
9	Data Collection	Smith (2019) Chapter 5

		Paterson <i>et al.</i> (2016) Chapter 9 Brooks Chapter 8 Lecture notes and papers
10-11	Data Analysis	Smith (2019) Chapter 6 Lipson (2018) Chapter 12 Miller (2013) Paterson <i>et al.</i> (2016) Chapter 10 Mitchell (2021) Chapters 2-5 Lecture notes and papers
12-13	Research Writing	Chaubey (2017) Lipson (2018) Chapters 8-11, 13 Paterson <i>et al.</i> (2016) Chapter 12 Eco (2015) Chapter 5 Brooks (2021) Chapter 10 Lecture notes and papers
14-15	Research Proposal Presentations	<i>Note: Detail schedule to be informed later</i>
	Final Examination	

7. Course Policies

1.1 Workload

Student responsibility: The students are expected to spend at least TEN hours per week reading materials, working on exercises and problems, and attending classes.

Missed tests: The students must submit all their assignments and attend all their examinations scheduled for the course. I do not consider any special request unless you suffer from illness or misadventure affecting your course progress.

1.2 General Conduct and Behavior

Beepers, cell phones, and pagers need to be turned off before the class starts. The students are expected to conduct themselves with consideration and respect for the needs of their fellow students and teaching assistant. Conduct which unduly disrupts or interferes with a

class, such as ringing or talking on mobile phones, is not acceptable and students will be asked to leave the class.

1.3 Keeping Informed

The students should take note of all announcements made in lectures or on the course's Blackboard. From time to time, the university will send important announcements to their university e-mail addresses without providing a paper copy. The students will be deemed to have received this information.

1.4 Academic Dishonesty

Plagiarism: The students are required to submit their research proposal to Turnitin. The similarity index for the whole report (a certain source) should be not more than 10% (1%).

Cheating: cheating in any form in the exams is prohibited. If the students violate this rule in any exam, they will get a zero for that exam.

2. Course Coordinator / Instructor

- School / Department: School of Economics, Finance, and Accounting/Department of Finance and Banking
- Course Coordinator / Instructor: Vo Xuan Hong
- Email: vxhong@hcmiu.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kế Toán Tài Chính 2
 - + Tiếng Anh: Financial of Accounting 2
- Mã số môn học: **BA284IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán Tài Chính 1 (Financial Accounting 1 – BA283IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Kế toán tài chính là khóa học cấp nhập cảnh, khám phá cơ sở kế toán có lợi cho sinh viên tìm kiếm bằng cấp trong lĩnh vực kinh doanh. Học sinh sẽ được giới thiệu về tầm quan trọng của kế toán trong môi trường kinh doanh và cách sử dụng thông tin kế toán để tạo thuận lợi cho các quyết định kinh doanh.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Warren, Reeve, Fess., Accounting, 26th Edition ; Thomson South-Western Publishing Co., 2014

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học	TDNL (4)
----------	-----------------------	-----------------	-------------

(Gx) (1)		(X.x.x)(3)	
G1: Kiến thức	Các mục tiêu và mục tiêu của khóa học này là để tìm hiểu (1) Bản chất và mục đích của kế toán cho các doanh nghiệp, với sự nhấn mạnh vào các thực thể kinh doanh của công ty. (2) Phương pháp kế toán và việc sử dụng chúng như một phương tiện ghi chép, phân loại và trình bày thông tin hữu ích có trật tự từ một khối lượng dữ liệu có nguồn gốc từ các giao dịch và các sự kiện ảnh hưởng đến doanh nghiệp. (3) Ngôn ngữ cơ bản của kinh doanh như được đại diện bởi thuật ngữ kinh doanh và kế toán. (4). Các khái niệm và tiêu chuẩn nằm bên dưới các phép đo được sử dụng trong kế toán để chuẩn bị báo cáo tài chính của doanh nghiệp. (5). Việc sử dụng và diễn giải các báo cáo tài chính (tức là báo cáo thu nhập, bảng cân đối kế toán, báo cáo thu nhập, báo cáo luồng tiền) được chuẩn bị cho người dùng bên ngoài doanh nghiệp (tức là chủ sở hữu, chủ nợ, chính phủ và nhà đầu tư).	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Kế toán cho doanh nghiệp buôn bán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Kế toán cho công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Tổng công ty: Tổ chức, giao dịch cổ phiếu và cổ tức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Tổng công ty: Tổ chức, giao dịch cổ phiếu và cổ tức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	
5	Nợ dài hạn: Trái phiếu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
6	Nợ dài hạn: Trái phiếu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
7	Ôn tập thi giữa kỳ	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Đầu tư và kế toán giá trị hợp lý	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Báo cáo lưu chuyển tiền mặt	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm

11	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
12	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ôn tập	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu

rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Kế toán quản trị

+ Tiếng Anh: **Managerial Accounting**

- Mã số môn học: **BA010IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Kế toán Tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU hoặc Financial Accounting 2 – BA284IU)

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Nghiên cứu về kế toán quản lý là sử dụng thông tin nội bộ và ra quyết định. Học sinh sẽ hiểu được cách các nhà quản lý sử dụng và phân tích thông tin kế toán quản lý trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định. Các chủ đề chính bao gồm thuật ngữ kế toán quản lý, chi phí công việc, chi phí quá trình, hành vi chi phí, ngân sách phân tích chi phí và phân tích phương sai. Kế toán cho các hoạt động phi tập trung, quyết định ngân sách vốn, và những thách thức về đạo đức trong kế toán quản lý cũng được bảo hiểm.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Warren, C.S., Reeve, J.M., & Duchac J.E., **Accounting**, 23rd Edition (Chapters 18-25); Thomson South-Western Publishing Co., 2009

Tài liệu khác:

Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, and Donald E. Kieso, *Managerial Accounting – Tools for business decision making*, 6th edition.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, bạn sẽ có thể: • Phân tích và giải thích các khái niệm và nguyên tắc kế toán quản lý chủ chốt. • Phân tích và ghi chép các giao dịch kinh doanh chung cho việc sản xuất hàng tồn kho trong: - o Hệ thống chi phí đặt hàng công việc - o Xử lý hệ thống chi phí • Lập báo cáo tài chính cơ sở dồn tích cho nhà sản xuất. • Giải thích các phân loại chi phí chung và áp dụng các khái niệm hành vi chi phí bằng cách sử dụng phân tích lợi nhuận chi phí. • Giải thích quá trình lập ngân sách và chuẩn bị nhiều ngân sách. • Giải thích và áp dụng các khái niệm cơ bản về hệ thống chi phí tiêu chuẩn, bao gồm phân tích phương sai. • Giải thích phân cấp và áp dụng các khái niệm đo lường hiệu suất liên quan. • Xác định các chi phí liên quan và chuẩn bị phân tích các chi phí và lợi ích được xem xét trong các quyết định hoạt động. • Giải thích quy trình lập ngân sách vốn và áp dụng một loạt các phương pháp được sử dụng để đưa ra các quyết định như vậy. • Sử dụng thông tin kế toán để đưa ra quyết định quản lý.	PLO1, PLO3	5%

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn.	I, T, U

	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về kế toán quản trị	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	Job Order Cost Accounting	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Process Cost Accounting	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Chi phí-Khối lượng-Lợi nhuận	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
5	Ngân sách	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
6	Ngân sách	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
7	Đánh giá hiệu suất bằng cách sử dụng các phương sai từ Chi phí tiêu chuẩn	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

			Bài tập	
9	Đánh giá hiệu suất cho hoạt động phân cấp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	N/A
10	Phân tích sai lệch và định giá sản phẩm	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
11	Phân tích đầu tư vốn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
12	Phân tích đầu tư vốn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ôn tập	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Thuế
 - + Tiếng Anh: Taxation
- Mã số môn học: BA087IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU or Financial Accounting 2 – BA284IU)
- Môn học song hành: N/A

2. Mô tả môn học

Với việc toàn cầu hóa ngày càng tăng của các cân nhắc về thuế hoạt động kinh doanh đang gia tăng tác động lên kế hoạch hoạt động kinh doanh quốc tế. Mục tiêu của khóa học này là xem xét các nguyên tắc thuế chung nào sẽ được áp dụng khi một doanh nghiệp xem xét cách thức tổ chức các hoạt động của nó.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1] Jones, Rhoades-Catanach, (2015), Principles of Taxation for Business and Investment Planning, McGraw-Hill/Irwin, US, ISBN 978-0077862329

Tài liệu khác:

[1] Smith, Raabe, Maloney, (2008), Taxation of Business Entities, Thomson South-Western, US, ISBN 978-0-324-36664-8

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phần bản). Tên phần mềm

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Khái niệm	Hiểu ứng dụng hiện tại của nguyên tắc thuế chung	PLO1, PLO3	5%
G2: Tầm Quan Trọng	Nhận thức được các tác động tiềm tàng của việc đánh thuế việc đưa ra quyết định Đánh giá cao tầm quan trọng của kế hoạch thuế Đánh giá cao các nguyên tắc và áp dụng nguyên tắc đánh thuế trên nhiều lĩnh vực trong nước	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Hiểu được thuế Việt Nam	Hiểu được hoạt động và phạm vi của hệ thống thuế Việt Nam	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
G4: Tính toán	Hiểu và có thể tính toán nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân của cá nhân và nghĩa vụ thuế thu nhập		

	doanh nghiệp của cả hai công ty trong và ngoài nước Hiểu và có khả năng tính toán các khoản nợ thuế phát sinh theo chế độ áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài Hiểu và có thể tính toán tác động của thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp		
G5: Nghĩa vụ và chế tài	Xác định và giải thích các nghĩa vụ của người nộp thuế và các tác động của việc không tuân thủ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Khả năng đưa ra các đối số hấp dẫn và lý luận để hỗ trợ phân tích	I, T, U
G1.2	Khả năng cấu trúc các vấn đề theo khung lý thuyết và giải quyết chúng	I, T, U
G1.3	Khả năng tiến hành nghiên cứu ứng dụng để thu thập dữ liệu / thông tin liên quan đến vụ việc	I, T, U
G1.4	Khả năng tham gia vào các kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo	I, T, U
G1.5	Độ rõ của tầm nhìn	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3, G1.4	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2, G1.5	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G1.5	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.5	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương I:	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

	Các loại thuế và các khu vực pháp lý sử dụng chúng		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
2	Chương II: Các vấn đề về chính sách thuế: Tiêu chuẩn về thuế tốt	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chương III: Thuế làm chi phí giao dịch	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Chương IV: Maxims của kế hoạch thuế thu nhập	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Chương V: Nghiên cứu thuế	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Chương VI: Hệ thống thuế Việt Nam Thuế thu nhập cá nhân	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Chương VII: Thuế thu nhập cá nhân (cont.)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Ôn thi giữa kỳ			
9	Thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Thuế thu nhập doanh nghiệp	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Thuế giá trị gia tăng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Thuế nhà thầu nước ngoài	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Quản lý thuế	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
15	Buổi ôn tập			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kế toán chi phí
 - + Tiếng Anh: Cost Accounting
- Mã số môn học: BA276IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU or Financial Accounting 2 – BA284IU)
- Môn học song hành: N/A

2. Mô tả môn học

Khóa học này dựa trên kiến thức được thiết lập trong các khóa học kế toán quản lý (BA010IU). Khóa học sẽ yêu cầu sinh viên áp dụng các khái niệm có liên quan đến các chủ đề hiện có cũng như khám phá và thảo luận các chủ đề nâng cao hơn có liên quan đến thực hành. Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể đưa ra quyết định kinh doanh quản lý bằng cách tận dụng một loạt các công cụ, khái niệm và thực hành bao gồm các chủ đề bao gồm phân tích CVP, lập ngân sách, phân tích phương sai và kỹ thuật phân bổ chi phí.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Fundamentals of Cost Accounting, 4th Edition; Lanen, et al; McGraw-Hill/Irwin.

Tài liệu khác:

Accounting Review

Contemporary Accounting Research

Journal of Accounting and Economics

Journal of Accounting Research

Journal of International Accounting Research

Review of Accounting Studies

Journal of Financial Reporting

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phần bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	- Thể hiện vị trí và vai trò của kế toán chi phí trong môi trường kinh tế hiện đại. - Chọn chi phí theo tác động của họ đối với doanh nghiệp. - Phân biệt các phương pháp lập lịch chi phí cho mỗi đơn vị sản xuất. - Giải thích tác động của phương pháp chi phí đã chọn. - Xác định các chi tiết cụ thể của các phương pháp chi phí khác nhau.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	- Thể hiện vị trí và vai trò của kế toán chi phí trong môi trường kinh tế hiện đại. - Chọn chi phí theo tác động của họ đối với doanh nghiệp. - Phân biệt các phương pháp lập lịch chi phí cho mỗi đơn vị sản xuất. - Giải thích tác động của phương pháp chi phí đã chọn. - Xác định các chi tiết cụ thể của các phương pháp chi phí khác nhau.	I, T, U
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế.	I, T, U

	- Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo)	I, T, U

(1): Kỹ hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương 2. Khái niệm chi phí và hành vi	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chương 3. Phân tích lợi nhuận chi phí-khối lượng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chương 3. Phân tích lợi nhuận chi phí-khối lượng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Chương 4: Nguyên tắc cơ bản của phân tích chi phí	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
5	Chương 7. Chi phí đặt hàng công việc	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Chương 7. Báo cáo nhóm I: Chi phí đặt hàng công việc	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Ôn tập thi giữa kỳ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Ôn tập thi giữa kỳ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thi giữa kỳ			
10	Chương 9. Chi phí dựa trên hoạt động	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Chương 11. Bộ phận dịch vụ & Chi phí chung	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Chương 13. Lập kế hoạch và ngân sách	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Chương 16. Nguyên tắc cơ bản của phân tích phương sai	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
14	Chương 15. Chuyển giá	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Thi cuối kì	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy: ... Học ở lớp: ... Học ở nhà: ...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm

các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản Trị Kinh Doanh/ Bộ Môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Phân tích Báo cáo Tài chính
 - + Tiếng Anh: Financial Statement Analysis
- Mã số môn học: BA277IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU or Financial Accounting 2 – BA284IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách sử dụng thông tin từ báo cáo tài chính theo góc nhìn của người dùng thông tin như nhà đầu tư, chủ nợ, nhà phân tích tài chính hay nhà quản lý doanh nghiệp. Khóa học tập trung vào giải thích, phân tích, dự báo hoạt động tài chính của doanh nghiệp cũng như việc sử dụng dữ liệu kế toán cho mục đích đưa ra quyết định.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Easton, P.D., McAnally, M.L., Sommers, G.A., and Zhang, X.J, Financial Statement Analysis & Valuation (4th edition), Cambridge Publishers. ISBN: 978-1-61853-104-9

Tài liệu khác: N/A

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học	TDNL (4)
----------------------	-----------------------	--------------------	-------------

		(X.x.x)(3)	
G1: Đọc hiểu báo cáo tài chính.	Hiểu cách sử dụng thông tin từ báo cáo tài chính từ góc nhìn của người dùng thông tin thay vì cách trình bày báo cáo.	PLO1, PLO2	5%
G2: Giải thích, phân tích báo cáo tài chính	Sử dụng thông tin từ báo cáo tài chính nhằm giải thích, phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	6%
G3. Đánh giá hoạt động tài chính doanh nghiệp và đưa ra quyết định	Dựa trên những kỹ năng giải thích, phân tích đã học được nhằm đưa ra đánh giá, nhận định về hoạt động tài chính của doanh nghiệp từ nhiều phương diện khác nhau và đưa ra quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	6%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Đọc hiểu báo cáo tài chính (bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.)	I, T, U
G1.2	Áp dụng được các khái niệm, lý thuyết cũng như các bước cơ bản vào việc phân tích, đánh giá một doanh nghiệp.	I, T, U
G1.3	Trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn GAAP nhằm phân tích và đánh giá kỹ hơn hoạt động của doanh nghiệp.	I, T, U
G1.4	Đưa ra dự báo báo cáo tài chính cho nhiều năm trong tương lai.	
G1.5	Định giá chứng khoán vốn sử dụng phương pháp định giá theo dòng tiền và phương pháp định giá theo doanh thu.	

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập thuyết trình nhóm	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2, G1.3	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3, G1.5	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương 1. Khung phân tích và đánh giá báo cáo tài chính. Chương 2. Tổng quan về hoạt động doanh nghiệp và báo cáo tài chính.	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chương 3. Phân tích và giải thích tình hình lợi nhuận.	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

3	Chương 4. Phân tích và giải thích rủi ro tín dụng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Chương 5. Ghi nhận doanh thu và thu nhập kinh doanh.	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Chương 6. Ghi nhận tài sản và tài sản vận hành.	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
6	Chương 7. Ghi nhận nợ phải trả, tài trợ vốn vay. Module 8. Ghi nhận vốn sở hữu, tài trợ vốn chủ sở hữu.	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
7	Chương 9. Công ty liên doanh.	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A2.1 Bài thi giữa kỳ
9	Chương 10. Tài trợ vốn ngoài bảng.	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Chương 11. Điều chỉnh và dự báo báo cáo tài chính.	G 1.1, 1.2, 1.3, 1.4	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận;	

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
11	Chương 12. Chi phí sử dụng vốn và các phương pháp định giá.	G 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Chương 13. Phương pháp định giá theo dòng tiền.	G 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
13	Chương 14. Phương pháp định giá theo doanh thu. Chương 15. Phương pháp định giá theo thị trường.	G 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
14	Thuyết trình nhóm	G 1.1, 1.2, 1.3, 1.4	Thuyết trình; thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3, 1.5	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kiểm toán căn bản
 - + Tiếng Anh: Auditing
- Mã số môn học: BA057IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU or Financial Accounting 2 – BA284IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp một nền tảng trong việc đảm bảo, chứng thực và kiểm tra các nguyên tắc cơ bản cho các chuyên gia kiểm toán, tài chính, quản lý, hệ thống và thuế trong tương lai. Sự nhấn mạnh của khóa học này là các khía cạnh khái niệm, lý thuyết và thực tiễn của các báo cáo tài chính kiểm toán.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1] William F. Messier, Jr., Steven M. Glover, and Douglas F. Prawitt (9/e, 2013), **Auditing and Assurance Services: A Systematic Approach. USA: McGraw-Hill**

Tài liệu khác:

[1] DuBrin, Andrew J. 2008. Essentials of Management, 8th edition, Cengage Learning.
Schermerhorn, John R. 2011. Introduction to Management, 11th edition, John Wiley and Sons

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). Tên phần mềm

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Vai trò	Hiểu được vai trò của kiểm toán viên đối với xã hội	PLO1, PLO3	5%
G2: Lý thuyết	Hiểu được lý thuyết kiểm toán và ứng dụng của lý thuyết kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Đạo đức	Hiểu được các thử thách pháp lý và đạo đức đối diện bởi kiểm toán viên và kiểm toán viên có thể làm gì để đối phó với những thử thách đó	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
G4: Giai đoạn kiểm toán	Hiểu được các giai đoạn của một cuộc kiểm toán từ lên kế hoạch cho tới kết thúc cuộc kiểm toán	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

G5: Đánh giá rủi ro	Hiểu được quy trình đánh giá rủi ro các cơ sở dẫn liệu của báo cáo tài chính	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G6: Ý nghĩa của hệ thống kiểm soát nội bộ	Hiểu được tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ và có khả năng đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị ở mức độ cơ bản	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	3%
G7: Kỹ thuật lấy mẫu	Có khả năng áp dụng được kỹ thuật lấy mẫu, kỹ thuật kiểm toán chuẩn mực ví dụ như thủ tục phân tích, thử nghiệm chi tiết và các thử nghiệm kiểm soát để kiểm toán các chu trình kinh doanh	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Hiểu được lý thuyết kiểm toán và ứng dụng của lý thuyết kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính	I, T, U
G1.2	Hiểu được các thử thách pháp lý và đạo đức đối diện bởi kiểm toán viên và kiểm toán viên có thể làm gì để đối phó với những thử thách đó	I, T, U
G1.3	Có khả năng áp dụng được kỹ thuật lấy mẫu, kỹ thuật kiểm toán chuẩn mực ví dụ như thủ tục phân tích, thử nghiệm chi tiết và các thử nghiệm kiểm soát để kiểm toán các chu trình kinh doanh	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, 1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, 1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương 1: Giới thiệu về dịch vụ đảm bảo và kiểm toán báo cáo tài chính	G1, G2, G3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
2	Chương 2: Các khái niệm kiểm toán cơ bản: Đánh giá rủi ro, Tính trọng yếu, và bằng chứng	G4, G5	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
3	Chương 3: Lên kế hoạch kiểm toán và các loại thử nghiệm kiểm toán	G4, G7	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
4	Chương 4: Hiểu và kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ	G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
5	Ôn tập – Quiz1			
6	Chương 6: Các công cụ lấy mẫu thống kê và phi thống kê	G2, G3, G4	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
7	Chương 7: Kiểm toán quy trình đầu tư/tài trợ tài chính Khoản mục tiền và các khoản đầu tư	G2, G3, G4	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm

8	Ôn tập giữa kỳ			
	Thi giữa kỳ			A2.1. Thi giữa kỳ
10	Chương 7: Kiểm toán quy trình đầu tư/tài trợ tài chính Chi phí trả trước, Tài sản vô hình, Tài sản cố định	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
11	Chương 8: Kiểm toán quy trình mua hàng	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
12	Chương 9: Kiểm toán quy trình doanh thu	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
13	Ôn tập – Quiz 2		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
14	Chương 10: Kiểm toán quy trình quản lý hàng tồn kho	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
15	Chương 11: Hoàn thành cuộc kiểm toán và trách nhiệm báo cáo	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
15	Ôn tập thi cuối kỳ	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
	Thi cuối kỳ			A3.1. Thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có
 yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)
Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu
 có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo
 cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không
 được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian
 này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự
 các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối
 lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính
 toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công
 việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các
 quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm
 các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ

có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Hệ thống thông tin kế toán
 - + Tiếng Anh: Accounting Control Systems
- Mã số môn học: BA278IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU or Financial Accounting 2 – BA284IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này được thiết kế để thể hiện sự hiểu biết về các hệ thống thông tin kế toán và vai trò của chúng trong môi trường kế toán. Đặc biệt chú ý đến chu kỳ giao dịch và cơ cấu kiểm soát nội bộ. Các chủ đề cần được đề cập bao gồm vòng đời phát triển phần mềm, công nghệ và ứng dụng hiện đại, các khái niệm và thủ tục kiểm soát, kiểm toán hệ thống thông tin, internets, intranet, thương mại điện tử và vai trò của thông tin hệ thống trong một doanh nghiệp kinh doanh. Khóa học này sẽ bao gồm các hệ thống thông tin kế toán — cả trên máy vi tính và không được máy tính — với sự nhấn mạnh đặc biệt vào các kiểm soát nội bộ.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1] Marshall B. Romney and Paul John Steinbart (12th edition), *Accounting Information Systems*. USA: Pearson Prentice Hall (ISBN 978-1-256-02735-5). The publisher also offers student resources at http://wps.prenhall.com/bp_romney_ais-12/

Tài liệu khác:

[1] Armond (2008), *Systems Understanding Aid (1 per group)*. USA: Dalton Publishers

Phần mềm:

[1] Microsoft (2013 phiên bản). *Microsoft Office including Access©, and Excel*.

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Khái niệm	Hiểu được những khái niệm cơ bản và hoạt động của hệ thống thông tin kế toán	PLO1, PLO3	5%
G2: Chu trình kinh doanh	Hiểu được chu trình kinh doanh và luồng thông tin trong tổ chức và trình bày chúng bằng những công cụ ghi chép	PLO1, PLO3	5%
G3: Quan hệ với các vấn đề khác	Hiểu được “Bức tranh lớn” của hệ thống thông tin kế toán bằng cách xem xét mối liên hệ giữa những chu trình kinh doanh và các hoạt động kế toán	PLO1, PLO3	5%
G4: Cơ sở dữ liệu	Áp dụng những khái niệm của hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu liên quan với nhau	PLO1, PLO3, PLO6	5%
G5: Đạo đức kinh doanh	Áp dụng những nguyên tắc đạo đức đối với kế toán và các tình huống kinh doanh trong bối cảnh làm việc nhóm	PLO8	2%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Áp dụng được các kỹ năng phân tích nâng cao và kỹ năng tư duy phản biện bằng cách áp dụng hệ thống thông tin (IT) và áp dụng hệ thống thông tin trong phân tích và truyền thông	I, T, U

G1.2	Giải thích được kiến thức được mở rộng trong việc thiết kế và thực hiện hệ thống cơ sở dữ liệu tương quan được máy tính hoá và lấy được những dữ liệu được chọn trước sử dụng trong việc ra các quyết định kinh doanh	I, T, U
G1.3	Phân tích, xây dựng, và đánh giá các khiếm khuyết trong hệ thống kiểm soát nội bộ và gian lận	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương I: Hệ thống thông tin kế toán: Tổng quan	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
2	Chương II: Tổng quan về chu trình giao dịch và hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chương III: Kỹ thuật dẫn chứng hệ thống	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Chương V: Gian lận trong môi trường tin học Chương VI: Các kỹ thuật gian lận trong môi trường tin học	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.1 Bài tập nhóm A1.2 Quizzes
5	Chương VII: Hệ thống thông tin kế toán và kiểm soát	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm A1.2 Quizzes

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
6	Chương VIII: Các kiểm soát đối với sự đáng tin cậy của hệ thống-Phần 1: Sự an ninh thông tin	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm A1.2 Quizzes
7	Chương IV: Các kiểm soát đối với sự đáng tin cậy của hệ thống-Phần 2: Sự bảo mật và an ninh Chương X: Các kiểm soát đối với sự đáng tin cậy của hệ thống-Phần 3: sự minh bạch và sẵn có của quy trình	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm A1.2 Quizzes
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Chương XI: Kiểm toán đối với môi trường tin học	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

10	Chương XII: Chu trình thu tiền Chương XIII: Chu trình chi tiền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Chương IV: Cơ sở dữ liệu tương quan	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm A1.2 Quizzes
12	Chương XVII: Thiết kế cơ sở dữ liệu sử dụng mô hình REA	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm A1.2 Quizzes
13	Chương XVIII: Thiết kế mô hình dữ liệu REA trong hệ thống cơ sở dữ liệu tương quan	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes

14	Ôn tập thi kết thúc học phần	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục

đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quyết định quản trị và báo cáo tài chính
 - + Tiếng Anh: Management Decisions & Financial Reporting
- Mã số môn học: BA222IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính hoặc Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU or Financial Accounting 2 – BA284IU); Kế toán quản trị (Managerial Accounting – BA010IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Mục tiêu của khóa học này là để sinh viên tiếp cận và làm quen với các khuôn khổ lý thuyết và những vấn đề thực tiễn của báo cáo tài chính. Khóa học này cung cấp một sự hiểu biết sâu về tác động của báo cáo tài chính lên quyết định của doanh nghiệp. Những quyết định này sẽ bao gồm (nhưng không giới hạn) các quyết định về đầu tư, tài chính và điều hành. Làm thế nào để các quyết định quản trị mà dựa trên dòng tiền được đưa ra thực hiện và sự đo lường và công bố về lưu chuyển tiền tệ thông qua hệ thống thông tin tài chính của doanh nghiệp cũng sẽ được tiếp cận đến.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Revsine, Collins, Johnson, Mittelstaedt, and Soffer, Financial Reporting & Analysis, 6th edition, 2015, McGraw Hill Education

Tài liệu khác:

www.finance.yahoo.com
 www.bloomberg.com
 www.reuters.com
 www.vneconomy.com
 www.efinance.com.vn

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). Tên phần mềm

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TDNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: - Xác định vai trò và quy trình giao tiếp như một phương tiện để đạt được mục tiêu tổ chức.	PLO1, PLO3	5%

	- Xác định thông tin liên lạc và giải thích các rào cản giao tiếp. - Xác định các loại khác nhau của văn bản được thực hiện bởi các chuyên gia kinh doanh trong từng lĩnh vực chức năng kinh doanh khác nhau. - Tăng cường các kỹ năng nhận thức bằng cách nhận ra các phản ứng phi ngôn ngữ; bằng cách cải thiện kỹ năng nghe; và bằng cách phân tích các hệ thống giá trị cá nhân; vai trò và địa vị, và sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp của tổ chức.		
G2: Kỹ năng	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh. • Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: - Xác định vai trò và quy trình giao tiếp như một phương tiện để đạt được mục tiêu tổ chức. - Xác định thông tin liên lạc và giải thích các rào cản giao tiếp. - Xác định các loại khác nhau của văn bản được thực hiện bởi các chuyên gia kinh doanh trong từng lĩnh vực chức năng kinh doanh khác nhau. - Tăng cường các kỹ năng nhận thức bằng cách nhận ra các phản ứng phi ngôn ngữ; bằng cách cải thiện kỹ năng nghe; và bằng cách phân tích các hệ thống giá trị cá nhân; vai trò và địa vị, và sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp của tổ chức.	I, T, U
G1.2	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh. • Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.	I, T, U

G1.3	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U
------	---	---------

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Nền Kinh tế và Thể Chế Thiết lập cho Báo Cáo Tài Chính Tại sao Báo Cáo Tài Chính là quan trọng? Tính Kinh tế trong Thông Tin Kế Toán Cái nhìn cận cảnh hơn về các Chuyên Gia Phân Tích Các Quy tắc của trò chơi Báo Cáo Tài Chính Bản Chất Đối Kháng của Báo Cáo Tài Chính Viễn Cảnh Quốc Tế	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Kế toán Theo Thực Tế Phát Sinh và Xác định Thu Nhập Đo lường Hiệu Suất Lợi Nhuận: Doanh thu và Chi phí Thay Đổi Báo cáo Kế Toán Ghi nhận Doanh thu trước Bán hàng Ghi nhận Doanh thu tiếp theo Bán hàng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

	Doanh thu cho các Giao Dịch Đặc Thù Quản lý thu nhập Các Lỗi Sai trong Kế toán, Lợi Nhuận công bố lại, và Sự Điều chỉnh cho các Thời Kỳ Trước		Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Cấu trúc của Báo Cáo Tài Chính Định dạng của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Phân loại Thu nhập toàn diện và thu nhập toàn diện khác Các tiêu chí phân loại và thước đo cho tài khoản của Bảng Cân đối kế toán Thuyết minh báo cáo tài chính Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Sự cần thiết trong việc phân tích Báo Cáo Tài Chính	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Các Khoản Phải Thu Đánh giá Giá Trị Thuần Thực Hiện Được của Các Khoản Phải Thu Giá Trị Hợp Lý Đẩy nhanh khoản thu Tiền Mặt: Bán Khoản Phải Thu và Tài Sản Thế Chấp cho Vay Tái cơ cấu nợ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Hàng tồn kho Khái quát về các phương pháp kế toán hàng tồn kho Phương pháp xác định số lượng hàng tồn kho Phân loại hàng tồn kho Những chi phí bao gồm trong hàng tồn kho Khái niệm về luân chuyển hàng tồn kho để tính giá Lạm phát và sự ảnh hưởng của phương pháp tích trữ hàng tồn kho theo phương pháp LIFO	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	Ảnh hưởng tính thanh khoản của phương pháp LIFO Loại trừ sai lệch trong các trị số của phương pháp LIFO Ảnh hưởng về thuế của phương pháp LIFO Loại trừ tiền lãi do cất giữ tài sản có thể thực hiện được của các doanh nghiệp sử dụng phương pháp LIFO Phân tích chuyên sâu: Những rủi ro của phương pháp LIFO Các ví dụ thực tiễn về sự lựa chọn chính sách hàng tồn kho Phương pháp tính giá thị trường hay phương pháp tính giá thấp			
7	Tài sản dài hạn Các phương pháp xác định giá trị kết chuyển của phần tài sản dài hạn Mình họa về các nguyên tắc đo lường tài sản dài hạn Tài sản vô hình Giảm giá trị tài sản Các nghĩa vụ phát sinh từ việc tháo gỡ tích sản dài hạn Tài sản nắm giữ chờ bán Khấu hao Quy đổi các tài sản phi tiền tệ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Ôn thi giữa kỳ			
9	Thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Các công cụ nợ tài chính Trình bày trên bảng cân đối kế toán Nợ hay vốn? Trái phiếu phải trả Động cơ quản lý và phương pháp kế toán cho các khoản nợ Lãi được quy cho từ các khoản thương phiếu phải trả Phân tích chuyên sâu: Dòng tiền tương lai và ảnh hưởng của nợ Động cơ của các khoản nợ nằm ngoài bảng cân đối kế toán Các phương pháp đảm bảo phái sinh	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	Nghĩa vụ nợ tiềm tàng			
11	Phương pháp kế toán cho các khoản thuê Những sự thay đổi đáng kể trong các phương pháp kế toán cho các khoản thuê Phương pháp kế toán cho Bên thuê Phương pháp kế toán cho Bên cho thuê Các khía cạnh khác của việc thuê tài sản	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: Đọc tài liệu trước	N/A
12	Phương pháp kế toán cho khoản thuế thu nhập doanh nghiệp Thu nhập theo kế toán và thu nhập theo thuế Tìm hiểu về phương pháp kế toán cho các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp Chênh lệch tạm thời/Chênh lệch về thời gian Chênh lệch vĩnh viễn Các phương pháp làm sai lệch trong kế toán Phương pháp kế toán thuế thu nhập hoãn lại Tài sản thuế thu nhập hoãn lại Thuế thu nhập hoãn lại phải trả Tìm hiểu về việc trình bày thuyết minh thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Đo lường và hạch toán chi phí thuế trên cơ sở không chắc chắn	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: Đọc tài liệu trước	N/A
13	Báo cáo tài chính cho Vốn chủ sở hữu Phương pháp đo lường doanh thu phù hợp Tính tuân thủ theo các điều khoản trong hợp đồng Tính hợp pháp của việc phân chia cổ tức doanh nghiệp Trình bày Vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính Tỉ suất lợi nhuận trên cổ phần Nợ chuyển đổi	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: Đọc tài liệu trước	N/A
14	Đầu tư vốn liên doanh Khoản đầu tư thụ động thiểu số: Phương pháp kế toán giá trị hợp lý Khoản đầu tư chủ động thiểu số: Phương pháp vốn cổ phần Cổ đông nắm quyền kiểm soát: Phương pháp hợp nhất	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.2 Quizzes

	Cấu trúc VIE – Mô hình sở hữu đặc biệt Phương pháp hoạch toán cho các công ty phụ thuộc ở nước ngoài và các giao dịch ngoại tệ		Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
15	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Tại sao dòng tiền lại quan trọng? Biểu mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo: Phương pháp trực tiếp Phương pháp gián tiếp Soạn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ Các phương pháp gian lận và làm sai lệch phần lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
15	Buổi ôn tập			
16	Thi Cuối Kỳ			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Tài chính doanh nghiệp
 - + Tiếng Anh: Corporate Finance
- Mã số môn học: BA054IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý Quản trị Tài chính (BA016IU)
- Môn học song hành: N/A

2. Mô tả môn học

Mục tiêu của khóa học này là nghiên cứu các lĩnh vực quyết định chính về tài chính quản lý và một số chủ đề được lựa chọn của lý thuyết tài chính. Khóa học đánh giá lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm liên quan đến chính sách đầu tư và tài chính của công ty và nỗ lực phát triển khả năng ra quyết định trong các lĩnh vực này bằng cả bài giảng và trường hợp.

Một số chủ đề sẽ quen thuộc với khóa học trước đó BA016IU, như quyết định đầu tư, quyết định tài chính, chi phí vốn, lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại, v.v., tất cả sẽ được xây dựng sâu hơn và chặt chẽ hơn. Ngoài giá vé tiêu chuẩn trên, khóa học này cũng bao gồm các chủ đề khác như cơ cấu vốn, chính sách cổ tức, quản lý vốn lưu động và sáp nhập & mua lại.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Ross, S. A. et al (2015), *Corporate Finance*, Asian Global Edition, McGraw-Hill.

...

Tài liệu khác:

Ross, S. A., Westerfield, R. W. and Jaffe, J. (2013), *Corporate Finance*, 10th edition, McGraw-Hill.

Brealey, R. A., Myers, S. C. and Marcus, A. J. (2011), *Principles of Corporate Finance*, 10th edition, McGraw-Hill.

Bruner, R. F. (2007), *Case studies in Finance*, 6th edition, McGraw-Hill Irwin.

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TDNL (4)
G1: Kiến thức	Khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng	PLO1, PLO3	5%

	• Hiểu được tác động của cơ cấu vốn đến giá trị doanh nghiệp • Hiểu được quyết định về tài chính nợ và chính sách cổ tức; • Hiểu các lý thuyết đằng sau việc quản lý vốn lưu động; • Hiểu sáp nhập và mua lại và thoái vốn		
G2: Kỹ năng	Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	Lập luận và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Hiểu được tác động của cơ cấu vốn đến giá trị doanh nghiệp • Hiểu được quyết định về tài chính nợ và chính sách cổ tức; • Hiểu các lý thuyết đằng sau việc quản lý vốn lưu động; • Hiểu sáp nhập và mua lại và thoái vốn	I, T, U
G1.2	Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói.	I, T, U
G1.3	Lập luận và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu khóa học Sửa đổi các khái niệm quan trọng về quản lý tài chính • Mục tiêu của công ty • Giá trị thời gian của tiền • Mối quan hệ rủi ro và trả lại • Chứng khoán	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích báo cáo tài chính và lập kế hoạch dài hạn • Phân tích báo cáo tài chính • Phân tích tỷ lệ • Nhận dạng DuPont • Mô hình tài chính • Tài chính và tăng trưởng bên ngoài • Một số khái niệm về mô hình lập kế hoạch tài chính	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Tài chính dài hạn: Giới thiệu • Tính năng của cổ phiếu phổ biến và ưa thích • Nợ dài hạn của công ty • Một số loại trái phiếu khác nhau	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Cơ cấu vốn: Khái niệm cơ bản • Lý thuyết Pie • Giá trị doanh nghiệp so với lợi ích của Chủ sở hữu cổ phiếu • Đề xuất lý thuyết MM II • Ảnh hưởng của thuế	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Cơ cấu vốn: Hạn chế sử dụng nợ • Căng thẳng tài chính, chi phí nợ, hiệu ứng thuế	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	A1.2 Quizzes

	• Báo hiệu • Chi phí cơ quan • Trật tự trật tự lý thuyết • Thuế cá nhân • Thiết lập cấu trúc vốn như thế nào		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
6	Định giá và vốn ngân sách cho công ty có vay nợ • Cách tiếp cận được điều chỉnh-giá trị hiện tại (APV) • Phương pháp tiếp cận luồng-vốn chủ sở hữu (FTE) • Phương pháp tiếp cận chi phí-vốn-trung bình (WACC) • So sánh các phương pháp tiếp cận APV, FTE và WACC	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Cổ tức và các khoản thanh toán khác • Các loại thanh toán • Phương thức thanh toán cổ tức bằng tiền mặt • Không liên quan đến chính sách cổ tức	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Cổ tức và các khoản thanh toán khác (không) • Mua lại cổ phần, Cổ tức và Thuế • Hiệu ứng Khách hàng • Cổ tức và chia cổ phiếu			
9	Ôn thi giữa kỳ			
10	Thi Giữa kỳ			
11	Tăng vốn • Vốn đầu tư mạo hiểm và đầu tư mạo hiểm • Vấn đề công cộng • Phương pháp phát hành thay thế • Ưu đãi tiền mặt • Thông báo về vốn chủ sở hữu mới và giá trị của công ty • Chi phí cho các vấn đề mới • Quyền • Câu đố quyền • Pha loãng • Đăng ký Kệ • Phát hành nợ dài hạn	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

12	Cho thuê • Các loại hợp đồng thuê • Kế toán và cho thuê • Thuế và cho thuê • Dòng tiền cho thuê • Đường vòng để giảm giá và khả năng nợ với thuế doanh nghiệp • Phân tích NPV của Quyết định cho thuê và mua • Thay đổi nợ và định giá cho thuê • Cho thuê bao giờ trả tiền: Trường hợp cơ bản • Lý do cho thuê • Một số câu hỏi chưa được trả lời	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Hợp nhất và mua lại và thoái vốn • Các hình thức mua lại cơ bản • Sức mạnh tổng hợp • Nguồn sức mạnh tổng hợp • NPV của một vụ sáp nhập • Thân thiện vs Tiếp quản thù địch • Chiến thuật phòng thủ • Đi tư nhân và mua sắm tận tình • Divestitures	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Kinh tế • Bệnh tật tài chính là gì? • Điều gì xảy ra trong tình trạng tài chính? • Thanh lý và tái tổ chức phá sản • Luyện tập riêng hoặc phá sản: Tốt nhất là gì? • Phá sản tiền đóng gói • Dự đoán phá sản doanh nghiệp: Mô hình điểm Z	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
15	Buổi ôn tập			
16	Thi Cuối Kỳ			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
----------------------	-----------------	--------------------	-----------------------------	---------------------

...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Day:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...
-----	------------------------	-------------	---	-------------

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Tài chính Ngân hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Báo cáo và phân tích tài chính nâng cao
 - + Tiếng Anh: Advanced Financial Reporting and Analysis
- Mã số môn học: BA279IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Các quyết định quản trị và báo cáo tài chính (Management decisions and Financial Reporting – BA222IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức nâng cao về báo cáo tài chính và phân tích dựa theo tiêu chuẩn kế toán quốc tế (IAS) và tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Đặc biệt, khóa học tập trung vào kế toán nâng cao liên quan đến hợp nhất, đầu tư liên doanh, ngoại tệ, công cụ tài chính và báo cáo thuế.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Tan, Pearl and Lee, Peter, Advanced Financial Accounting: An IAS and IFRS Approach (second edition, 2014), McGraw-Hill. ISBN: 9781259011771

Tài liệu khác: N/A

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
----------------------	-----------------------	----------------------------------	-------------

G1: Khái niệm	Hiểu các khái niệm và quy định/chuẩn mực kế toán về các vấn đề kế toán nâng cao trong hợp nhất, báo cáo nhóm và các công cụ tài chính.	PLO1, PLO3	5%
G2: Phân tích và áp dụng các chuẩn mực kế toán nâng cao	Phân tích các chuẩn mực kế toán về hợp nhất, ngoại tệ, công cụ tài chính và chứng minh khả năng áp dụng chúng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3. Quy đổi báo cáo tài chính bằng ngoại tệ	Quy đổi báo cáo tài chính bằng ngoại tệ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
G4: Ghi nhận các công cụ tài chính và phân tích tác động của chúng trên báo cáo tài chính	Ghi nhận các công cụ tài chính và phân tích tác động của chúng trên báo cáo tài chính	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Hiểu các quy định/chuẩn mực kế toán về các vấn đề kế toán nâng cao trong các vấn đề hợp nhất, báo cáo nhóm và các công cụ tài chính.	I, T, U
G1.2	Có khả năng áp dụng các chuẩn mực kế toán trong các vấn đề kế toán nâng cao như lập các báo cáo tài chính hợp nhất, quy đổi báo cáo tài chính bằng ngoại tệ, và các công cụ tài chính.	I, T, U
G1.3	Phân tích và đánh giá tác động của các công cụ tài chính lên báo cáo tài chính của công ty	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương 2. Báo cáo nhóm I: Các khái niệm và bối cảnh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chương 2. Báo cáo nhóm I: Các khái niệm và bối cảnh Chương 3. Báo cáo nhóm II: Áp dụng phương pháp mua lại (Acquisition method) theo IFRS 3	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chương 3. Báo cáo nhóm II: Áp dụng phương pháp mua lại (Acquisition method) theo IFRS 3 Chương 4. Báo cáo nhóm III: Kế toán cho kết hợp kinh doanh (Business Combinations) và các lợi ích	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2. Quiz

	của cổ đông thiểu số (Non-Controlling Interests)theo IFRS 3 trong các giai đoạn sau khi mua lại		Quiz	
4	Chương 3. Báo cáo nhóm II: Áp dụng phương pháp mua lại (Acquisition method) theo IFRS 3 Chương 4. Báo cáo nhóm III: Kế toán cho kết hợp kinh doanh (Business Combinations) và các lợi ích của cổ đông thiểu số (Non-Controlling Interests)theo IFRS 3 trong các giai đoạn sau khi mua lại	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Chương 5. Báo cáo nhóm IV: Hợp nhất theo IFRS 10	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Chương 6. Báo cáo nhóm V: Kế toán cổ phần theo IAS 28	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Chương 8. Kế toán cho những ảnh hưởng của thay đổi trong tỷ giá hối đoái	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
9	Chương 8. Kế toán cho những ảnh hưởng của thay đổi trong tỷ giá hối đoái Chương 9. Công cụ tài chính: Phân loại, ghi nhận và đo lường	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Chương 9. Công cụ tài chính: Phân loại, ghi nhận và đo lường	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Chương 10. Kế toán cho công cụ phái sinh và phòng ngừa rủi ro	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Chương 10. Kế toán cho công cụ phái sinh và phòng ngừa rủi ro	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Chương 11. Kế toán thuế đối với thu nhập	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi kết thúc học phần	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	A1.2 Quiz

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kiểm toán nâng cao
 - + Tiếng Anh: Advanced Auditing
- Mã số môn học: BA280IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Kiểm toán căn bản (Auditing – BA057IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này được thiết kế với các chủ đề để chuẩn bị cho sinh viên những trách nhiệm và thách thức phải đối mặt với tư cách là kiểm toán viên phụ trách. Định dạng khóa học sẽ bao gồm các cuộc thảo luận về các chủ đề mới nổi đối mặt với các cá nhân ở các vị trí liên quan đến giám sát kiểm soát. Khóa học giả định một kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ và bên ngoài.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1] **Auditing and Assurance Services: An Integrated Approach**, 16th Edition, 9/e, Alvin A. Arens, Randal J. Elder, Mark S. Beasley, Chris E. Hogan, Pearson, 2017 (ISBN-13: 978-0134065823)

Tài liệu khác:

Phần mềm:

[..] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Khái niệm	Hiểu được khuôn mẫu dịch vụ bảo đảm	PLO1, PLO3	5%
G2: Trách nhiệm nghề nghiệp của kiểm toán viên	Hiểu được nguyên tắc kiểm toán căn bản và trách nhiệm của kiểm toán viên	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Rủi ro	Hiểu được đơn vị, đánh giá rủi ro và phản ứng lại rủi ro	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
G4: Đánh giá rủi ro	Có khả năng phản ứng lại các rủi ro đã được đánh giá trước	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G5: Hoàn thành kiểm toán	Có khả năng rút ra được kết luận và các yêu cầu báo cáo	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G6: Dịch vụ đảm bảo	Hiểu được hợp đồng cung cấp dịch vụ đảm bảo	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	3%

G7: Kiểm toán nội bộ và các dịch vụ đảm bảo khác	Hiểu được các dịch vụ đảm bảo khác và kiểm toán nội bộ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
--	--	------------------------	----

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Hiểu được khuôn mẫu dịch vụ đảm bảo Hiểu được nguyên tắc kiểm toán tổng quát và trách nhiệm của kiểm toán viên	I,T,U
G1.2	Hiểu được đơn vị được kiểm toán, đánh giá rủi ro và phản ứng lại rủi ro Có khả năng phản ứng lại các rủi ro được đánh giá trước	I,T,U
G1.3	Có khả năng rút ra ý kiến kiểm toán và các yêu cầu về báo cáo tài chính Hiểu được hợp đồng cung cấp dịch vụ đảm bảo Hiểu được các dịch vụ đảm bảo khác và kiểm toán nội bộ	I,T,U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, 1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, 1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
-------------------	--------------	-----------------	--------------------------	------------------

1	Chương 1: Nhu cầu đối với kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	G1, G2, G3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
2	Chương 2: Nghề nghiệp đối với kiểm toán viên công chứng (CPA)	G4, G5	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
3	Chương 3: Đạo đức nghề nghiệp	G4, G7	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
4	Ôn tập – Quiz1			
5	Chương 4: Trách nhiệm pháp lý	G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
6	Chương 5: Mục tiêu kiểm toán và trách nhiệm của kiểm toán viên	G2, G3, G4	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
7	Ôn tập thi giữa kỳ			
8	Thi giữa kỳ			
9	Chương 6: Các dịch vụ bảo đảm khác	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A2.1. Thi giữa kỳ

10	Chương 7: Kiểm toán tài chính ở các đơn vị sự nghiệp công và nội bộ và kiểm toán hoạt động	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
11	Ôn tập – Quiz 2		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	Ôn tập – Quiz 2
12	Chương 8: Kiểm toán nội bộ	G2, G4, G6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1. Quiz, Bài tập nhóm
13	Case study		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	Trình bày nhóm
14	Chương 9: Ôn tập thi cuối kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
15	Thi cuối kỳ			A3.1. Thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)
Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)		(5)

			(4)	
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email

của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: workshop 2 cho những vấn đề kế toán
 - + Tiếng Anh: workshop 2 on accounting issues
- Mã số môn học: BA281IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Hội thảo này sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội tham gia vào các công việc và dự án đang diễn ra trong ngành Kế toán và Kiểm toán. Trong cuộc họp, các diễn giả được mời sẽ trình bày “các tác phẩm đang diễn ra” và “chia sẻ kinh nghiệm”. Nó sẽ giúp sinh viên mở rộng hiểu biết kế toán và kiểm toán của họ và cơ hội nghề nghiệp. Cuối cùng, sinh viên phải nộp 03 báo cáo bằng văn bản để đánh giá cơ sở hiểu biết của họ về 03 chủ đề nhất định.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

TBA

Tài liệu khác: N/A

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)

G1: Khái niệm	Bằng cách tham dự Hội thảo 2, sinh viên sẽ có thể • Xác định các chuẩn mực kế toán quốc tế • Hiểu và giải thích công việc của kiểm toán viên, kế toán viên • Hiểu quy trình đánh thuế tại Việt Nam • Đo lường và quản lý hoạt động tiếp xúc của công ty tái cơ cấu....	PLO1, PLO3	5%
---------------	---	------------	----

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Bằng cách tham dự Hội thảo 2, sinh viên sẽ có thể • Xác định các chuẩn mực kế toán quốc tế • Hiểu và giải thích công việc của kiểm toán viên, kế toán viên • Hiểu quy trình đánh thuế tại Việt Nam • Đo lường và quản lý hoạt động tiếp xúc của công ty tái cơ cấu....	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	TBA	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ

được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kế toán Kiểm toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Lý thuyết quản lý danh mục đầu tư và phân tích đầu tư

+ Tiếng Anh: Portfolio Theory and Investment Analysis

- Mã số môn học: BA138IU

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☒ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Nguyên lý Quản trị Tài chính (Fundamentals of Financial Management – BA016IU), Kế toán tài chính hoặc kế toán tài chính 2 (Financial Accounting – BA184IU hoặc Financial Accounting 2 – BA284IU).

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Phân tích lý thuyết và phân tích đầu tư nhằm mục đích làm quen với các cơ sở khái niệm về lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại và các chiến lược quản lý danh mục đầu tư. Nó tập trung vào việc áp dụng mô hình định giá và các kỹ thuật khác trong định giá chứng khoán, đo lường rủi ro danh mục đầu tư và xác định hiệu suất danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư tối ưu và áp dụng quan điểm về quản lý đầu tư cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Kinh nghiệm học tập sẽ bao gồm: giới thiệu về lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại, chiến lược quản lý danh mục thụ động và tích cực, mô hình định giá các công cụ tài chính như trái phiếu và cổ phiếu; đánh giá rủi ro và lợi nhuận của danh mục đầu tư so với các tiêu chí chuẩn, Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) và các vấn đề khác về tài chính.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Relley, F. K. and Brown, K. C. (2010), Investment Analysis and Portfolio Management, 10th edition, Thomson South-Western. (RB)

Tài liệu khác:

Bodie, Z., Kane, A., and Marcus, A.J. (2010) ,Investments, 9th edition, McGraw

Hill. (BKM)

Recommended Internet sites

www.bloomberg.com

www.ft.com (Financial Times)

www.finance.yahoo.com

Recommended Journals

Journal of Finance

Journal of Financial and Quantitative Analysis

Journal of Financial Economics

Harvard Business Review

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Hiểu vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ rủi ro / trả về đối với quyết định phân bổ tài sản. Giải thích các mô hình định giá tài sản vốn và định giá chênh lệch giá. Hiểu và sử dụng các phương pháp khác nhau để định giá các công cụ khác nhau trong quy trình chọn nội dung. Giải thích các chiến lược quản lý danh mục đầu tư cho các lớp tài sản khác nhau.	PLO1, PLO3	5%
G2: Quan điểm chính trị	N/A	PLO1, PLO3	5%
G3: Kỹ năng phân tích	Hiểu vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ rủi ro / trả về đối với quyết định phân bổ tài sản. Giải thích các mô hình định giá tài sản vốn và định giá chênh lệch giá. Giải thích các chiến lược quản lý danh mục đầu tư cho các lớp tài sản khác nhau.	PLO1, PLO3	5%

	Hiểu cách đánh giá hiệu suất danh mục đầu tư.		
G4: Kỹ năng giao tiếp	Giải thích các mô hình định giá tài sản vốn và định giá chênh lệch giá.	PLO1, PLO3	5%
G5: Kỹ năng tư duy phản biện	Hiểu vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ rủi ro / trả về đối với quyết định phân bổ tài sản. Hiểu và giải thích sự liên quan của giả thuyết thị trường hiệu quả. Giải thích các chiến lược quản lý danh mục đầu tư cho các lớp tài sản khác nhau.	PLO1, PLO3	5%
G6: Kỹ năng về công nghệ	Hiểu và giải thích sự liên quan của giả thuyết thị trường hiệu quả.	PLO1, PLO3	5%
G7: Thái độ về đạo đức trong công việc	Hiểu và giải thích sự liên quan của giả thuyết thị trường hiệu quả.	PLO1, PLO3	5%
G8: Khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa	Hiểu vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ rủi ro / trả về đối với quyết định phân bổ tài sản. Hiểu và sử dụng các phương pháp khác nhau để định giá các công cụ khác nhau trong quy trình chọn nội dung.	PLO1, PLO3	5%
G9: Kỹ năng làm việc theo nhóm, tự học và phát triển nghề nghiệp	Hiểu và sử dụng các phương pháp khác nhau để định giá các công cụ khác nhau trong quy trình chọn nội dung.		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Hiểu vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ rủi ro / trả về đối với quyết định phân bổ tài sản.	I, T, U

	Giải thích các mô hình định giá tài sản vốn và định giá chênh lệch giá. Hiểu và sử dụng các phương pháp khác nhau để định giá các công cụ khác nhau trong quy trình chọn nội dung. Giải thích các chiến lược quản lý danh mục đầu tư cho các lớp tài sản khác nhau.	
G1.2	N/A	
G1.3	Hiểu vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ rủi ro / trả về đối với quyết định phân bổ tài sản. Giải thích các mô hình định giá tài sản vốn và định giá chênh lệch giá. Giải thích các chiến lược quản lý danh mục đầu tư cho các lớp tài sản khác nhau. Hiểu cách đánh giá hiệu suất danh mục đầu tư.	
G1.4	Giải thích các mô hình định giá tài sản vốn và định giá chênh lệch giá.	
G1.5	Hiểu vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ rủi ro / trả về đối với quyết định phân bổ tài sản. Hiểu và giải thích sự liên quan của giả thuyết thị trường hiệu quả. Giải thích các chiến lược quản lý danh mục đầu tư cho các lớp tài sản khác nhau.	
G1.6	Hiểu và giải thích sự liên quan của giả thuyết thị trường hiệu quả.	
G1.7	Hiểu và giải thích sự liên quan của giả thuyết thị trường hiệu quả.	
G1.8	Hiểu vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ rủi ro / trả về đối với quyết định phân bổ tài sản. Hiểu và sử dụng các phương pháp khác nhau để định giá các công cụ khác nhau trong quy trình chọn nội dung.	

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
----------------------------	---------------------	---------------------------	----------------

A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương 1: Thiết lập đầu tư Thiết lập đầu tư và đo lường lợi nhuận đầu tư và rủi ro.	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chương 2: Quyết định phân bổ tài sản Chương 5: Chỉ số bảo mật-thị trường 2A - Phân bổ tài sản và đánh giá danh mục đầu tư Quy trình quản lý 2B - Chuỗi chỉ số thị trường bảo mật Chương 2: Quyết định phân bổ tài sản Chương 5: Chỉ số bảo mật-thị trường 2A - Phân bổ tài sản và đánh giá danh mục đầu tư Quy trình quản lý	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	2B - Chuỗi chỉ số thị trường bảo mật			
3	Chương 7: Giới thiệu lý thuyết danh mục đầu tư	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Chương 7: Giới thiệu lý thuyết danh mục đầu tư (cont.) Chương 8: Giới thiệu mô hình định giá tài sản Giới thiệu về Người giải quyết trong việc thực hiện phân bổ tài sản	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Chương 8: Giới thiệu mô hình định giá tài sản Mô hình định giá tài sản: Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) và các mô hình khác	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
6	Chương 11: Giới thiệu về đánh giá bảo mật Chương 12: Macroanalysis và Microvaluation của thị trường chứng khoán Chương 13: Phân tích ngành Mô hình phân tích chứng khoán và định giá cổ phiếu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Chương 11: Giới thiệu về đánh giá bảo mật Phân tích an ninh và mô hình định giá cổ phiếu (cont.)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
8	Chương 16: Chiến lược quản lý danh mục đầu tư cổ phần Chiến lược quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thi giữa kỳ			
10	Chương 6: Thị trường vốn hiệu quả Hiệu quả thị trường vốn	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Chương 12: Macroanalysis và Microvaluation của thị trường chứng khoán Chương 13: Phân tích ngành Chương 14: Phân tích công ty và định giá cổ phiếu Chương 15: Phân tích kỹ thuật Phân tích cơ bản so với kỹ thuật	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Thuyết trình			
	Thi cuối kì			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ

được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Tài chính Ngân hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quản lý chuỗi cung ứng
 - + Tiếng Anh: Logistics and Supply Chain Management
- Mã số môn học: BA022IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này thảo luận về các yếu tố đặc trưng của logistics kinh doanh tích hợp và vai trò và ứng dụng các nguyên tắc hậu cần trong quản lý chuỗi cung ứng / nhu cầu / giá trị; và trình bày các hoạt động cơ bản liên quan đến hậu cần và quản lý chuỗi cung ứng.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Logistics - An Introduction to Supply Chain Management, Donald Waters, PALGRAVE MACMILLAN, 2003.

Tài liệu khác:

Supply Chain Logistics Management, Donald J. Bowersox, David J. Closs and M. Bixby Cooper, McGraw Hill, 2002.

Recommended Journals

International Journal of Logistics Management

International Journal of Operations Research

The American Journal of Transportation

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kỹ năng	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Hiểu cách quản lý Chuỗi cung ứng và Logistics trong các công ty thực. • Phát triển các kỹ năng nghiên cứu phù hợp với ngành quản lý Logistics và Chuỗi cung ứng. Đề đánh giá hiện tại	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3	5%
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3	2%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)

G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Hiểu cách quản lý Chuỗi cung ứng và Logistics trong các công ty thực. • Phát triển các kỹ năng nghiên cứu phù hợp với ngành quản lý Logistics và Chuỗi cung ứng. Đề đánh giá hiện tại	I, T, U
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Bài giảng 1: Nguyên tắc cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng và hậu cần Giới thiệu Khái niệm cơ bản Chuỗi cung ứng Mục tiêu của Logistics Hoạt động của Logistics Quan trọng của hậu cần Tăng trưởng Logistics Tổ chức Logistics Tiến độ trong Logistics Áp lực để cải thiện Logistics Xu hướng hiện nay Chủ đề hiện tại	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2&3	Bài giảng 2 và 3: Định vị cơ sở vật chất Tầm quan trọng của vị trí Chọn vùng địa lý Cách tiếp cận tổng thể Cân nhắc trong việc chọn vùng Phương pháp tiếp cận đến quyết định vị trí Cách tiếp cận tập hợp vô hạn Thiết lập khả thi Mô hình mạng Vấn đề trung bình đơn Bao gồm vấn đề Lập kế hoạch vị trí	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

4&5	Bài giảng 4 và 5: Lập kế hoạch năng lực Các loại quy hoạch Quy hoạch năng lực Điều chỉnh công suất Lập kế hoạch chiến thuật Kế hoạch tổng hợp Cách tiếp cận tổng thể về lập kế hoạch chiến thuật Tạo kế hoạch thay thế Chu kỳ lập kế hoạch Lịch ngắn hạn Phương pháp lập kế hoạch Lập kế hoạch ngược Chuyển tiếp lịch biểu Quy tắc lập lịch	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
6&7	Bài giảng 6 và 7: Kiểm soát luồng vật liệu Lập kế hoạch yêu cầu vật liệu (MRP) Giới thiệu Nhu cầu phụ thuộc và độc lập Cách tiếp cận MRP Lợi ích của MRP Nhược điểm của MRP Just-In-Time (JIT) Định nghĩa Nguyên tắc Hiệu ứng rộng hơn của JIT Các yếu tố chính trong JIT Đạt được hoạt động chỉ trong thời gian	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	Hệ thống đẩy và kéo Kanbans Lợi ích và bất lợi của JIT Mở rộng Jit Dọc theo chuỗi cung ứng Đáp ứng người tiêu dùng hiệu quả - Erc			
	Thi giữa kỳ			
9	Bài giảng 8: Mua sắm Định nghĩa Mục đích của việc mua sắm Tổ chức mua sắm Chọn nhà cung cấp Nhà cung cấp đủ tiêu chuẩn Quyền lực tương đối của khách hàng và nhà cung cấp Số lượng nhà cung cấp Giám sát hiệu suất của nhà cung cấp Chu kỳ mua sắm Các vấn đề với việc mua sắm trên giấy mua sắm điện tử Các loại mua hàng Các điều khoản và điều kiện Đặt giá cho vật liệu Một số sắp xếp giao hàng Bài giảng 9: Dự án Nhiệm vụ và giải thích	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Bài giảng 10: Quản lý kho Lý do để nắm giữ cổ phiếu tổng hợp cổ phần	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

	Buffering cung và cầu Mục đích của cổ phiếu Các loại cổ phiếu Chi phí vận chuyển cổ phiếu. Số lượng đặt hàng kinh tế (EOQ). Lập đi lập lại mô hình của chu kỳ chứng khoán Tìm kích thước đơn hàng. Biến đổi chi phí với kích thước đơn đặt hàng Tìm thời gian để đặt hàng Sử dụng cấp độ đặt hàng lại cho đơn đặt hàng thời gian Phân tích độ nhạy Ưu điểm của phương pháp này Điểm yếu Không chắc chắn Nhu cầu và An toàn Cổ phiếu Phân tích định kỳ Phân tích ABC Phân tích được quản lý của nhà cung cấp		Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
11	Bài giảng 11: Kho & Xử lý vật liệu Mục đích của kho Phù hợp với chiến lược logistics Phân tích chiến lược, kho thiết kế Các hoạt động trong kho Các hoạt động khác trong kho Mục đích của kho bãi Quyền sở hữu Lợi ích của kho công cộng Đáp ứng nhu cầu với một hỗn hợp của kho tư nhân và công cộng Phân tích hòa vốn cho các kho công cộng / tư nhân Bố trí	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	Bố cục chung Các yếu tố thiết yếu trong kho Bố trí cơ bản của một nhà kho Sơ đồ bố trí kho chung Bố cục của rackin Một số đề xuất cho bố cục tốt Định vị vật liệu trên kệ Thời gian quay vòng Xử lý vật liệu Một số mục tiêu xử lý vật liệu Kho hàng thủ công Kho cơ khí Kho tự động Lựa chọn thiết bị Lựa chọn kích thước kho và tự động hóa Bao bì Năm nguyên liệu chính để đóng gói Chất thải bao bì Trò chơi bìa			
12	Field Trip			
13	Bài giảng 12: Trình bày dự án Và đánh giá cuối cùng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
17	Thi cuối kỳ			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ

được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Thị trường và các định chế tài chính
 - + Tiếng Anh: Financial Institutions and Markets
- Mã số môn học: BA134IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☒ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về vai trò của các tổ chức tài chính trung gian trên thị trường tài chính. Nó giúp sinh viên phân biệt giữa các tổ chức tài chính với tiền gửi và những người không có tiền gửi, hiểu và phân tích cấu trúc hoạt động của thị trường tài chính. Phân biệt các loại chứng khoán như cổ phiếu, tiền tệ, trái phiếu và các công cụ tài chính khác.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1] Jones, Rhoades-Catanach, (2015), Principles of Taxation for Business and Investment Planning, McGraw-Hill/Irwin, US, ISBN 978-0077862329

Tài liệu khác:

[1] Smith, Raabe, Maloney, (2008), Taxation of Business Entities, Thomson South-Western, US, ISBN 978-0-324-36664-8

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). Tên phần mềm

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TDNL (4)
G1: Kiến thức	• Cấu trúc và hoạt động của thị trường tài chính nói chung và thị trường tài chính cá nhân khác nhau như thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, vv • Ngành và đặc điểm của từng lĩnh vực tài chính khác nhau như ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán • Các chính sách và tác động kinh tế vĩ mô trên hệ thống tài chính	PLO1, PLO3	5%
G2		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

G4			
G5		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Khả năng đưa ra các đối số hấp dẫn và lý luận để hỗ trợ phân tích	I, T, U
G1.2	Khả năng cấu trúc các vấn đề theo khung lý thuyết và giải quyết chúng	I, T, U
G1.3	Khả năng tiến hành nghiên cứu ứng dụng để thu thập dữ liệu / thông tin liên quan đến vụ việc	I, T, U
G1.4	Khả năng tham gia vào các kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo	I, T, U
G1.5	Độ rõ của tầm nhìn	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3, G1.4	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2, G1.5	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2, G1.5	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.5	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu 1. Tại sao nên nghiên cứu thị trường tài chính 2. Tổng quan về hệ thống tài chính	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

	3. Chức năng của thị trường tài chính		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
2	Lãi suất 1. Tổng quan lãi suất 2. Xác định lãi suất 3. Các loại lãi suất	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Lãi suất và chính sách kinh tế vĩ mô 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến lãi suất 2. Thị trường trái phiếu và lãi suất 3. Thay đổi cân bằng thị trường lãi suất	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Rủi ro và lãi suất 1. Cơ cấu rủi ro lãi suất 2. Mối quan hệ giữa rủi ro và lãi suất 3. Phân tích trường hợp	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Hiệu quả thị trường tài chính 1. Định nghĩa chung 2. Lý thuyết hiệu quả thị trường tài chính 3. Bằng chứng về hiệu quả thị trường 4. Tài chính hành vi	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Ngân hàng trung ương và hệ thống dự trữ liên bang 1. Sơ lược 2. Hình thành hệ thống dự trữ liên bang 3. Hoạt động của ngân hàng trung ương	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

7	Chính sách tiền tệ và Ngân hàng trung ương 1. Mục tiêu chính sách tiền tệ 2. Thực hành 3. Phân tích các sự kiện thế giới hiện tại	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Thị trường tiền tệ 1. Sơ lược 2. Mục tiêu của thị trường tiền tệ 3. Công cụ thị trường tiền tệ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thị trường trái phiếu 1. Các loại trái phiếu 2. Tính thu nhập từ trái phiếu 3. Hoạt động đầu tư trái phiếu	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Thị trường chứng khoán 1. Đầu tư chứng khoán 2. Chia sẻ giá trị 3. Người tham gia thị trường chứng khoán 4. Quản lý thị trường chứng khoán	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Hoạt động ngân hàng và quản lý tài chính 1. Kiến thức cơ bản của ngân hàng 2. Đo lường hiệu quả của các ngân hàng 3. Quản lý ngân hàng 4. Cạnh tranh trong ngành ngân hàng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Ngành bảo hiểm 1. Kiến thức cơ bản về ngành bảo hiểm 2. Hệ thống quản lý bảo hiểm	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

	3. Cạnh tranh và quản lý trong ngành bảo hiểm		Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
13	Môi giới chứng khoán và ngân hàng đầu tư 1. Sơ lược 2. Ngân hàng đầu tư 3. Công ty môi giới	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Buổi ôn tập			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ

có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Khoa học lãnh đạo
 - + Tiếng Anh: Leadership
- Mã số môn học: BA098IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Môn học chuẩn bị cho sinh viên về vai trò lãnh đạo trong cộng đồng cũng như trong ngành nghề trong tương lai, cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và nền tảng để trở thành một nhà lãnh đạo hiệu quả. Môn học giúp sinh viên hiểu được các yếu tố dẫn đến việc lãnh đạo thành công. Sinh viên sẽ đạt được các kỹ năng cả về lý thuyết và thực tế cần thiết để thành công trong cả cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp tương lai. Môn học dành cho sinh viên quan tâm đến việc đạt được một nền tảng trong nghiên cứu về lãnh đạo và các khóa học mở rộng trong các khía cạnh ứng dụng của lãnh đạo.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Leadership: Theory, Application and Skill Development (2nd Edition), Lussier & Achua

Tài liệu khác: *The Influencer*, Kerry Patterson et al

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khám phá các khuôn khổ lãnh đạo khác nhau và hồ sơ lãnh đạo của bản thân và những người khác. Tăng cường nhận thức về lãnh đạo và cách thức tham gia, cũng như thể hiện khả năng lãnh đạo trong khuôn viên trường Đại học. Phát triển định nghĩa cá nhân về ý nghĩa của việc lãnh đạo và vai trò của trách nhiệm cá nhân trong lãnh đạo. Phát triển và thể hiện các kỹ năng tư duy phê phán thông qua các bài tập viết và thuyết trình. Bắt đầu xây dựng một danh mục lãnh đạo thể hiện và tích hợp việc học trên lớp, kinh nghiệm lãnh đạo và phản ánh cá nhân.	PLO1, PLO3	5%
G2: Quan điểm chính trị	N/A	PLO1, PLO3	
G3: Kỹ năng phân tích	Khám phá các khuôn khổ lãnh đạo khác nhau và hồ sơ lãnh đạo của bản thân và những người khác. Tăng cường nhận thức về lãnh đạo và cách thức tham gia, cũng như thể hiện khả năng lãnh đạo trong khuôn viên trường Đại học. Phát triển định nghĩa cá nhân về ý nghĩa của việc lãnh đạo và vai trò của trách nhiệm cá nhân trong lãnh đạo.	PLO1, PLO3	5%
G4: Kỹ năng giao tiếp	Thu thập, phân tích và sắp xếp thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, ở cả dạng viết và nói	PLO1, PLO3	5%
G5: Kỹ năng tư duy phản biện	Xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như đánh giá thông tin tài	PLO1, PLO3	5%

	chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê phán về việc biện minh cho các quyết định.		
G6: Kỹ năng về công nghệ		PLO1, PLO3	5%
G7: Thái độ về đạo đức trong công việc	- Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO8	5%
G8: Khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa	Khám phá các khuôn khổ lãnh đạo khác nhau và hồ sơ lãnh đạo của bản thân và những người khác.	PLO1, PLO3	5%
G9: Kỹ năng làm việc theo nhóm, tự học và phát triển nghề nghiệp	Kỹ năng phân công và quản lý nhiệm vụ, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo	PLO7	5%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U

G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Ai là lãnh đạo?	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Đặc điểm và đạo đức lãnh đạo - Đặc điểm & tính cách của người lãnh đạo hiệu quả	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Hành vi lãnh đạo và động lực -Hành vi và phong cách lãnh đạo	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Ảnh hưởng: Quyền lực, Chính trị, Mạng lưới & Đàm phán - Sức mạnh & Nguồn sức mạnh - Chính trị tổ chức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
5	Ảnh hưởng: Quyền lực, Chính trị, Mạng lưới & Đàm phán -Mạng lưới -Đàm phán -Đạo đức và ảnh hưởng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm

6	Lãnh đạo dự phòng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
7	Kỹ năng giao tiếp, huấn luyện và xung đột -Truyền thông, Phản hồi & Huấn luyện Quản lý xung đột -Phối hợp mô hình Phong cách quản lý xung đột	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ			N/A
9	Lãnh đạo nhóm -Việc sử dụng đội nhóm trong các Tổ chức - Đặc điểm của nhóm hiệu quả Sáng tạo nhóm -Ra quyết định trong đội nhóm -Kỹ năng lãnh đạo cuộc họp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	N/A
10	Lãnh đạo nhóm tự quản -Hiểu về tự quản lý -Các giai đoạn tăng trưởng và lãnh đạo nhóm -Vai trò thay đổi của lãnh đạo trong các nhóm tự quản lý	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
11	Sự lôi cuốn và biến hóa trong lãnh đạo	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập	
12	Lãnh đạo chiến lược và quản lý khủng hoảng và thay đổi	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ôn tập	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3		A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này.

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Kinh Doanh Quốc Tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Phân tích và định giá doanh nghiệp

+ Tiếng Anh: Business Analysis and Evaluation

- Mã số môn học: BA065IU

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☒ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính , hoặc Kế toán tài chính II (Financial Accounting – BA184IU hoặc Financial Accounting 2 – BA284IU); Nguyên lý Quản trị Tài chính (Fundamentals of Financial Management – BA016IU); Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance – BA054IU)

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Phân tích và định giá kinh doanh (BA065IU) được thiết kế để giúp sinh viên hiểu các báo cáo tài chính và các công ty giá trị. Khóa học nhấn mạnh các ứng dụng thực tế. Do đó, phần lớn khóa học sẽ được dành cho việc phân tích và thảo luận các báo cáo tài chính trong các bối cảnh quyết định thực tế. Điều này được bổ sung bằng bài giảng và thảo luận về các tài liệu từ văn bản và các bài báo từ báo chí tài chính.

Phần lớn phân tích là chung, nhưng khóa học tập trung vào các tập đoàn giao dịch công khai theo các quy định của Ủy ban An ninh. Nửa đầu của khóa học tập trung vào việc phát triển bốn bước cơ bản trong khung phân tích cơ bản: phân tích kinh doanh, phân tích kế toán, phân tích tài chính và phân tích tương lai. Những công cụ này sau đó được sử dụng để tiến hành phân tích kinh doanh toàn diện của các công ty từ nhiều quan điểm khác nhau, như định giá bảo mật vốn chủ sở hữu và phân tích sáp nhập và mua lại...

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

K. Palepu, P. Healy, and V. Bernard. ***Business Analysis and Valuation Using Financial Statement***, 3rd edition (South-Western Publishing Co., 2004)

Tài liệu khác:

J.E. Pinto, E. Henry, T.R. Robinson and J.D. Stowe, ***Equity Asset Valuation***, 2nd edition (Wiley Finance)

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Khả năng áp dụng kiến thức về quản lý tài chính, đầu tư tài chính và hệ thống ngân hàng	Hiểu báo cáo tài chính và chiến lược báo cáo của các công ty Làm quen với một khuôn khổ để đưa ra quyết định kinh doanh bằng cách sử dụng thông tin báo cáo tài chính Sử dụng nhiều phương pháp định giá và xác định điểm mạnh và điểm yếu của từng phương pháp Đánh giá giá thị trường hiện tại và dự báo ước tính ngụ ý bởi những giá đó; Áp dụng khung phân tích để ước tính các giá trị cổ phiếu phổ biến được giao dịch công khai, sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính làm nguồn dữ liệu chính Sử dụng nhiều phương pháp định giá và xác định điểm mạnh và điểm yếu của từng phương pháp	PLO1, PLO3	5%
Khả năng đánh giá tình trạng tài chính của các doanh nghiệp	Hiểu báo cáo tài chính và chiến lược báo cáo của các công ty Làm quen với một khuôn khổ để đưa ra quyết định kinh doanh bằng cách sử dụng thông tin báo cáo tài chính		

	Sử dụng nhiều phương pháp định giá và xác định điểm mạnh và điểm yếu của từng phương pháp Đánh giá giá thị trường hiện tại và dự báo ước tính ngụ ý bởi những giá đó; Áp dụng khung phân tích để ước tính các giá trị cổ phiếu phổ biến được giao dịch công khai, sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính làm nguồn dữ liệu chính Sử dụng nhiều phương pháp định giá và xác định điểm mạnh và điểm yếu của từng phương pháp		
Khả năng phát triển chiến lược tài chính và chiến lược tài chính của công ty một cách hiệu quả	Hiểu báo cáo tài chính và chiến lược báo cáo của các công ty Làm quen với một khuôn khổ để đưa ra quyết định kinh doanh bằng cách sử dụng thông tin báo cáo tài chính Sử dụng nhiều phương pháp định giá và xác định điểm mạnh và điểm yếu của từng phương pháp Đánh giá giá thị trường hiện tại và dự báo ước tính ngụ ý bởi những giá đó; Áp dụng khung phân tích để ước tính các giá trị cổ phiếu phổ biến được giao dịch công khai, sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính làm nguồn dữ liệu chính Sử dụng nhiều phương pháp định giá và xác định điểm mạnh và điểm yếu của từng phương pháp		
Khả năng thiết kế và quản lý danh mục đầu tư	N/A		
Khả năng phân tích và xếp hạng tín dụng	Hiểu báo cáo tài chính và chiến lược báo cáo của các công ty		

	Làm quen với một khuôn khổ để đưa ra quyết định kinh doanh bằng cách sử dụng thông tin báo cáo tài chính Đánh giá giá thị trường hiện tại và dự báo ước tính ngụ ý bởi những giá đó;		
Khả năng giao tiếp hiệu quả	Đánh giá giá thị trường hiện tại và dự báo ước tính ngụ ý bởi những giá đó; Áp dụng khung phân tích để ước tính các giá trị cổ phiếu phổ biến được giao dịch công khai, sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính làm nguồn dữ liệu chính		
Khả năng hoạt động trong các nhóm đa ngành	Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		
Hiểu biết về các tiêu chuẩn chuyên nghiệp và đạo đức	Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		
Khả năng sử dụng các công cụ tính toán, kỹ năng xử lý và phân tích dữ liệu và kinh doanh	Hiểu báo cáo tài chính và chiến lược báo cáo của các công ty Làm quen với một khuôn khổ để đưa ra quyết định kinh doanh bằng cách sử dụng thông tin báo cáo tài chính Đánh giá giá thị trường hiện tại và dự báo ước tính ngụ ý bởi những giá đó;		

Sự công nhận nhu cầu và khả năng tham gia vào việc học tập suốt đời	Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		
---	---	--	--

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	G1: Khả năng áp dụng kiến thức về quản lý tài chính, đầu tư tài chính và hệ thống ngân hàng	I, T, U
G1.2	Khả năng đánh giá tình trạng tài chính của các doanh nghiệp	I, T, U
G1.3	Khả năng phát triển chiến lược tài chính và chiến lược tài chính của công ty một cách hiệu quả	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%

A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
----------------------	----------------------	------------------	-----

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Nhập môn định giá doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích chiến lược	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Phân tích kế toán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Buổi Case Study	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5-6	Phân tích báo cáo tài chính Phân tích tỷ suất Phân tích tỷ trọng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

	Phân tích xu hướng Phân tích dòng tiền		Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
7	Buổi Case Study	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Định giá: Mô hình chiết khấu cổ tức (DDM)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9-10	Định giá: Mô hình FCF	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Buổi Case Study	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Định giá: Định giá dựa theo giá trị thị trường	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13-14-15	Thuyết trình nhóm	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
	Thi cuối kỳ			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Tài chính Ngân hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quản Trị Tài Chính Quốc Tế
 - + Tiếng Anh: International Financial Management
- Mã số môn học: BA051IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý quản trị tài chính (Fundamentals of Financial Management – BA016IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Chủ đề này giới thiệu và mở rộng việc ra quyết định tài chính trong bối cảnh quốc tế. Nó sẽ giới thiệu tỷ giá hối đoái vào phương trình, quan sát các tác động và điều tra các yếu tố có thể giải thích các biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nó sẽ xem xét các chiến lược để giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái. Nó cũng sẽ bao gồm một loạt các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa của thị trường vốn, bao gồm đầu tư quốc tế, chi phí đa quốc gia về vốn, cấu trúc vốn và tái cơ cấu.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- [1] Madura J. (2012), International Corporate Finance, 11th edition, South-Western, Cengage Learning

Tài liệu khác:

The Wall Street Journal, The Economist, Business Week

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phần bản). Tên phần mềm

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Từ vựng tài chính quốc tế • Kỹ năng tài chính (Toán) trong phân tích các chủ đề kinh doanh quốc tế • Hiểu được rủi ro cụ thể đối với môi trường quốc tế	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

	- Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Từ vựng tài chính quốc tế • Kỹ năng tài chính (Toán) trong phân tích các chủ đề kinh doanh quốc tế • Hiểu được rủi ro cụ thể đối với môi trường quốc tế	I, T, U
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	I, T, U
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Tổng quan về quản lý tài chính đa quốc gia	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Cán cân thanh toán	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Thị trường ngoại hối	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Xác định tỷ giá hối đoái và hệ thống quản lý tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Xác định tỷ giá hối đoái và hệ thống quản lý tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Mối quan hệ giữa lãi suất, lạm phát và tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Mối quan hệ giữa lãi suất, lạm phát và tỷ giá hối đoái (cont.) Tỷ giá hối đoái dự báo	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

8	Thi giữa kỳ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Công cụ để bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái: Hợp đồng chuyển tiếp, Hợp đồng tương lai và Tùy chọn	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Công cụ để bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái: Hợp đồng chuyển tiếp, Hợp đồng tương lai và Tùy chọn (Tiếp)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Tỷ giá hối đoái dự báo	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Đo độ phơi sáng đối với biến động tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Quản lý và tiếp xúc ngoại hối: Quản lý phơi nhiễm giao dịch	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Quản lý và tiếp xúc ngoại hối: Quản lý phơi nhiễm kinh tế và dịch phơi nhiễm	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Ôn tập thi cuối kì			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá (5)
----------------------	-----------------	--------------------	----------------------	---------------------

			(4)	
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Day:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản Trị Kinh Doanh/Bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quản trị công ty
 - + Tiếng Anh: Corporate Governance
- Mã số môn học: BA213IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: N/A

2. Mô tả môn học

Quản trị doanh nghiệp đề cập đến quyền sở hữu, kiểm soát và trách nhiệm của các tập đoàn. Nó đã trở thành một vấn đề quan trọng hiện nay với các mối quan tâm như: các công ty đang mang lại lợi ích cho những ai; cơ chế nào được đưa ra để đảm bảo rằng lợi ích của cổ đông được đảm bảo an toàn; cơ sở nào là thích hợp cho việc thiết lập mức lương cho cấp quản lý; và tại sao mặc dù nhiều quy trình thủ tục và hành động quản lý tốt đã được đưa ra áp dụng chính thức, mọi việc vẫn đi sai hướng và dẫn đến sự sụp đổ của công ty trong một số trường hợp và thất bại của sự tự tin trong việc quản lý công ty nói chung?

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

IFC (2010) *Corporate Governance Manual for Vietnam*.
 Solomon, J. (2010) *Corporate Governance and Accountability*. 3rd edn. John Wiley & Sons.
 Tricker, R. (2009) *Corporate Governance: Principles, Policies and Practices*. Oxford University Press.
 Monks and Minow (2011) *Corporate Governance*. 5th edn. John Wiley & Sons.

Tài liệu khác:

1. Accounting, Auditing and Accountability Journal
2. Accounting, Organisations and Society
3. Business and Society Review
4. Corporate Governance: An international Review
5. Critical Perspectives on Accounting
6. European Accounting Review
7. International Journal of Accounting

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học	TĐNL (4)
----------	-----------------------	-----------------	-------------

(Gx) (1)		(X.x.x)(3)	
G1: Kiến thức	• Để giới thiệu khái niệm và lý thuyết cơ bản về quản trị doanh nghiệp. • Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp và sự phát triển, thực tiễn áp dụng, phương pháp và lý thuyết của quản trị doanh nghiệp. • Để nâng cao kiến thức của sinh viên về sự ảnh hưởng khác nhau của các bên đến công ty, bao gồm cả cổ đông, Hội đồng quản trị, và các nhà quản lý. • Để hiểu được mối quan hệ giữa các bên để việc quản trị tốt hơn.	PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh. • Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Để giới thiệu khái niệm và lý thuyết cơ bản về quản trị doanh nghiệp. • Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp và sự phát triển, thực tiễn áp dụng, phương pháp và lý thuyết của quản trị doanh nghiệp. • Để nâng cao kiến thức của sinh viên về sự ảnh hưởng khác nhau của các bên đến công ty, bao gồm cả cổ đông, Hội đồng quản trị, và các nhà quản lý. • Để hiểu được mối quan hệ giữa các bên để việc quản trị tốt hơn.	I, T, U
G1.2	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh. • Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu	I, T, U

	• Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.	
G1.3	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về Quản trị doanh nghiệp (CG)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Giới thiệu về Quản trị doanh nghiệp (CG)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Các lý thuyết và triết lý của CG	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

4	Công khai và minh bạch	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Cổ đông và các bên liên quan	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm pháp lý của Ban giám đốc	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
7	Thành phần và cấu trúc của Hội đồng quản trị hiệu quả	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Thành phần và cấu trúc của Hội đồng quản trị hiệu quả	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thi Giữa Kỳ			
10	Giám sát tài chính			
11	Quản trị chiến lược, đánh giá việc truyền tải chiến lược và đánh giá hiệu suất của giám đốc điều hành	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Buổi ôn tập			
16	Thi Cuối Kỳ			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy: ... Học ở lớp: ...	Ax.x ...

			Học ở nhà:...	
--	--	--	---------------	--

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quản Trị Vốn Lưu Động
 - + Tiếng Anh: Working Capital Management
- Mã số môn học: BA220IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý quản trị tài chính (Fundamentals of Financial Management – BA016IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Mục đích của khóa học này là để kiểm tra lý thuyết và thực hành quản lý vốn lưu động. Khóa học phân tích các yếu tố, bản chất của quản lý vốn lưu động và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách vốn lưu động. Các chủ đề chính của nghiên cứu bao gồm: giới thiệu các thuật ngữ, chính sách, thực hành tốt nhất trong quản lý vốn lưu động; đánh giá tỷ lệ vốn lưu động; quản lý tiền mặt, chứng khoán có thể bán, hàng tồn kho, khoản phải thu và tài chính ngắn hạn; và lập kế hoạch tài chính và dự báo.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- (1) Essentials of Working Capital Management. Copyright 2011. James S. Sagner. John Wiley & Sons, Inc., Hoboken, New Jersey.
- (2) Working Capital Management – Application and Cases. Copyright 2014. James Sagner – Publisher Wiley.

Tài liệu khác:

- (1) Brealey, Myers, and Allen, **Principles of Corporate Finance**, 11th ed, McGraw-Hill, 2011
- (2) Ross, Westerfield & Jaffe, **Corporate Finance**, 10th ed, McGraw-Hill

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TDNL (4)
G1: Kiến thức		PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Từ vựng tài chính quốc tế • Kỹ năng tài chính (Toán) trong phân tích các chủ đề kinh doanh quốc tế • Hiểu được rủi ro cụ thể đối với môi trường quốc tế	I, T, U
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	I, T, U
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu khóa học và giáo trình	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

	Khái niệm về quản lý vốn lưu động ☐ Khái niệm vốn lưu động ☐ Phân tích tỷ lệ ☐ Tỷ lệ vốn lưu động ☐ Ý nghĩa của vốn lưu động ☐ Áp dụng những ý tưởng này vào một doanh nghiệp thực		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
2	Tiền mặt - Quản lý tiền tệ và ngăn chặn gian lận ☐ Hình thức tiền mặt ☐ Khóa quyền anh ☐ Giải ngân được kiểm soát ☐ Sản phẩm ngân hàng được sử dụng cho giao dịch điện tử	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Tiền mặt - Tín dụng và các công cụ tài chính ngắn hạn ☐ Phát triển Dự báo ngắn hạn ☐ Chuẩn bị ngân sách tiền mặt ☐ Tài chính tín dụng ☐ Đầu tư ngắn hạn	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Tập trung ngân hàng và quan hệ thể chế tài chính ☐ Thay đổi cảnh quan tài chính 62 ☐ Quản lý quan hệ ngân hàng 63 ☐ Ngân hàng tập trung 64 ☐ Yêu cầu đề xuất 69 ☐ Đánh giá RFP 75 ☐ Nhận xét về mối quan hệ ngân hàng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Thảo luận trường hợp toàn diện	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Các khoản phải thu và các vấn đề về vốn lưu động ☐ Các yếu tố quản lý khoản phải thu	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

	☐ Giám sát chu kỳ phải thu: Tỷ lệ ☐ Giám sát chu kỳ phải thu: Lịch trình lão hóa ☐ Tài chính bán hàng ☐ Báo cáo tín dụng ☐ Điều khoản bán hàng ☐ Tạo hóa đơn ☐ Tài trợ dựa trên tài sản: Các khoản phải thu ☐ Cơ quan thu nợ		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
7	Ôn tập	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Thi giữa kỳ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Các vấn đề về hàng tồn kho và vốn lưu động ☐ Các yếu tố quản lý hàng tồn kho ☐ Giám sát chu trình hàng tồn kho: Tỷ lệ ☐ Giám sát chu trình kiểm kê: Chi số ☐ Mua hàng ☐ EOQ và JIT ☐ Quy trình làm việc ☐ Tài trợ dựa trên tài sản: Hàng tồn kho	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Các khoản phải trả và các vấn đề về vốn lưu động ☐ Các yếu tố về quản lý khoản phải trả ☐ Theo dõi chu kỳ thanh toán: Tỷ lệ ☐ Tài khoản trả tiền chức năng ☐ Các khoản phải trả khi sử dụng các quy trình nội bộ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	☐ Gia công phần mềm phải trả ☐ Giải pháp thay thế			
11	Thảo luận trường hợp toàn diện	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Thông tin và vốn lưu động ☐ Công nghệ thông tin ☐ Công nghệ thông tin ngân hàng ☐ Công nghệ Internet Banking ☐ Lập kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp: An Cách tiếp cận khác ☐ Lựa chọn hệ thống thông tin vốn lưu động	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Quản lý chu kỳ vốn lưu động ☐ Rủi ro và vốn lưu động ☐ Quản lý rủi ro doanh nghiệp ☐ Hiệu quả và vốn lưu động ☐ Thanh khoản và vốn lưu động ☐ Hành động được đề xuất ☐ Sự phát triển trong quản lý vốn lưu động ☐ Chi phí của một giao dịch	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Thảo luận toàn diện về Case	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Ôn tập thi cuối kì			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email

của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản Trị Kinh Doanh/Bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Thực tập định hướng
 - + Tiếng Anh: Internship 1
- Mã số môn học: BA153IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 0
 - + Thực hành: 3
- Môn học tiên quyết: Sau khi hoàn thành 2 năm học đại cương
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đây là kỳ thực tập bắt buộc trong đó sinh viên phải trải qua một thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thực tập tối thiểu là 32 ngày làm việc (tương đương khoảng 2 tháng toàn thời gian hoặc 4 tháng bán thời gian) (2 tháng hoặc 4 tháng chỉ là ước lượng tùy vào sinh viên thực tập bao nhiêu ngày trong tuần rồi cộng lại trên 32 ngày làm việc là đạt yêu cầu chứ không nhất thiết phải là 2 tháng hay tháng).

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

N/A

Tài liệu khác:

N/A

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức		PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
---------------------	------------------	---

G1.1	Có cơ hội kiểm chứng sự ưa thích của mình trong một lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể trước khi cam kết theo đuổi lâu dài	I, T, U
G1.2	Có cơ hội phát triển những thái độ thích hợp để xây dựng những mối quan hệ giữa các cá nhân trong tổ chức	I, T, U
G1.3	Tăng cường ý thức trách nhiệm	I, T, U
G1.4	Xác định được thái độ học tập và phương pháp học tập phù hợp để tích lũy kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp tương lai.	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Nội dung báo cáo thực tập	a. Giới thiệu nội dung	G1.2, G1.3	5%
	b. Tổng quan về công ty	G1.1, G1.2	15%
	c. Miêu tả lại các công việc được giao trong kỳ thực tập	G1.1, G1.2	35%
	d. Các kỹ năng tích lũy được từ kỳ thực tập	G1.1, G1.2	35%
	e. Kết luận	G1.1, G1.2	5%
	f. Đánh giá của công ty về quá trình thực tập	G1.2, G1.3	5%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

1. CÁC ĐỢT THỰC TẬP

a. **Đợt 1:** Học kỳ hè, năm học 2017-2018, từ ngày 18 tháng 06 đến 06 tháng 09 năm 2018

b. **Đợt 2:** Học kỳ I, năm học 2018-2019

c. **Đợt 3:** Học kỳ II, năm học 2018-2019

Sinh viên có thể chọn 1 trong 3 kỳ thực tập trên và đáp ứng đúng các yêu cầu thực tập

2. ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 1 (Học kỳ hè 2017-2018)

a. Thời gian thực tập:

- i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm từ 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)
- ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

b. Yêu cầu thực tập:

- i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc.
- ii. Được học tối đa 1 môn trong học kỳ hè nếu đi thực tập
- iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- iv. Khoa QTKD sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
- v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- vi. Lưu ý tuyệt đối không được sao chép và vi phạm các vấn đề đạo văn.
- vii. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

c. Các mốc thời gian quan trọng:

Khoa QTKD sẽ hỗ trợ sinh viên tìm công ty thực tập, tuy nhiên Khoa cũng khuyến khích sinh viên tự liên hệ công ty thực tập. Bên cạnh đó sinh viên phải tuân thủ các thời hạn sau:

- i. **Từ 26-03-2018 đến 06-04-2018:** Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
- ii. **Từ ngày 26-03-2018 đến 15-06-2018:** Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
- iii. **Từ ngày 18-06-2018 đến 24-08-2018:** Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)

Từ ngày 18-06-2018 đến 12-10-2018: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)

- iv. **Ngày 13-07-2018:** Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
- v. **Ngày 07-09-2018:** Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập

Ngày 19-10-2018: Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

***Lưu ý:** Đối với sinh viên *chương trình West of England cần điểm sớm để kịp vào TOP UP*, hạn chót để nộp báo cáo thực tập là 27-07-2018.

3. ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 2 (Học kỳ I 2018-2019)

a. Thời gian thực tập

- i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)
- ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

b. Yêu cầu thực tập

- i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
- ii. Số môn được học tối đa trong học kỳ I năm học 2018-2019
 - Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
 - Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)
- iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- iv. Khoa QTKD sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
- v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- vi. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

c. Các mốc thời gian quan trọng:

- i. **Từ 10-09-2018 đến 28-09-2018:** Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
- ii. **Từ ngày 10-09-2018 đến 28-09-2018:** Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
- iii. **Từ ngày 17-09-2018 đến 16-11-2018:** Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)

Từ ngày 17-09-2018 đến 04-01-2019: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)

- iv. **Ngày 05-10-2018:** Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
- v. **Ngày 30-11-2018:** Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập

Ngày 11-01-2019: Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

4. ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 3 (Học kỳ II 2018-2019)

a. Thời gian thực tập

- i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)
- ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

b. Yêu cầu thực tập

- i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
- ii. Số môn được học tối đa trong học kỳ II năm học 2018-2019
 - Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
 - Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)
- iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- iv. Khoa QTKD sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập. Và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
- v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- vi. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

c. Các mốc thời gian quan trọng:

- i. **Từ 11-02-2019 đến 22-02-2019:** Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
- ii. **Từ ngày 07-01-2019 đến 25-01-2019:** Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
- iii. **Từ ngày 11-02-2019 đến 12-04-2019:** Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)

Từ ngày 11-02-2019 đến 31-05-2019: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)

- iv. **Ngày 01-03-2019:** Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
- v. **Ngày 06-04-2019:** Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập

Ngày 07-06-2019: Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

8. Quy định của môn học

- Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
- Số môn được học tối đa trong học kỳ II năm học 2018-2019
- Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
- Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)

- Đáp ứng các yêu cầu, quy định của của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- Khoa QTKD sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập. Và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.

- Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản Trị Kinh Doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Luận văn tốt nghiệp
 - + Tiếng Anh: Thesis
- Mã số môn học: BA170IU
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 12
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (BA161IU), Thực tập định hướng 1 (BA153IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đây là nghiên cứu tốt nghiệp, trong đó sinh viên thực hiện một nghiên cứu với sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 1 học kỳ. Sinh viên sẽ tự chọn chủ đề, xây dựng đề cương và tiến hành nghiên cứu, lập báo cáo và sau đó trình bày trước hội đồng

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

N/A

Tài liệu khác:

N/A

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức		PLO1, PLO3	5%
G2: Kỹ năng		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
G3: Thái độ		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)

G1.1	Nắm vững về phương pháp thực hiện một nghiên cứu, từ việc hình thành ý tưởng, xây dựng đề cương, tiến hành nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu	I, T, U
G1.2	Có khả năng viết một báo cáo khoa học với các lập luận và văn phong hàn lâm	I, T, U
G1.3	Có khả năng tổng hợp các lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu	I, T, U
G1.4	Có khả năng ứng dụng lý thuyết để phân tích và tìm lời giải cho một vấn đề thực tế	I, T, U
G1.5	Có khả năng tự học, lập kế hoạch và quản lý dự án nghiên cứu của chính mình	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
Luận văn	Bảo vệ thành công trước hội đồng chấm	G1.2, G1.3	100%
		G1.1, G1.2	

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

N/A

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục

đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC
GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Thuộc khối kiến thức đại cương)

MỤC LỤC

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮTQUYẾT ĐỊNHI. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1

II. CHUẨN ĐẦU RA

2

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

3

IV. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

4

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

4

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

4

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MÃ MÔN HỌC

4

VIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

5

BÓNG ĐÁ 1

6

BÓNG ĐÁ 2

12

BÓNG CHUYỀN 1

18

BÓNG CHUYỀN 2

25

BÓNG RỔ 1

32

BÓNG RỔ 2

39

BÓNG BÀN 1

46

BÓNG BÀN 2

52

QUẦN VỢT 1

58

QUẦN VỢT 2

65

CẦU LÔNG 1

72

CẦU LÔNG 2

78

VÕ THUẬT 1

84

VÕ THUẬT 2

89

AEROBIC 1

94

AEROBIC 2

102

BƠI LỘI 1

109

BƠI LỘI 2

116

CỜ VUA 1

123

CỜ VUA 2

130

PICKLEBALL 1

137

PICKLEBALL 2

144

BOWLING 1

152

BOWLING 2

158

GOLF 1

164

GOLF 2

171

[THẺ HÌNH 1](#)

177

[THẺ HÌNH 2](#)

182

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

T T	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	ĐHQG	Đại học Quốc gia
2	TDTT	Thể dục thể thao
3	TT	Thể thao
4	GDTC	Giáo dục thể chất
5	CC	Chuyên cần
6	HP	Học phần
7	KTGK	Kiểm tra giữa kỳ
8	KTMH	Kiểm tra môn học

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung

Chương trình môn học Giáo dục Thể chất, trình độ đại học của ĐHQG-HCM

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1439/QĐ-ĐHQG ngày 15/11/2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thể dục Thể thao trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-ĐHQG ngày 27/11/2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chương trình môn học Giáo dục Thể chất, trình độ đại học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản số 234/BB-TTDDTT-HĐKHĐT ngày 20/9/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trung tâm Thể dục Thể thao, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung chương trình môn học Giáo dục Thể chất.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung Chương trình môn học Giáo dục Thể chất, trình độ đại học của ĐHQG-HCM do Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 1476/QĐ-ĐHQG (sau đây gọi tắt là Chương trình sửa đổi, bổ sung), cụ thể:

- Bổ sung mã các môn học mới tại Mục VII.2 - Nội dung môn học và mã môn học, gồm: Pickleball (PKB1, PKB2); Bowling (Bow1, Bow2); Golf (Golf1, Golf2); Thể hình (TH1, TH2).

- Điều chỉnh đề cương các môn học đã triển khai tại Mục VIII - Đề cương chi tiết môn học, gồm: Bóng đá; Bóng chuyền; Bóng rổ; Bóng bàn; Quần vợt; Cầu lông; Võ thuật; Aerobic; Bơi lội; Cờ vua (*đề cương chi tiết đính kèm*).

- Bổ sung đề cương các môn học mới tại Mục VIII - Đề cương chi tiết môn học, gồm: Pickleball; Bowling; Golf; Thể hình (*đề cương chi tiết đính kèm*).

Điều 2. Chương trình sửa đổi, bổ sung được áp dụng từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Ông (Bà) Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM (để phối hợp);
- Như điều 4;
- Lưu: P.TH.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Hà

MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 285 /QĐ-ĐHQG, ngày 10/11/2023
của Giám đốc Trung tâm Thể dục Thể thao, ĐHQG-HCM)*

Căn cứ Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1439/QĐ-ĐHQG ngày 15/11/2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thể dục Thể thao trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-ĐHQG ngày 27/11/2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chương trình môn học Giáo dục Thể chất, trình độ đại học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản số 234/BB-TTĐTTT-HĐKHĐT ngày 20/9/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trung tâm Thể dục Thể thao về việc sửa đổi, bổ sung chương trình môn học Giáo dục Thể chất.

Tên chương trình: Chương trình sửa đổi, bổ sung môn học giáo dục thể chất.

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên về thể dục thể thao

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn học giáo dục thể chất (GDTC) nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao (TDTT) để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực cho sinh viên, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

Học xong chương trình GDTC sinh viên sẽ:

- Hiểu được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người và vai trò của GDTC trong mục tiêu giáo dục toàn diện.
- Biết cách phòng tránh chấn thương, vệ sinh trong tập luyện và thi đấu TDTT; biết tác dụng các bài tập thể chất để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực; biết phương pháp để rèn luyện TDTT thường xuyên.
- Nắm được lịch sử phát triển, nguyên lý kỹ thuật, kỹ thuật, chiến thuật, một số điều luật cơ bản, công tác tổ chức thi đấu và trọng tài một số môn thể thao đã học.

2.2. Kỹ năng

Sinh viên sau khi học xong chương trình GDTC sẽ đạt được các kỹ năng sau:

- Kỹ năng sơ cấp cứu một số chấn thương, vệ sinh trong tập luyện và thi đấu TDTT.

- Vận dụng được một số bài tập thể chất để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và xây dựng kế hoạch cá nhân để tập luyện TDTT thường xuyên.
- Biết vận dụng một số điều luật cơ bản để tổ chức thi đấu và trọng tài một số môn thể thao đã học.
- Thực hiện được tốt các kỹ thuật cơ bản và biết vận dụng nó để thực hiện chiến thuật trong tập luyện và thi đấu một số môn thể thao đã học.
- Có kỹ năng làm việc và phối hợp nhóm, trình bày và thực hành được ý tưởng của cá nhân và nhóm.
- Biết vận dụng các test đánh giá thể lực theo quy định để kiểm tra đánh giá thể lực, sức khỏe cho bản thân.

2.3. Thái độ hành vi

- Có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng quy chế lớp học, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện và trách nhiệm bảo quản trang thiết bị, dụng cụ và sân bãi tập luyện.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, có trách nhiệm trong các bài tập nhóm, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ bạn trong quá trình học tập, rèn luyện và thi đấu.
- Có thói quen tập luyện thể dục thể thao thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

II. CHUẨN ĐẦU RA

1. Về kiến thức

- Hiểu biết và nắm được đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác Giáo dục thể chất cho sinh viên trong các trường Đại học; Hiểu được tác dụng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người và vai trò của GDTC trong mục tiêu giáo dục toàn diện.
- Có kiến thức về phòng tránh chấn thương, vệ sinh trong tập luyện và thi đấu TDTT; kiến thức về loại hình các bài tập thể chất nâng cao sức khỏe, phát triển các tổ chất thể lực phù hợp với quá trình phát triển của cơ thể; kiến thức về xây dựng kế hoạch và phương pháp luyện tập TDTT thường xuyên.
- Có kiến thức về lịch sử phát triển, luật, công tác tổ chức thi đấu và trọng tài một số môn thể thao đã học.
- Nắm vững nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện các môn thể thao trong chương trình đào tạo.

2. Về kỹ năng

- Vận dụng được kiến thức và phương pháp tập luyện đã học để xây dựng kế hoạch tập luyện thường xuyên nâng cao sức khỏe, phát triển các tổ chất thể lực đồng thời tham gia thi đấu các môn thể thao trong chương trình đào tạo.
- Có kỹ năng thực hành cơ bản kỹ thuật và vận dụng thực hiện chiến thuật trong tập luyện và thi đấu một số môn thể thao đã học;
- Biết một số điều luật, cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài, kỹ năng sơ cấp cứu, vệ sinh trong tập luyện và thi đấu TDTT.

- Có kỹ năng giao tiếp, làm việc và phối hợp nhóm, tổ chức điều hành sinh hoạt tập thể, tham gia và tổ chức hoạt động phong trào TDDT trong nhà trường.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Vận dụng được những hiểu biết về môn thể thao đã lựa chọn để tập luyện hằng ngày; Biết lựa chọn các nội dung, hình thức, phương pháp tập luyện tập luyện phù hợp để hoàn thiện kỹ năng vận động, phát triển thể lực phù hợp với khả năng của cơ thể;

- Biết cách phòng tránh chấn thương và xử lý một số chấn thương thường gặp.

- Biết phán đoán, xử lý các tình huống linh hoạt và phối hợp được với đồng đội trong tập luyện và thi đấu môn thể thao ưa thích; Có khả năng quan sát, tự điều chỉnh, sửa sai động tác trong tập luyện và thi đấu.

- Có khả năng giao tiếp, hợp tác với mọi người để tổ chức hoạt động tập luyện và thi đấu; Có ý thức tự giác, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện, thi đấu thể thao và trong cuộc sống;

- Biết tự lập kế hoạch tập luyện môn thể thao ưa thích; Có thói quen tập luyện TDDT thường xuyên. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể rèn luyện sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cộng đồng;

- Luôn có tinh thần trách nhiệm với việc học, năng động, tự tin, có tinh thần cầu tiến, tự khẳng định bản thân, có thái độ thân thiện hợp tác, có tinh thần phục vụ cộng đồng.

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

1. Tổng số tiết: 90 tiết

2. Số tín chỉ: 06 tín chỉ

3. Số môn học: 02

4. Số học phần: 02

5. Cấu trúc chương trình

5.1 Học phần 1

+ Số môn học: 01

+ Số tiết: 45 tiết

+ Số tín chỉ: 03 tín chỉ

5.2 Học phần 2

+ Số môn học: 01

+ Số tiết: 45 tiết

+ Số tín chỉ: 03 tín chỉ

IV. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Áp dụng cho sinh viên của các cơ sở đào tạo trong Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở đào tạo ngoài Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh khi có nhu cầu.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình môn học Giáo dục thể chất được bố trí giảng dạy, học tập trong năm học với khối lượng kiến thức gồm 06 tín chỉ, phân bổ thành 02 môn học thuộc 02 học phần và được

tổ chức giảng dạy liên tục theo từng học kỳ trong năm học cho từng học phần.

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điểm môn học dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học tập, bao gồm các điểm thành phần: *Chuyên cần (CC)*; *Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)*; *Thi kết thúc môn học (KTMH)*.

Điểm môn học (100%) = điểm CC (10%) + điểm KTGK (30%) + điểm thi KTMH (60%)

Điểm môn học tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm đạt tối thiểu là 5 điểm.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MÃ MÔN HỌC

1. Phân bổ chương trình

Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	PHÂN BỐ		
			Kiến thức (số tiết)	Kỹ năng vận động (số tiết)	Tổng số tiết
Học phần 1	HP01	3	6	39	45
Học phần 2	HP02	3	6	39	45
Tổng cộng:		6 tín chỉ	12 tiết	78 tiết	90 tiết

2. Nội dung môn học và mã môn học

Bao gồm các môn: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng bàn, Quần vợt, Cầu lông, Võ thuật, Aerobic, Bơi lội, Cờ vua, Pickleball, Bowling, Golf, Thể hình.

TT	Môn học	Mã môn học	Thời gian (Tiết)			
			Tổng số	Kiến thức	Kỹ năng	Kiểm tra
1	Bóng đá 1	BĐ1	45	6	33	6
2	Bóng chuyền 1	BC1	45	6	33	6
3	Bóng rổ 1	BR1	45	6	33	6
4	Bóng bàn 1	BB1	45	6	33	6
5	Quần vợt 1	QV1	45	6	33	6
6	Cầu lông 1	CL1	45	6	33	6
7	Võ thuật 1	VT1	45	6	33	6
8	Aerobic 1	AE1	45	6	33	6
9	Bơi lội 1	BL1	45	6	33	6
10	Cờ vua 1	CV1	45	6	33	6
11	Pickleball 1	PKB1	45	6	33	6
12	Bowling 1	Bow1	45	6	33	6
13	Golf 1	Golf1	45	6	33	6
14	Thể hình 1	TH1	45	6	33	6

15	Bóng đá 2	BĐ2	45	6	33	6
16	Bóng chuyền 2	BC2	45	6	33	6
17	Bóng rổ 2	BR2	45	6	33	6
18	Bóng bàn 2	BB2	45	6	33	6
19	Quần vợt 2	QV2	45	6	33	6
20	Cầu lông 2	CL2	45	6	33	6
21	Võ thuật 2	VT2	45	6	33	6
22	Aerobic 2	AE2	45	6	33	6
23	Bơi lội 2	BL2	45	6	33	6
24	Cờ vua 2	CV2	45	6	33	6
25	Pickleball 2	PKB2	45	6	33	6
26	Bowling 2	Bow2	45	6	33	6
27	Golf 2	Golf2	45	6	33	6
28	Thể hình 2	TH2	45	6	33	6

VIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

(Đính kèm đề cương chi tiết các môn học)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BÓNG ĐÁ 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bóng đá mini
- Tên tiếng Anh: Futsal

1.2. Mã môn học: BD1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Sơ lược lịch sử phát triển TDTT
- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể:
 - + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội
 - + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa:
 - + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT
 - + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.
 - + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng đá đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.
- Luật bóng đá mini (một số điều luật cơ bản).

2.2. Kỹ năng vận động

Giảng dạy kỹ thuật:

- Kỹ thuật đá bóng: Bằng lòng bàn chân, mũi bàn chân và mu chính diện bàn chân.
- Kỹ thuật giữ bóng lăn sệt: Bằng lòng bàn chân, gan bàn chân.
- Kỹ thuật dẫn bóng: Bằng lòng bàn chân, gan bàn chân và mu bàn chân.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu;

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng đá đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn bóng đá mini.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Kỹ thuật đá bóng: bằng lòng bàn chân, mũi bàn chân và mu chính diện bàn chân
- Kỹ thuật giữ bóng lăn sệt: bằng lòng bàn chân, gan bàn chân.
- Kỹ thuật dẫn bóng: bằng lòng bàn chân, gan bàn chân và mu bàn chân.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. - Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện - Chấn thương trong tập luyện TDTT và các biện pháp phòng ngừa.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng
2	- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng đá đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập. - Giảng dạy: + Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. + Kỹ thuật giữ bóng bằng gan bàn chân.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng - Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
3	- Ôn tập và củng cố: + Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. + Kỹ thuật giữ bóng bằng gan bàn chân. - Giảng dạy: + Kỹ thuật đá bóng bằng mũi bàn chân. + Kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng bàn chân.	7-9	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai
4	- Ôn tập và củng cố: + Kỹ thuật đá bóng bằng lòng và mũi bàn chân. + Kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng và gan bàn chân. - Bài tập phát triển thể lực chung.	10-12	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học - Giảng dạy: + Kỹ thuật dẫn bóng bằng gan bàn chân. + Kỹ thuật dẫn bóng bằng mu bàn chân. - Bài tập phát triển thể lực chung.	13-15	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học - Giảng dạy: Kỹ thuật đá bóng bằng mu chính diện	16-18	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học - Bài tập phát triển thể lực chung	19-21	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Hoàn thiện các nội dung đã học - Giảng dạy: Luật thi đấu môn bóng đá mini - Đấu tập	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai

10	- Hoàn thiện các nội dung đã học - Giảng dạy: Luật thi đấu môn bóng đá mini (tt) - Đấu tập	28-30	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
11	- Hoàn thiện các nội dung đã học - Đấu tập - Bài tập phát triển thể lực chung.	31-33	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
12	- Ôn tập các nội dung đã học - Đấu tập - Bài tập phát triển thể lực chung.	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
13	- Ôn tập các nội dung đã học - Đấu tập - Bài tập phát triển thể lực chung.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai
14	Ôn tập các nội dung thi	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- TS. Lý Vĩnh Trường, ThS. Lê Hồng Sơn, ThS. Nguyễn Hữu Hoàng Phúc, ThS. Trịnh Đình Dương (2015), *Giáo trình bóng đá Futsal*, Nxb ĐHQG TPHCM.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm

				Văng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung: Giữ bóng bằng găng giày và đá bóng bằng lòng bàn chân.

- Cách thực hiện: Hai sinh viên đứng đối diện nhau với khoảng cách 8m đối với nam, 6m đối với nữ, sử dụng kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân chuyền bóng qua lại với nhau, khi chuyền yêu cầu dùng kỹ thuật giữ bóng găng giày giữ bóng lại sau đó chuyền qua người kia (5 lần chuyền).

- Cách tính điểm: Mỗi quả 2 điểm, trong đó:

+ Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân: 1 điểm.

+ Kỹ thuật giữ bóng bằng găng giày: 1 điểm.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn bóng đá mini

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

TT	Nội dung	Yêu cầu và hướng dẫn		Kết quả kiểm tra	
				Nam	Nữ
1	Dẫn bóng qua cọc, tính thời gian: (3 lần/sv)	+ Từ vạch xuất phát đến cọc đầu tiên là 1m50; + Có tất cả 5 cọc (mỗi cọc cách nhau 1m60); + Dẫn bóng luôn qua 5 cọc, kết thúc trở về đến vạch xuất phát rồi bấm tính thời gian.		25-26 giây	28-29 giây
				23-24 giây	26-27 giây
				21-22 giây	24-25 giây
				19-20 giây	22-23 giây
				17-18 giây	20-21 giây
				15-16 giây	18-19 giây
				13-14 giây	16-17 giây
				11-12 giây	14-15 giây
				09-10 giây	12-13 giây
			08-09 giây	10-11 giây	
2	Đá bóng lăn sệt bằng lòng bàn chân: (5 lần/sv)	+ Khoảng cách từ điểm đặt bóng đến cầu môn: Nam là 9m và Nữ là 6m. + Cầu môn rộng 1m20.	+ Kỹ thuật lòng bàn chân + Lực đá bóng.	Mỗi quả 2 điểm	Mỗi quả 2 điểm
3	Sút bóng bằng mu chính diện bàn chân	Khoảng cách từ điểm đặt bóng đến	Kỹ thuật sút bóng bằng mu	Mỗi quả 2 điểm	Mỗi quả 2 điểm

	(5 lần/sv)	cầu môn: Nam là 9 mét và Nữ là 6 mét.	chính diện bàn chân.		
--	------------	---------------------------------------	----------------------	--	--

7.4.2. Cách tính điểm

- Dẫn bóng qua cọc: lấy thành tích cao nhất.
- Đá bóng bằng lòng bàn chân: Mỗi quả đúng kỹ thuật là 0.5 điểm, lực bóng tốt 0.5 điểm, bóng vào cầu môn được 1 điểm.
- Sút bóng bằng mu chính diện bàn chân: Mỗi quả đúng kỹ thuật là 0.5 điểm, lực bóng tốt 0.5 điểm, bóng vào cầu môn được 1 điểm.
- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BÓNG ĐÁ 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bóng đá mini
- Tên tiếng Anh: Futsal

1.2. Mã môn học: BD2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.
- + Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác - tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).
- + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...
- Luật thi đấu môn Futsal.
- Giới thiệu sơ lược các chiến thuật trong môn Futsal.
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Futsal.

2.2. Kỹ năng vận động.

- Hoàn thiện kỹ thuật môn Futsal đã học ở các học phần trước.
- Kỹ thuật giữ bóng nửa nảy bằng gan bàn chân.
- Kỹ thuật giữ bóng bằng: đùi, ngực.

- Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.
- Kỹ thuật đánh đầu.
- Chiến thuật phối hợp 2 người bất tường qua 1 người và phối hợp 2 người qua 2 người.
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.
- Phát triển các tố chất thể lực chung và thể thực chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến sinh viên các nguyên tắc tập luyện TDTT; Người học nắm vững được các bài tập phát triển tố chất vận động; các luật và chiến thuật trong thi đấu futsal.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức sau:

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT một cách hợp lý.
- Luật bóng đá mini, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài môn bóng đá mini.
- Nắm bắt sơ lược chiến thuật tấn công và phòng thủ trong môn bóng đá mini.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Kỹ thuật giữ bóng nửa nảy bằng gan bàn chân.
- Kỹ thuật giữ bóng bằng: đùi, ngực.
- Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.
- Kỹ thuật đánh đầu.
- Chiến thuật phối hợp 2 người bất tường qua 1 người và phối hợp 2 người qua 2 người.
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng đá mini.
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT + Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác-tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp). + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền... - Giới thiệu sơ lược luật và chiến thuật môn bóng đá mini	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng
2	- Giới thiệu sơ lược luật và chiến thuật môn bóng đá mini (tt) - Ôn tập các kỹ thuật đã học ở môn học 1. - Bài tập phát triển thể lực chung.	4-6	-Phương pháp sử dụng ngôn ngữ -Phương pháp giáo dục tư tưởng -Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
3	- củng cố các kỹ thuật đã học ở môn học 1. - Giảng dạy: + Kỹ thuật giữ bóng nửa nảy bằng gan bàn chân. + Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. - Bài tập phát triển thể lực chung.	7-9	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Ôn tập và củng cố các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật giữ bóng bằng đùi. + Kỹ thuật giữ bóng bằng ngực. - Bài tập phát triển thể lực chung.	10-12	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn tập và củng cố các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật đánh đầu. - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giới thiệu phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. - Thi đấu.	16-18	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...

7	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giới thiệu sơ lược về chiến thuật môn bóng đá mini. + Chiến thuật phối hợp 2 người qua 1 người. - Thi đấu.	19-21	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Ôn tập và củng cố chiến thuật và luật thi đấu. - Giới thiệu chiến thuật phối hợp 2 người qua 2 người - Thi đấu	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
10	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Ôn tập và củng cố chiến thuật và luật thi đấu. - Thi đấu - Bài tập phát triển thể lực chung	28-30	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Ôn tập chiến thuật phối hợp 2 người qua 1 người. - Ôn tập chiến thuật phối hợp 2 người qua 2 người. - Bài tập phát triển thể lực chung.	31-33	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Ôn tập chiến thuật và luật thi đấu. - Thi đấu	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
13	- Ôn tập các nội dung thi kết thúc. - Thi đấu.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
14	- Ôn tập các nội dung thi kết thúc. - Thi đấu.	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...

15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành
----	-----------------------------	-------	----------------------

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất – tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất – tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- TS. Lý Vĩnh Trường, ThS. Lê Hồng Sơn, ThS. Nguyễn Hữu Hoàng Phúc, ThS. Trịnh Đình Dương (2015) *Giáo trình bóng đá Futsal*, Nxb ĐHQG TPHCM.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2 Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung: Chuyên bóng bằng bàn chân.

- Cách thực hiện: Đặt bóng trước cầu môn, khoảng cách 10m với nam và 6m với nữ. Sử dụng kỹ thuật đá bóng bằng bàn chân chuyên bóng trực tiếp vào cầu môn.

- Cách tính điểm: Mỗi quả 2 điểm trong đó:

+ Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân 1 điểm.

+ Bóng vào cầu môn 1 điểm.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn bóng đá mini

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

STT	Nội dung	Yêu cầu và chỉ dẫn	Kết quả kiểm tra	Thang điểm
1	Chuyền bóng bằng mu trong bàn chân (5 lần/sv)	+ Đặt bóng thành một hàng ngang trước cầu môn + Khoảng cách từ bóng đến cầu môn: 15m đối với Nam và 8m đối với Nữ.	Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.	10
			Chuyền bóng trực tiếp vào cầu môn.	
2	Phối hợp chuyền bóng và sút cầu môn (5 lần/sv)	+ Từ vị trí xuất phát người học dẫn bóng cự ly ngắn và chuyền bóng đến đồng đội đứng phía trước cách 5m sau đó chạy đà nhanh lên sút bóng từ đường chuyền bóng của đồng đội. + Khoảng cách sút bóng đến cầu môn: 8m đối với Nam và 6m đối với Nữ.	+ Chuyền chính xác. + Lực sút bóng mạnh.	10
			+ Bóng vào cầu môn.	
3	Không chế bóng cao và chuyền bóng sệt (5 lần/sv)	+ Một người đứng đối diện và ném bóng bổng, cách người nhận bóng 5m. + Người nhận bóng đứng trong vị trí 1m vuông, sau đó không chế bóng nảy bằng gan bàn chân (bóng không văng ra khỏi khu vực 1m vuông), rồi chuyền bóng sệt vào cầu môn rộng 1m20. Khoảng cách chuyền vào cầu môn: + 10m đối với Nam và 6m đối với Nữ.	+ Kỹ thuật giữ bóng: gan bàn chân, đùi, ngực.	10
			+ Bóng vào cầu môn.	

7.4.2. Cách tính điểm

- Chuyền bóng bằng mu trong bàn chân: Mỗi quả chuyền đúng kỹ thuật được 1 điểm và bóng vào trong cầu môn được 1 điểm.

- Phối hợp chuyền bóng và sút cầu môn: Mỗi quả chuyền chính xác được 0.5 điểm, lực sút bóng mạnh được 0.5 điểm, bóng vào cầu môn được 1 điểm.

- Không chế bóng cao và chuyền bóng sệt: Mỗi quả không chế bóng tốt được 1 điểm và chuyền bóng chính xác được 1 điểm.

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC BÓNG CHUYỀN 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bóng chuyền
- Tên tiếng Anh: Volleyball

1.2. Mã môn học: BC1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7 Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Sơ lược lịch sử phát triển TDTT
- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.
- + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa:
 - + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
 - + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.
 - + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển môn bóng rổ trên Thế giới và ở Việt Nam.
- Mục đích và ý nghĩa tác dụng của môn bóng chuyền đối với sự phát triển thể chất, nhân cách người tập.

- Giới thiệu một số điều luật bóng chuyền cơ bản.

2.2. Kỹ năng vận động

- Các bước di chuyển cơ bản trong bóng chuyền.
- Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay.
- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.
- Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (nam), phát bóng thấp tay (nữ).
- Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản theo phương lấy đà.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng chuyền đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn bóng chuyền.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Các bước di chuyển cơ bản trong bóng chuyền.
- Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay.
- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.
- Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (nam), phát bóng thấp tay (nữ).
- Kỹ thuật đập bóng cơ bản theo phương lấy đà.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	* Nhận lớp: - Giới thiệu, hướng dẫn hình thức học trực tuyến môn Giáo dục thể chất. - Phổ biến nội dung môn học. - Cung cấp tài liệu tham khảo lý thuyết và thực hành. - Sơ lược về lịch sử TDDT - Ảnh hưởng của việc tập luyện TDDT đối với sự phát triển của cơ thể. Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện. - Chấn thương trong quá trình tập luyện và thi đấu TDDT	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp thuyết trình từ Word và trình chiếu PowerPoint.
2	- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng chuyền đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập. - Luật bóng chuyền - Các tư thế cơ bản và cách di chuyển	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp thuyết trình từ Word và trình chiếu PowerPoint. - Trình chiếu clip kỹ thuật
3	- Ôn tập các tư thế cơ bản và cách di chuyển - Giảng dạy kỹ thuật chuyền bóng thấp tay. - Bài tập phát triển thể lực chung	7-9	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Ôn tập các tư thế cơ bản và cách di chuyển - Ôn tập kỹ thuật kỹ thuật chuyền bóng thấp tay - Giảng dạy kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt	10-12	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	- Bài tập phát triển thể lực chung		
5	- Ôn tập kỹ thuật đệm bóng và chuyền bóng cao tay trước mặt. - Giảng dạy kỹ thuật phát bóng (cao tay với nam, thấp tay với nữ) - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Ôn tập kỹ thuật đệm bóng và chuyền bóng cao tay trước mặt. - Ôn tập kỹ thuật phát bóng - Bài tập phát triển thể lực chung	16-18	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Ôn tập kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt và phát bóng. - Bài tập phát triển thể lực chung	19-21	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Ôn tập kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt và phát bóng. - Bài tập phát triển thể lực chung	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
10	- Ôn tập kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt và phát bóng. - Giảng dạy kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Bài tập phát triển thể lực chung	28-30	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Ôn tập kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt và phát bóng. - Giảng dạy kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Đấu tập. - Bài tập phát triển thể lực chung	31-33	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Ôn tập kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt và phát	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Đấu tập. - Bài tập phát triển thể lực chung		nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
13	- Ôn tập kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyển bóng cao tay trước mặt và phát bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Đấu tập. - Bài tập phát triển thể lực chung	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
14	Ôn tập các nội dung thi kết thúc	40-42	Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- *Lý luận và phương pháp giảng dạy GDTC*, NXB giáo dục 1995
- PGS.TS Nguyễn Hiệp -ThS Đặng Đức Xuyên (2015) *giáo trình bóng chuyền dành cho sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất*.
- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.
- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.
- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDDT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Vũ Đức Thu (1998), *Tài liệu giảng dạy bóng chuyền trong các trường Đại học và Trung học chuyên nghiệp*, Nxb Thể dục Thể thao.
- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDDT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí chấm điểm

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
-------------------	-------------------------	-----------	---------	-------------------

	giá			
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

* Nội dung:

- Kỹ thuật đệm bóng và chuyền bóng cao tay, sinh viên thi theo cặp hoặc nhờ người đưa bóng.

- Kỹ thuật đệm bóng:

+ Nữ: sinh viên đệm bóng 5 lần liên tục cho nhau bên ngoài lưới với khoảng cách từ 4m.

+ Nam: sinh viên đệm bóng 10 lần liên tục cho nhau bên ngoài lưới với khoảng cách từ 4m.

- Kỹ thuật chuyền bóng:

+ Nữ: sinh viên chuyền bóng 5 lần liên tục cho nhau bên ngoài lưới với khoảng cách từ 4m.

+ Nam: sinh viên chuyền bóng 10 lần liên tục cho nhau bên ngoài lưới khoảng cách từ 4m.

- Sinh viên được thực hiện tối đa 3 lần, lấy điểm thành tích của lần tốt nhất.

* Cách tính điểm:

- Kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật đệm bóng (50% kỹ thuật, 50% thành tích), không đủ thành tích thì không tính điểm kỹ thuật.

- Mỗi quả chuyền, đệm bóng liên tục đúng kỹ thuật, đủ khoảng cách và điểm rơi hợp

lý đạt 2 điểm đối với nữ và 1 điểm đối với nam.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn bóng chuyền

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Kỹ thuật đệm bóng và chuyền bóng cao tay, sinh viên thi theo cặp hoặc nhờ người đưa bóng.

- Kỹ thuật đệm bóng:

+ Nữ: sinh viên đệm bóng 5 lần liên tục cho nhau qua lưới với khoảng cách từ 4m.

+ Nam: sinh viên đệm bóng 10 lần liên tục cho nhau qua lưới với khoảng cách từ 4m.

- Kỹ thuật chuyền bóng:

+ Nữ: sinh viên chuyền bóng 5 lần liên tục cho nhau bên ngoài lưới với khoảng cách từ 4m.

+ Nam: sinh viên chuyền bóng 10 lần liên tục cho nhau bên ngoài lưới khoảng cách từ 4m.

- Sinh viên được thực hiện tối đa 3 lần, lấy điểm thành tích của lần tốt nhất.

- Kỹ thuật phát bóng:

+ Nữ: Phát bóng thấp tay trước mặt 5 quả

+ Nam: Phát bóng cao tay trước mặt 5 quả

7.4.2. Cách tính điểm

- Kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật đệm bóng (50% kỹ thuật, 50% thành tích), không đủ thành tích thì không tính điểm kỹ thuật.

- Mỗi quả chuyền, đệm bóng liên tục đúng kỹ thuật, đủ khoảng cách và điểm rơi hợp lý đạt 2 điểm đối với nữ và 1 điểm đối với nam.

- Mỗi quả phát bóng vào sân, đúng luật, đúng kỹ thuật đạt 2 điểm

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BÓNG CHUYỀN 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bóng chuyền
- Tên tiếng Anh: Volleyball

1.2. Mã môn học: BC2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.
- Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác - tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).
 - Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...
 - Luật bóng chuyền.
 - Tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài.
 - Giới thiệu sơ lược chiến thuật tấn công 2-4, 1-5 và phòng thủ số 6 lùi.
 - Giới thiệu một số điều luật bóng chuyền cơ bản.

2.2. Kỹ năng vận động.

- Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng)
- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt

- Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (đối với nam), thấp tay (đối với nữ)
- Kỹ thuật đập bóng cơ bản theo phương lấy đà.
- Kỹ thuật chắn bóng
- Giới thiệu Kỹ thuật đập bóng trung bình (vị trí số 3)
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; Các nguyên tắc tập luyện TDTT; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn bóng chuyền.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Các bước di chuyển cơ bản trong bóng chuyền
- Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay
- Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt
- Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (nam), phát bóng thấp tay (nữ)
- Kỹ thuật đập bóng cơ bản theo phương lấy đà, đập bóng ở vị trí số 3
- Kỹ thuật chắn bóng.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT. - Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác – tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp). - Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp thuyết trình từ Word và trình chiếu PowerPoint
2	- Luật bóng chuyền. - Tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài. - Giới thiệu sơ lược chiến thuật tấn công 2-4, 1-5 và phòng thủ số 6 lùi.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp thuyết trình từ Word và trình chiếu PowerPoint - Trình chiếu clip kĩ thuật
3	- Ôn tập kỹ thuật tư thế đứng và di chuyển. - Ôn tập kỹ thuật đệm bóng. - Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn	7-9	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Ôn tập kỹ thuật tư thế đứng và di chuyển, kỹ thuật đệm bóng. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt. - Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.	10-12	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn tập kỹ thuật tư thế đứng và di chuyển, kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay - Ôn tập kỹ thuật phát bóng. - Giảng dạy kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.	13-15	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Ôn tập kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay và phát bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.	16-18	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Ôn tập kỹ thuật đệm bóng, chuyền	19-21	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	bóng cao tay và phát bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Giảng dạy kỹ thuật chắn bóng.		- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Ôn tập kỹ thuật đệm bóng, chuyển bóng cao tay và phát bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Ôn tập kỹ thuật chắn bóng - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng vị trí số 3 - Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
10	- Ôn tập kỹ thuật đệm bóng, chuyển bóng cao tay và phát bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng vị trí số 3 - Ôn tập kỹ thuật chắn bóng - Đấu tập	28-30	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Ôn tập kỹ thuật đệm bóng, chuyển bóng cao tay và phát bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng vị trí số 3 - Ôn tập kỹ thuật chắn bóng - Đấu tập	31-33	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Ôn tập kỹ thuật đệm bóng, chuyển bóng cao tay và phát bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng vị trí số 3 - Ôn tập kỹ thuật chắn bóng - Đấu tập	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
13	- Ôn tập kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyển bóng cao tay trước mặt và phát bóng. - Ôn tập kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà. - Đấu tập. - Bài tập phát triển thể lực chung	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
14	Ôn tập các nội dung thi kết thúc	40-42	Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- *Lý luận và phương pháp giảng dạy GDTC*, NXB giáo dục 1995
- PGS.TS Nguyễn Hiệp - ThS Đặng Đức Xuyên (2015), *giáo trình bóng chuyền dành cho sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất*.
- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.
- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.
- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Vũ Đức Thu (1998), *Tài liệu giảng dạy bóng chuyền trong các trường Đại học và Trung học chuyên nghiệp*, Nxb Thể dục Thể thao.
- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí chấm điểm

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20%

				số tiết: Cầm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

* Nội dung:

- Kỹ thuật đệm bóng và chuyển bóng cao tay, sinh viên thi theo cặp hoặc nhờ người đưa bóng.

- Kỹ thuật đệm bóng:

+ Nữ: sinh viên đệm bóng 5 lần liên tục cho nhau qua lưới với khoảng cách từ 4m.

+ Nam: sinh viên đệm bóng 10 lần liên tục cho nhau qua lưới với khoảng cách từ 4m.

- Kỹ thuật chuyển bóng:

+ Nữ: sinh viên chuyển bóng 5 lần liên tục cho nhau qua lưới với khoảng cách từ 4m.

+ Nam: sinh viên chuyển bóng 10 lần liên tục cho nhau qua lưới khoảng cách từ 4m.

- Sinh viên được thực hiện tối đa 3 lần, lấy điểm thành tích của lần tốt nhất.

* Cách tính điểm:

- Kỹ thuật chuyển bóng, kỹ thuật đệm bóng (50% kỹ thuật, 50% thành tích), không đủ thành tích thì không tính điểm kỹ thuật.

- Mỗi quả chuyển, đệm bóng liên tục đúng kỹ thuật, đủ khoảng cách và điểm rơi hợp lý đạt 2 điểm đối với nữ và 1 điểm đối với nam.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn bóng chuyền

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Kỹ thuật đệm bóng:

Đệm bóng vào ô quy định: Mỗi sinh viên đệm 5 quả từ số 6 đến số 3. Sinh viên dự kiểm tra đứng ở số 6 (ô 3m x 3m) thực hiện đệm bóng đến số 3 (ô 3m x 3m), bóng do bạn phát từ số 6 sân đối phương đến người đệm (phát cao tay cho sv nam, nữ thấp tay). Sinh viên nam đệm lên phải có độ cao từ 2,43m (nữ 2,24m) so với mặt đất, khoảng cách giữa người đệm và ô quy định là 3m, người phát đứng đối diện với người đỡ và cách lưới 4,5m.

- Kỹ thuật chuyển bóng:

Chuyền bóng vào ô quy định: Mỗi sinh viên chuyền 5 quả từ số 3 đến số 4. Sinh viên dự kiểm tra đứng ở số 3 (ô 1,5m x 1,5m) thực hiện chuyền bóng đến số 4 (ô 1,5m x 1,5m), bóng do bạn tung từ số 6 đến số 3. Điểm bóng rơi lệch với bóng đến khoảng 90^0 , khoảng cách từ người tung đến người kiểm tra là 3m, từ người kiểm tra đến điểm rơi quy định là 3m. Sinh viên nữ chuyền bóng có độ cao từ 3,24m (nam 3,43m) so với mặt đất.

- Kỹ thuật đập bóng:

Đập bóng theo phương lấy đà ở vị trí số 2 hoặc số 4: Mỗi sinh viên đập 5 quả qua lưới vào sân đối phương.

7.4.2. Cách tính điểm

- Kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật đệm bóng (50% kỹ thuật, 50% thành tích, sai kỹ thuật cơ bản thì không tính điểm thành tích).

- Mỗi quả chuyền, đệm bóng đúng kỹ thuật, có điểm rơi chính xác và độ cao hợp lý đạt 2 điểm.

- Mỗi quả đập bóng vào sân, đúng kỹ thuật đạt 2 điểm

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BÓNG RỔ 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bóng rổ
- Tên tiếng Anh: Basketball

1.2. Mã môn học: BR1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra cuối kỳ: 6 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Sơ lược lịch sử phát triển TDTT
- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.
- + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa.
- + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT
- + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.
- + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT
- Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển môn bóng rổ trên Thế giới và ở Việt Nam.
- Mục đích và ý nghĩa tác dụng của môn bóng rổ đối với sự phát triển thể chất, nhân cách người tập.
- Giới thiệu một số điều luật bóng rổ cơ bản.

2.2. Kỹ năng vận động.

- Các bước di chuyển cơ bản trong bóng rổ
- Kỹ thuật nhồi bóng: Tại chỗ và di chuyển.
- Kỹ thuật bắt bóng bằng 2 tay trước ngực.
- Kỹ thuật chuyền bóng bằng 2 tay trước ngực.
- Kỹ thuật chuyền bóng 1 tay trên vai.
- Kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng 1 tay trên vai.
- Kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai.
- Các bài tập hoàn thiện kỹ thuật và thể lực bằng phương pháp trò chơi vận động.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến sinh viên sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng rổ đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng rổ đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn bóng rổ.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Các bước di chuyển cơ bản trong bóng rổ
- Kỹ thuật nhồi bóng: Tại chỗ và di chuyển.
- Kỹ thuật bắt bóng bằng 2 tay trước ngực.
- Kỹ thuật chuyền bóng bằng 2 tay trước ngực.
- Kỹ thuật chuyền bóng 1 tay trên vai.
- Kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng 1 tay trên vai.
- Kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất:

- Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Sơ lược về lịch sử TDTT. - Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện. - Chấn thương trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng
2	- Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển môn bóng rổ trên Thế giới và ở Việt Nam. - Mục đích và ý nghĩa tác dụng của môn bóng rổ đối với sự phát triển thể chất, nhân cách người tập. - Giới thiệu một số điều luật bóng rổ cơ bản. - Các tư thế cơ bản và cách di chuyển trong bóng rổ.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng - Phương pháp giảng giải và làm mẫu
3	- Ôn tập các tư thế cơ bản và cách di chuyển - Giảng dạy kỹ thuật nhồi bóng tại chỗ. - Giảng dạy kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng 2 tay trước ngực. - Bài tập phát triển thể lực chung	7-9	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Ôn tập kỹ thuật nhồi bóng tại chỗ, kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng 2 tay trước ngực. - Giảng dạy kỹ thuật dẫn bóng.	10-12	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp tập luyện: lặp

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	- Bài tập phát triển thể lực chung.		lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn tập và củng cố các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng 1 tay trên vai. - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Ôn tập và củng cố các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy kỹ thuật chuyền bóng 1 tay trên vai. - Bài tập phát triển thể lực chung	16-18	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai. - Bài tập phát triển thể lực chung	19-21	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Củng cố và hoàn thiện kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng 1 tay trên vai. - Củng cố và hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai. - Giảng dạy kỹ thuật chuyền bắt bóng trong	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	di chuyển. - Bài tập phát triển thể lực chung		lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
10	- Củng cố và hoàn thiện kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng 1 tay trên vai. - Củng cố và hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai. - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	28-30	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Hoàn thiện kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng 1 tay trên vai. - Hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai. - Giảng dạy kỹ thuật dẫn bóng qua người ném rổ. - Đấu tập.	31-33	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Hoàn thiện kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng 1 tay trên vai. - Hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai. - Đấu tập	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
13	- Ôn tập kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng 1 tay trên vai. - Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai. - Đấu tập	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
14	Ôn tập các nội dung thi kết thúc	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
			chơi, thi đấu...
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Nguyễn Toán - Phạm Danh Tôn (1993), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Vũ Đức Thu – Nguyễn Xuân Sinh – Lưu Quang Hiệp – Trương Anh Tuấn (1995) *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb GD, Hà Nội.

- Đình Can – Nguyễn Trương Tuấn (1998), *Kỹ thuật bóng rổ*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Đào Duy Thư (1993), *Chấn thương thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Nguyễn Viết Lượng (1992), *Cấp cứu những tai nạn thường gặp*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- UB TDTT (2000), *Luật bóng rổ*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Luật FIBA 2018.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo

môn học (KTMH)				thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung: Tại chỗ ném rổ dùng kỹ thuật ném rổ 1 tay trên vai.
- Cách thực hiện và tính điểm: Mỗi sinh viên thực hiện 5 lần ném, mỗi quả vào rổ được tính 2 điểm. Khoảng cách từ sinh viên đến hình chiếu mặt ngoài bảng rổ là 4.0m với nam và 3.5m với nữ.
- Thực hiện sai kỹ thuật, bóng vào rổ được tính 70% số điểm/ quả.
- Thực hiện đúng kỹ thuật, bóng không vào rổ được tính 30% số điểm/ quả.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn bóng rổ

Nội dung	Số lần thực hiện	Yêu cầu	Cách tính điểm		Thang điểm
			Kết quả	Điểm	
Kỹ thuật dẫn bóng kết hợp hai bước lên rổ bằng một tay trên vai	5	- Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, bóng vào rổ. - Dẫn bóng từ ngoài vạch 3 điểm và thực hiện 2 bước lên rổ hướng thuận tay 3 quả và hướng trái tay 2 quả.	Ném vào rổ 1 quả	2 điểm	10
			Ném vào rổ 2 quả	4 điểm	
			Ném vào rổ 3 quả	6 điểm	
			Ném vào rổ 4 quả	8 điểm	
			Ném vào rổ 5 quả	10 điểm	
Kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng một tay trên vai	5	- Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, bóng vào rổ. - Cụ ly ném rổ: Nam 4m60; Nữ 4m.	Ném vào rổ 1 quả	2 điểm	10
			Ném vào rổ 2 quả	4 điểm	
			Ném vào rổ 3 quả	6 điểm	
			Ném vào rổ 4 quả	8 điểm	
			Ném vào rổ 5 quả	10 điểm	
			- Thực hiện sai kỹ thuật, bóng vào rổ được tính 70% số điểm/ quả. - Thực hiện đúng kỹ thuật, bóng không vào rổ được tính 30% số điểm/ quả.		

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BÓNG RỔ 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bóng rổ
- Tên tiếng Anh: Basketball

1.2. Mã môn học: BR2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.
- + Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác - tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).
- + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...
- Luật bóng rổ.
- Giới thiệu sơ lược các chiến thuật tấn công và phòng thủ trong bóng rổ.
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.

2.2. Kỹ năng vận động

- Hoàn thiện kỹ thuật bóng rổ đã học ở các học phần trước.

- Kỹ thuật chạy biến hướng và quay người.
- Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rỏ 1 tay dưới thấp.
- Kỹ thuật dẫn bóng quay người 360 độ đổi tay.
- Kỹ thuật dẫn bóng đổi hướng, thực hiện động tác giả qua người.
- Các bài tập chiến thuật thi đấu.
- Thi đấu 3x3; 5x5.
- Các bài tập hoàn thiện kỹ thuật và thể lực bằng phương pháp trò chơi vận động.
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt cho sinh viên nắm được kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT một cách hợp lý, Luật bóng rỏ, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài. Nắm bắt sơ lược chiến thuật tấn công và phòng thủ trong môn bóng rỏ.

3.2. Kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức sau:

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT một cách hợp lý.
- Luật bóng rỏ, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài.
- Nắm bắt sơ lược chiến thuật tấn công và phòng thủ trong môn bóng rỏ.

3.3. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Hoàn thiện kỹ thuật bóng rỏ đã học ở các học phần trước.
- Kỹ thuật chạy biến hướng và quay người.
- Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rỏ 1 tay dưới thấp.
- Kỹ thuật dẫn bóng quay người 360 độ đổi tay.
- Kỹ thuật dẫn bóng đổi hướng, thực hiện động tác giả qua người.
- Các bài tập chiến thuật thi đấu.
- Thi đấu 3x3; 5x5.
- Các bài tập hoàn thiện kỹ thuật và thể lực bằng phương pháp trò chơi vận động.
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3.4. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT;

có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT. - Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác - tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp). - Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng - Phương pháp giảng giải và làm mẫu
2	- Luật thi đấu môn bóng rổ. - Một số chiến thuật cơ bản trong bóng rổ. - Ôn tập: - Kỹ thuật nhồi bóng tại chỗ và dẫn bóng. - Kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng 2 tay trước ngực. - Kỹ thuật ném rổ bằng 1 tay trên vai. - Bài tập phát triển thể lực chung.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
3	- Ôn tập: - Kỹ thuật ném rổ bằng 1 tay trên vai. - Kỹ thuật dẫn bóng di chuyển 2 bước lên rổ bằng 1 tay trên vai. - Kỹ thuật dẫn bóng qua người ném rổ. - Bài tập phát triển thể lực chung.	7-9	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy kỹ thuật chạy biến hướng và quay người.	10-12	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	- Giảng dạy kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay dưới thấp. - Bài tập phát triển thể lực chung.		- phân chia -Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. -Giảng dạy kỹ thuật dẫn bóng quay người 360 độ đổi tay. -Giảng dạy kỹ thuật dẫn bóng đổi hướng, thực hiện động tác giả qua người. - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	-Phương pháp giảng giải và làm mẫu -Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia -Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. -Giảng dạy kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai tại 3 góc ném 90°, 45° và 0° ở 5 vị trí ném trên sân. - Bài tập phát triển thể lực chung.	16-18	-Phương pháp giảng giải và làm mẫu -Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia -Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... -Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Ôn tập các kỹ thuật đã học. - Ôn tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai 2 góc ném 90° và 45° ở 3 vị trí ném. - Hướng dẫn các bài tập chiến thuật cơ bản. - Bài tập phát triển thể lực chung.	19-21	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Hoàn thiện kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai 2 góc ném 90° và 45° ở 3 vị trí ném. - Giảng dạy kỹ thuật dẫn bóng luân cộc kết hợp kỹ thuật 2 bước lên rổ liên hoàn theo hình chữ “V” giới hạn thời gian.	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	- Thi đấu 3x3, 5x5. - Bài tập phát triển thể lực chung		lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
10	- Hoàn thiện kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai 2 góc ném 90° và 45° ở 3 vị trí ném. - Ôn tập và củng cố kỹ thuật dẫn bóng luân cộc kết hợp kỹ thuật 2 bước lên rổ liên hoàn theo hình chữ “V” giới hạn thời gian. - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	28-30	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Hoàn thiện kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai 2 góc ném 90° và 45° ở 3 vị trí ném. - Củng cố và hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng luân cộc kết hợp kỹ thuật 2 bước lên rổ liên hoàn theo hình chữ “V” giới hạn thời gian. - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài - Thi đấu.	31-33	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học - Hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng luân cộc kết hợp kỹ thuật 2 bước lên rổ liên hoàn theo hình chữ “V” giới hạn thời gian. - Thi đấu.	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
13	- Ôn tập kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai 2 góc ném 90° và 45° ở 3 vị trí ném. - Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng luân cộc kết hợp kỹ thuật 2 bước lên rổ liên hoàn theo hình chữ “V” giới hạn thời gian. - Thi đấu.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
14	- Ôn tập các nội dung thi	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

- Nguyễn Toán - Phạm Danh Tôn (1993), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

- Vũ Đức Thu – Nguyễn Xuân Sinh – Lưu Quang Hiệp – Trương Anh Tuấn (1995), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb GD, Hà Nội.

- Đình Can - Nguyễn Trương Tuấn (1998), *Kỹ thuật bóng rổ*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

- Đào Duy Thư (1993), *Chấn thương thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

- Nguyễn Viết Lượng (1992), *Cấp cứu những tai nạn thường gặp*, Nxb TĐTT, HN.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.

Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ:

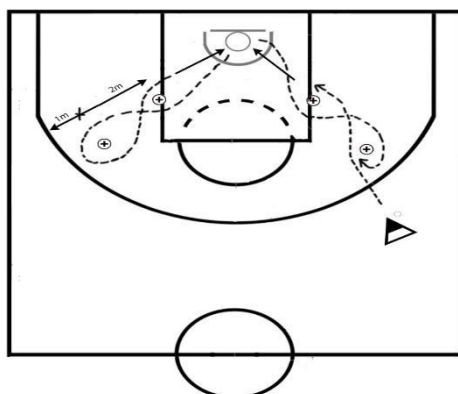
- Kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng một tay trên vai, Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, bóng vào rổ. Cụ ly ném rổ: Nam 4m60; Nữ 4m. Mỗi quả vào rổ được 2 điểm.
- Thực hiện sai kỹ thuật, bóng vào rổ được tính 70% số điểm/ quả.
- Thực hiện đúng kỹ thuật, bóng không vào rổ được tính 30% số điểm/ quả.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn bóng rổ

Nội dung	Số lần thực hiện	Yêu cầu	Cách tính điểm	
			Kết quả	Điểm
Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai 3 vị trí.	5	Thực hiện đúng kỹ thuật động tác, bóng vào rổ. Cự ly ném rổ: Nam 4m60, Nữ 4m. Lần lượt thực hiện 3 quả ném chính diện góc 90° và 2 quả góc 45° so với bảng rổ. (bên trái 1 quả và phải 1 quả).	Ném vào rổ 1 quả	2 điểm
			Ném vào rổ 2 quả	4 điểm
			Ném vào rổ 3 quả	6 điểm
			Ném vào rổ 4 quả	8 điểm
			Ném vào rổ 5 quả	10 điểm
			- Thực hiện sai kỹ thuật, bóng vào rổ được tính 70% số điểm/ quả. - Thực hiện đúng kỹ thuật, bóng không vào rổ được tính 30% số điểm/ quả.	
Bài test tổng hợp: Dẫn bóng luân cộc kết hợp kỹ thuật 2 bước lên rổ liên hoàn theo hình chữ “V” giới hạn thời gian.	2 lần lấy thành tích tốt nhất.	Thực hiện đúng kỹ thuật, yêu cầu đi đúng chiều và thực hiện đúng tay phải- trái, bóng phải vào rổ mới được thực hiện tiếp bài test. Nam: 60 giây. Nữ: 80 giây.	Ném vào rổ 1 quả	2 điểm
			Ném vào rổ 2 quả	4 điểm
			Ném vào rổ 3 quả	6 điểm
			Ném vào rổ 4 quả	8 điểm
			Ném vào rổ 5 quả	10 điểm
			- Thực hiện sai kỹ thuật, bóng vào rổ được tính 70% số điểm/ quả. - Thực hiện đúng kỹ thuật, bóng không vào rổ được tính 30% số điểm/ quả.	

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

HÌNH THỨC THỰC HIỆN BÀI TEST TỔNG HỢP



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BÓNG BÀN 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bóng bàn
- Tên tiếng Anh: Table Tennis

1.2. Mã môn học: BB1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.
- + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.
- + Sơ lược lịch sử phát triển TDTT
- + GDTC với mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện: GDTC với đức dục, GDTC với trí dục, GDTC với thể chất, GDTC với mỹ dục, GDTC với lao động.
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa.
- + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT, cách sơ cứu ban đầu.
- + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng bàn đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.
- Các nguyên lý đánh bóng trong bóng bàn.

- Luật thi đấu môn bóng bàn.

2.2. Kỹ năng vận động

Giảng dạy kỹ thuật bóng bàn:

- + Cách cầm vợt đúng trong bóng bàn
- + Giới thiệu cách di chuyển bước chân trong bóng bàn gồm: di chuyển đơn, kép, bước chéo
- + Tư thế chuẩn bị đánh bóng.
- + Kỹ thuật lúp bóng thuận tay, đẩy bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay, trái tay (không xoáy) cơ bản, giao bóng thuận tay xoáy lên, giao bóng trái tay xoáy lên.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng bàn đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn bóng bàn

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Cách cầm vợt đúng trong bóng bàn
- Giới thiệu cách di chuyển bước chân trong bóng bàn gồm: di chuyển đơn, kép, bước chéo.
- Tư thế chuẩn bị đánh bóng.
- Kỹ thuật lúp bóng thuận tay, lúp bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay, trái tay (không xoáy) cơ bản, giao bóng thuận tay xoáy lên, giao bóng trái tay xoáy lên.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người toàn diện. - Chấn thương trong quá trình tập luyện và thi đấu.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp trực quan.
2	- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bóng bàn đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập. - Giảng dạy cách cầm vợt. - Các tư thế cơ bản và cách di chuyển trong bóng bàn. - Giảng dạy kỹ thuật lúp bóng thuận tay cơ bản.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp trực quan. - Phương pháp tập trung chú ý.
3	- củng cố cách cầm vợt và kỹ thuật lúp bóng thuận tay cơ bản - Giảng dạy kỹ thuật lúp bóng trái tay cơ bản.	7-9	- Phương pháp trực quan. - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai
4	- củng cố kỹ thuật lúp bóng thuận tay. - Giảng dạy kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên cơ bản. - Bài tập phát triển thể lực chung.	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp tập trung chú ý.
5	- Ôn tập kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay. - Giảng dạy kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên cơ bản. - Bài tập phát triển thể lực chung.	13-15	- Phương pháp trực quan. - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
6	- Ôn tập kỹ thuật lúp bóng thuận tay. - củng cố kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao	16-18	- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai. - Phương pháp luyện tập tuần hoàn.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	bóng trái tay xoáy lên.		
7	- Ôn tập và hoàn thiện kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên. - Bài tập phát triển thể lực chung.	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn.
8	Kiểm tra giữa kỳ - Giao bóng thuận tay xoáy lên: 5 quả - Giao bóng trái tay xoáy lên: 5 quả	22-24	
9	- Ôn tập kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên. - Bài tập phát triển thể lực chung.	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
10	- Củng cố kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên. - Bài tập phát triển thể lực chung.	28-30	- Phương pháp luyện tập tuần hoàn. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
11	- Hoàn thiện kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên. - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp luyện tập tuần hoàn. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
12	- Ôn tập kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên.	34-36	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp luyện tập tuần hoàn. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
13	- Giảng dạy luật thi đấu đơn trong bóng bàn. - Thực hành đấu tập.	37-39	- Phương pháp trực quan. - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai. - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
14	- Hoàn thiện kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật đẩy bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên. - Thực hành đấu tập.	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải. - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu.
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành.

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.
- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.
- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- UB TĐTT (1997), *Bóng bàn hiện đại*, Nxb TĐTT.
- Nguyễn Danh Thái, Vũ Thanh Sơn (1999), *Bóng bàn* (Sách dùng cho sinh viên đại học TĐTT), Nxb TĐTT.
- Nguyễn Văn Trạch (2006), *Bóng bàn*, Nxb TĐTT.
- UB TĐTT (2006), *Luật bóng bàn*, Nxb TĐTT.
- Mai Duy Diễn (1997), *Tập đánh bóng bàn*, Nxb TĐTT.
- Võ Thành Sơn (chủ biên), Nguyễn Danh Hoàng Việt (2010), *Giáo trình bóng bàn*, Nxb Đại học Sư Phạm.
- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5.

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm

				Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ:

- Nội dung:

+ Giao bóng thuận tay xoáy lên.

+ Giao bóng trái tay xoáy lên.

- Cách thực hiện:

+ Nội dung thi kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên: Sinh viên kiểm tra đứng chuẩn bị ở một bên bàn, sau đó lần lượt giao bóng xoáy lên theo đường chéo 5 quả qua bàn vào ô quy định (Góc cuối bàn bên phải 50 cm).

+ Nội dung thi kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên: Sinh viên kiểm tra đứng chuẩn bị ở một bên bàn, sau đó lần lượt giao bóng xoáy lên theo đường chéo 5 quả qua bàn vào ô quy định (Góc cuối bàn bên trái 50 cm).

- Cách tính điểm:

+ Mỗi quả giao bóng xoáy lên thuận tay vào ô, đúng kỹ thuật đạt 2 điểm

+ Mỗi quả giao bóng xoáy lên trái tay vào ô, đúng kỹ thuật đạt 2 điểm

Điểm giữa kỳ môn học là điểm trung bình chung của 2 kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay và kỹ thuật lúp bóng thuận tay.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn Bóng bàn

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Nội dung thi kỹ thuật lúp bóng thuận tay: Sinh viên kiểm tra đứng chuẩn bị ở một bên bàn. Người phục vụ đưa bóng đánh qua từng quả. SV thực hiện lúp bóng thuận tay 10 quả liên tục theo đường chéo vào ô quy định (Góc cuối bàn bên phải 50 cm).

- Nội dung thi kỹ thuật lúp bóng trái tay: Sinh viên kiểm tra đứng chuẩn bị ở một bên.

Người phục vụ đưa bóng đánh qua từng quả. SV thực hiện lúp bóng trái tay 10 quả liên

tục theo đường chéo vào ô quy định (Góc cuối bàn bên trái 50 cm).

- Thành tích được tính theo số quả của người kiểm tra đánh được vào ô quy định.

7.4.2. Cách tính điểm

- Kỹ thuật lúp bóng thuận, trái tay (50% kỹ thuật, 50% thành tích, sai kỹ thuật cơ bản thì không tính điểm thành tích).

- Mỗi quả lúp bóng thuận, trái tay đúng kỹ thuật, có điểm rơi chính xác và độ cao hợp lý đạt 1 điểm.

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BÓNG BÀN 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bóng bàn.
- Tên tiếng Anh: Table Tennis.

1.2. Mã môn học: BB2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết.
- Kỹ năng vận động: 33 tiết.
- Kiểm tra: 06 tiết.

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện TDTT;
- Xu thế bóng bàn hiện đại
- Luật bóng bàn (một số điều luật cơ bản).
- Tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài.

2.2. Kỹ năng

- Giảng dạy các kỹ thuật bóng bàn:
 - + Kỹ thuật gò thuận tay cơ bản.
 - + Kỹ thuật gò bóng trái tay cơ bản.
 - + Giao bóng thuận tay xoáy xuống cơ bản.
 - + Giao bóng trái tay xoáy xuống cơ bản.
 - + Kỹ thuật gạt bóng thuận tay
- Củng cố, hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản trong bóng bàn: Thi đấu (thi kỹ thuật + thi đấu ván).

- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; Các nguyên tắc tập luyện trong TDTT; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được những kiến thức cơ bản về lợi ích, vai trò của việc tập luyện TDTT và hình thành các kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn cho người học. Qua đó, giúp sinh viên hình thành thói quen luyện tập thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho bản thân.

3.2.2. Kỹ năng

- Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:
 - + Kỹ thuật gò bóng thuận tay cơ bản.
 - + Kỹ thuật gò bóng trái tay cơ bản.
 - + Giao bóng thuận tay xoáy xuống cơ bản.
 - + Giao bóng trái tay xoáy xuống cơ bản.
- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản trong bóng bàn:
 - + Kỹ thuật gạt bóng thuận tay
 - + Thi đấu (thi kỹ thuật + thi đấu ván)
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Xu thế bóng bàn hiện đại. - Luật bóng bàn (một số điều luật cơ bản).	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp trực quan.
2	- Phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao (TĐTT).	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp trực quan. - Phương pháp tập trung chú ý.
3	- Giảng dạy kỹ thuật gò bóng thuận tay cơ bản. - Bài tập phát triển thể lực chung.	7-9	- Phương pháp trực quan. - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
4	- Ôn tập kỹ thuật gò bóng thuận tay. - Giảng dạy kỹ thuật gò bóng trái tay cơ bản. - Bài tập phát triển thể lực chung.	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp tập trung chú ý. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
5	- Củng cố kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên, kỹ thuật gò bóng thuận tay, kỹ thuật gò bóng trái tay. - Giảng dạy kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận tay cơ bản. - Bài tập phát triển thể lực chung.	13-15	- Phương pháp trực quan. - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
6	- Củng cố kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật đẩy bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên, kỹ thuật gò bóng thuận tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy xuống. - Giảng dạy kỹ thuật giao bóng xoáy xuống trái tay cơ bản. - Bài tập phát triển thể lực chung.	16-18	- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai. - Phương pháp luyện tập tuần hoàn. - Phương pháp luyện tập lặp lại.
7	- Ôn tập kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên, kỹ thuật gò bóng thuận tay,	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp luyện tập tuần hoàn. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy xuống, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy xuống. - Bài tập phát triển thể lực chung.		
8	Kiểm tra giữa kỳ - Giao bóng xoáy xuống thuận tay: 5 quả - Giao bóng xoáy xuống trái tay: 5 quả	22-24	
9	- Giới thiệu kỹ thuật tấn công: giạt bóng thuận tay. - Bài tập phát triển thể lực chung.	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
10	- Hoàn thiện kỹ thuật lúp bóng thuận trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên, kỹ thuật gò bóng thuận tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy xuống, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy xuống. - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Bài tập phát triển thể lực chung.	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp luyện tập tuần hoàn. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
11	- Giảng dạy luật thi đấu đôi trong bóng bàn. - Thực hành thi đấu tập.	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp luyện tập tuần hoàn. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải. - Phương pháp luyện tập thả lỏng.
12	- Thi đấu tập	34-36	- Phương pháp trực quan. - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai. - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu.
13	- Ôn tập kỹ thuật lúp bóng thuận tay, kỹ thuật lúp bóng trái tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy lên, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy lên, kỹ thuật gò bóng thuận tay, kỹ thuật giao bóng thuận tay xoáy xuống, kỹ thuật giao bóng trái tay xoáy xuống.	37-39	- Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
14	- Ôn kỹ thuật giao bóng xoáy xuống trái tay vào ô. - Hoàn thiện kỹ thuật gò bóng thuận tay, trái tay vào ô.	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải. - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu.
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành.

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.
- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.
- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- UB TĐTT (1997), *Bóng bàn hiện đại*, Nxb TĐTT.
- Nguyễn Danh Thái, Vũ Thanh Sơn (1999), *Bóng bàn* (Sách dùng cho sinh viên đại học TĐTT), Nxb TĐTT.
- Nguyễn Văn Trạch (2006), *Bóng bàn*, Nxb TĐTT.
- UB TĐTT (2006), *Luật bóng bàn*, Nxb TĐTT.
- Mai Duy Diễn (1997), *Tập đánh bóng bàn*, Nxb TĐTT.
- Võ Thành Sơn (chủ biên), Nguyễn Danh Hoàng Việt (2010), *Giáo trình bóng bàn*, Nxb Đại học Sư Phạm.
- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5.

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo

giữa kỳ (KTGK)				thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- *Nội dung:*

+ Giao bóng xoáy xuống thuận tay: 5 quả

+ Giao bóng xoáy xuống trái tay: 5 quả

- *Cách thực hiện:*

+ Nội dung thi kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận tay: Sinh viên kiểm tra đứng chuẩn bị ở một bên bàn, sau đó lần lượt giao bóng thuận tay xoáy xuống 5 quả theo đường chéo vào ô quy định (Góc cuối bàn bên phải 50 cm).

+ Nội dung thi kỹ thuật giao bóng xoáy xuống trái tay: Sinh viên kiểm tra đứng chuẩn bị ở một bên bàn, sau đó lần lượt giao bóng thuận tay xoáy xuống 5 quả theo đường chéo vào ô quy định (Góc cuối bàn bên trái 50 cm).

- *Cách tính điểm:*

+ Mỗi quả giao bóng xoáy xuống thuận, trái tay vào ô, đúng kỹ thuật đạt 2 điểm

- Điểm giữa kỳ môn học là điểm trung bình chung của 2 kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận, trái tay.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn Bóng bàn

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Nội dung thi kỹ thuật gò bóng thuận tay: Sinh viên kiểm tra đứng chuẩn bị ở một bên bàn. Người phục vụ đưa bóng đánh qua từng quả. SV thực hiện gò bóng thuận tay 10 quả liên tục theo đường chéo vào ô quy định (Ô giữa bàn 40cm*40cm).

- Nội dung thi kỹ thuật gò trái tay: Sinh viên kiểm tra đứng chuẩn bị ở một bên bàn. Người phục vụ đưa bóng đánh qua từng quả. SV thực hiện gò bóng trái tay 10 quả liên tục theo đường chéo vào ô quy định (Ô giữa bàn 40cm*40cm).

- Thành tích được tính theo số quả của người kiểm tra đánh được vào ô quy định.

7.4.2. Cách tính điểm

- Kỹ thuật gò bóng thuận tay, trái tay (50% kỹ thuật, 50% thành tích, sai kỹ thuật cơ bản thì không tính điểm thành tích).

- Mỗi quả gò bóng thuận tay, trái tay, vào ô giữa bàn đúng kỹ thuật, có điểm rơi chính xác và độ cao hợp lý đạt 1 điểm.

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

QUẦN VỢT 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Quần vợt
- Tên tiếng Anh: Tennis

1.2. Mã môn học: QV1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.
- + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện
- + Sơ lược lịch sử phát triển TDTT
- + GDTC với mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện: GDTC với đức dục, GDTC với trí dục, GDTC với thể chất, GDTC với mỹ dục, GDTC với lao động.
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa.

- + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.
- + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Quần vợt đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.
- Các nguyên lý đánh bóng trong Quần vợt.
- Luật Quần vợt (một số điều luật cơ bản).

2.2. Kỹ năng vận động

- Giảng dạy kỹ thuật Quần vợt:
- + Tư thế chuẩn bị, cách cầm vợt và các phương pháp di chuyển trong môn Quần vợt
- + Kỹ thuật đánh bóng thuận tay.
- + Kỹ thuật đánh bóng trái tay (hai tay).
- + Kỹ thuật giao bóng cơ bản.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.
- Hướng dẫn cho sinh viên tập luyện được những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt theo quy định trong chương trình như:
- + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay.
- + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay).
- + Kỹ thuật giao bóng thẳng.
- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tự tập luyện, phân biệt được những kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của môn Quần vợt.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Trình bày được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện TDTT nói chung, và môn Quần vợt nói riêng đối với sinh viên.

Phân biệt được những kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của môn Quần vợt.

3.2.2. Kỹ năng

Trang bị cho sinh viên nắm bắt được các nguyên lý chuyển động và những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt theo quy định trong chương trình như: Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay), kỹ thuật giao bóng thẳng.

Hướng dẫn cho sinh viên hiểu luật và cách thức thi đấu một trận Quần vợt cơ bản.

3.2.3. Thái độ hành vi

Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe. Đồng thời, biết vận động người khác cùng tham gia vào phong trào thể dục thể thao của trường và địa phương.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Giới thiệu môn học và chương trình môn học. - Phổ biến các yêu cầu đảm bảo an toàn trong tập luyện. - Khởi động chung và chuyên môn. - Nguồn gốc môn Quần vợt. - Sự hình thành và phát triển môn Quần vợt Thế giới và Việt Nam. - Giới thiệu sơ nét về các kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt. - Giới thiệu các nguyên lý chuyển động môn Quần vợt. - Thả lỏng và hồi phục.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
2	- Khởi động. - Học kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay. - Thả lỏng và hồi phục.	4-6	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
3	- Khởi động. - Ôn tập nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	7-9	- Phương pháp chỉnh sửa động tác. - Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp gián cách.
4	- Khởi động. - Học kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay). - Thả lỏng và hồi phục.	10-12	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
5	- Khởi động. - Ôn tập nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	13-15	- Phương pháp chỉnh sửa động tác. - Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp gián cách.
6	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	16 -18	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
7	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Khởi động. - Học kỹ thuật giao bóng thẳng. - Thả lỏng và hồi phục.	25-27	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
10	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật giao bóng thẳng). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	28-30	- Phương pháp chỉnh sửa động tác. - Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp gián cách.
11	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
12	- Khởi động - Giới thiệu các điều luật quy định của môn Quần vợt. - Diễn giải, thị phạm các quy định của luật thi đấu trên sân. - Thả lỏng, hồi phục.	34-36	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải.
13	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay, kỹ thuật giao bóng thẳng). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	37-39	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
14	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay,	40-42	- Phương pháp luyện tập lặp lại

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	kỹ thuật giao bóng thẳng). - Thả lỏng và hồi phục.		- Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp giảm cách.
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Trần Trọng Anh Tú, *Hướng dẫn kỹ thuật tập luyện Quần vợt*.

6.2. Tài liệu khác

- Đại học Thể thao Bắc Kinh (2019), *Giáo trình Quần vợt*.

- Liên đoàn Quần vợt Thế giới (2022), *Luật Quần vợt*.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: Theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá:

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung: Kỹ thuật đánh bóng thuận tay
- Cách thực hiện: sinh viên kiểm tra đứng ở vạch giao bóng, tự thả bóng và thực hiện kỹ thuật đánh bóng thuận tay, sinh viên kiểm tra thực hiện liên tục 10 quả
- Cách tính điểm: mỗi quả thực hiện đúng kỹ thuật bóng rơi vào sân đôi được tính 0,3 điểm.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn Quần vợt

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung thi giữa kỳ:
 - + Đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả.
 - + Đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả.
- Cách thực hiện:
 - + Sinh viên đứng giữa đường biên cuối sân, tự thả bóng và thực hiện kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả.
 - + Sinh viên đứng giữa đường biên cuối sân, tự thả bóng và thực hiện kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả.
- Cách tính điểm:

Nội dung		Trọng số (%)	Giỏi Từ 9 – 10 điểm	Khá Từ 7 – 8 điểm	Trung bình Từ 5 – 6 điểm	Yếu Dưới 5 điểm
Thi giữa kỳ (30%)						
Các kỹ thuật cơ bản	Đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả	50%	Từ 9 – 10 quả vào sân đôi	Từ 7 – 8 quả vào sân đôi	Từ 5 – 6 quả vào sân đôi	Dưới 5 quả vào sân đôi
	Đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả	50%	Từ 9 – 10 quả vào sân đôi	Từ 7 – 8 quả vào sân đôi	Từ 5 – 6 quả vào sân đôi	Dưới 5 quả vào sân đôi
Tổng cộng		100%				

7.4.2. Tổ chức và phương thức kiểm tra cuối kỳ

- Nội dung thi kết thúc môn:
 - + Đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả.
 - + Đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả.
 - + Giao bóng thẳng 10 quả.
- Cách thực hiện:
 - + Sinh viên đứng giữa đường biên cuối sân, di chuyển đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả.
 - + Sinh viên đứng giữa đường biên cuối sân, di chuyển đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả.
 - + Sinh viên đứng tại khu vực giao bóng ở đường biên cuối sân, thực hiện giao bóng thẳng

10 quả.

- Cách tính điểm:

Nội dung		Trọng số (%)	Giỏi Từ 9 – 10 điểm	Khá Từ 7 – 8 điểm	Trung bình Từ 5 – 6 điểm	Yếu Dưới 5 điểm
Thi kết thúc môn học (60%)						
Các kỹ thuật cơ bản	Đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả	20%	Từ 9 – 10 quả vào ½ sân	Từ 7 – 8 quả vào ½ sân	Từ 5 – 6 quả vào ½ sân	Dưới 5 quả vào ½ sân
	Đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả	20%	Từ 9 – 10 quả vào ½ sân	Từ 7 – 8 quả vào ½ sân	Từ 5 – 6 quả vào ½ sân	Dưới 5 quả vào ½ sân
	Giao bóng thẳng 10 quả	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô giao bóng	Từ 7 – 8 quả vào ô giao bóng	Từ 5 – 6 quả vào ô giao bóng	Dưới 5 quả vào ô giao bóng
Tổng cộng		100%				

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC QUẦN VỢT 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

Tên tiếng Việt: Quần vợt

Tên tiếng Anh: Tennis

1.2. Mã môn học: QV2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1

- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết

- Kỹ năng vận động: 33 tiết

- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.
- Xu thế huấn luyện – giảng dạy Quần vợt hiện đại.
- Vai trò của tố chất thể lực đối với thành tích môn Quần vợt.
- Giới thiệu sơ lược về đặc điểm chiến thuật môn Quần vợt.
- Luật thi đấu Quần vợt.
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Quần vợt.

2.2. Kỹ năng vận động.

- Giảng dạy kỹ thuật Quần vợt
- + Kỹ thuật trên lưới (vô-lê thuận tay, trái tay và đập bóng)
- + Kỹ thuật cắt bóng thuận tay và trái tay.
- + Kỹ thuật trả giao bóng.

- + Hoàn thiện các kỹ thuật đánh bóng thuận tay, đánh bóng trái tay và giao bóng
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.
- Hướng dẫn cho sinh viên tập luyện, hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản và nâng cao trong môn Quần vợt như:

- + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay.
- + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay).
- + Kỹ thuật vô lê thuận tay.
- + Kỹ thuật vô lê trái tay.
- + Kỹ thuật đập bóng.

- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tự tập luyện. Hiểu luật và khả năng điều hành, tổ chức một giải Quần vợt cơ bản.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; các nguyên tắc tập luyện TDTT; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu môn quần vợt.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Trình bày được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện TDTT nói chung, và môn Quần vợt nói riêng đối với sinh viên.

Phân biệt được những kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của môn Quần vợt.

3.2.2. Kỹ năng

Trang bị cho sinh viên nắm bắt được các nguyên lý chuyển động, hoàn thiện được những kỹ thuật cơ bản và nâng cao của môn Quần vợt theo quy định trong chương trình như: Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay), kỹ thuật vô lê thuận tay, kỹ thuật vô lê trái tay, kỹ thuật đập bóng.

Nâng cao vai trò phát triển tố chất thể lực chuyên môn Quần vợt.

Biết cách điều hành, tổ chức thi đấu một giải Quần vợt cơ bản của lớp, khoa.

3.2.3. Thái độ hành vi

Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe. Đồng thời, biết vận động người khác cùng tham gia vào phong trào thể dục thể thao của trường và địa phương.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.

- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT. + Các nguyên tắc tập luyện: Nguyên tắc tự giác - tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp). + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực như: Sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, linh hoạt và khả năng phối hợp vận động. - Giới thiệu các nguyên lý chuyển động môn Quần vợt.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
2	- Khởi động. - Ôn tập lại các kỹ thuật đã học (ở học phần Quần vợt 1). - Hoàn thiện và học nâng cao kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay. - Thả lỏng và hồi phục.	4-6	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
3	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay). - Thả lỏng và hồi phục.	7-9	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
4	- Khởi động. - Hoàn thiện và học nâng cao kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay). - Thả lỏng và hồi phục.	10-12	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
5	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên trái tay). - Thả lỏng và hồi phục.	13-15	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
6	- Khởi động. - Học kỹ thuật vô lê thuận tay - trái tay. - Tập luyện các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	16 -18	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
7	- Khởi động. - Ôn tập kỹ thuật vô lê thuận tay - trái tay. - Ôn tập các kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay. - Thả lỏng và hồi phục.	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Khởi động. - Học kỹ thuật đập bóng. - Tập luyện các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	25-27	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
10	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật vô lê thuận tay - trái tay, kỹ thuật đập bóng). - Tập luyện các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
11	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật vô lê thuận tay - trái tay, kỹ thuật đập bóng). - Hoàn thiện các kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay. - Thả lỏng và hồi phục.	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
12	- Khởi động - Giới thiệu khái quát về một trận thi đấu quần vợt. - Giới thiệu các điều luật quy định của môn Quần vợt. - Thực hành thi đấu đối kháng và thị phạm trọng tài. - Diễn giải, thị phạm các quy định của luật thi đấu trên sân.	34-36	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu.
13	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay, kỹ thuật vô lê thuận tay - trái tay, kỹ thuật đập bóng). - Ôn tập các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	37-39	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
14	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học (kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận tay - trái tay, kỹ thuật vô lê thuận tay - trái tay, kỹ thuật đập bóng). - Ôn tập các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	40-42	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục*

thể thao, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Trần Trọng Anh Tú, *Hướng dẫn kỹ thuật tập luyện Quần vợt*.

6.2. Tài liệu khác

- Đại học Thể thao Bắc Kinh (2019), *Giáo trình Quần vợt*.

- Liên đoàn Quần vợt Thế giới (2022), *Luật Quần vợt*.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung: Kỹ thuật vô-lê thuận tay và trái tay

- Cách thực hiện: Sinh viên kiểm tra đứng ở đường trung tâm cách lưới khoảng 2,5m, sinh viên hoặc giáo viên hỗ trợ đưa bóng đứng ở vạch giao bóng phần sân đối diện, đưa liên tục 5 quả bóng vào vị trí vô-lê thuận tay và 5 quả vào vị trí trái tay.

- Cách tính điểm: mỗi quả vô-lê đúng kỹ thuật bóng rơi vào sân tính 0,3 điểm.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn Quần vợt

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung thi giữa kỳ:

- + Đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả.
- + Đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả.

Cách thực hiện:

- + Sinh viên đứng giữa đường biên cuối sân, thực hiện đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả.
- + Sinh viên đứng giữa đường biên cuối sân, thực hiện đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả.

Cách tính điểm:

Nội dung		Trọng số (%)	Giỏi Từ 9 – 10 điểm	Khá Từ 7 – 8 điểm	Trung bình Từ 5 – 6 điểm	Yếu Dưới 5 điểm
Thi giữa kỳ (30%)						
Các kỹ thuật cơ bản	Đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả	50%	Từ 9 – 10 quả vào sân đôi	Từ 7 – 8 quả vào sân đôi	Từ 5 – 6 quả vào sân đôi	Dưới 5 quả vào sân đôi
	Đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả	50%	Từ 9 – 10 quả vào sân đôi	Từ 7 – 8 quả vào sân đôi	Từ 5 – 6 quả vào sân đôi	Dưới 5 quả vào sân đôi
Tổng cộng		100%				

7.4.2. Tổ chức và phương thức kiểm tra cuối kì**Nội dung thi kết thúc môn:**

- + Đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả.
- + Đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả.
- + Đánh vô lê thuận tay 10 quả.
- + Đánh vô lê trái tay 10 quả.
- + Đập bóng 10 quả.

Cách thực hiện:

- + Sinh viên đứng giữa đường biên cuối sân, di chuyển đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả.
- + Sinh viên đứng giữa đường biên cuối sân, di chuyển đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả.
- + Sinh viên đứng cách lưới 2m, thực hiện đánh vô lê thuận tay 10 quả.
- + Sinh viên đứng cách lưới 2m, thực hiện đánh vô lê trái tay 10 quả.
- + Sinh viên đứng giữa khu vực ô giao bóng, thực hiện đập bóng 10 quả.

Cách tính điểm:

Nội dung		Trọng số (%)	Giỏi Từ 9 – 10 điểm	Khá Từ 7 – 8 điểm	Trung bình Từ 5 – 6 điểm	Yếu Dưới 5 điểm
Thi kết thúc môn học (60%)						
Các kỹ thuật cơ bản	Đánh bóng xoáy lên thuận tay 10 quả	20%	Từ 9 – 10 quả vào ½ sân	Từ 7 – 8 quả vào ½ sân	Từ 5 – 6 quả vào ½ sân	Dưới 5 quả vào ½ sân
	Đánh bóng xoáy lên trái tay (2 tay) 10 quả	20%	Từ 9 – 10 quả vào ½ sân	Từ 7 – 8 quả vào ½ sân	Từ 5 – 6 quả vào ½ sân	Dưới 5 quả vào ½ sân
	Đánh vô lê thuận tay 10 quả	20%	Từ 9 – 10 quả vào ½ sân	Từ 7 – 8 quả vào ½ sân	Từ 5 – 6 quả vào ½ sân	Dưới 5 quả vào ½ sân
	Đánh vô lê trái tay 10 quả	20%	Từ 9 – 10 quả vào ½ sân	Từ 7 – 8 quả vào ½ sân	Từ 5 – 6 quả vào ½ sân	Dưới 5 quả vào ½ sân
	Đập bóng 10 quả	20%	Từ 9 – 10 quả vào sân đơn	Từ 7 – 8 quả vào sân đơn	Từ 5 – 6 quả vào sân đơn	Dưới 5 quả vào sân đơn
Tổng cộng		100%				

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

CẦU LÔNG 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Cầu lông
- Tên tiếng Anh: Badminton

1.2. Mã môn học: CL1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.
- + Sức khỏe: “Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện
- + Sơ lược lịch sử phát triển TDTT.
- + GDTC với mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện: GDTC với đức dục, GDTC với trí dục, GDTC với thể chất, GDTC với mỹ dục, GDTC với lao động.
- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của tập luyện cầu lông đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.
- Luật cầu lông (một số điều luật cơ bản, luật đánh đơn, luật đánh đôi)

2.2. Kỹ năng vận động

- Cách cầm vợt.
- Tư thế trước di chuyển. Các bước di chuyển trong cầu lông. Di chuyển đơn bước, đa bước.
- Giao cầu trái tay (quỹ đạo bay của cầu sát lưới và rơi gần vạch giới hạn giao cầu), giao

cầu thuận tay (Quỹ đạo bay của cầu là cao và về cuối sân)

- Đánh cầu cao thuận tay (lốp cầu)
- Đánh cầu thấp hai bên và phía trước (đánh cầu mạnh về cuối sân)
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện, cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu qua đó giúp sinh viên hình thành thói quen luyện tập thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho bản thân.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Hiểu biết về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện, cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu qua đó giúp sinh viên hình thành thói quen luyện tập thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho bản thân.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Cách cầm vợt.
- Tư thế trước di chuyển. Các bước di chuyển trong cầu lông. Di chuyển đơn bước, đa bước.
- Giao cầu trái tay (quỹ đạo bay của cầu sát lưới và rơi gần vạch giới hạn giao cầu), giao cầu thuận tay (Quỹ đạo bay của cầu là cao và về cuối sân)
- Đánh cầu cao thuận tay (lốp cầu)
- Đánh cầu thấp hai bên và phía trước.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan
2	- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của việc tập luyện môn cầu lông đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập. - Cách cầm vợt. - Tư thế trước di chuyển. Các bước di chuyển trong môn cầu lông	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
3	- Hoàn thiện tư thế trước di chuyển. các bước di chuyển trong môn cầu lông. - Hướng dẫn di chuyển đơn bước. - Giảng dạy kỹ thuật giao cầu thuận tay. - Bài tập phát triển thể lực chung	7-9	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
4	- Hoàn thiện di chuyển đơn bước - Hướng dẫn di chuyển đa bước - Ôn kỹ thuật giao cầu thuận tay - Hướng dẫn kỹ thuật lớp cầu - Bài tập phát triển thể lực chung	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp luyện tập thả lỏng
5	- Hoàn thiện các bước di chuyển - Hoàn thiện giao cầu thuận tay và lớp cầu - Hướng dẫn kỹ thuật giao cầu trái tay - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	13-15	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
6	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học - Bài tập phát triển thể lực chung	16 -18	- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp luyện tập lặp lại
7	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học - Hướng dẫn kỹ thuật đánh cầu thấp. - Bài tập phát triển thể lực chung	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp luyện tập thả lỏng
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học - Giảng dạy kỹ thuật đánh cầu cao trái tay - Bài tập phát triển thể lực chung	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập thả lỏng
10	- Hoàn thiện các kỹ thuật giao cầu trái tay, thuận tay, lớp cầu	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	- Bài tập phát triển thể lực chung		- Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải
11	- Hoàn thiện các kỹ thuật giao cầu trái tay, thuận tay, lớp cầu - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
12	- Luật đánh đơn - Đấu tập (thi đấu)	34-36	- Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu - Phương pháp luyện tập thả lỏng
13	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học - Đấu tập (thi đấu)	37-39	- Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu - Phương pháp luyện tập thả lỏng
14	- Hoàn thiện các kỹ thuật giao cầu trái tay, thuận tay, lớp cầu - Đấu tập (thi đấu)	40-42	- Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.
- Phan Thanh Mỹ - Nguyễn Minh Mẫn (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất tập 2*, TP.HCM
- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Vũ Đức Thu (1998), *Tài liệu giảng dạy bóng chuyền trong các trường Đại học và Trung học chuyên nghiệp*, Nxb Thể dục Thể thao.
- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo

giữa kỳ (KTGK)				thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung: *Giao cầu trái tay*

- Cách thực hiện: Mỗi sinh viên giao 5 quả (tùy chọn bên ô giao 3 quả). Quỹ đạo bay của cầu phải sát lưới và rơi gần vạch giới hạn giao cầu ngắn.

- Cách tính điểm: Cầu rơi đúng ô. Quỹ đạo bay của cầu sát lưới và rơi vào giữa đường kẻ song song với vạch giới hạn giao cầu ngắn, cách vạch giới hạn giao cầu ngắn 25cm mỗi quả 2 điểm, cách vạch giới hạn giao cầu ngắn từ 26cm đến 50cm mỗi quả 1 điểm. (sinh viên đứng sát vạch 1m98 phát cầu thấp gần trái tay vào ô 0,5m x 3m 05)

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn cầu lông

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra cuối kỳ:

- *Giao cầu thuận tay*: Mỗi sinh viên giao 5 quả (tùy chọn bên ô giao 3 quả). Quỹ đạo bay của cầu phải cao và rơi gần vạch cuối sân

- *Lốp cầu*: Có người giao cầu cao sâu. Mỗi sinh viên giao 5 quả (tùy chọn bên ô giao 3 quả). Quỹ đạo bay của cầu phải cao và rơi gần vạch cuối sân

7.4.2. Cách tính điểm

- *Giao cầu trái tay*: Cầu rơi đúng ô. Quỹ đạo bay của cầu sát lưới và rơi vào giữa đường kẻ song song với vạch giới hạn giao cầu ngắn, cách vạch giới hạn giao cầu ngắn 25cm mỗi quả 2 điểm, cách vạch giới hạn giao cầu ngắn từ 26cm đến 50cm mỗi quả 1 điểm.

- *Giao cầu thuận tay*:

+ Nữ: Cầu rơi đúng ô. Quỹ đạo bay của cầu cao và rơi vào giữa đường kẻ song song với đường biên ngang cuối sân, cách đường biên ngang cuối sân 200cm mỗi quả 2 điểm, cách đường biên cuối sân từ 201cm đến 300cm mỗi quả 1 điểm.

+ Nam: Cầu rơi đúng ô. Quỹ đạo bay của cầu cao và rơi vào giữa đường kẻ song song với đường biên ngang cuối sân, cách đường biên ngang cuối sân 1m mỗi quả 2 điểm, cách đường biên cuối sân từ 101cm đến 200cm mỗi quả 1 điểm

- *Lốp cầu*:

+ Nữ: Quỹ đạo bay của cầu cao và rơi vào giữa đường kẻ song song với đường biên ngang cuối sân, cách đường biên ngang cuối sân 2m mỗi quả 2 điểm, cách đường biên cuối sân đến từ 201cm 300cm mỗi quả 1 điểm

+ Nam: Quỹ đạo bay của cầu cao và rơi vào giữa đường kẻ song song với đường biên ngang cuối sân, cách đường biên ngang cuối sân 100cm mỗi quả 2 điểm, cách đường biên cuối sân từ 101cm đến 200cm mỗi quả 1 điểm

- Điểm cuối kỳ là điểm trung bình chung của hai nội dung kiểm tra trên.

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC CẦU LÔNG 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Cầu lông
- Tên tiếng Anh: Badminton

1.2. Mã môn học: CL2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần trước: Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, phương pháp tập luyện TDTT hợp lý, cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và hoàn thiện các kỹ, chiến thuật cơ bản của môn cầu lông. Qua đó, giúp sinh viên có thể tự tiến hành rèn luyện đúng phương pháp, đạt hiệu quả tốt trong việc nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho bản thân.

2.2. Kỹ năng

- Hoàn thiện các bước di chuyển, giao cầu, lóp cầu.
- Giảng dạy kỹ thuật cầu lông:
 - + Kỹ thuật đập cầu
 - + Kỹ thuật chém cầu thuận tay
 - + Kỹ thuật chặn cầu
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến sinh viên các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT; phương pháp phát triển các tố chất thể lực; Chấn thương và biện pháp phòng ngừa trong quá trình tập luyện TDTT; nắm vững luật thi đấu và chiến thuật thi đấu trong cầu lông.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.
- Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác – tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).
- Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...
- Luật thi đấu đôi
- Tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Kỹ thuật đập cầu
- Kỹ thuật chém cầu thuận tay
- Kỹ thuật chặn cầu

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDDT. - Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác – tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp). - Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền... - Thể lực chung	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan
2	- Chấn thương trong TDDT và biện pháp phòng ngừa - Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT - Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu. - Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT - Thể lực chung	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
3	- Hoàn thiện các bước di chuyển - Hướng dẫn kỹ thuật đập cầu chéo sân - Thể lực chuyên môn	7-9	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
4	- Hoàn thiện kỹ thuật giao cầu thuận tay - Hoàn thiện kỹ thuật đập cầu chéo sân - Hướng dẫn kỹ thuật đập cầu dọc biên - Thể lực chung	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp luyện tập thả lỏng
5	- Hoàn thiện kỹ thuật đập cầu - Hướng dẫn kỹ thuật chém cầu thuận tay chéo sân, chặn cầu trái tay - Thể lực chung	13-15	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
6	- Hoàn thiện kỹ thuật chém cầu thuận tay chéo sân và chặn cầu trái tay. - Hướng dẫn kỹ thuật chém cầu dọc biên, chặn cầu thuận tay - Thể lực chuyên môn	16 -18	- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp luyện tập lặp lại
7	- Tập đập, chém quả giao cầu cao sâu theo đường chéo sân, dọc biên - Thể lực chung	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp luyện tập thả lỏng
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Tập chặn quả đập, chém cầu theo đường chéo sân - Hoàn thiện kỹ thuật giao cầu trái tay - Thể lực chuyên môn	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập thả lỏng
10	- Tập chặn quả đập, chém cầu dọc biên - Tập chặn quả giao cầu sát lưới rơi gần vạch giới hạn giao cầu ngắn - Thể lực chung	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải
11	- Ôn các kỹ thuật đã học - Hướng dẫn luật thi đấu đôi - Thi đấu đôi	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
12	- Hướng dẫn phương pháp thi đấu, trọng tài - Thi đấu đôi	34-36	- Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu - Phương pháp luyện tập thả lỏng
13	- Ôn các kỹ thuật đập, chém, chặn cầu - Thi đấu đôi	37-39	- Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu - Phương pháp luyện tập thả lỏng
14	- Ôn các kỹ thuật đập, chém, chặn cầu - Thi đấu đôi	40-42	- Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Phan Thanh Mỹ - Nguyễn Minh Mẫn (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất tập 2*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- *Nội dung: chặn cầu*

+ Mỗi sinh viên thực hiện 5 quả.

+ Sinh viên đứng ngay góc chữ T (đường giới hạn giao cầu và đường trung tâm)

+ Sinh viên được chọn chặn 3 quả thuận tay 2 quả trái tay hoặc ngược lại.

- Cách tính điểm: Cầu bay sát lưới và rơi vào đúng khu vực quy định nhỏ mỗi quả 2 điểm.

Vào khu vực quy định lớn mỗi quả 1 điểm.

+ Khu vực quy định nhỏ với nữ là hình vuông có cạnh là 150cm được tạo thành bởi đường biên dọc và đường giữa sân(hình chiếu thẳng góc của lưới) với hai đường thẳng song song với chúng. Với nam là hình vuông có cạnh 100cm.

+ Khu vực quy định lớn là khoảng cách 50cm từ cạnh hình vuông song song với đường biên dọc và cạnh hình vuông song song với đường giữa sân,về phía giữa sân và cuối sân.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn Cầu lông

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra cuối kỳ

- Chém cầu:

+ Mỗi sinh viên thực hiện 5 quả.(3 chéo 2 dọc biên hoặc ngược lại)

+ Sinh viên đứng giữa ô giao cầu.

+ Sinh viên được chọn ô thực hiện, được chọn chém 3 quả đường chéo hoặc ngược lại.

- Đập cầu:

Cách thực hiện:

+ Mỗi sinh viên thực hiện 5 quả (3 chéo 2 dọc biên hoặc ngược lại)

+ Sinh viên đứng giữa ô giao cầu.

+ Sinh viên được chọn ô thực hiện, được chọn đập 3 quả đường chéo hoặc ngược lại.

Cách tính điểm: Cầu trong sân và vào đúng khu vực quy định mỗi quả 2 điểm. Cầu trong sân nhưng không vào khu vực quy định mỗi quả 1 điểm

Khu vực quy định được tạo ra bởi đường biên dọc và đường thẳng song song với khoảng cách 200cm với nữ và 150cm với nam.

7.4.2. Cách tính điểm

- Chém cầu: Cầu bay xéo từ trên xuống sát lưới, rơi vào đúng khu vực quy định nhỏ mỗi quả 2 điểm. Vào khu vực quy định lớn mỗi quả 1 điểm.

+ *Khu vực quy định nhỏ với nữ là hình vuông có cạnh là 150cm được tạo thành bởi đường biên dọc và đường giữa sân (hình chiếu thẳng góc của lưới) với hai đường thẳng song song với chúng. Với nam là hình vuông có cạnh 100cm.*

+ *Khu vực quy định lớn là khoảng cách 50cm từ cạnh hình vuông song song với đường biên dọc và cạnh hình vuông song song với đường giữa sân, về phía cuối sân và giữa sân.*

- Đập cầu: Cầu trong sân và vào đúng khu vực quy định mỗi quả 2 điểm. Cầu trong sân nhưng không vào khu vực quy định mỗi quả 1 điểm

+ *Khu vực quy định được tạo ra bởi đường biên dọc và đường thẳng song song với khoảng cách 200cm với nữ và 150cm với nam.*

- Điểm cuối kỳ là điểm trung bình chung của hai nội dung kiểm tra.

- **Điểm môn học:** là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

VÕ THUẬT 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Võ thuật
- Tên tiếng Anh: Martial arts

1.2. Mã môn học: VT1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 6 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Trang bị những kiến thức, kỹ năng và kỹ thuật cơ bản của võ tự vệ.
- Củng cố, nâng cao và phát triển thể lực toàn diện, phát triển hài hoà các tố chất thể lực (sức nhanh, mạnh, bền, dẻo, khéo léo...)
- Rèn luyện ý chí, lòng dũng cảm, tinh thần yêu nước và lòng nhân ái.
- Giúp người tập võ có một tinh thần minh mẫn, một tâm lý vững vàng, một cơ thể cường tráng và có kỹ năng xử lý khi gặp những tình huống nguy hiểm.

2.2. Kỹ Năng

- Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:
- Tấn pháp
- Kỹ thuật tay
- Kỹ thuật đòn chân
- Các kỹ thuật tự vệ
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức

khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- Giới thiệu môn học:
- + Mục đích, ý nghĩa, tác dụng của võ tự vệ.
- + Những yêu cầu trong quá trình tập luyện võ tự vệ.
- Phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực.
- Phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao (TDTT).
- Phòng ngừa và các kỹ năng tự vệ bằng tâm lý.

3.2.2. Kỹ năng

- Tấn pháp:

- + Lập tấn
- + Đỉnh tấn
- + Trung bình tấn

- Kỹ thuật tay:

- + Đấm thẳng
- + Đấm móc
- + Đấm móc
- + Các kỹ thuật đánh gối
- + Các kỹ thuật đánh chỏ

- Kỹ thuật đòn chân:

- + Đá thẳng
- + Đá vòng cầu
- + Kỹ thuật thẳng
- + Kỹ thuật đạp ngang

- Các kỹ thuật tự vệ:

- + Bóp cổ trước
- + Bóp cổ sau
- + Nắm cổ áo
- + Nắm tóc
- + Nắm tay khác bên
- + Hai tay nắm 1 tay

- + Ôm trước có tay
- + Ôm trước không tay
- + Ôm sau có tay
- + Ôm sau không tay
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Giới thiệu môn học: + Mục đích, ý nghĩa, tác dụng của võ tự vệ. + Những yêu cầu trong quá trình tập luyện võ tự vệ.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan
2	- Phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực. - Phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao (TDTT). - Phòng ngừa và các kỹ năng tự vệ bằng tâm lý.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
3	- Tấn pháp: lập tấn, đỉnh tấn, trung bình tấn - Giảng dạy kỹ thuật đánh gối - Bài tập phát triển thể lực chung	7-9	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
4	- Ôn tập đánh gối. - Giảng dạy đánh chỏ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp luyện tập thả lỏng
5	- Ôn tập kỹ đánh chỏ - Giảng dạy kỹ thuật tay - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
6	- Ôn tập kỹ thuật tay	16-18	- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa

	- Giảng dạy kỹ thuật đòn chân - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn		động tác sai - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp luyện tập lặp lại
7	- Ôn tập kỹ thuật chân - Hướng dẫn bài kiểm tra giữa kỳ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập thả lỏng
8	- Kiểm tra giữa kỳ - Kỹ thuật tấn pháp, đánh gối, đánh chỏ, đòn tay, đòn chân	22-24	- Phương pháp kiểm tra sự phạm
9	- Giảng dạy kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chung	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp luyện tập thả lỏng
10	- Ôn tập các kỹ thuật tự vệ - Giảng dạy kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
11	- Ôn tập kỹ thuật tự vệ - Giảng dạy kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chung	31-33	-- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
12	- Ôn tập kỹ thuật tự vệ - Giảng dạy kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	34-36	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
13	- Ôn tập kỹ thuật tự vệ - Giảng dạy kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chung	37-39	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
14	- Ôn tập các kỹ thuật tự vệ - Hướng dẫn bài kiểm tra cuối kỳ	40-42	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
15	- Kiểm tra kết thúc - Kỹ thuật tự vệ	43-45	- Phương pháp kiểm tra sự phạm

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- *Giáo trình Karatedo (2015)*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Giáo trình Võ cổ truyền (2016)*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Giáo trình Vovinam (2015)*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

7.3.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- *Kỹ thuật tấn pháp, đánh gối, đánh chỏ, đòn tay, đòn chân*: Sinh viên thực hiện theo nhóm từ 4-5 sinh viên đứng theo hai hàng ngang thực hiện mỗi kỹ thuật tấn pháp, đánh gối, đánh chỏ, đòn tay, đòn chân 10 lần.

- *Kỹ thuật tự vệ*: Sinh viên bắt cặp thực hiện 5 trong 10 kỹ thuật tự vệ đã học.

7.3.2. Cách tính điểm:

- Làm đúng động tác kỹ thuật; sử dụng lực khi ra đòn hợp lý; tốc độ khi ra đòn; mức độ chính xác khi phản công; phong cách, tác phong khi thực hiện bài thi.

- **Điểm môn học**: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

VÕ THUẬT 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Võ thuật
- Tên tiếng Anh: Martial arts

1.2. Mã môn học: VT2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 6 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Củng cố các kỹ thuật cơ bản đã giảng dạy ở học phần trước đồng thời trang bị thêm một số kỹ thuật phòng vệ và phản công cơ bản ứng dụng trong chiến đấu tự vệ.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc giải phẫu và những điểm hiểm yếu trên cơ thể.

- Trang bị những kỹ năng quan sát và phán đoán tình huống.
- Rèn luyện ý chí, lòng dũng cảm, tự tin và lòng nhân ái.

2.2. Kỹ năng vận động

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Kỹ thuật tự vệ
- Đấu tập
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; Các nguyên tắc tập luyện TDTT; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- Tìm hiểu về cấu trúc giải phẫu trên cơ thể.
- Các điểm hiểm yếu trên cơ thể cần tấn công.
- Khả năng quan sát và phán đoán tình huống nguy hiểm có thể xảy ra. Rèn luyện ý chí, lòng dũng cảm, tự tin và lòng nhân ái.

3.2.2. Kỹ năng

3.2.2.1. Ôn tập

- Ôn các kỹ thuật đã học ở môn học trước.

3.2.2.2. Học các kỹ thuật mới.

- Kỹ thuật tay:

- + Sử dụng cạnh tay đỡ đòn
- + Sử dụng cạnh tay để tấn công
- + Đấm thẳng
- + Đấm móc
- + Đấm móc

- Kỹ thuật đòn chân:

- + Đá thẳng
- + Đá vòng cầu
- + Kỹ thuật đạp thẳng
- + Kỹ thuật đạp ngang

- Kỹ thuật tự vệ

- + Phản đòn đấm thẳng tay phải
- + Phản đòn đấm thẳng tay trái
- + Phản đòn đấm móc tay phải
- + Phản đòn đấm móc tay trái
- + Phản đòn đấm móc tay phải
- + Phản đòn đấm móc tay trái
- + Phản đòn đá thẳng
- + Phản đòn đá vòng cầu
- + Phản đòn đá đạp thẳng

- + Phản đòn đá đập ngang
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	Tìm hiểu về cấu trúc giải phẫu trên cơ thể	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan
2	- Các điểm yếu trên cơ thể cần tấn công. - Khả năng quan sát và phán đoán tình huống nguy hiểm có thể xảy ra. Rèn luyện ý chí, lòng dũng cảm, tự tin và lòng nhân ái.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
3	- Ôn các kỹ thuật đã học ở học phần trước. - Bài tập phát triển thể lực chung	7-9	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
4	- Ôn các kỹ thuật đã học ở học phần trước. - Giảng dạy kỹ thuật tay - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp luyện tập thả lỏng
5	- Ôn các kỹ thuật đã học ở học phần trước. - Ôn các kỹ thuật tay - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
6	- Ôn các kỹ thuật đã học ở học phần trước. - Giảng dạy kỹ thuật tay+chân phối hợp - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	16-18	- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp luyện tập lặp lại
7	- Hướng dẫn bài kiểm tra giữa kỳ - Bài tập phát triển thể lực chung	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập thả lỏng
8	- Kiểm tra giữa kỳ - Kỹ thuật tay, bài tập phát triển thể lực chuyên môn (Đá đấm mục tiêu cố định 5 lần)	22-24	- Phương pháp kiểm tra sư phạm
9	- Giảng dạy kỹ thuật tự vệ	25-27	- Phương pháp trực quan

	- Bài tập phát triển thể lực chung		- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
10	- Ôn các kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Giảng dạy kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
11	- Ôn các kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Giảng dạy kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chung	31-33	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
12	- Ôn các kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Giảng dạy kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	34-36	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
13	- Ôn các kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Giảng dạy kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Bài tập phát triển thể lực chung	37-39	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
14	- Ôn các kỹ thuật kỹ thuật tự vệ - Hướng dẫn bài kiểm tra kết thúc - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	40-42	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
15	- Kiểm tra kết thúc - Kỹ thuật tự vệ	43-45	- Phương pháp kiểm tra sư phạm

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Giáo trình Karatedo (2015), Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giáo trình Võ cổ truyền (2016), Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giáo trình Vovinam (2015), Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định

				trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn Võ thuật

7.3.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- *Kỹ thuật tay, bài tập phát triển thể lực chuyên môn*: Sinh viên thực hiện theo nhóm từ 4-5 sinh viên đứng theo hai hàng ngang thực hiện mỗi kỹ thuật tay 10 lần. Đá đảm mục tiêu cố định 5 lần.

- *Kỹ thuật tự vệ*: Sinh viên bắt cặp thực hiện 5 trong 10 kỹ thuật tự vệ đã học.

7.3.2. Cách tính điểm

- Làm đúng động tác kỹ thuật; sử dụng lực khi ra đòn hợp lý; tốc độ khi ra đòn; mức độ chính xác khi phản công; phong cách, tác phong khi thực hiện bài thi.

- **Điểm môn học**: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

AEROBIC 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Aerobic
- Tên tiếng Anh: Aerobic

1.2. Mã môn học: AE1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm Tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.
- + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.
- + Sơ lược lịch sử phát triển TDTT
- + GDTC với mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện: GDTC với đức dục, GDTC với trí dục, GDTC với thể chất, GDTC với mỹ dục, GDTC với lao động.
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa.
- + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT
- + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.
- + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.
- Các nguyên tắc và cấu trúc thực hiện 1 bài Aerobic.

- Luật thi đấu môn Aerobic.

2.2. Kỹ năng vận động

- Giảng dạy kỹ thuật của Aerobic:
 - + Bài khởi động chung với nhạc
 - + 7 bước cơ bản kết hợp với các tư thế của tay.
 - + Cách triển khai di chuyển 7 bước cơ bản của Aerobic.
 - + Thực hiện 1 bài Aerobic mẫu (do GV soạn).
- Giới thiệu cho sinh viên 1 số các động tác và bài nhảy về Zumba, dân vũ (chỉ cho sinh viên tập để biết thêm và không thi).
- Hoàn thiện 1 bài Aerobic (Đội hình chào - 4 đội hình cơ bản –tháp): 2'30" ±10"
- + Yêu cầu: Bài soạn Aerobic phải thực hiện được 1 nhóm độ khó.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục Tiêu Chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn Thể dục Aerobic. Thực hiện tốt bài Aerobic cơ bản mẫu, hiểu luật và có thể biên soạn được bài Aerobic.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn Thể dục Aerobic. Thực hiện tốt bài Aerobic cơ bản mẫu, hiểu luật và có thể biên soạn được bài Aerobic.

3.2.2. Kỹ năng

- Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:
 - + Bài khởi động chung với nhạc
 - + 7 bước cơ bản kết hợp với các tư thế của tay.
 - + Cách triển khai di chuyển 7 bước cơ bản của Aerobic.
 - + Thực hiện 1 bài Aerobic mẫu (do GV soạn).
 - + Thực hiện được 1 số các động tác và bài nhảy về Zumba, dân vũ (chỉ cho sinh viên tập để biết thêm và không thi).

- Hoàn thiện 1 bài Aerobic (Đội hình chào - 4 đội hình cơ bản –tháp): 2'30" ±10"
- + Yêu cầu: Bài soạn Aerobic phải thực hiện được 1 nhóm độ khó.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện. - Chấn thương trong quá trình tập luyện và thi đấu.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan
2	- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập. - Các tư thế cơ bản trong Aerobic (tay, chân) - Giới thiệu kỹ thuật độ khó Aerobic (4 nhóm độ khó A: Cường độ lực, B: Lực Tĩnh, C: Bật và nhảy, D: Mềm dẻo và cân bằng). - Giới thiệu các nguyên tắc biên soạn bài Aerobic phải đủ 4 tư thế (đứng, ngồi, quỳ, nằm). - Giới thiệu nhạc của Aerobic, đội hình, tháp, không gian, nhóm tập.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
3	- Giảng dạy bài khởi động với nhạc có nhịp đếm. - 7 bước cơ bản của Aerobic: + Điều hành (March) kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Chạy bộ (Job) kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Cách quăng (Skip) kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Nâng gối (Knee lift) kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. - Bài tập phát triển thể lực chung.	7-9	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai
4	- Ôn tập bài khởi động chung với nhạc có nhịp đếm. - Ôn tập 7 bước cơ bản của Aerobic (Điều hành, chạy bộ, cách quăng, nâng cao gối). - Giảng dạy kỹ thuật 7 bước cơ bản của Aerobic + Bước Jack kết hợp với các tư thế cơ bản của tay + Bước Lunge kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Đá Kick kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. - Cách triển khai di chuyển về 7 bước cơ bản của Aerobic. - Bài tập phát triển thể lực chung	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai -
5	- Ôn tập bài khởi động chung với nhạc có nhịp đếm. - Ôn tập 7 bước cơ bản kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. - Cách triển khai di chuyển về 7 bước cơ bản của Aerobic. - Thực hiện bài Aerobic cơ bản do GV soạn - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai
6	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic theo nhạc. - Thực hiện bài Aerobic cơ bản do GV soạn. - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chung	16-18	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
7	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic theo nhạc. - Thực hiện bài Aerobic cơ bản do GV soạn. - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chung	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic theo nhạc. - Thực hiện bài Aerobic cơ bản do GV soạn - Phương pháp soạn bài thể dục Aerobic. - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chung	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập theo nhóm - Phương pháp luyện tập tuần hoàn
10	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của aerobic theo nhạc. - Luật Aerobic - Phương pháp soạn bài thể dục Aerobic. + Hướng dẫn chọn nhạc, đội hình, không gian phù hợp với nhóm tập. + Hướng dẫn biên soạn vũ đạo trong Aerobic + Hướng dẫn biên soạn đội hình (đội hình chào, đội hình 1,2). - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại và theo nhóm - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
11	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và cách triển khai di chuyển của aerobic theo nhạc. - Phương pháp soạn bài thể dục Aerobic. + Hướng dẫn chọn nhạc, đội hình, không gian phù hợp với nhóm tập. + Hướng dẫn biên soạn vũ đạo trong Aerobic + Hướng dẫn biên soạn đội hình (đội hình 3,4). - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại và theo nhóm - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
12	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản kết hợp với các tư thế của tay. - Tháp liên kết trong Aerobic - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.	34-36	- Phương pháp luyện tập lặp lại và theo nhóm - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
13	- Hoàn thiện bài Aerobic - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.	37-39	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
14	- Ôn tập bài soạn hoàn chỉnh theo nhóm (với nhạc) - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Bộ văn hóa - Thể thao và Du lịch, 2008, *Luật Thể dục Aerobic*, Nxb TĐTT.

- Bùi Ngọc Bích (chủ biên), 2007, *Giáo trình giảng dạy thể dục nhịp điệu*, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: Theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương

				chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

Theo nhóm tập thể (8 hoặc 10 sinh viên) thực hiện bài Aerobic tự soạn thực hiện trên nền nhạc (2'30"±10").

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

Theo nhóm tập thể (8 hoặc 10 sinh viên) thực hiện bài Aerobic tự soạn thực hiện trên nền nhạc (2'30"±10").

7.4.2. Cách tính điểm

7.4.2.1. Điểm cấu trúc - 6 điểm

A. Nhạc: (1 điểm)

1.	Nhạc bị lỗi nhưng cả đội vẫn tiếp tục thi đấu được	- 0,2đ
2.	Giai điệu nhạc được kết nối không liền mạch	- 0,2đ
3.	Giai điệu nhạc bắt đầu và kết thúc không rõ ràng	- 0,2đ
4.	Thực hiện động tác, vũ đạo lệch nhịp nhạc	- 0,2đ

B. Tháp, đội hình, không gian (2 điểm)

1.	Thiếu hoặc dư số động tác theo quy định	- 0,5đ/lần
2.	Thực hiện không đều hoặc dễ xảy ra va chạm khi di chuyển	- 0,1đ/lần
3.	Bố trí không gian chưa hợp lý (cao, thấp, góc và khắp mặt sàn)	- 0,1đ/lần
4.	Chưa hoàn thiện, không đủ nhịp	- 0,1đ/lần
5.	Ra ngoài biên	- 0,1đ/lần

C. Vũ đạo - động tác Aerobic (2 điểm)

1.	Thực hiện động tác chưa chuẩn hoặc chưa đúng theo quy định	- 0,1đ/động tác
2.	Động tác thực hiện thiếu sức mạnh, thiếu dứt khoát và thiếu chính xác	- 0,1đ/động tác
3.	Thực hiện nhịp của động tác chưa đúng quy định của bài thi	- 0,1đ/động tác
4.	Thực hiện động tác có độ khó (theo đúng quy định của Điều lệ)	
	Thực hiện sai động tác	- 0,5đ/động tác

D. Phong cách (1 điểm)

1.	Không tự tin, vui tươi, thoải mái, còn căng thẳng	- 0,2đ/đội
2.	Có tiếng gào thét, la hét, đếm nhịp của SV	- 1đ/lần
3.	Có người đếm nhịp; hát theo nhịp bài hát hoặc quay sang nhắc nhở đồng đội	- 1đ/lần

7.4.2.2. Điểm thực hiện - 4 điểm

A. Độ khó (2 điểm)

1.	Thiếu động tác	- 0,2đ/lần/người
2.	Thực hiện động tác không đủ nhịp	- 0,1đ/lần/người
3.	Thực hiện động tác chưa chuẩn theo quy định	- 0,2đ/lần/người

B. Điểm thực hiện (2 điểm)

1.	Thực hiện sai nhịp	- 0,1đ/lần/người
2.	Thực hiện sai động tác	- 0,1đ/lần/người
3.	Quên động tác	- 0,1đ/lần/người
4.	Ngã/Té Thấp	- 0,5đ/lần/người

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

AEROBIC 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Aerobic
- Tên tiếng Anh: Aerobic

1.2. Mã môn học: AE2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bổ thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện TDTT;
- Kỹ thuật cơ bản môn Aerobic;
- Luật thi đấu;
- Tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài.

2.2. Kỹ năng vận động

- Giảng dạy kỹ thuật của Aerobic:
 - + Bài khởi động chung với nhạc
 - + Ôn tập 7 bước cơ bản và cách di chuyển trong Aerobic.
 - + Thực hiện 1 bài Aerobic mẫu (do giáo viên soạn).
- Giới thiệu cho sinh viên 1 số các động tác và bài nhảy về Zumba, dân vũ (chỉ cho sinh viên tập để biết thêm và không thi).
- Hoàn thiện 1 bài Aerobic (Đội hình chào - 6 đội hình cơ bản –thấp): 3'±10"
- + Yêu cầu: Bài soạn Aerobic phải thực hiện được 2 nhóm độ khó.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến sinh viên các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDDT. Chấn thương trong TDDT và biện pháp phòng ngừa trong quá trình tập luyện TDDT; Lợi ích của môn Aerobic trong nghề nghiệp và đời sống; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Aerobic.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về lợi ích, vai trò của việc tập luyện TDDT và hình thành các kỹ thuật cơ bản môn Aerobic cho người học. Qua đó, giúp sinh viên hình thành thói quen luyện tập thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho bản thân.

3.2.2. Kỹ năng

- Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:
- + Bài khởi động chung với nhạc
- + Thực hiện 1 bài Aerobic mẫu (do giáo viên soạn).
- + Hoàn thiện 1 bài Aerobic (Đội hình chào - 6 đội hình cơ bản –tháp): 3'±10"
- + Thực hiện được 1 số các động tác và bài nhảy về Zumba, dân vũ (chỉ cho sinh viên tập để biết thêm và không thi).
- + Yêu cầu: Bài soạn Aerobic phải thực hiện được 2 nhóm độ khó.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDDT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDDT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDDT. Chấn thương trong TDDT và biện pháp phòng ngừa	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
2	- Lợi ích của môn Aerobic trong nghề nghiệp và đời sống. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Aerobic - Giới thiệu tư thế cơ bản trong Aerobic (tay, chân) - Giới thiệu kỹ thuật độ khó Aerobic (4 nhóm độ khó A: Cường độ lực, B: Lực Tĩnh, C: Bật và nhảy, D: Mềm dẻo và cân bằng). - Giới thiệu các nguyên tắc biên soạn bài Aerobic phải đủ 4 tư thế (đứng, ngồi, quỳ, nằm) - Giới thiệu nhạc của Aerobic, đội hình, thấp, không gian, nhóm tập.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
3	- Giảng dạy bài khởi động chung với nhạc có nhịp đếm. - Ôn tập 7 bước cơ bản của Aerobic + Diễu hành (March) kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Chạy bộ (Job) kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Cách quăng (Skip) kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Nâng gối (Knee lift) kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Bước Jack kết hợp với các tư thế cơ bản của tay + Bước Lunge kết hợp với các tư thế cơ bản của tay. + Đá Kick kết hợp với các tư thế cơ bản của tay.	7-9	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp luyện tập thả lỏng
4	- Ôn tập bài khởi động chung với nhạc có nhịp đếm. - Ôn tập 7 bước cơ bản của Aerobic - Ôn tập Cách triển khai di chuyển về 7 bước cơ bản của Aerobic - Thực hiện bài Aerobic mẫu do GV soạn. - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chung	10-12	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
5	- Ôn tập bài khởi động chung với nhạc có nhịp đếm. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic. - Thực hiện bài Aerobic cơ bản do GV soạn - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
6	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic theo nhạc. - Thực hiện bài Aerobic cơ bản do GV soạn. - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chung	16-18	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
7	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic theo nhạc. - Thực hiện bài Aerobic cơ bản do GV soạn. - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chung	19-21	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Khởi động chung với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic theo nhạc. - Thực hiện bài Aerobic cơ bản do GV soạn - Phương pháp biên soạn một bài Aerobic: + Hướng dẫn chọn nhạc. + Hướng dẫn biên soạn vũ đạo trong Aerobic. + Hướng dẫn soạn đội hình (đội hình chào - đội hình 1,2). - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chung	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
10	- Khởi động chung (2) với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic theo nhạc. - Phương pháp biên soạn một bài Aerobic: + Hướng dẫn chọn nhạc. + Hướng dẫn biên soạn vũ đạo trong Aerobic. + Hướng dẫn soạn đội hình (đội hình 3,4). - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
11	- Khởi động chung (2) với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của aerobic theo nhạc. - Luật Aerobic - Phương pháp biên soạn một bài Aerobic: + Hướng dẫn chọn nhạc. + Hướng dẫn biên soạn vũ đạo trong Aerobic.	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	+ Hướng dẫn soạn đội hình (đội hình chào-đội hình 5,6) - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn		
12	- Khởi động chung (2) với nhạc. - Ôn tập 7 bước cơ bản và di chuyển của Aerobic theo nhạc. - Thập liên kết trong Aerobic - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.	34-36	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
13	- Hoàn thiện bài Aerobic - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện
14	- Ôn tập bài soạn hoàn chỉnh theo nhóm (với nhạc) - Thực hiện 1 bài của zumba hoặc dân vũ	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Bộ văn hóa - Thể thao và Du lịch, 2008, *Luật Thể dục Aerobic*, Nxb TĐTT.

- Bùi Ngọc Bích (chủ biên), 2007, *Giáo trình giảng dạy thể dục nhịp điệu*, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: Theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết:

	học tập			Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

Theo nhóm tập thể (8 hoặc 10 sinh viên) thực hiện bài Aerobic tự soạn thực hiện trên nền nhạc (2'30" ±10").

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

Theo nhóm tập thể (8 hoặc 10 sinh viên) thực hiện bài Aerobic tự soạn thực hiện trên nền nhạc (2'30" ±10").

7.4.2. Cách tính điểm

7.4.2.1. Điểm cấu trúc - 6 điểm

A. Nhạc: (1 điểm)

1.	Nhạc bị lỗi nhưng cả đội vẫn tiếp tục thi đấu được	- 0,2đ
2.	Giai điệu nhạc được kết nối không liền mạch	- 0,2đ
3.	Giai điệu nhạc bắt đầu và kết thúc không rõ ràng	- 0,2đ
4.	Thực hiện động tác, vũ đạo lệch nhịp nhạc	- 0,2đ

B. Thái độ, đội hình, không gian (2 điểm)

1.	Thiếu hoặc dư số động tác theo quy định	- 0,5đ/lần
2.	Thực hiện không đều hoặc dễ xảy ra va chạm khi di chuyển	- 0,1đ/lần
3.	Bố trí không gian chưa hợp lý (cao, thấp, góc và khắp mặt sàn)	- 0,1đ/lần
4.	Chưa hoàn thiện, không đủ nhịp	- 0,1đ/lần
5.	Ra ngoài biên	- 0,1đ/lần

C. Vũ đạo - động tác Aerobic (2 điểm)

1.	Thực hiện động tác chưa chuẩn hoặc chưa đúng theo quy định	- 0,1đ/động tác
2.	Động tác thực hiện thiếu sức mạnh, thiếu dứt khoát và thiếu chính xác	- 0,1đ/động tác
3.	Thực hiện nhịp của động tác chưa đúng quy định của bài thi	- 0,1đ/động tác
4.	Thực hiện động tác có độ khó (theo đúng quy định của Điều lệ)	

	Thực hiện sai động tác	- 0,5đ/động tác
--	------------------------	-----------------

D. Phong cách (1 điểm)

1.	Không tự tin, vui tươi, thoải mái, còn căng thẳng	- 0,2đ/đội
2.	Có tiếng gào thét, la hét, đếm nhịp của SV	- 1đ/lần
3.	Có người đếm nhịp; hát theo nhịp bài hát hoặc quay sang nhắc nhở đồng đội	- 1đ/lần

7.4.2.2. Điểm thực hiện - 4 điểm

A. Độ khó (2 điểm)

1.	Thiếu động tác	- 0,2đ/lần/người
2.	Thực hiện động tác không đủ nhịp	- 0,1đ/lần/người
3.	Thực hiện động tác chưa chuẩn theo quy định	- 0,2đ/lần/người

B. Điểm thực hiện (2 điểm)

1.	Thực hiện sai nhịp	- 0,1đ/lần/người
2.	Thực hiện sai động tác	- 0,1đ/lần/người
3.	Quên động tác	- 0,1đ/lần/người
4.	Ngã/Té Thấp	- 0,5đ/lần/người

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BOI LỘI 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bơi lội
- Tên tiếng Anh: Swimming

1.2. Mã môn học: BL1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDDT đối với sự phát triển của cơ thể.
- Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.
- Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDDT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.
- Sơ lược lịch sử phát triển TDDT.
- GDTC với mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện: GDTC với đức dục, GDTC với trí dục, GDTC với thể chất, GDTC với mỹ dục, GDTC với lao động.
- Giới thiệu môn học.
- Lịch sử phát triển môn bơi.
- Mục đích, ý nghĩa, tác dụng và yêu cầu trong quá trình tập luyện môn bơi.

2.2. Kỹ năng vận động

- Giảng dạy kỹ thuật bơi ếch:
 - + Kỹ thuật động tác chân.
 - + Kỹ thuật động tác tay.
 - + Kỹ thuật phối hợp tay và chân.
 - + Kỹ thuật phối hợp tay và chân kết hợp thở
 - + Kỹ thuật đứng nước

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDDT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDDT đối với sức khỏe con người vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện, cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu qua đó giúp sinh viên hình thành thói quen luyện tập thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho bản thân.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- + Kỹ thuật động tác chân.
- + Kỹ thuật động tác tay.

- + Kỹ thuật phối hợp tay và chân.
- + Kỹ thuật phối hợp tay và chân kết hợp thở
- + Kỹ thuật đứng nước

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng - Phương pháp giảng giải và làm mẫu
2	- Kiến thức chung + Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT. + Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa. - Sơ lược về lịch sử và vai trò, tác dụng của bơi lội - Giới thiệu các kiểu bơi phổ biến trong bơi lội. - Giới thiệu kỹ thuật bơi ếch và dạy kỹ thuật chân ếch + Hướng dẫn tập luyện kỹ thuật chân bơi ếch trên cạn - Làm quen nước + Bài tập đi lại, nhảy nhào người trong nước. - Bài tập thở: tập nổi người, đứng trong nước, ló nước, đạp trong nước. - Hoàn thiện kỹ thuật chân bơi ếch + Hướng dẫn tập luyện kỹ thuật chân bơi ếch dưới nước + Hoàn thiện và củng cố kỹ thuật chân bơi ếch.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
3	- Ôn kỹ thuật chân bơi ếch. + Các bài tập ôn kỹ thuật chân ếch trên cạn và dưới nước + Các bài tập bổ trợ kỹ thuật bơi ếch trên cạn và dưới nước + Kỹ thuật lướt nước. + Hoàn thiện và củng cố kỹ thuật chân bơi ếch. - Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước	7-9	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Giảng dạy kỹ thuật tay bơi ếch. + Giới thiệu, phân tích, làm mẫu kỹ thuật tay bơi ếch. - Hướng dẫn tập luyện kỹ thuật tay bơi ếch trên cạn và dưới nước. - Ôn kỹ thuật chân bơi ếch. + Các bài tập ôn kỹ thuật chân bơi ếch trên cạn và dưới nước. + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	10-12	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn kỹ thuật tay và chân trong bơi ếch. + Các bài tập ôn kỹ thuật tay và chân trong bơi ếch trên cạn và dưới nước. + Ôn kỹ thuật thở trong bơi ếch. + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	13-15	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Ôn kỹ thuật tay và chân trong bơi ếch. + Các bài tập ôn kỹ thuật tay và chân trong bơi ếch trên cạn và dưới nước. - Ôn kỹ thuật thở trong bơi ếch + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	16-18	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Giảng dạy kỹ thuật phối hợp tay thở trong bơi ếch. + Giới thiệu, phân tích, làm mẫu kỹ thuật phối hợp tay thở trong bơi ếch. + Hướng dẫn tập luyện kỹ thuật phối hợp tay thở bơi ếch trên cạn và dưới nước. - Ôn kỹ thuật tay và chân bơi ếch. + Các bài tập ôn kỹ thuật tay và chân ếch trên cạn và dưới nước. + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và	19-21	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	dưới nước.		
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Giảng dạy kỹ thuật phối hợp trong bơi ếch. + Lướt nước và phối hợp động tác tay, chân kết hợp thở. + Phối hợp động tác tay chân liên tục. + Phối hợp hoàn chỉnh + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
10	- Giảng dạy kỹ thuật đứng nước - Ôn tập kỹ thuật tay, chân và kỹ thuật phối hợp trong bơi ếch - Các bài tập ôn kỹ thuật tay, chân và kết hợp thở trên cạn và dưới nước. + Các kỹ thuật phối hợp động tác tay chân + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	28-30	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Ôn tập kỹ thuật tay, chân và kỹ thuật phối hợp trong bơi ếch - Các bài tập ôn kỹ thuật tay, chân và kết hợp thở trên cạn và dưới nước. + Ôn tập kỹ thuật đứng nước. + Các kỹ thuật phối hợp động tác tay chân + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	31-33	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Luật bơi ếch - Phương pháp trọng tài – phương pháp tổ chức thi đấu	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
13	- Ôn tập kỹ thuật tay, chân và kỹ thuật phối hợp trong bơi ếch - Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
14	- Ôn tập kỹ thuật tay, chân và kỹ thuật phối hợp trong bơi ếch - Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Phan Thanh Hải, Nguyễn Thị Hiền, Lê Chí Hùng, Hồ Minh Thành (2013), *Giáo*

trình Bơi, Nxb TĐTT.

- Phạm Văn Ngũ, Nguyễn Thị Hiền (2003), *Giáo trình Bơi lội dành cho sinh viên Cao đẳng TĐTT*, Nxb TĐTT.

- Hiệp hội Thể thao dưới nước (2006), *Luật Bơi lội*, Nxb TĐTT

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

Nội dung: Kỹ thuật chân và tay phối hợp không thở.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

Sinh viên thực hiện đúng kỹ thuật của kiểu bơi ếch (cự ly 25m).

Cách thức thi: Mỗi lần gọi 4 sinh viên, đứng 1 hàng ngang thực hiện kỹ thuật bơi ếch với cự ly 25m. Sinh viên bơi hết cự ly, không quy định thời gian.

7.4.2. Cách tính điểm

TT	CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM
1	- Phối hợp kỹ thuật tốt, nhịp điệu bao gồm: Chân- tay- thở - Độ lướt nước tốt, động tác kỹ thuật liên tục. - Bơi hết cự ly 25m.	A	9 ~ 10
2	- Phối hợp kỹ thuật tốt, nhịp nhàng và ổn định. - Bơi hết cự ly 25m.	B	7 ~ 8
3	- Phối hợp tương đối tốt, nhịp điệu động tác tương đối ổn định. - Bơi hết cự ly 25m.	C	5 ~ 6
4	- Phối hợp tay, chân, thở chưa tốt, sai nhịp - Bơi hết cự ly 10m.	D	3 ~ 4
5	- Chưa biết phối hợp tay chân, thở. - Bơi hết cự ly 5m.	E	1 ~ 2

Chú thích: Điểm kỹ thuật bơi được tính theo điểm chữ, quy ra thang điểm 10.

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BƠI LỘI 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bơi lội

- Tên tiếng Anh: Swimming

1.2. Mã môn học: BL2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1

- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết

- Kỹ năng vận động: 33 tiết

- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.

- Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác – tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).

- Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...

- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa.

- Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT

- Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.

- Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT

- Giới thiệu một số kỹ thuật cứu đuối.

- Những điều luật cơ bản trong bơi lội.

2.2. Kỹ năng vận động

- Giảng dạy kỹ thuật bơi trườn sấp (bơi sải)

+ Kỹ thuật động tác chân

+ Kỹ thuật động tác tay

+ Phối hợp tay chân

+ Phối tay chân kết hợp với thở

+ Kỹ thuật xuất phát

- Các bài tập phát triển thể lực trung và chuyên môn

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; các nguyên tắc trong tập luyện TDTT; Cách phòng chống đuối nước; phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.

3.2.2. Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bơi trườn sấp như sau:

- + Kỹ thuật động tác chân
- + Kỹ thuật động tác tay
- + Phối hợp tay chân
- + Phối tay chân kết hợp với thở
- + Kỹ thuật xuất phát

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
2	- Kiến thức chung + Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT. + Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa. - Sơ lược về lịch sử và vai trò, tác dụng của bơi lội. - Giới thiệu các kiểu bơi phổ biến. - Giới thiệu một số kỹ thuật cứu đuối - Khái niệm về kỹ thuật bơi trườn sấp và dạy kỹ thuật chân bơi trườn sấp. - Khái niệm và giới thiệu về kỹ thuật bơi trườn sấp - Giới thiệu, phân tích, làm mẫu kỹ thuật chân bơi trườn sấp - Hướng dẫn tập luyện kỹ thuật chân bơi trườn sấp trên cạn - Làm quen nước + Bài tập đi lại, nhảy nhào người trong nước. + Bài tập thở: tập nổi người, đứng trong nước, lướt nước, đạp trong nước. - Hoàn thiện kỹ thuật chân bơi trườn sấp + Hướng dẫn tập luyện kỹ thuật chân bơi trườn sấp dưới nước + Hoàn thiện và củng cố kỹ thuật chân bơi trườn sấp.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
3	- Ôn kỹ thuật chân bơi trườn sấp. + Các bài tập ôn kỹ thuật chân trườn sấp trên cạn và dưới nước + Các bài tập bổ trợ kỹ thuật bơi trườn sấp trên cạn và dưới nước + Kỹ thuật lướt nước. + Hoàn thiện và củng cố kỹ thuật bơi trườn sấp. - Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	7-9	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Giảng dạy kỹ thuật tay bơi trườn sấp. + Giới thiệu, phân tích, làm mẫu kỹ thuật tay bơi trườn sấp + Hướng dẫn tập luyện kỹ thuật tay bơi trườn sấp trên cạn và dưới nước - Ôn kỹ thuật chân bơi trườn sấp + Các bài tập ôn kỹ thuật chân bơi trườn sấp trên cạn và dưới nước. + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	10-12	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn kỹ thuật tay và chân trong bơi trườn sấp + Các bài tập ôn kỹ thuật tay và chân trong bơi	13-15	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	trườn sấp trên cạn và dưới nước. + Ôn kỹ thuật thở trong bơi trườn sấp. + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước		- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Ôn kỹ thuật tay và chân trong bơi trườn sấp. + Các bài tập ôn kỹ thuật tay và chân trong bơi trườn sấp trên cạn và dưới nước. + Ôn kỹ thuật thở trong bơi trườn sấp. + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước	16-18	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Giảng dạy kỹ thuật phối hợp tay thở trong bơi trườn sấp + Giới thiệu, phân tích, làm mẫu kỹ thuật phối hợp tay thở trong bơi trườn sấp. + Hướng dẫn tập luyện kỹ thuật phối hợp tay thở bơi trườn sấp trên cạn và dưới nước. - Ôn kỹ thuật tay và chân bơi trườn sấp + Các bài tập ôn kỹ thuật tay và chân trườn sấp trên cạn và dưới nước. + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước. - Giảng dạy kỹ thuật cứu đuối	19-21	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Giảng dạy kỹ thuật phối hợp bơi trườn sấp + Lướt nước và phối hợp động tác tay, chân kết hợp thở. + Phối hợp động tác tay chân liên tục. + Phối hợp hoàn chỉnh - Kỹ thuật xuất phát - Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
10	- Ôn tập kỹ thuật tay, chân và kỹ thuật phối bơi trườn sấp + Các bài tập ôn kỹ thuật tay, chân và kết hợp thở trên cạn và dưới nước. + Ôn tập kỹ thuật cứu đuối. + Các kỹ thuật phối hợp động tác tay chân + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước	28-30	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Ôn tập kỹ thuật tay, chân và kỹ thuật phối bơi trườn sấp	31-33	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	+ Các bài tập ôn kỹ thuật tay, chân và kết hợp thở trên cạn và dưới nước. + Ôn tập kỹ thuật cứu đuối. + Các kỹ thuật phối hợp động tác tay chân + Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.		- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Luật bơi trườn sấp - Phương pháp trọng tài – phương pháp tổ chức thi đấu.	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
13	- Ôn tập kỹ thuật tay, chân và kỹ thuật phối hợp bơi trườn sấp - củng cố kỹ thuật cứu đuối. - Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
14	- Ôn tập kỹ thuật tay, chân và kỹ thuật phối hợp bơi trườn sấp. - Ôn tập kỹ thuật cứu đuối. - Các bài tập thể lực chuyên môn trên cạn và dưới nước.	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Phan Thanh Hải, Nguyễn Thị Hiền, Lê Chí Hùng, Hồ Minh Thành (2013), *Giáo trình Bơi*, Nxb TĐTT.

- Phạm Văn Ngũ, Nguyễn Thị Hiền (2003), *Giáo trình Bơi lội dành cho sinh viên Cao đẳng TĐTT*, Nxb TĐTT.

- Hiệp hội Thể thao dưới nước (2006), *Luật Bơi lội*, NXB TĐTT

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên	Suốt quá trình	10%	1 điểm	Vắng 10% số

cần (CC)	học tập			tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

Nội dung: kỹ thuật chân và tay phối hợp không thở.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Sinh viên thực hiện đúng kỹ thuật của kiểu bơi trườn sấp (cự ly 25m).
- Cách thức thi: Mỗi lần gọi 4 sinh viên, đứng 1 hàng ngang thực hiện kỹ thuật bơi trườn sấp với cự ly 25m. Sinh viên bơi hết cự ly, không quy định thời gian.

7.4.2. Cách tính điểm

TT	CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KT	ĐIỂM
1	- Phối hợp kỹ thuật tốt, nhịp điệu bao gồm: Chân- tay- thở - Độ lướt nước tốt, động tác kỹ thuật liên tục. - Bơi hết cự ly 25m.	A	9 ~ 10
2	- Phối hợp kỹ thuật tốt, nhịp nhàng và ổn định. - Bơi hết cự ly 25m.	B	7 ~ 8
3	- Phối hợp tương đối tốt, nhịp điệu động tác tương đối ổn định. - Bơi hết cự ly 25m.	C	5 ~ 6

4	- Phối hợp tay, chân, thở chưa tốt, sai nhịp - Bơi hết cự ly 10m.	D	3 ~ 4
5	- Chưa biết phối hợp tay chân, thở. - Bơi hết cự ly 5m.	E	1 ~ 2

Chú thích: Điểm kỹ thuật bơi được tính theo điểm chữ, quy ra thang điểm 10.

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

CỜ VUA 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Cờ vua

- Tên tiếng Anh: Chess

1.2. Mã môn học: CV1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết

- Kỹ năng vận động: 33 tiết

- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Sơ lược lịch sử phát triển TDTT

- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.

+ Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.

+ Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...

- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.

- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa.

+ Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.

- + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.
- + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- Sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển môn Cờ vua.
- Vị trí, vai trò, đặc điểm, tác dụng môn Cờ vua.

2.2. Kiến thức chuyên môn

- Những tri thức cơ bản trong môn Cờ vua.
- Luật chơi Cờ vua.
- Bàn cờ, quân cờ, ván cờ. Mục đích của ván cờ.
- Các thuật ngữ chuyên môn.
- Cách ghi chép nước đi.
- Cơ sở lý luận giai đoạn khai cuộc.
- Cơ sở lý luận giai đoạn trung cuộc.
- Một số đòn phối hợp cơ bản.
- Thi đấu thực hành.
- Giải bài tập cờ thể cơ bản.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- Nhận thức được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thực hành môn Cờ vua, từng bước hình thành thói quen luyện tập, thi đấu để nâng cao sức khỏe thể chất (trí lực) cho sinh viên.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản sau:

- Những tri thức cơ bản trong môn Cờ vua.
- Luật chơi Cờ vua.
- Bàn cờ, quân cờ, ván cờ. Mục đích của ván cờ.
- Các thuật ngữ chuyên môn.
- Cách ghi chép nước đi.

- Cơ sở lý luận giai đoạn khai cuộc.
- Cơ sở lý luận giai đoạn trung cuộc.
- Một số đòn phối hợp cơ bản.
- Thi đấu thực hành.
- Giải bài tập cờ thể cơ bản.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện. - Chấn thương trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp giáo dục tư tưởng.
2	- Giới thiệu môn học Cờ vua. - Nguồn gốc và lịch sử phát triển môn Cờ vua. - Làm quen dụng cụ học tập. - Những tri thức cơ bản trong môn Cờ vua. - Luật chơi Cờ vua.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp giáo dục tư tưởng; - Giảng giải
3	- Bàn cờ, quân cờ, ván cờ. Mục đích của ván cờ. - Giá trị tương đối của các quân cờ. - Các thuật ngữ chuyên môn.	7-9	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Giảng giải - Trưng bày
4	- Ôn tập các nội dung đã học. - Cách ghi chép nước đi. - Luật chơi Cờ vua (tt). - Tổ chức làm quen với thi đấu.	10-12	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
			- Thi đấu
5	- Cơ sở lý luận giai đoạn khai cuộc: + Khái niệm khai cuộc. + Nguyên tắc khai cuộc. - Giải bài tập. - Thi đấu.	13-15	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
6	- Ôn tập lý thuyết giai đoạn khai cuộc. - Giảng dạy phân loại khai cuộc. - Một số khai cuộc cơ bản: Khai cuộc Italia, Tây Ban Nha, Pháp, Sicilian, Gambit Hậu, Ấn Độ Cổ... - Giải bài tập. - Thi đấu.	16-18	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
7	- Ôn tập lý thuyết giai đoạn khai cuộc. - Cơ sở lý luận giai đoạn trung cuộc: + Khái niệm trung cuộc + Các nhân tố chiến thuật. + Một số đòn phối hợp cơ bản - Giải bài tập. - Thi đấu.	19-21	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Ôn tập một số đòn phối hợp cơ bản. - Cờ thế: + Khái niệm. + Đặc trưng. + Phân loại. + Bài tập minh họa. - Giải bài tập.	25-27	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
10	- Cùng cố các nội dung đã học. - Cùng cố và giải bài tập cờ thế. - Thi đấu thực hành.	28-30	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
11	- Cùng cố các nội dung đã học. - Cùng cố và giải bài tập cờ thế.	31-33	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia;

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	- Thi đấu thực hành.		- Phương pháp tập luyện: lập lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
12	- Ôn tập các nội dung đã học. - Ôn tập và giải bài tập cờ thế. - Thi đấu thực hành.	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lập lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
13	- Ôn tập các nội dung đã học. - Ôn tập và giải bài tập cờ thế. - Thi đấu thực hành.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lập lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
14	Ôn thi kết thúc môn học	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lập lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Ủy ban TDTT (2007), *Luật cờ vua*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Đàm Quốc Chính (1999), *Giáo trình cờ vua*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- Lương Trọng Minh (2008-2009), *Cờ vua (Tập 1; Tập 2)*.

*** Tư liệu trực tuyến**

Sinh viên có thể vào các website sau đây tìm tư liệu cho môn học:

- Nhập môn cờ vua: www.thuvien-ebook.com
- Võ Tấn, thế giới cờ vua: www.thuvien-ebook.com
- Hướng dẫn chơi khai cuộc: www.thuvien-ebook.com
- Cờ tàn và cờ thế nghệ thuật: www.thuvien-ebook.com
- Thăng Long kỳ đạo: www.thanglongkydao.com
- Liên đoàn cờ vua Việt Nam: www.vietnamchess.vn

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

Sinh viên làm bài kiểm tra trên giấy.

Nội dung kiểm tra:

- + Luật Cờ vua.
- + Cơ sở lý luận giai đoạn khai cuộc.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn cờ vua:

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Sinh viên thi giải 2 bài thi cờ thể trên giấy có sử dụng quân cờ và bàn cờ.
- Thông qua quá trình học và kết quả đánh giá 2 bài thi, sinh viên phải đảm bảo các chuẩn sau đây:

- + Nắm vững Luật thi đấu môn Cờ vua;
- + Sử dụng được lý thuyết cơ bản trong mỗi giai đoạn của ván cờ;
- + Thi đấu được môn Cờ vua;
- + Bộc lộ tinh thần thể thao trung thực, cao thượng;
- + Giải được bài tập cờ thể;
- + Tự rèn luyện nâng cao trí lực và khả năng thi đấu môn Cờ vua.

7.4.2. Cách tính điểm

Thang điểm	Xếp loại đánh giá	Mức độ đáp ứng so với chuẩn đầu ra của môn học (chuẩn e bắt buộc)
0 đến dưới 5	Không đạt	Chỉ đáp ứng được dưới 3 chuẩn
5 đến 7	Trung bình	Đáp ứng được ít nhất 3/6 chuẩn
7 đến < 8	Khá	Đáp ứng được ít nhất 4/6 chuẩn
8 đến < 9	Giỏi	Đáp ứng được ít nhất 5/6 chuẩn
9 đến 10	Xuất sắc	Đáp ứng được 6/6 chuẩn

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

CỜ VUA 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Cờ vua
- Tên tiếng Anh: Chess

1.2. Mã môn học: CV2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.
- + Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác – tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).
- + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...

2.2. Kiến thức chuyên môn

- Luật Cờ vua.
- Ôn tập các thuật ngữ chuyên môn.
- Ôn tập cơ sở lý luận giai đoạn khai cuộc.
- Ôn tập cơ sở lý luận giai đoạn trung cuộc.
- Cơ sở lý luận các giai đoạn của ván đấu.
- Giai đoạn tàn cuộc.
- Tàn cuộc chiến lược.

- Cờ thế.
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua.
- Ý nghĩa và mục đích của việc đối quân trong Cờ vua.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; Các nguyên tắc tập luyện TDTT; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- Nhận thức được sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn bóng chuyền.

- Hình thành thói quen luyện tập, thi đấu để nâng cao sức khỏe thể chất (trí lực) cho sinh viên.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản trong môn cờ vua như sau:

- Luật Cờ vua.
- Các thuật ngữ chuyên môn.
- Cơ sở lý luận giai đoạn khai cuộc.
- Cơ sở lý luận giai đoạn trung cuộc.
- Cơ sở lý luận các giai đoạn của ván đấu.
- Giai đoạn tàn cuộc.
- Tàn cuộc chiến lược.
- Cờ thế.
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua.
- Ý nghĩa và mục đích của việc đối quân trong Cờ vua.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT. - Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác – tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp giáo dục tư tưởng;
2	- Luật cờ vua. - Các thuật ngữ chuyên môn. - Giá trị tương đối của các quân cờ. - Cách ghi chép các nước đi.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập
3	- Ôn tập lý thuyết giai đoạn khai cuộc. - Ôn tập lý thuyết giai đoạn trung cuộc. - Ôn tập một số đòn phối hợp cơ bản. - Giải bài tập.	7-9	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu
4	- Củng cố các nội dung đã học. - Cơ sở lý luận giai đoạn tàn cuộc: + Khái niệm tàn cuộc. + Đặc tính tàn cuộc. + Nguyên tắc tàn cuộc. + Phân loại tàn cuộc. - Giải bài tập.	10-12	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu
5	- Tàn cuộc kỹ thuật: Chiêu hết cơ bản. + Chiêu hết bằng Hậu. + Chiêu hết bằng Xe. + Chiêu hết bằng 2 Tượng. + Chiêu hết bằng Tượng và Mã. - Giải bài tập. - Thi đấu.	13-15	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu
6	- Ôn tập lý thuyết giai đoạn tàn cuộc. - Tàn cuộc chiến lược: cờ tàn Tốt. - Những quy tắc cơ bản trong cờ tàn Tốt. - Giải bài tập áp dụng. - Thi đấu.	16-18	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
			- Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
7	- Ôn tập lý thuyết các giai đoạn của ván đấu. - Những đòn chiến thuật cơ bản: + Đòn ghim quân và phản ghim. + Đòn xiên quân. + Đòn tấn công đôi. - Giải bài tập. - Thi đấu.	19-21	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Những đòn chiến thuật cơ bản (tt): + Đòn mở đường tấn công + Đòn mở đường chiếu + Đòn đánh lạc hướng + Đòn tiêu diệt lực lượng bảo vệ + Đòn chiếu đôi (lường chiếu) - Ý nghĩa và mục đích của việc đôi quân trong Cờ vua - Giải bài tập - Thi đấu	25-27	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
10	- củng cố các nội dung đã học. - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua. - Thi đấu thực hành.	28-30	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
11	- củng cố các nội dung đã học. - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua (tt) - Ôn tập và giải bài tập cờ thế. - Thi đấu thực hành.	31-33	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
			- Thi đấu - Phân tích ván đấu
12	- Ôn tập các nội dung đã học. - Ôn tập và giải bài tập cờ thế. - Thi đấu thực hành.	34-36	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ; - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
13	- Ôn tập các nội dung đã học. - Ôn tập và giải bài tập cờ thế. - Thi đấu thực hành.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
14	Ôn thi kết thúc môn học	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia; - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu; - Giảng giải - Trưng bày - Giải bài tập - Thi đấu - Phân tích ván đấu
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Ủy ban TDTT (2007). *Luật cờ vua*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Đàm Quốc Chính (1999), *Giáo trình cờ vua*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Lương Trọng Minh (2008-2009), *Cờ vua (Tập 1; Tập 2)*.

* *Tư liệu trực tuyến*

Sinh viên có thể vào các website sau đây tìm tư liệu cho môn học:

- Nhập môn cờ vua: www.thuvien-ebook.com
- Võ Tấn, thế giới cờ vua: www.thuvien-ebook.com
- Hướng dẫn chơi khai cuộc: www.thuvien-ebook.com
- Cờ tàn và cờ thể nghệ thuật: www.thuvien-ebook.com
- Thăng Long kỳ đạo: www.thanglongkydao.com
- Liên đoàn cờ vua Việt Nam: www.vietnamchess.vn
- www.chess.com

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

Sinh viên làm bài kiểm tra trên giấy có sử dụng quân cờ và bàn cờ.

Nội dung kiểm tra: Sinh viên giải 2 bài tập cờ thể Chiếu hết cơ bản: chiếu hết bằng Hậu và chiếu hết bằng Xe.

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn cờ vua

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

Sinh viên thi giải 2 bài thi cờ thể trên giấy có sử dụng quân cờ và bàn cờ.

- Thông qua quá trình học và kết quả đánh giá 2 bài thi, sinh viên phải đảm bảo các chuẩn sau đây:

- + Nắm vững Luật thi đấu môn Cờ vua;
- + Sử dụng được lý thuyết cơ bản trong mỗi giai đoạn của ván cờ;
- + Thi đấu được môn Cờ vua;
- + Bộc lộ tinh thần thể thao trung thực, cao thượng;
- + Giải được bài tập cờ thế;
- + Tổ chức được giải đấu cờ vua phong trào;
- + Tự rèn luyện nâng cao trí lực và khả năng thi đấu môn Cờ vua.

7.4.2. Cách tính điểm

Thang điểm	Xếp loại đánh giá	Mức độ đáp ứng so với chuẩn đầu ra của môn học (chuẩn e bắt buộc)
0 đến dưới 5	Không đạt	Chỉ đáp ứng được dưới 4 chuẩn
5 đến 7	Trung bình	Đáp ứng được ít nhất 4/7 chuẩn
7 đến < 8	Khá	Đáp ứng được ít nhất 5/7 chuẩn
8 đến < 9	Giỏi	Đáp ứng được ít nhất 6/7 chuẩn
9 đến 10	Xuất sắc	Đáp ứng được 7/7 chuẩn

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PICKLEBALL 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Pickleball
- Tên tiếng Anh: Pickleball

1.2. Mã môn học: PKB1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.
- + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội.
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: Hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, hệ bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.
- + Sơ lược lịch sử phát triển TDTT.
- + GDTC với mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện: GDTC với đức dục, GDTC với trí dục, GDTC với thể chất, GDTC với mỹ dục, GDTC với lao động.
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa.
- + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu thể thao.
- + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu thể thao. Cách sơ cứu ban đầu.
- + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu thể thao.
- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Pickleball đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.
- Các nguyên lý đánh bóng trong môn Pickleball.
- Luật Pickleball (một số điều luật cơ bản).

2.2. Kỹ năng vận động

- Hướng dẫn cho sinh viên tập luyện được những kỹ thuật cơ bản của môn Pickleball theo quy định trong chương trình như:

- + Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp).
- + Kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay.
- + Kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay.
- + Kỹ thuật Giao bóng thuận tay.

- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tự tập luyện, phân biệt được những kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của môn Pickleball.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Trình bày được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện TDTT nói chung, và môn Pickleball nói riêng đối với sinh viên.

Phân biệt được những kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của môn Pickleball.

3.2.2. Kỹ năng

Trang bị cho sinh viên nắm bắt được các nguyên lý chuyển động và những kỹ thuật cơ bản của môn Pickleball theo quy định trong chương trình như: Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp); Kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay; Kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay; Kỹ thuật Giao bóng thuận tay.

Hướng dẫn cho sinh viên hiểu luật và cách thức thi đấu một trận Pickleball cơ bản.

3.2.3. Thái độ hành vi

Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe. Đồng thời, biết vận động người khác cùng tham gia vào phong trào thể dục thể thao của trường và địa phương.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Giới thiệu môn học và chương trình môn học. - Phổ biến các yêu cầu đảm bảo an toàn trong tập luyện. - Khởi động chung và chuyên môn. - Nguồn gốc môn Pickleball. - Sự hình thành và phát triển môn Pickleball Thế giới và Việt Nam. - Giới thiệu sơ nét về các kỹ thuật cơ bản của môn Pickleball. - Giới thiệu các nguyên lý chuyển động môn Pickleball. - Thả lỏng và hồi phục.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
2	- Khởi động. - Học kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp). - Thả lỏng và hồi phục.	4-6	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
3	- Khởi động. - Ôn tập kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	7-9	- Phương pháp chỉnh sửa động tác. - Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp gián cách.
4	- Khởi động. - Học kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay. - Thả lỏng và hồi phục.	10-12	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
5	- Khởi động. - Ôn tập kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay. - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	13-15	- Phương pháp chỉnh sửa động tác. - Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp gián cách.
6	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học: Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp). - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	16 -18	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
7	- Khởi động.	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	- Ôn tập các nội dung đã học: Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp), kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay. - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.		- Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Khởi động. - Học kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay. - Thả lỏng và hồi phục.	25-27	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
10	- Khởi động. - Ôn tập kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay. - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	28-30	- Phương pháp chỉnh sửa động tác. - Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp gián cách.
11	- Khởi động. - Học kỹ thuật Giao bóng thuận tay. - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	31-33	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
12	- Khởi động - Ôn tập kỹ thuật Giao bóng thuận tay, kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp). - Giới thiệu các điều luật quy định của môn Pickleball. - Diễn giải, thị phạm các quy định của luật thi đấu trên sân. - Thả lỏng, hồi phục.	34-36	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải.
13	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học: Kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay, kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay. - Trò chơi vận động. - Thả lỏng và hồi phục.	37-39	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
14	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học: Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp), kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay, kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay, kỹ thuật Giao bóng thuận tay. - Thả lỏng và hồi phục.	40-42	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2006), *Lý luận và phương pháp GDTC trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Tanyat Pham (2023), *Tài liệu hướng dẫn tập luyện môn Pickleball*.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: Theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung kiểm tra giữa kỳ:

+ Kỹ thuật Dinks thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng.

+ Kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng.

- Cách thực hiện:

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Dinks

thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng.

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng.

- Cách tính điểm:

Nội dung		Trọng số (%)	Giỏi Từ 9 – 10 điểm	Khá Từ 7 – 8 điểm	Trung bình Từ 5 – 6 điểm	Yếu Dưới 5 điểm
Kiểm tra giữa kỳ (30%)						
Các kỹ thuật cơ bản	Kỹ thuật Dinks thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng	50%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng	50%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
Tổng cộng		100%				

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn Pickleball:

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Nội dung thi kết thúc môn:

+ Kỹ thuật Dinks thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo.

+ Kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo.

+ Kỹ thuật Vô lê thuận tay 10 quả theo đường thẳng.

+ Kỹ thuật Vô lê trái tay 10 quả theo đường thẳng.

+ Kỹ thuật Giao bóng thuận tay 10 quả theo đường chéo.

- Cách thực hiện:

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Dinks thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo.

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo.

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Vô lê thuận tay 10 quả theo đường thẳng.

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Vô lê trái tay 10 quả theo đường thẳng.

+ Sinh viên đứng ở khu vực giao bóng sau đường biên ngang cuối sân, thực hiện kỹ thuật Giao bóng thuận tay 10 quả theo đường chéo.

7.4.2. Cách tính điểm

Nội dung		Trọng số (%)	Giỏi Từ 9 – 10	Khá Từ 7 – 8	Trung bình Từ 5 – 6	Yếu Dưới 5
----------	--	-----------------	-------------------	-----------------	------------------------	---------------

			điểm	điểm	điểm	điểm
Thi kết thúc môn học (60%)						
Các kỹ thuật cơ bản	Kỹ thuật Dinks thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Vô lê thuận tay 10 quả theo đường thẳng.	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Vô lê trái tay 10 quả theo đường thẳng.	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Giao bóng thuận tay 10 quả theo đường chéo	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
Tổng cộng		100%				

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PICKLEBALL 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Pickleball
- Tên tiếng Anh: Pickleball

1.2. Mã môn học: PKB2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT.

- Xu thế huấn luyện – giảng dạy Pickleball hiện đại.
- Vai trò của tố chất thể lực đối với thành tích môn Pickleball.
- Giới thiệu sơ lược về đặc điểm chiến thuật môn Pickleball.
- Luật thi đấu môn Pickleball.
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Pickleball.

2.2. Kỹ năng vận động

- Hướng dẫn cho sinh viên tập luyện, hoàn thiện các kỹ thuật cơ bản và nâng cao trong môn Pickleball như:

- + Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp).
- + Kỹ thuật Drop Shots thuận tay - trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp).
- + Kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay.
- + Kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay.
- + Kỹ thuật Đập bóng thuận tay.
- + Kỹ thuật Giao bóng và Trả giao bóng.
- Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tự tập luyện. Hiểu luật và khả năng điều hành, tổ chức

một giải Pickleball cơ bản.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; Các nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Trình bày được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện TDTT nói chung, và môn Pickleball nói riêng đối với sinh viên.

Phân biệt được những kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của môn Pickleball.

3.2.2. Kỹ năng

Trang bị cho sinh viên nắm bắt được các nguyên lý chuyển động, hoàn thiện được những kỹ thuật cơ bản và nâng cao của môn Pickleball theo quy định trong chương trình như: Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp); Kỹ thuật Drop Shots thuận tay - trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp); Kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay; Kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay; Kỹ thuật Đập bóng thuận tay; Kỹ thuật Giao bóng và Trả giao bóng.

Nâng cao vai trò phát triển tố chất thể lực chuyên môn Pickleball.

Biết cách điều hành, tổ chức thi đấu một giải Pickleball cơ bản của lớp, khoa.

3.2.3. Thái độ hành vi

Có thói quen vận động, tự giác, tích cực tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe. Đồng thời, biết vận động người khác cùng tham gia vào phong trào thể dục thể thao của trường và địa phương.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT. + Các nguyên tắc tập luyện: Nguyên tắc tự giác - tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp). + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực như: Sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, linh hoạt và khả năng phối hợp vận động.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	- Giới thiệu các nguyên lý chuyển động môn Pickleball.		
2	- Khởi động. - Ôn tập lại các kỹ thuật đã học (ở học phần Pickleball 1). - Hoàn thiện và học nâng cao kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp). - Thả lỏng và hồi phục.	4-6	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
3	- Khởi động. - Ôn tập kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp). - Thả lỏng và hồi phục.	7-9	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
4	- Khởi động. - Hoàn thiện và học nâng cao kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay. - Thả lỏng và hồi phục.	10-12	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
5	- Khởi động. - Ôn tập kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay. - Thả lỏng và hồi phục.	13-15	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
6	- Khởi động. - Học kỹ thuật Drop Shots thuận tay - trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp). - Tập luyện các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	16 -18	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
7	- Khởi động. - Ôn tập kỹ thuật Drop Shots thuận tay - trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp). - Ôn tập các nội dung đã học: Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp), kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay. - Thả lỏng và hồi phục.	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	Kiểm tra thực hành
9	- Khởi động. - Hoàn thiện và học nâng cao kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay. - Tập luyện các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	25-27	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác.
10	- Khởi động. - Ôn tập kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái	28-30	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải.

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
	tay. - Học kỹ thuật Đập bóng thuận tay. - Tập luyện các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.		- Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác. - Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp gián cách.
11	- Khởi động. - Hoàn thiện và học nâng cao kỹ thuật Giao bóng. - Học kỹ thuật Trả giao bóng. - Ôn tập kỹ thuật Đập bóng thuận tay. - Thả lỏng và hồi phục.	31-33	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp thị phạm động tác - Phương pháp quan sát sự phạm. - Phương pháp chỉnh sửa động tác. - Phương pháp luyện tập lặp lại. - Phương pháp gián cách.
12	- Khởi động - Giới thiệu khái quát về một trận thi đấu Pickleball. - Giới thiệu các điều luật quy định của môn Pickleball. - Thực hành thi đấu đối kháng và thị phạm trọng tài. - Diễn giải, thị phạm các quy định của luật thi đấu trên sân.	34-36	- Phương pháp phân tích. - Phương pháp diễn giải. - Phương pháp luyện tập trò chơi và luyện tập thi đấu.
13	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học: Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp), kỹ thuật Drop Shots thuận tay - trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp), kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay, kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay, kỹ thuật Đập bóng, kỹ thuật Giao bóng và Trả giao bóng. - Ôn tập các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	37-39	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
14	- Khởi động. - Ôn tập các nội dung đã học: Kỹ thuật Dinks thuận tay - trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp), kỹ thuật Drop Shots thuận tay - trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp), kỹ thuật Vô lê thuận tay - trái tay, kỹ thuật Tạt bóng thuận tay - trái tay, kỹ thuật Đập bóng, kỹ thuật Giao bóng và Trả giao bóng. - Ôn tập các bài tập thể lực chuyên môn. - Thả lỏng và hồi phục.	40-42	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp gián cách.
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục*

thể thao, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2006), *Lý luận và phương pháp GDTC trường học*, Nxb TDTT, Hà Nội.

- Tanyat Pham (2023), *Tài liệu hướng dẫn tập luyện môn Pickleball*.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung kiểm tra giữa kỳ:

+ Kỹ thuật Dinks thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo.

+ Kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo.

+ Kỹ thuật Vô lê thuận tay 10 quả theo đường thẳng.

+ Kỹ thuật Vô lê trái tay 10 quả theo đường thẳng.

- Cách thực hiện:

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Dinks thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo.

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo.

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Vô lê thuận tay 10 quả theo đường thẳng.

+ Sinh viên đứng sát đường biên ngang trước vạch khu nhà bếp, thực hiện kỹ thuật Vô lê trái tay 10 quả theo đường thẳng.

- Cách tính điểm:

Nội dung		Trọng số (%)	Giỏi Từ 9 – 10 điểm	Khá Từ 7 – 8 điểm	Trung bình Từ 5 – 6 điểm	Yếu Dưới 5 điểm
Kiểm tra giữa kỳ (30%)						
Các kỹ thuật cơ bản	Kỹ thuật Dinks thuận tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo	25%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Dinks trái tay (đánh bóng nhẹ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường chéo	25%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Vô lê thuận tay 10 quả theo đường thẳng.	25%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Vô lê trái tay 10 quả theo đường thẳng.	25%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
Tổng cộng		100%				

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn Pickleball:

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Nội dung thi kết thúc môn:

+ Kỹ thuật Drop Shots thuận tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng.

+ Kỹ thuật Drop Shots trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng.

+ Kỹ thuật Tạt bóng thuận tay 10 quả theo đường chéo.

+ Kỹ thuật Tạt bóng trái tay 10 quả theo đường chéo.

+ Kỹ thuật Đập bóng 10 quả theo đường chéo.

- Cách thực hiện:

+ Sinh viên đứng ở khu vực giữa sân, thực hiện kỹ thuật Drop Shots thuận tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng.

+ Sinh viên đứng ở khu vực giữa sân, thực hiện kỹ thuật Drop Shots trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng.

+ Sinh viên đứng ở khu vực cuối sân, thực hiện kỹ thuật Tạt bóng thuận tay 10 quả theo đường chéo.

+ Sinh viên đứng ở khu vực cuối sân, thực hiện kỹ thuật Tạt bóng trái tay 10 quả theo đường chéo.

+ Sinh viên đứng ở khu vực giao bóng sau đường biên ngang cuối sân, thực hiện kỹ thuật Đập bóng 10 quả theo đường chéo.

7.4.2. Cách tính điểm

Nội dung		Trọng số (%)	Giỏi Từ 9 – 10 điểm	Khá Từ 7 – 8 điểm	Trung bình Từ 5 – 6 điểm	Yếu Dưới 5 điểm
Thi kết thúc môn học (60%)						
Các kỹ thuật cơ bản	Kỹ thuật Drop Shots trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Drop Shots trái tay (đánh bóng bỏ nhỏ khu vực nhà bếp) 10 quả theo đường thẳng	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Tạt bóng thuận tay 10 quả theo đường chéo.	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Tạt bóng trái tay 10 quả theo đường chéo.	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
	Kỹ thuật Đập bóng 10 quả theo đường chéo	20%	Từ 9 – 10 quả vào ô quy định	Từ 7 – 8 quả vào ô quy định	Từ 5 – 6 quả vào ô quy định	Dưới 5 quả vào ô quy định
Tổng cộng		100%				

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BOWLING 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bowling
- Tên tiếng Anh: Bowling

1.2. Mã môn học: Bow1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Sơ lược lịch sử phát triển TDTT.
- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể.
- + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện.
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa.
- + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.
- + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bowling đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.
- Luật bowling (một số điều luật cơ bản).
- Các nguyên tắc an toàn khi chơi bowling.

2.2. Kỹ năng vận động

Giảng dạy kỹ thuật:

- Phương pháp ném bóng 4 bước cơ bản.

- Kỹ thuật ném bóng 1 bước.
- Kỹ thuật 4 bước chạy đà.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bowling đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn bowling.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nắm vững kiến thức về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bowling đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn bowling.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Phương pháp ném bóng 4 bước cơ bản.
- Kỹ thuật ném bóng 1 bước.
- Kỹ thuật 4 bước chạy đà.
- Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
-------	--------------------	---------	-----------------------

1	- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. - Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện. - Chấn thương trong tập luyện TDTT và các biện pháp phòng ngừa.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng
2	- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập bowling đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập. - Giảng dạy: + Trung tâm bowling, cơ sở vật chất và trang thiết bị + Các nguyên tắc an toàn khi tập luyện bowling. + Cách tính điểm trong môn bowling.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng - Phương pháp giảng giải và làm mẫu
3	- Giảng dạy: + Phương pháp ném bóng 4 bước cơ bản. + Kỹ thuật đứng thẳng bằng. + Kỹ thuật đứng không đưa bóng ra.	7-9	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai
4	- Ôn tập và củng cố: + Phương pháp ném bóng 4 bước cơ bản. + Kỹ thuật đứng thẳng bằng. + Kỹ thuật đứng không đưa bóng ra. - Giảng dạy: + Kỹ thuật xác định điểm thả bóng. + Kỹ thuật đứng kết hợp đưa bóng ra phía trước. + Thực hành áp dụng thực tế 20 phút (không mở tính điểm) + Ném bóng có tính điểm. - Bài tập phát triển thể lực chung.	10-12	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai
5	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học. - Kiểm tra lý thuyết và thực hành. - Đánh giá từng học viên. - Bài tập phát triển thể lực chung.	13-15	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai
6	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học - Giảng dạy: + Kỹ thuật ném bóng 1 bước (đóng đưa bóng và trượt).	16-18	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi

			đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai
7	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học. - Bài tập phát triển thể lực chung.	19-21	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Hoàn thiện các nội dung đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật 4 bước chạy đà. + Bài tập phát triển thể lực chung.	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai
10	- Ôn tập kỹ thuật 4 bước chạy đà. - Hoàn thiện các nội dung đã học - Giảng dạy luật thi đấu môn bowling. - Đấu tập.	28-30	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
11	- Hoàn thiện các nội dung đã học. - Đấu tập. - Bài tập phát triển thể lực chung.	31-33	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
12	- Ôn tập các nội dung đã học. - Đấu tập. - Bài tập phát triển thể lực chung.	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
13	- Ôn tập các nội dung đã học. - Đấu tập. - Bài tập phát triển thể lực chung.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai
14	Ôn tập các nội dung thi.	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Giáo trình huấn luyện bowling áp dụng cho các trường đại học.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ:

Nội dung: Sinh viên thực hiện ném bowling 1 game

Sinh viên nam		Sinh viên nữ	
Tổng điểm trong game	Điểm giữa kỳ	Tổng điểm trong game	Điểm giữa kỳ
Từ 0 - 9	1	Từ 0 - 9	1
Từ 10 - 19	2	Từ 10 - 19	2

Từ 20 - 25	3	Từ 20 - 25	3
Từ 26 - 30	4	Từ 26 - 30	4
Từ 35 - 45	5	Từ 35 - 45	5
Từ 46 - 54	6	Từ 46 - 54	6
Từ 55 - 64	7	Từ 55 - 64	7
Từ 65 - 79	8	Từ 65 - 74	8
Từ 80 - 94	9	Từ 75 - 84	9
Từ 95 trở lên	10	Từ 85 Trở lên	10

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn bowling

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

TT	Nội dung	Yêu cầu và hướng dẫn	Kết quả kiểm tra		Điểm
			Nam	Nữ	
1	Kiểm tra ném bowling có điểm 2 games (trung bình 100 điểm/game)	Thực hiện kỹ thuật ném bóng 1 bước hoặc 4 bước chạy đà.	Theo bảng phụ lục tính điểm ở dưới		100%
TỔNG CỘNG					100%

7.4.2. Cách tính điểm

Sinh viên Nam		Sinh viên Nữ	
Tổng điểm trong game	Điểm cuối kì	Tổng điểm trong game	Điểm cuối kì
Dưới 50 điểm	1	Dưới 50 điểm	1
Từ 50 - 59	2	Từ 50 - 59	2
Từ 60 - 69	3	Từ 60 - 69	3
Từ 70 - 79	4	Từ 70 - 79	4
Từ 80 - 99	5	Từ 80 - 99	5
Từ 100 - 119	6	Từ 100 - 119	6
Từ 120 - 144	7	Từ 120 - 144	7
Từ 145 - 169	8	Từ 145 - 169	8
Từ 170 - 199	9	Từ 170 - 189	9
Từ 200 trở lên	10	Từ 190 trở lên	10

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BOWLING 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Bowling
- Tên tiếng Anh: Bowling

1.2. Mã môn học: Bow2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 6 tiết

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT:
- + Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác - tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).
- + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...
- Luật thi đấu môn bowling.
- Giới thiệu sơ lược các kỹ thuật ném bowling của các vận động viên chuyên nghiệp.

2.2. Kỹ năng vận động

- Hoàn thiện kỹ thuật môn bowling đã học ở các học phần trước.
- Kỹ thuật ném bowling nâng cao.
- Kỹ thuật di chuyển ném bóng 4 bước.
- Kỹ thuật di chuyển ném bóng 5 bước.
- Kỹ thuật trượt và thả bóng ở foul line.
- Kỹ thuật ném ngã những pin còn lại ở lượt ném thứ 2.
- Quy tắc 3-6-9.
- Sự liên kết giữa chân và tay khi di chuyển.
- Phương pháp tổ chức thi đấu.
- Phát triển các tố chất thể lực chung và thể thực chuyên môn

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến sinh viên các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDDT. Các bài tập phát triển tố chất vận động; Nắm vững các kỹ thuật và luật thi đấu môn Bowling

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1 Kiến thức

- Sinh viên được trang bị những kiến thức sau:
- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDDT một cách hợp lý.
- Luật thi đấu môn bowling.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Kỹ thuật ném bowling nâng cao.
- Kỹ thuật di chuyển ném bóng 4 bước.
- Kỹ thuật di chuyển ném bóng 5 bước.
- Kỹ thuật trượt và thả bóng ở foul line.
- Kỹ thuật ném ngã những pin còn lại ở lượt ném thứ 2.
- Quy tắc 3-6-9.
- Sự liên kết giữa chân và tay khi di chuyển.
- Phương pháp tổ chức thi đấu môn bowling.
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDDT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDDT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.
- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

4. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDDT. + Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác-tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giáo dục tư tưởng

	+ Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền... Giới thiệu sơ lược luật môn bowling.		
2	- Giới thiệu sơ lược luật môn bowling(tt) - Ôn tập các kỹ thuật đã học ở học phần 1. - Bài tập phát triển thể lực chung.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
3	- củng cố các kỹ thuật đã học ở học phần 1. - Giảng dạy: + Giới thiệu về kỹ thuật ném bowling của các vận động viên chuyên nghiệp. + Kỹ thuật xác định vị trí đứng ở khu vực chạy đà. - Bài tập phát triển thể lực chung.	7-9	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Ôn tập và củng cố các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật di chuyển ném bóng 4 bước. - Bài tập phát triển thể lực chung.	10-12	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn tập và củng cố các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật di chuyển ném bóng 5 bước. - Bài tập phát triển thể lực chung	13-15	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật xác định điểm thả bóng ở foul line. + Kỹ thuật kết hợp trượt và thả bóng (1 bước) ở foul line. - Giới thiệu phương pháp tổ chức thi đấu. - Thi đấu.	16-18	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
7	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Thi đấu.	19-21	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa

			động tác sai.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật thẳng bằng (tay không có bóng, lưng, vai, gối, mũi chân) kết hợp động đưa với bóng. + Kỹ thuật ném ngã những pin còn lại ở lượt ném thứ 2 (spare). - Thi đấu	25-27	- Phương pháp giảng giải và làm mẫu - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
10	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Quy tắc 3-6-9. + Sự liên kết giữ chân và tay khi di chuyển. - Thi đấu. - Bài tập phát triển thể lực chung	28-30	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Số đo độ lệch của mỗi vận động viên. + Tốc độ khi di chuyển có bóng, không bóng. - Bài tập phát triển thể lực chung.	31-33	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Thi đấu	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
13	- Ôn tập các nội dung thi kết thúc. - Thi đấu.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
14	- Ôn tập các nội dung thi kết thúc. - Thi đấu.	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất – tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất – tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Giáo trình huấn luyện bowling áp dụng cho các trường đại học.

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2 Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ %	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10 %	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30 %	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60 %	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng:		100 %	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

Nội dung: Sinh viên thực hiện ném bowling 1 game

Sinh viên nam		Sinh viên nữ	
Tổng điểm trong game	Điểm giữa kì	Tổng điểm trong game	Điểm giữa kì
Từ 0 - 14	1	Từ 0 - 14	1
Từ 15 - 29	2	Từ 15 - 29	2
Từ 30 - 44	3	Từ 30 - 44	3
Từ 45 - 59	4	Từ 45 - 59	4
Từ 60 - 69	5	Từ 60 - 69	5
Từ 70 - 84	6	Từ 70 - 84	6
Từ 85 - 99	7	Từ 85 - 99	7
Từ 100 - 114	8	Từ 100 - 114	8
Từ 115 - 139	9	Từ 115 - 124	9
Từ 130 trở lên	10	Từ 125 Trở lên	10

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn bowling

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

TT	Nội dung	Yêu cầu và hướng dẫn	Kết quả kiểm tra		Điểm
			Nam	Nữ	

1	Kiểm tra ném bowling có điểm 2 games (trung bình 100 điểm/game)	Thực hiện kỹ thuật ném bóng 1 bước hoặc 4 bước chạy đà.	Theo bảng phụ lục tính điểm ở dưới	100%
TỔNG CỘNG				100%

7.4.2. Cách tính điểm

Sinh viên Nam		Sinh viên Nữ	
Tổng điểm trong game	Điểm cuối kì	Tổng điểm trong game	Điểm cuối kì
Dưới 50 điểm	1	Dưới 50 điểm	1
Từ 50 - 69	2	Từ 50 - 59	2
Từ 70 - 89	3	Từ 70 - 89	3
Từ 90 - 119	4	Từ 90 - 119	4
Từ 120 - 149	5	Từ 120 - 149	5
Từ 150 - 169	6	Từ 150 - 169	6
Từ 170 - 199	7	Từ 170 - 199	7
Từ 200 - 224	8	Từ 200 - 214	8
Từ 225 - 239	9	Từ 215 - 229	9
Từ 240 trở lên	10	Từ 230 trở lên	10

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

GOLF 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Gôn
- Tên tiếng Anh: Golf

1.2. Mã môn học: Golf1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 33 tiết
- Kiểm tra: 6 tiết

2. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Sơ lược lịch sử phát triển TDTT
- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể
- + Sức khỏe: Sự phát triển hài hòa của thể chất, tinh thần và trạng thái xã hội
- + Các quy luật phát triển của cơ thể trong quá trình tập luyện TDTT: hệ tuần hoàn, hệ vận động, hệ thần kinh, hệ hô hấp, bài tiết...
- Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện
- Chấn thương trong TDTT và biện pháp phòng ngừa
- + Những nguyên nhân thường gây chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT
- + Những chấn thương gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu TT. Cách sơ cứu ban đầu.
- + Các biện pháp phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu TT.
- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập golf đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập.
- Luật golf (một số điều luật cơ bản).
- Các nguyên tắc an toàn khi chơi golf.

2.2. Kỹ năng vận động

- Giảng dạy kỹ thuật cơ bản trong golf:

+ Swing: Đây là kỹ thuật quan trọng nhất trong golf, gồm ba phần chính: backswing, downswing và follow-through. Quá trình swing đòi hỏi sự điều chỉnh cân bằng, linh hoạt và sức mạnh để đánh bóng chính xác và xa.

+ Grip: Cách cầm gậy là yếu tố quan trọng để kiểm soát gậy và tạo ra đường bay chính xác cho quả bóng. Có hai kiểu cầm gậy chính là overlapping grip và interlocking grip

+ Stance: Tư thế đứng đúng và ổn định rất quan trọng trong golf. Đặt chân mở rộng hơn rộng vai, với trọng tâm chủ yếu trên bàn chân non và đặt gậy vào vị trí đúng theo quả bóng.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập golf đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập;

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập golf đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn golf.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản sau:

- Thực hành thành thạo các loại gậy bắt buộc trong golf một cách đúng kỹ thuật để đạt hiệu quả cao trong thi đấu.

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng môn golf đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung.

- Áp dụng những kiến thức và kỹ năng về golf đã học vào thực tế thi đấu trên sân và có chiến thuật hợp lý để đạt được hiệu quả cao nhất

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.

- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.

- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.

- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sự phát triển của cơ thể. - Vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện. - Chấn thương trong tập luyện TDTT và các biện pháp phòng ngừa.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp giáo dục tư tưởng.
2	- Sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập golf đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập. - Giảng dạy: + Trung tâm golf, cơ sở vật chất và trang thiết bị + Các nguyên tắc an toàn khi tập luyện golf. + Cách tính điểm trong môn golf.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp giáo dục tư tưởng. - Phương pháp giảng dạy và thị phạm
3	- Giảng dạy: + Các bài tập bổ trợ trong golf + Các bài tập nâng cao độ mềm dẻo + Hướng dẫn các động tác thả lỏng, căng cơ hồi phục sau tập luyện	7-9	- Phương pháp giảng dạy và thị phạm - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Ôn tập và củng cố: - Giảng dạy: + Kỹ thuật cầm gậy golf: Interlock, baseball + Các bài tập phát triển mềm dẻo	10-12	- Phương pháp giảng dạy và thị phạm - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật setup tư thế đứng với gậy sắt trung số 7 + Các bài tập mềm dẻo.	13-15	- Phương pháp giảng dạy và thị phạm - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác

			sai.
6	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật đánh Golf bằng gậy sắt số 7: kỹ thuật TakeAway + Các bài tập tăng cường độ mềm dẻo và sức chịu đựng của cơ thể	16-18	- Phương pháp giảng dạy và thị phạm - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Ôn tập và hoàn thiện các nội dung đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật đánh golf bằng gậy sắt số 7: kỹ thuật Backswing; kỹ thuật Top of the Swing. + Các bài tập phát triển sức mạnh cơ bắp.	19-21	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Hoàn thiện các nội dung đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật đánh golf bằng gậy sắt số 7: kỹ thuật Downswing, kỹ thuật Impact + Các bài tập phát triển sức bền	25-27	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
10	- Ôn tập, hoàn thiện các nội dung đã học - Giảng dạy: kỹ thuật đánh golf bằng gậy sắt số 7: kỹ thuật Impact + Các bài tập tăng độ khéo léo linh hoạt	28-30	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
11	- Hoàn thiện các nội dung đã học. - Giảng dạy: kỹ thuật Half Swing, kỹ thuật Fullswing	31-33	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
12	- Ôn lại kỹ năng đánh PUTT - Giảng dạy: kỹ thuật đánh Half Swing và Fullswing trên Tee	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...

13	- Thực hành các kỹ thuật đã học bao gồm: Kỹ thuật cầm gậy golf, kỹ thuật setup tư thế đứng với gậy sắt trung số 7, kỹ thuật đánh golf bằng gậy sắt số 7 - Các bài tập mềm dẻo	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
14	- Ôn tập chuẩn bị kết thúc môn học - Các bài tập mềm dẻo	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Nguyễn Như Hùng (2019), “*Golf dành cho mọi người*” Love Golf – Love Life.

- Phạm Thành Trí, (2019), *Cẩm nang GOLF*, NXB giáo dục

- James Sieckmann, (2021), *Chinh phục short game cùng James Sieckmann - Giúp bạn làm chủ các cú đánh từ 120yard trở lại*, NXB Thanh niên.

- DK Publishing, (2011), *Essential Golf Skills: Key tips and techniques to improve your game*, Dorling Kindersley, London.

- Dave Pelz, Eddie Pelz, (2012), *Dave Pelz's putting games: The more you play, the better you putt*, Gotham Books, New York

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình	10%	1 điểm	Vắng 10% số

	học tập			tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Nội dung: Takeaway: Thực hiện 5 lần đánh bóng (Gậy số 7).
- Mỗi lần đánh bóng đúng, chính xác tính 1 điểm.
- Cách tính điểm:

Điểm thành tích	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Nam	10	15	20	25	30	35	40	45	50	55
Nữ	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50

7.4. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn golf

7.4.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Half swing: Thực hiện 5 lần đánh bóng (Gậy số 7).
- Mỗi lần đánh bóng đúng, chính xác tính 1 điểm.
- Yêu cầu:
 - + Thực hiện đúng kỹ thuật.
 - + Tính nhịp điệu, khả năng phối hợp của cơ thể trong quá trình thực hiện động tác.

7.4.2. Cách tính điểm

Điểm thành tích	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Nam	55	60	65	70	75	80	85	90	95	100

Nữ	35	40	45	50	55	60	65	70	75	80
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

GOLF 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Gôn
- Tên tiếng Anh: Golf

1.2. Mã môn học: Golf 2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 39 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDDT:
 - + Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác - tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp).
 - + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền...
- Luật thi đấu môn golf.
- Giới thiệu sơ lược các kỹ thuật ném golf của các vận động viên chuyên nghiệp.

2.2. Kỹ năng vận động

1. Alignment: Đảm bảo sự đồng trục giữa gậy, người chơi và mục tiêu là cần thiết. Điều này đảm bảo rằng quả bóng sẽ bay theo đường bay đúng và chính xác.

2. Chipping: Kỹ thuật chipping được sử dụng trong các khoảng cách gần green. Người chơi sử dụng gậy wedge hoặc putter để đánh quả bóng nhẹ nhàng và thấp, cho phép nó lăn ngắn và dễ

kiểm soát.

3. Putting: Putting là kỹ thuật đánh quả bóng trên green. Người chơi sử dụng gậy putter để đưa quả bóng vào lỗ với các cú đánh nhẹ nhàng và chính xác.

4. Bunker play: Kỹ thuật chơi trong khu vực cát (bunker) yêu cầu kỹ năng đặc biệt. Người chơi cần đánh bóng trúng cát trước khi chạm vào quả bóng, để nó bay lên và rơi mềm trên green.

5. Đánh bóng trên địa hình khó: Khi gặp phải địa hình không đồng đều, như đồng cỏ dài hay đồi cao, người chơi cần thay đổi kỹ thuật swing và sức mạnh để đánh bóng thành công.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến người học sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDDT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; Các nguyên tắc tập luyện TDDT; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu môn golf.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

Sinh viên được trang bị những kiến thức sau:

- + Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDDT một cách hợp lý.
- + Luật thi đấu môn golf.

3.2.2. Kỹ năng

Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện được các kỹ thuật sau:

- Thực hành thành thạo các loại gậy bắt buộc trong golf một cách đúng kỹ thuật để đạt hiệu quả cao trong thi đấu.
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng môn golf đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung.
- Áp dụng những kiến thức và kỹ năng về golf đã học vào thực tế thi đấu trên sân và có chiến thuật hợp lý để đạt được hiệu quả cao nhất
- Phương pháp tổ chức thi đấu môn golf.
- Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TDDT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện và thi đấu; có thói quen tập luyện TDDT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.

- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.
- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.
- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện TDTT. + Các nguyên tắc tập luyện: nguyên tắc tự giác-tích cực, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc vừa sức (phù hợp). + Phương pháp phát triển các tố chất thể lực: sức mạnh, sức nhanh, sức bền... - Ôn tập lại luật môn golf.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp giáo dục tư tưởng.
2	- Giới thiệu sơ lược luật môn golf (tt) - Ôn tập các kỹ thuật đã học ở môn học 1. - Bài tập phát triển thể lực chung.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ. - Phương pháp giảng giải và thị phạm. - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
3	- củng cố các kỹ thuật đã học ở môn học 1. - Giảng dạy: + Giới thiệu về kỹ thuật golf của các vận động viên chuyên nghiệp. + Phân loại và hướng dẫn các phương pháp đánh bóng (gậy số 6 và số 8) + Các bài tập phát triển sức bền	7-9	- Phương pháp giảng giải và thị phạm. - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
4	- Ôn tập và củng cố các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Thực hành phương pháp đánh bóng (gậy số 6 và số 8) + Bài tập phát triển thể lực chung.	10-12	- Phương pháp giảng giải và thị phạm. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
5	- Ôn tập và củng cố các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật Chip bóng bằng gậy sắt số 7, 8, PW, SW + Các bài tập tăng độ khéo léo linh hoạt	13-15	- Phương pháp giảng giải và thị phạm. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
6	- củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Thực hành kỹ thuật Chip bóng bằng gậy sắt số 7, 8, PW, SW + Giới thiệu phương pháp tổ chức thi đấu. + Thi đấu.	16-18	- Phương pháp giảng giải và thị phạm. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...

			- Phương pháp sửa chữa động tác sai.
7	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật đánh PUTT cơ bản, kỹ thuật đặt bóng cho cú PUTT + Thi đấu	19-21	- Phương pháp giảng giải và thị phạm. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
8	Kiểm tra giữa kỳ	22-24	
9	- Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Các bài tập tăng độ cảm nhận khoảng cách từ bóng đến Hole - Thi đấu	25-27	- Phương pháp giảng giải và thị phạm. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
10	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học: Ôn lại kỹ năng đánh PUTT - Giảng dạy: + Kỹ thuật đánh golf bằng gậy Driver cơ bản: Kỹ thuật setup tư thế đứng, kỹ thuật Half Swing	28-30	- Phương pháp giảng giải và thị phạm. - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
11	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Giảng dạy: + Kỹ thuật đánh golf bằng gậy Driver cơ bản: kỹ thuật Fullswing, Kỹ thuật đánh Half Swing và Fullswing trên Tee + Thi đấu	31-33	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
12	- Hoàn thiện các kỹ thuật đã học. - Kỹ thuật đánh golf bằng gậy sắt số 7 - Kỹ thuật đánh golf bằng gậy PUTT Thi đấu	34-36	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu... - Phương pháp sửa chữa động tác sai.
13	- Ôn tập các nội dung thi kết thúc. - Thi đấu.	37-39	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
14	- Ôn tập các nội dung thi kết thúc. - Thi đấu.	40-42	- Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp tập luyện: lặp lại, thay đổi nội dung, trò chơi, thi đấu...
15	THI KẾT THÚC MÔN HỌC	43-45	Thi thực hành

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

6.1. Tài liệu chính

- Hoàng Hà, Trần Nam Giao, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Kim Điền (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 1*, TP.HCM.

- Dương Văn Hiền, Nguyễn Chí Cường, Phạm Cho, Cao Hồng Châu, Nguyễn Hữu Quý (2010), *Tài liệu giảng dạy Giáo dục thể chất - tập 3*, TP.HCM.

- Lưu Quang Hiệp, Lê Đức Chương, Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000), *Y học Thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- Nguyễn Như Hùng (2019), “*Golf dành cho mọi người*” *Love Golf – Love Life*.

- Phạm Thành Trí, (2019), *Cẩm nang GOLF*, NXB giáo dục

- James Sieckmann, (2021), *Chinh phục short game cùng James Sieckmann- Giúp bạn làm chủ các cú đánh từ 120yard trở lại*, NXB Thanh niên.

- DK Publishing, (2011), *Essential Golf Skills: Key tips and techniques to improve your game*, Dorling Kindersley, London.

- Dave Pelz, Eddie Pelz, (2012), *Dave Pelz's putting games: The more you play, the better you putt*, Gotham Books, New York

- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Kiểm tra giữa kỳ: Thực hiện kỹ thuật Chip bóng bằng gậy số 7

- Cách tính điểm

Điểm thành tích	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Nam	10	15	20	25	30	35	40	45	50	55
Nữ	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50

7.4. Kiểm tra cuối kỳ

7.4.1 Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Nội dung: Kỹ thuật đánh golf bằng gậy PUTT

7.4.2. Cách tính điểm

Điểm thành tích	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Nam	55	60	65	70	75	80	85	90	95	100
Nữ	35	40	45	50	55	60	65	70	75	80

Điểm môn học: là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học theo tỉ lệ quy định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC THỂ HÌNH 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Thể hình
- Tên tiếng Anh: Gymnastics

1.2. Mã môn học: TH1

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Cơ bản

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 39 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Sinh viên hiểu biết và nhận diện về môn thể hình: Các bài tập tăng cơ, giảm mỡ. Hiểu biết về dinh dưỡng, lên thực đơn khoa học
- Nắm vững được tác dụng môn học để luyện tập, cải thiện sức khỏe và tự rèn luyện bản thân.

2.2. Kỹ năng vận động

Biết cách tự khởi động và biên soạn 1 bài thể dục phát triển chung để rèn luyện sức khỏe.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- Sinh viên hiểu biết và nhận diện về môn thể hình. Nắm vững được vai trò - tác dụng môn học để luyện tập và cải thiện sức khỏe.

- Hiểu về kiến thức điều hoà nhịp thở.

3.2.2. Kỹ năng

- Biết cách tự khởi động và biên soạn 1 bài thể dục phát triển chung để rèn luyện sức khỏe.

- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

Nhóm cơ ngực:

+ Đẩy ngực với tạ đòn (Barbell bench press)

+ Đẩy ngực trên ghế nghiêng lên (Incline bench press)

+ Chống đẩy (Push up)

Nhóm cơ vai:

+ Đẩy vai với tạ đòn (Push-press)

+ Đẩy vai với tạ đòn trên ghế (Seated barbell press)

Nhóm cơ lưng xô:

+ Lên xà đơn (Pull-up)

+ Đứng kéo thanh tạ thuận tay (Bent over barbell row)

Nhóm cơ tay:

+ Tập tay với tạ đơn trên ghế (Preacher single arm)

+ Tập tay với thanh tạ trên ghế nghiêng (Incline bench barbell curls)

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TĐTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện; có thói quen tập luyện TĐTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.

- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.

- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.

- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Giới thiệu môn học: + Mục đích, ý nghĩa, tác dụng của môn thể hình. + Những yêu cầu trong quá trình tập luyện thể hình.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan
2	- Phương pháp rèn luyện các tổ chất thể lực. - Phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao (TĐTT).	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý

3	- Nhóm cơ ngực: ngực trên, ngực giữa, ngực dưới - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Các động tác căng cơ thả lỏng	7-9	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
4	- Nhóm cơ lưng xô: lưng, xô - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Hướng dẫn các bài tập bổ trợ tại nhà	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp luyện tập thả lỏng
5	- Nhóm cơ chân: cơ mông, cơ đùi, cơ bắp chân - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Các bài tập phát triển sức mạnh toàn thân	13-15	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
6	- Ôn luyện bài tập nhóm cơ: ngực, lưng xô - Ôn lại kiến thức dinh dưỡng	16-18	- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp luyện tập lặp lại
7	- Ôn lại các bài tập nhóm cơ chân - Hướng dẫn bài kiểm tra giữa kỳ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập thả lỏng
8	Kiểm tra giữa kỳ - Các bài tập phát triển cơ ngực, lưng xô	22-24	- Phương pháp kiểm tra sự phạm
9	- Nhóm cơ vai: vai trước, vai giữa, vai sau, cầu vai - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Các động tác căng cơ thả lỏng	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp luyện tập thả lỏng
10	- Nhóm cơ tay: tay trước, tay sau, cẳng tay - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Hướng dẫn các bài tập hồi phục cơ	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
11	- Nhóm cơ bụng: bụng trên, bụng dưới - Các bài tập cardio - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Bài tập phát triển thể lực chung	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
12	- Ôn luyện bài tập nhóm cơ: chân, bụng - Các động tác căng cơ thả lỏng	34-36	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
13	- Ôn luyện bài tập nhóm cơ: tay, vai - Các động tác căng cơ thả lỏng	37-39	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
14	- Ôn tập nội dung thi - Hướng dẫn ôn tập lý thuyết chung và chuyên môn - Hướng dẫn cách thức thi	40-42	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
15	- Kiểm tra kết thúc	43-45	- Phương pháp kiểm tra sự phạm

	- Bài thể dục phát triển toàn thân các nhóm cơ: ngực, vai, tay, lưng xô, bụng, chân		
--	---	--	--

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Dinh dưỡng học; Trường ĐH Khoa Y Phạm Ngọc Thạch, nhà xuất bản Y học.
- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- Vũ Phương Liên, Vũ Phong Túc, Mai Văn Quang, *Khảo sát chỉ số nhân trắc của người tập gym tại cơ sở tập GYM NEW TIME – THANH XUÂN HÀ NỘI 2020*.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn thể hình

7.3.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Kiểm tra các bài tập phát triển nhóm cơ: ngực, lưng xô
- Kiểm tra bài thể dục phát triển toàn thân các nhóm cơ: ngực, vai, tay, lưng xô, bụng, chân – theo hình thức nhóm

7.3.2. Cách tính điểm

A. Thang điểm đánh giá thi giữa kỳ

Thành tích	Điểm
------------	------

Có đủ 3 bài tập cho nhóm cơ: ngực, lưng xô	3
Thực hiện đủ số lần 8-10	3
Có đủ 6 động tác	2
Động tác chuẩn, dứt khoát.	2

B. Thang điểm đánh giá thi cuối kỳ

Thành tích	Điểm
Có đủ 6 bài tập nhóm cơ: ngực, vai, tay, lưng xô, bụng, chân	3
Thực hiện đủ số lần 8-10	3
Có đủ 12 động tác	2
Động tác chuẩn, dứt khoát.	2

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

THỂ HÌNH 2

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học:

- Tên tiếng Việt: Thể hình
- Tên tiếng Anh: Gymnastics

1.2. Mã môn học: TH2

1.3. Môn học thuộc khối kiến thức: Đại cương

1.4. Số tín chỉ: 03 tín chỉ

1.5. Trình độ: Nâng cao

1.6. Điều kiện tiên quyết: Không

- Môn học trước: Giáo dục thể chất 1
- Môn học song hành: Không

1.7. Phân bố thời gian: 45 tiết

- Kiến thức: 06 tiết
- Kỹ năng vận động: 39 tiết
- Kiểm tra: 06 tiết

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG MÔN HỌC

2.1. Kiến thức

- Sinh viên hiểu biết và nhận diện về môn Gym: Các bài tập tăng cơ, giảm mỡ. Hiểu biết về dinh dưỡng, lên thực đơn khoa học
- Nắm vững được tác dụng môn học để luyện tập, cải thiện sức khỏe và tự rèn luyện bản thân.

2.2. Kỹ năng vận động

- Biết cách tự khởi động và biên soạn 1 bài thể dục phát triển chung để rèn luyện sức khỏe
- Biết cách lên thực đơn ăn uống khoa học

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

3.1. Mục tiêu chung

Truyền đạt đến với người học về sự ảnh hưởng của việc tập luyện TDTT đối với sức khỏe con người; vai trò của GDTC trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; Các nguyên tắc tập luyện trong TDTT; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu môn thể hình.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- Sinh viên hiểu biết và nhận diện về môn Gym. Nắm vững được vai trò - tác dụng môn học để luyện tập và cải thiện sức khỏe.

- Hiểu về kiến thức dinh dưỡng, nhịp thở.

3.2.2. Kỹ năng

- Biết cách tự khởi động và biên soạn 1 bài thể dục phát triển chung để rèn luyện sức khỏe.

- Biết cách lên thực đơn cho từng đối tượng khác nhau.

- Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn.

Nhóm cơ ngực:

+ Đẩy ngực với tạ đơn (Dumbbell bench press)

+ Đẩy ngực với xà kép (DIP)

Nhóm cơ vai:

+ Đẩy vai với tạ đơn trên ghế (Seated dumbbell press)

+ Bay vai ngang (Lateral raise)

Nhóm cơ lưng xô:

+ Ngồi kéo cáp (Seat cable row)

+ Đứng kéo thanh tạ ngược tay (Reverse grip bent-over rows)

Nhóm cơ tay:

+ Đứng cúi người chèo tạ đơn (Standing bent-over two arm dumbbell)

+ Ngồi đẩy tạ sau đầu 1 tay (Unilateral Overhead Triceps)

3.2.3. Thái độ hành vi

Qua quá trình tham gia học tập, rèn luyện sinh viên hình thành và phát triển các phẩm chất: Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, ý thức tự giác, tích cực học tập và rèn luyện TĐTT; có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong tập luyện; có thói quen tập luyện TĐTT thường xuyên để nâng cao sức khỏe.

4. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI SINH VIÊN

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

- Tham dự đầy đủ các buổi học và thi tại lớp.

- Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của môn học.

- Thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tích cực tập luyện các nội dung môn học.

- Mặc đồng phục thể thao lên lớp.

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp giảng dạy
1	- Giới thiệu môn học: + Mục đích, ý nghĩa, tác dụng của môn thể hình (Gym). + Những yêu cầu trong quá trình tập luyện thể hình.	1-3	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan

2	- Phương pháp rèn luyện các tổ chất thể lực. - Phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao (TDTT). - Phổ biến kiến thức dinh dưỡng trong TDTT và đời sống.	4-6	- Phương pháp sử dụng ngôn ngữ - Phương pháp trực quan - Phương pháp tập trung chú ý
3	- Nhóm cơ ngực: ngực trên, ngực giữa, ngực dưới - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Các động tác căng cơ thả lỏng	7-9	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
4	- Nhóm cơ lưng xô: lưng, xô - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Hướng dẫn các bài tập bổ trợ tại nhà	10-12	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp tập trung chú ý - Phương pháp luyện tập thả lỏng
5	- Nhóm cơ chân: cơ mông, cơ đùi, cơ bắp chân - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Các bài tập phát triển sức mạnh toàn thân	13-15	- Phương pháp trực quan - Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập thả lỏng
6	- Ôn luyện bài tập nhóm cơ: ngực, lưng xô - Ôn lại kiến thức dinh dưỡng	16-18	- Phương pháp phòng ngừa và sửa chữa động tác sai - Phương pháp luyện tập tuần hoàn - Phương pháp luyện tập lặp lại
7	- Ôn lại các bài tập nhóm cơ chân - Hướng dẫn bài kiểm tra giữa kỳ - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn	19-21	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp luyện tập thả lỏng
8	Kiểm tra giữa kỳ - Các bài tập phát triển cơ ngực, lưng xô - Kiến thức dinh dưỡng	22-24	- Phương pháp kiểm tra sự phạm
9	- Nhóm cơ vai: vai trước, vai giữa, vai sau, cầu vai - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Các động tác căng cơ thả lỏng	25-27	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân chia - Phương pháp luyện tập thả lỏng
10	- Nhóm cơ tay: tay trước, tay sau, cẳng tay - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Hướng dẫn các bài tập hồi phục cơ	28-30	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
11	- Nhóm cơ bụng: bụng trên, bụng dưới - Các bài tập cardio - Giảng dạy kỹ thuật hít thở - Bài tập phát triển thể lực chung	31-33	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
12	- Ôn luyện bài tập nhóm cơ: chân, bụng - Các động tác căng cơ thả lỏng	34-36	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
13	- Ôn luyện bài tập nhóm cơ: tay, vai - Các động tác căng cơ thả lỏng	37-39	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng

14	- Ôn tập nội dung thi - Hướng dẫn ôn tập lý thuyết chung và chuyên môn - Hướng dẫn cách thức thi	40-42	- Phương pháp luyện tập lặp lại - Phương pháp hoàn chỉnh và phân giải - Phương pháp luyện tập thả lỏng
15	- Kiểm tra kết thúc - Bài thể dục phát triển toàn thân các nhóm cơ: ngực, vai, tay, lưng xô, bụng, chân	43-45	- Phương pháp kiểm tra sự phạm

6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Dinh dưỡng học; Trường ĐH Khoa Y Phạm Ngọc Thạch, nhà xuất bản Y học.
- Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
- Vũ Phương Liên, Vũ Phong Túc, Mai Văn Quang, *Khảo sát chỉ số nhân trắc của người tập gym tại cơ sở tập GYM NEW TIME – THANH XUÂN HÀ NỘI 2020*.

7. ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC MÔN HỌC

7.1. Thang điểm: theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5. Điểm đạt tối thiểu: 5

7.2. Hình thức và tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Thời điểm kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ (%)	Số điểm	Tiêu chí đánh giá
Chuyên cần (CC)	Suốt quá trình học tập	10%	1 điểm	Vắng 10% số tiết: Trừ 0,5 điểm Vắng 20% số tiết: Trừ 1 điểm Vắng trên 20% số tiết: Cấm thi
Kiểm tra giữa kỳ (KTGK)	Tuần 8	30%	3 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá kiểm tra giữa kỳ của từng nội dung quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Thi kết thúc môn học (KTMH)	Cuối học kỳ	60%	6 điểm	Thực hiện theo thang điểm đánh giá của từng nội dung thi quy định trong đề cương chi tiết môn học.
Tổng cộng		100%	10 điểm	

7.3. Thang điểm đánh giá thi kết thúc môn thể hình:

7.3.1. Tổ chức và phương thức kiểm tra

- Kiểm tra các bài tập phát triển nhóm cơ: ngực, lưng xô.
- Kiểm tra kiến thức về dinh dưỡng thể thao.
- Kiểm tra bài thể dục phát triển toàn thân các nhóm cơ: ngực, vai, tay, lưng xô, bụng, chân – theo hình thức nhóm.

7.3.2. Cách tính điểm

A. Thang điểm đánh giá thi giữa kỳ:

Thực hành

Thành tích	Điểm
Có đủ 3 bài tập cho nhóm cơ: ngực, lưng xô	3
Thực hiện đủ số lần 8-10	3
Có đủ 6 động tác	2
Động tác chuẩn, dứt khoát.	2

Lý thuyết: Bài kiểm tra trắc nghiệm kiến thức dinh dưỡng: 10 điểm

B. Thang điểm đánh giá thi cuối kỳ

Thành tích	Điểm
Có đủ 6 bài tập nhóm cơ: ngực, vai, tay, lưng xô, bụng, chân	3
Thực hiện đủ số lần 8-10	3
Có đủ 12 động tác	2
Động tác chuẩn, dứt khoát.	2